

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HÀ ĐỖ QUYÊN

**VĂN HÓA GIẢI TRÍ CỦA NGƯỜI CAO TUỔI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI HIỆN NAY
(QUA KHẢO SÁT Ở QUẬN HOÀN KIẾM, QUẬN CẦU GIẤY
VÀ HUYỆN CHƯƠNG MỸ)**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: VĂN HÓA HỌC**



HÀ NỘI - 2025

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HÀ ĐỖ QUYÊN

VĂN HÓA GIẢI TRÍ CỦA NGƯỜI CAO TUỔI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI HIỆN NAY
(QUA KHẢO SÁT Ở QUẬN HOÀN KIẾM, QUẬN CẦU GIẤY
VÀ HUYỆN CHƯƠNG MỸ)

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: VĂN HÓA HỌC
Mã số: 9229040

Người hướng dẫn khoa học: PGS, TS. NGUYỄN TOÀN THẮNG

HÀ NỘI - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng, được trích dẫn đầy đủ theo quy định. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan này.

Tác giả luận án

A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized, cursive letters, likely representing the author's name.

Hà Đỗ Quyên

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN NGHIÊN CỨU VĂN HÓA GIẢI TRÍ CỦA NGƯỜI CAO TUỔI ..	9
1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài	9
1.2. Cơ sở lý luận về văn hóa giải trí của người cao tuổi.....	33
CHƯƠNG 2. NHẬN DIỆN VĂN HÓA GIẢI TRÍ CỦA NGƯỜI CAO TUỔI THÀNH PHỐ HÀ NỘI.....	63
2.1. Khái quát về thành phố Hà Nội và người cao tuổi thành phố Hà Nội	63
2.2. Thực trạng văn hóa giải trí của người cao tuổi tại thành phố Hà Nội hiện nay.	78
2.3. Đặc điểm văn hóa giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội hiện nay	118
CHƯƠNG 3. BÀN LUẬN VỀ VĂN HÓA GIẢI TRÍ CỦA NGƯỜI CAO TUỔI THÀNH PHỐ HÀ NỘI HIỆN NAY	127
3.1. Các yếu tố tác động tới văn hóa giải trí của người cao tuổi thành phố Hà Nội ...	127
3.2. Xu thế phát triển văn hóa giải trí của người cao tuổi thành phố Hà Nội	137
3.3. Một số vấn đề đặt ra và khuyến nghị góp phần phát triển văn hóa giải trí của người cao tuổi thành phố Hà Nội	147
KẾT LUẬN	162
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ.....	164
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	165
PHỤ LỤC.....	176

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1: So sánh sự giống và khác nhau giữa nghỉ ngơi, chơi và giải trí;.....	42
Bảng 2.1: Số người cao tuổi theo từng nhóm tuổi trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2019 - 2023	67
Bảng 2.2: Người cao tuổi Hà Nội phân theo giới tính giai đoạn 2019 - 2023	67
Bảng 2.3: Số người cao tuổi sống tại khu vực nông thôn và đô thị Hà Nội theo các nhóm tuổi giai đoạn 2019-2023	68
Bảng 2.4: Thống kê người cao tuổi tại quận Hoàn Kiếm năm 2019	69
Bảng 2.5: Thống kê người cao tuổi tại quận Cầu Giấy năm 2019.....	69
Bảng 2.6: Thống kê người cao tuổi tại huyện Chương Mỹ năm 2019	69
Bảng 3.1: Sự khác biệt giữa giải trí truyền thống và giải trí số	140

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1.1: Tháp nhu cầu của A. Maslow	34
Hình 1.2: Khung phân tích văn hóa giải trí.....	56
Hình 2.1: Tình trạng sức khỏe của người cao tuổi ở Hà Nội.....	71
Hình 2.2: Mức thu nhập của người cao tuổi tại địa bàn khảo sát	72
Hình 2.3: Đánh giá của người cao tuổi tại Hà Nội về vai trò của văn hóa giải trí....	79
Hình 2.4: Tỷ lệ người cao tuổi thực hiện hoạt động giải trí hằng ngày	80
Hình 2.5: Mục đích của người cao tuổi khi thực hiện các hoạt động giải trí.....	84
Hình 2.6: Lý do người cao tuổi lựa chọn các loại hình giải trí khác nhau.....	100
Hình 2.7: Mức độ đáp ứng nhu cầu giải trí của các thiết chế, trang thiết bị phục vụ giải trí	107
Hình 2.8: Khung thời gian thực hiện hoạt động giải trí của người cao tuổi	112
Hình 2.9: Lượng thời gian thực hiện hoạt động giải trí ở người cao tuổi.....	112
Hình 2.10: Địa điểm thực hiện hoạt động giải trí của người cao tuổi.....	114
Hình 2.11: Đối tượng thường tham gia thực hiện hoạt động giải trí cùng người cao tuổi.....	114
Hình 2.12: Mức chi hằng tháng của người cao tuổi cho hoạt động giải trí	116
Hình 2.13: Các hoạt động giải trí được người cao tuổi thực hiện thông qua thiết bị công nghệ	117
Hình 2.14: Thời gian người cao tuổi sử dụng thiết bị công nghệ để thực hiện hoạt động giải trí hằng ngày.....	117
Hình 3.1: Yếu tố ảnh hưởng tới lựa chọn loại hình giải trí của người cao tuổi	136

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Hiện nay, già hóa dân số là xu thế phổ biến tại nhiều quốc gia trên thế giới. Người cao tuổi và các vấn đề liên quan tới người cao tuổi đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều nhà khoa học, các cơ quan, tổ chức cả trong và ngoài nước, trong đó có vấn đề giải trí và văn hóa giải trí của người cao tuổi.

Ở nước ta, theo dự báo của Tổng cục Thống kê, đến năm 2050, số người cao tuổi sẽ chiếm hơn 25,35% dân số [58]; trở thành xã hội “già hóa dân cư”. Với tốc độ già hóa dân số tăng nhanh như hiện nay, cùng với tiềm lực kinh tế, xã hội còn hạn chế, đời sống của người cao tuổi ở nước ta còn gặp nhiều khó khăn cả về thể chất và tinh thần. Hơn thế, nguy cơ cô đơn, yếu thế của người cao tuổi không chỉ là gánh nặng của chính họ mà còn của gia đình, xã hội ngày càng lớn. Việc chăm sóc người cao tuổi không chỉ gói gọn trong chăm sóc sức khỏe thể chất mà còn là cả sức khỏe tinh thần. Bởi lẽ, người cao tuổi có khỏe mạnh về thể chất, thoải mái về tinh thần thì họ mới sống vui, sống khỏe, sống hạnh phúc và không trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội. Do đó, việc quan tâm, nghiên cứu văn hóa giải trí của người cao tuổi là một vấn đề cấp thiết trong xã hội hiện nay, đặc biệt là tại các thành phố đông dân cư như Hà Nội.

Trong những năm qua, việc nghiên cứu đời sống văn hóa của người cao tuổi ở nước ta nói chung, tại Hà Nội nói riêng dù đã được quan tâm, song vẫn còn khiêm tốn. Đặc biệt, các công trình nghiên cứu về văn hóa giải trí của người cao tuổi còn thưa vắng trong khi giải trí cũng là nhu cầu thiết yếu của người cao tuổi, bởi lẽ nhóm xã hội này cũng hội đủ các yếu tố (thời gian rỗi, ràng buộc trách nhiệm xã hội giảm bớt, có tích lũy tài chính...) để thực hành văn hóa giải trí. Chính vì vậy, rất cần thiết phải có thêm những nghiên cứu về văn hóa giải trí nói chung, văn hóa giải trí của người cao tuổi nói riêng.

Trên thực tế, văn hóa giải trí có vai trò to lớn, tác động đến đời sống văn hóa - xã hội - kinh tế của mỗi cá nhân, cộng đồng, quốc gia dân tộc; góp phần vào việc nâng cao chất lượng cuộc sống cũng như cải thiện sức khỏe tinh thần và

thể chất của người cao tuổi, giúp người cao tuổi chủ động, tích cực thích ứng với cuộc sống xã hội hiện đại. Vì vậy, việc thực hiện nghiên cứu văn hóa giải trí của người cao tuổi ngày càng trở nên cấp bách.

Hà Nội là thủ đô, là trung tâm kinh tế - văn hóa - xã hội của cả nước với tỷ lệ dân số là người cao tuổi ngày càng tăng nhanh. Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành nhiều chương trình, kế hoạch, đề án, chỉ thị về bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò của người cao tuổi thành phố. Đời sống vật chất và tinh thần của người cao tuổi Thủ đô từng bước được nâng lên. Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác người cao tuổi trên địa bàn thành phố vẫn tồn tại một số khó khăn, hạn chế. Trong thời gian tới, cùng với quá trình già hóa dân số diễn ra nhanh chóng, tuổi thọ bình quân ngày càng cao, lực lượng người cao tuổi ngày càng đông hơn. Với kinh nghiệm, bản lĩnh, trí tuệ và uy tín, người cao tuổi là nguồn lực to lớn và rất quý báu đối với sự phát triển của từng địa phương, Thủ đô và đất nước.

Bên cạnh đó, người cao tuổi là một nhóm xã hội đặc thù, là hiện thân và cũng là những “bảo tàng sống” lưu giữ các giá trị văn hóa qua nhiều thời kỳ lịch sử. Đời sống văn hóa của người cao tuổi nói chung, văn hóa giải trí của người cao tuổi nói riêng là sản phẩm kết tinh từ quá trình phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội do người cao tuổi tạo lập nên trên từng vùng địa bàn cư trú. Nghiên cứu văn hóa giải trí của người cao tuổi không chỉ giúp tìm hiểu, làm rõ nhu cầu, cách thức thực hiện mà qua đó còn giúp nhận biết được các giá trị mà người cao tuổi theo đuổi thông qua quá trình thực hành văn hóa giải trí.

Xuất phát từ những yêu cầu lý luận và thực tiễn cấp thiết trên đây, nghiên cứu sinh lựa chọn vấn đề *Văn hóa giải trí của người cao tuổi thành phố Hà Nội hiện nay (Qua khảo sát ở quận Hoàn Kiếm, quận Cầu Giấy và huyện Chương Mỹ)* làm đề tài luận án tiến sĩ chuyên ngành Văn hóa học. Luận án sẽ góp phần nhận diện văn hóa giải trí của người cao tuổi thành phố Hà Nội và gợi mở những vấn đề chính sách, khuyến nghị nâng cao văn hóa giải trí của người cao tuổi góp

phần xây dựng đời sống văn hóa Thủ đô cũng như nâng cao chất lượng cuộc sống cho người cao tuổi, góp phần vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trước mắt và lâu dài.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về văn hóa giải trí của người cao tuổi và đánh giá thực trạng văn hóa giải trí của người cao tuổi ở thành phố Hà Nội để chỉ ra đặc điểm, các yếu tố tác động, xu thế phát triển, từ đó có khuyến nghị góp phần phát triển văn hóa giải trí của người cao tuổi ở thành phố Hà Nội.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng quan nghiên cứu liên quan và hệ thống hóa cơ sở lý luận về văn hóa giải trí của người cao tuổi.
- Khảo sát, phân tích thực trạng văn hóa giải trí của người cao tuổi thành phố Hà Nội.
- Nghiên cứu làm rõ và phân tích các yếu tố tác động đến văn hóa giải trí của người cao tuổi.
- Chỉ rõ sự biến đổi, dự báo xu hướng phát triển và đưa ra các khuyến nghị nâng cao chất lượng văn hóa giải trí của người cao tuổi trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu: Văn hóa giải trí của người cao tuổi tại thành phố Hà Nội qua khảo sát ở 3 quận, huyện (Hoàn Kiếm, Cầu Giấy, Chương Mỹ).

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về phạm vi nội dung nghiên cứu: Luận án tập trung phân tích văn hóa giải trí của người cao tuổi tại thành phố Hà Nội, chủ yếu là các vấn đề: 1) Nhu cầu giải trí, 2) Hoạt động giải trí, 3) Thiết chế, thể chế, phương tiện giải trí và 4) Phương thức giải trí của người cao tuổi. Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, nghiên cứu sinh khảo sát văn hóa giải trí của nhóm người từ 60 tuổi trở lên, trong đó tập trung vào nhóm từ 60 - 75 tuổi do nhóm tuổi này đa phần vẫn còn sức khỏe thể chất và tinh thần tốt hơn các nhóm tuổi khác và họ có thể tham gia nhiều hoạt động; tham gia phỏng vấn và do nguồn lực của nghiên cứu còn hạn chế.

- Về không gian nghiên cứu: Luận án tiến hành khảo sát tại 3 quận, huyện: Hoàn Kiếm, Cầu Giấy, Chương Mỹ. Trong đó, quận Hoàn Kiếm là quận trung tâm, mang đậm chất Hà Nội, có nhiều cư dân gốc Hà Nội sinh sống. Quận Cầu Giấy là quận ven trung tâm, là khu vực đang phát triển mạnh, là nơi giao thoa giữa phố và làng, là nơi cư trú đan xen của người gốc Hà Nội và người nhập cư. Huyện Chương Mỹ là vùng ngoại ô, nơi mang đậm tính chất nông thôn Việt Nam đang trong giai đoạn chuyển đổi và đô thị hóa. Ba địa phương được lựa chọn nghiên cứu, khảo sát tuy chưa bao quát hết song cũng đảm bảo tính đại diện cả về mặt kinh tế, văn hóa và xã hội cho người cao tuổi tại các khu vực trong thành phố Hà Nội.

- Về thời gian nghiên cứu: Luận án nghiên cứu văn hóa giải trí của người cao tuổi trên địa bàn Hà Nội trong giai đoạn 2019-2024. Năm 2019 là tròn 10 năm thực hiện Luật Người cao tuổi, luật số 39/2009/QH12, do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành, đánh dấu những thành tựu nhất định của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong công cuộc chăm lo đời sống cho người cao tuổi. Trong giai đoạn 2019-2024, thế giới nói chung, Việt Nam nói riêng, phải đối mặt với đại dịch Covid-19 có tác động tới toàn thể các lĩnh vực trong đời sống như chính trị, kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục, xã hội..., trong đó có văn hóa giải trí.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc thời kỳ đổi mới, hội nhập quốc tế, các thành tựu lý luận trong nước và quốc tế về văn hóa giải trí và văn hóa giải trí người cao tuổi; lý thuyết nghiên cứu về nhu cầu (của A.Maslow) và lý thuyết thời gian rỗi (của G.Becker, Andora, Đoàn Văn Chúc, Hoàng Vinh, W.Torkaski, Schmitz Scherzer, Goerge T.Zarotis)...

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, nghiên cứu sinh sử dụng các phương pháp nghiên cứu của chuyên ngành văn hóa học và cách tiếp cận liên ngành thông qua các khái niệm, phạm trù và các kết quả

ngiên cứu của nhiều ngành khoa học như xã hội học, tâm lý học, nhân học... có liên quan vào nghiên cứu đề tài của luận án này. Cụ thể:

Thứ nhất, phương pháp logic - lịch sử.

Ngiên cứu sinh thực hiện phương pháp logic và lịch sử trên tinh thần duy vật biện chứng và duy vật lịch sử để nghiên cứu, suy luận và lý giải một cách khoa học về văn hóa giải trí người cao tuổi tại Hà Nội.

Thứ hai, phương pháp quan sát tham dự.

Ngiên cứu sinh vận dụng phương pháp quan sát tham dự để tiếp cận trực tiếp đối tượng nghiên cứu, đảm bảo tính chân thực, sinh động, khách quan. Trong quá trình thực hiện luận án, nghiên cứu sinh trực tiếp đi điền dã, gặp gỡ, tiếp xúc với các cư dân (chủ thể của văn giải trí), quan sát và cùng tham gia một số hoạt động văn hóa giải trí với họ tại 3 quận, huyện Hoàn Kiếm, Cầu Giấy và Chương Mỹ để nghiên cứu những biểu hiện của văn giải trí người cao tuổi tại nơi đây. Từ đó thu thập thông tin, luận giải và làm sáng tỏ các nội dung nghiên cứu.

Thứ ba, phương pháp phân tích, tổng hợp.

Ngiên cứu sinh phân tách văn hóa giải trí thành các bộ phận để nghiên cứu, tìm hiểu chi tiết, sau đó tổng hợp lại để có cái nhìn tổng thể về văn hóa giải trí nói chung, văn hóa giải trí của người cao tuổi thành phố Hà Nội nói riêng, rút ra các kết luận về vấn đề nghiên cứu.

Thứ tư, phương pháp nghiên cứu trường hợp.

Ngiên cứu sinh vận dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp (Case study) để thông qua nghiên cứu một vấn đề tiêu biểu để đánh giá chung về những trường hợp tương tự. Từ đó, tổng hợp, khái quát chung về vấn đề nghiên cứu. Nghiên cứu sinh sẽ nghiên cứu về văn hóa giải trí người cao tuổi tại 3 địa điểm (quận Hoàn Kiếm, quận Cầu Giấy, huyện Chương Mỹ) đại diện cho văn hóa giải trí người cao tuổi ở Hà Nội hiện nay.

Thứ năm, phương pháp điều tra xã hội học.

Ngiên cứu sinh vận dụng đồng thời bảng hỏi và đối thoại, phỏng vấn sâu với đối tượng nghiên cứu nhằm thăm dò ý kiến, trao đổi để thu thập hệ thống số liệu cần thiết để đánh giá thực trạng vấn đề nghiên cứu (định lượng và định tính).

Để thu thập thông tin, nghiên cứu sinh sử dụng 400 phiếu điều tra; mỗi phiếu gồm 20 chỉ tiêu, số lượng 400 phiếu, được thực hiện đối với người từ 60 tuổi trở lên trên địa bàn quận Hoàn Kiếm, quận Cầu Giấy, huyện Chương Mỹ (50,3% từ 60-70 tuổi; 42,6% từ 70-80 tuổi và 7,2% từ 80 tuổi trở lên), thuộc các giới tính (57,4% nữ; 42,6% nam), hoàn cảnh xã hội khác nhau nhằm đạt được sự đa dạng, phổ quát trong nguồn thông tin. Số phiếu được phát ngẫu nhiên cho người cao tuổi tại ba địa bàn khảo sát, cụ thể: Quận Hoàn Kiếm và quận Cầu Giấy: 150 phiếu; huyện Chương Mỹ: 100 phiếu. Nghiên cứu sinh đã sử dụng các phiếu khảo sát bản cứng, kết nối với chính quyền và hội Người cao tuổi tại các địa phương để thực hiện điều tra, khảo sát về văn hóa giải trí của người cao tuổi thành phố Hà Nội. Tại ba địa phương khảo sát, nghiên cứu sinh đã nhận được sự hỗ trợ của chính quyền địa phương, Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam và các chi hội Người cao tuổi tại địa phương trong quá trình kết nối, gặp gỡ, phát phiếu khảo sát và thu thập thông tin từ người cao tuổi. Việc phát phiếu khảo sát được tiến hành từ tháng 10 năm 2023 đến tháng 6 năm 2024. Số phiếu phát ra là 400 phiếu; số phiếu thu về là 400 phiếu; số phiếu hợp lệ là 378 phiếu. Các phiếu hợp lệ sau khi thu về được xử lý, thống kê, phân tích số liệu, đánh giá, phục vụ việc nghiên cứu.

Thứ sáu, phương pháp phỏng vấn sâu.

Ngoài ra, nghiên cứu sinh còn thực hiện các phỏng vấn sâu đối với người cao tuổi để tìm hiểu về nhu cầu, sở thích, hoạt động, phương thức thực hiện văn hóa giải trí của họ (chủ yếu tại quận Hoàn Kiếm, quận Cầu Giấy, huyện Chương Mỹ). Đối với phương pháp này, nghiên cứu sinh lựa chọn 26 đối tượng phỏng vấn có tính chất đại diện cho từng nhóm đối tượng theo các độ tuổi, điều kiện, hoàn cảnh sống, trình độ, sức khỏe khác nhau để tìm hiểu rõ hơn văn hóa giải trí của người cao tuổi. Nghiên cứu sinh đã đến nhà, trụ sở chi hội Người cao tuổi tại các địa phương để gặp gỡ và phỏng vấn sâu các đối tượng nghiên cứu. Nội dung phỏng vấn sâu tập trung vào nhu cầu, mục tiêu, cách thức và ý nghĩa của văn hóa giải trí đối với người cao tuổi tại các địa bàn nghiên cứu. Ngoài ra, nghiên cứu sinh còn lựa chọn phỏng vấn những cán bộ làm công tác văn hóa, cán bộ làm công

tác người cao tuổi ở các cấp, người thân trong gia đình người cao tuổi nhằm tìm hiểu rõ hơn về đời sống sinh hoạt, đời sống văn hóa của người cao tuổi trên địa bàn nghiên cứu. Bên cạnh đó, nghiên cứu sinh còn lựa chọn một số chuyên gia trong lĩnh vực Văn hóa học để phỏng vấn; thông qua ý kiến góp ý của họ để xem xét, nhận định bản chất, xu hướng phát triển của đối tượng nghiên cứu.

Thứ bảy, phương pháp so sánh.

Phương pháp so sánh giúp nghiên cứu sinh tìm hiểu được đặc điểm, bản chất của đối tượng nghiên cứu, các số liệu được tổng hợp từ kết quả khảo sát tại ba địa bàn nghiên cứu là căn cứ dữ liệu cho việc so sánh. Qua đó, nghiên cứu sinh tìm ra những sự tương đồng và khác biệt giữa văn hóa giải trí của người cao tuổi tại 3 địa bàn nghiên cứu (quận Hoàn Kiếm, quận Cầu Giấy, huyện Chương Mỹ); tìm ra được những mặt tích cực, hạn chế và nguyên nhân của những vấn đề đó trong thực hành văn hóa giải trí của người cao tuổi thành phố Hà Nội. Phương pháp này giúp nghiên cứu sinh làm rõ được sự khác biệt trong văn hóa giải trí của người cao tuổi và văn hóa giải trí của các nhóm đối tượng khác, tìm ra nét riêng, đặc trưng trong văn hóa giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội.

5. Câu hỏi nghiên cứu

- Câu hỏi nghiên cứu 1: Văn hóa giải trí được tạo nên bởi những thành tố nào?
- Câu hỏi nghiên cứu 2: Thực trạng văn hóa giải trí của người cao tuổi ở Hà Nội hiện nay là gì? Văn hóa giải trí của người cao tuổi thành phố Hà Nội có những đặc điểm gì?
- Câu hỏi nghiên cứu 3: Những yếu tố tác động tới văn hóa giải trí của người cao tuổi tại thành phố Hà Nội hiện nay? Xu thế phát triển văn hóa giải trí của người cao tuổi ở Hà Nội trong thời gian tới?

6. Giả thuyết nghiên cứu

- Giả thuyết nghiên cứu 1: Văn hóa giải trí là một bộ phận của nền văn hóa dân tộc; đó là một tổng thể gồm nhiều yếu tố cấu thành.
- Giả thuyết nghiên cứu 2: Văn hóa giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội đa dạng, phong phú; được biểu hiện qua các mặt, các khía cạnh khác nhau. Văn hóa giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội có những nét đặc trưng riêng biệt.

- Giả thuyết nghiên cứu 3: Văn hóa giải trí của người cao tuổi thành phố Hà Nội chịu tác động của nhiều yếu tố khác nhau. Văn hóa giải trí của người cao tuổi nói chung, văn hóa giải trí của người cao tuổi tại thành phố Hà Nội nói riêng, có sự vận động, biến đổi qua thời gian; trong tương lai sẽ có nhiều triển vọng phát triển.

7. Đóng góp mới của luận án

7.1. Đóng góp về lý luận

Luận án làm rõ khái niệm, cấu trúc, đặc trưng và vai trò của văn hóa giải trí của người cao tuổi, góp phần bổ sung và làm phong phú kho tàng lý luận về văn hóa giải trí ở nước ta hiện nay.

7.2. Đóng góp về thực tiễn

Luận án phân tích, chỉ rõ thực trạng và đặc điểm của văn hóa giải trí của người cao tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay; làm rõ sự khác biệt trong văn hóa giải trí của người cao tuổi tại các địa bàn nghiên cứu cũng như những điểm tích cực, hạn chế và những vấn đề đặt ra trong thực hành văn hóa giải trí của nhóm đối tượng này. Các kết quả nghiên cứu sẽ mang lại giá trị tham khảo cho cơ quan chức năng, các tổ chức chính trị - xã hội và chính bản thân người cao tuổi trên địa bàn Hà Nội trong việc hoạch định chính sách nhằm phát triển văn hóa giải trí của người cao tuổi; bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò của người cao tuổi; đồng thời góp phần vào nâng cao chất lượng cuộc sống; xây dựng đời sống văn hóa của người cao tuổi ở Hà Nội trong những năm tới.

8. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận án gồm 3 chương, 7 tiết, cụ thể:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan và cơ sở lý luận nghiên cứu văn hóa giải trí của người cao tuổi.

Chương 2: Nhận diện văn hóa giải trí của người cao tuổi thành phố Hà Nội.

Chương 3: Bàn luận về văn hóa giải trí của người cao tuổi thành phố Hà Nội hiện nay.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN NGHIÊN CỨU VĂN HÓA GIẢI TRÍ CỦA NGƯỜI CAO TUỔI

1.1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về người cao tuổi và văn hóa giải trí của người cao tuổi

1.1.1.1. Các công trình nghiên cứu về người cao tuổi

- Các công trình nghiên cứu trên thế giới

Già hóa dân số là xu thế đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, làm gia tăng số lượng người cao tuổi ở các nước. Từ nhiều năm nay, trên thế giới đã có cơ quan khoa học, các tổ chức xã hội nghiên cứu về người cao tuổi trên nhiều phương diện, đặc biệt là về những đặc điểm thể chất, sức khỏe, tâm lý, nhu cầu, đời sống, vai trò của người cao tuổi trong đời sống xã hội. Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu, các công trình về người cao tuổi trên thế giới đều hướng tới mục tiêu chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần cho người cao tuổi; hoàn thiện các chính sách đối với người cao tuổi nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của họ. Các công trình nghiên cứu về người cao tuổi trên thế giới rất nhiều, có thể phân thành một số nhóm công trình liên quan tới đề tài luận án sau:

** Nhóm các công trình nghiên cứu về sức khỏe thể chất và tinh thần của người cao tuổi*

Có thể kể tới các công trình *The functional assessment of elderly people* (Đánh giá chức năng của người cao tuổi) của M.Powel Lawton (1971), *Mobility of older people and their quality of life* (Khả năng vận động của người cao tuổi và chất lượng cuộc sống) của D.H.Metz (2000), *Loneliness and the health of older people* (Sự cô đơn và sức khỏe của người cao tuổi) của Conor Ó Luanaigh và Brian A. Lawlor (2006), *Physical activity in older people: a systematic review* (Các hoạt động thể chất của người cao tuổi: Một đánh giá hệ thống) của Fei Sun, Ian J.Normal và Alison E. (2013), *Health problems among the elderly:*

A cross sectional study (Các vấn đề sức khỏe ở người già: Một lát cắt nghiên cứu) của R.P.Thakur (2013), *Elderly mental health: Needs* (Sức khỏe tinh thần của người cao tuổi: Các nhu cầu) của Shubhangi R.Parkar (2015), *Health of the nation outcome scales for elderly people* (Thang đo kết quả sức khỏe quốc gia cho người cao tuổi) của Alistairs Burns (2018)... Các công trình này đã làm rõ các đặc điểm, những biến đổi thể chất của người cao tuổi khi bước sang giai đoạn tuổi già trên nhiều góc độ.

** Nhóm các công trình nghiên cứu về đặc điểm tâm lý của người cao tuổi*

Ở giai đoạn lão hóa, người cao tuổi đối mặt với sự thay đổi về thể chất, tinh thần; lúc này, họ đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm sống, có tích lũy tài chính, thời gian nhàn rỗi; đồng thời đây cũng là giai đoạn mà con cháu họ đã trưởng thành, mối liên hệ giữa các thế hệ trong gia đình, đặc biệt là trong các xã hội hiện đại, trở nên lỏng lẻo hơn. Vì vậy, ở giai đoạn này, người cao tuổi có những đặc điểm tâm lý khác biệt, là chủ đề được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Có thể kể tới các công trình của các tác giả như: *Psychological distress among the community elderly: Prevalence, characteristics and implications for service* (Căng thẳng tâm lý ở người cao tuổi trong cộng đồng: Tỷ lệ mắc bệnh, đặc điểm và ý nghĩa đối với dịch vụ) của Ruby B.Abrahams và Robert D.Patterson (1979), Ann Bowling (1998), Martin Pinquart (2000), D.IA.Raigorodski (2004), *Risk factors for anxiety and depression in the elderly: A review* (Các yếu tố nguy cơ gây lo âu và trầm cảm ở người cao tuổi: Một đánh giá) của Dagmar Vink, Marja J. Aartsen, Robert A.Schoevers (2008)...

** Nhóm các công trình nghiên cứu về chất lượng cuộc sống của người cao tuổi*

Chất lượng cuộc sống của người cao tuổi là một vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới quan tâm. Bởi lẽ già hóa dân số là xu thế không thể đảo ngược, diễn ra ngày càng nhanh, mạnh trên toàn thế giới. Già hóa dân số một mặt phản ánh sự phát triển kinh tế, xã hội, chăm sóc y tế... đối với người cao tuổi, mặt khác già hóa dân số cũng đặt ra nhiều vấn đề thách thức đối với các quốc gia trong quá trình phát triển. Trên cơ sở tiếp cận quan điểm của người cao tuổi về chất lượng cuộc sống, sự khác biệt với nhóm người trẻ tuổi, các nhà

ngiên cứu và nhà khoa học, các nhà hoạch định chính sách và các chuyên gia thảo luận về chất lượng sống của người cao tuổi. Nổi bật là công trình nghiên cứu của các tác giả: *Quality of life and older people* (Chất lượng cuộc sống người cao tuổi) của John Born, Lynn Corner (2004), *Quality of life in old age: International and multi-disciplinary perspectives* (Chất lượng cuộc sống của người cao tuổi: quan điểm quốc tế và đa ngành) của Heidrun Mollenkopf, Allan Walker (2007), *Quality of lives in older ages* (Chất lượng cuộc sống của người cao tuổi) của Gopal Neutveli và David Blane (2008)...

- *Các công trình nghiên cứu ở Việt Nam*

Ở Việt Nam, những năm gần đây, vấn đề người cao tuổi ngày càng được quan tâm, chú ý. Nhiều cơ quan, tổ chức, viện nghiên cứu có các công trình về người cao tuổi như Viện Bảo vệ sức khỏe người cao tuổi (Bộ Y tế), Viện Xã hội học, Trung tâm Dân số và phát triển, Trung tâm Nghiên cứu và trợ giúp người cao tuổi (Hội Chữ thập đỏ Việt Nam), các trung tâm bảo trợ xã hội (Bộ Lao động, thương binh và xã hội)... Các cơ quan trên đây đã phối hợp hoặc độc lập mở các cuộc điều tra về người cao tuổi nhằm đưa ra một hệ thống an sinh xã hội bảo đảm cho người cao tuổi, hoặc tổ chức các hội thảo, tọa đàm bàn về các vấn đề của người cao tuổi tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau. Đáng chú ý là các công trình sau:

* *Nhóm các công trình nghiên cứu về sức khỏe, đặc điểm thể chất và tinh thần của người cao tuổi tại Việt Nam*

Có thể kể đến các công trình như: *Hành vi sống khỏe của người cao tuổi* của Trần Thị Thanh (2005), *Gia đình với người cao tuổi* của Trịnh Hùng Cường, Nguyễn Thị Bích Diễm (2010), luận án tiến sĩ *Nghiên cứu thực trạng hạn chế hoạt động sinh hoạt hàng ngày của người cao tuổi, một số yếu tố ảnh hưởng và thử nghiệm giải pháp can thiệp dự phòng* của Phạm Ngân Giang (2012), *Hoạt động tự chăm sóc sức khỏe tâm thần của người cao tuổi tại cộng đồng* của Hoàng Mộc Lan, Trịnh Thị Linh (chủ biên), *Già sao cho sống* của Đỗ Hồng Ngọc (2019), *Người cao tuổi và sức khỏe tại Việt Nam* của Vũ Công Nguyên, Trần Thị Mai, Đặng Thùy Linh (2020)... Tiếp nối những phân tích trước đây về già hóa dân số ở Việt Nam, Tổng cục Thống kê đã được xây dựng, sử dụng số

liệu của cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 và các năm trước đó. Kết quả phân tích cho thấy xu hướng già hóa dân số tiếp tục diễn ra với tốc độ nhanh chóng ở Việt Nam, đòi hỏi phải có những chính sách và chương trình thích ứng với xu hướng nhân khẩu học này. Các phân tích cũng chỉ ra các đặc điểm của nhóm dân số cao tuổi và đưa ra những gợi ý chính sách cho Việt Nam đáp ứng với các nhu cầu đặc thù của người cao tuổi, đảm bảo người cao tuổi được chăm sóc và phát huy như một nguồn lực và đóng góp tốt nhất tới sự tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội tại Việt Nam [58].

** Nhóm các công trình nghiên cứu về chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi ở Việt Nam*

Từ xưa tới nay, người cao tuổi luôn luôn có vị trí quan trọng trong đời sống văn hóa, xã hội ở nước ta. Quan tâm, chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi - trụ cột tinh thần của gia đình, xã hội luôn là điều được các nhà nghiên cứu quan tâm. Có thể kể đến công trình của các tác giả: *Thực trạng người cao tuổi và các giải pháp nâng cao chất lượng chăm sóc người cao tuổi ở Hà Tây* của Nguyễn Xuân Cường và Lê Trung Sơn (2003), *Ứng xử với người cao tuổi trong gia đình* của Phạm Kim Lân (2005), *Người cao tuổi và các mô hình chăm sóc người cao tuổi ở Việt Nam* của Đặng Vũ Cảnh Linh (2009), *Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam: Thực trạng, dự báo và một số khuyến nghị* của Phạm Vũ Hoàng (2011), *Báo cáo chung tổng quan ngành y tế 2016: Hướng tới mục tiêu già hóa khỏe mạnh ở Việt Nam* của Phạm Trọng Thanh, Trần Văn Tiến, Bales Sarah, Trần Khánh Toàn, Dương Đức Thiện (2018), *Mô hình liên thế hệ tự giúp nhau của người cao tuổi và vai trò của công tác xã hội (Nghiên cứu trường hợp huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa* của Nguyễn Văn Đồng (2019), *Xu thế già hóa dân số ở nước ta và vấn đề chăm sóc sức khỏe, sử dụng người lao động cao tuổi* của Trịnh Thị Thu Hiền (2020)...

** Nhóm các công trình nghiên cứu về nhu cầu của người cao tuổi và đời sống của người cao tuổi tại Việt Nam*

Tại hướng nghiên cứu này có các công trình tiêu biểu: *Động cơ tiếp tục hoạt động lao động của người về hưu ở Hà Nội* của Hoàng Mộc Lan (2006),

Thực trạng đời sống người cao tuổi từ 80 trở lên của Nguyễn Thế Huệ (2010), Người cao tuổi trong gia đình Việt Nam trong bối cảnh già hóa dân số và biến đổi xã hội của Lê Ngọc Lâm (2017), Nhóm yếu thế trong bối cảnh xã hội Việt Nam chuyển đổi của nhóm tác giả Nguyễn Đức Chiên, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Đình Khoa (2018), Giá trị sống của người già Việt Nam của Nguyễn Đắc Tuân (2020)...

1.1.1.2. Các công trình nghiên cứu về giải trí và văn hóa giải trí

- Các công trình nghiên cứu trên thế giới

Ngay từ thời cổ đại, nhu cầu giải trí là nhu cầu văn hóa cơ bản, tất yếu của con người, tạo điều kiện để con người thoát khỏi ràng buộc vật chất của lao động bắt buộc, để vươn tới sự tự do bên trong về phương diện tinh thần. Hoạt động giải trí không chỉ đáp ứng nhu cầu giải trí, giảm áp lực, căng thẳng cho con người mà còn có ý nghĩa to lớn về mặt thể chất và văn hóa - xã hội của mỗi cá nhân, cộng đồng. Do vậy, giải trí đã nhận được sự quan tâm nghiên cứu của nhiều nhà khoa học trên thế giới, đặc biệt trong các xã hội công nghiệp và hiện đại.

**** Các công trình nghiên cứu trên thế giới về giải trí***

Khái niệm giải trí và thời gian rỗi đã được A.Duncan trình bày tại Hội nghị mùa Xuân, Đại học Queen (Canada) từ năm 1963. Theo ông, thời gian rỗi là yếu tố cốt lõi để con người thực hành hoạt động giải trí. Thời gian rỗi không phải là thời gian lười biếng, thời gian không làm việc mà đó là khoảng thời gian tự do đúng nghĩa của mỗi con người. Trong thời gian rỗi, mỗi cá nhân cho mình cơ hội để phát triển tất cả những năng lực tiềm ẩn thông qua các hoạt động giải trí, với tư cách là con người toàn diện. Trên cơ sở đó, họ phát kiến, tiếp cận các hoạt động giải trí với tinh thần đúng đắn, niềm say mê và toàn bộ năng lực của mình; từ đó, tìm thấy sự thỏa mãn, hài lòng lâu dài [73].

Lawren H.O'Brien và các cộng sự không đưa ra khái niệm cụ thể về giải trí nhưng chỉ ra hai yếu tố cơ bản khiến con người thực hành hoạt động giải trí, đó là sự hứng thú của cá nhân đối với các hoạt động giải trí và nhận thức của cá nhân về các khó khăn về mặt thể chất và xã hội ảnh hưởng tới việc tham gia vào các hoạt động giải trí. Theo các tác giả, giải trí gắn liền với sự thỏa mãn nội tại

của mỗi cá nhân. Trên cơ sở nghiên cứu thực nghiệm, Lawren và các cộng sự đã đề xuất một khung lý thuyết để khái niệm hóa các khía cạnh thỏa mãn nội tại của các hoạt động giải trí [100].

Theo Sheppo E.Iso-Asola, lĩnh vực nghiên cứu giải trí đã sử dụng phương pháp thực nghiệm để khám phá các yếu tố cấu thành cơ bản của giải trí. Dựa trên các mô hình lý thuyết của Kelly (1972) và Neulinger (1974), nghiên cứu hiện tại đã tìm cách xác định những đóng góp tương đối của tự do nhận thức (thấp so với cao), động lực (nội tại so với bên ngoài) và mối quan hệ công việc (thấp so với cao) đến nhận thức của nam và nữ sinh viên đại học về giải trí. Đầu tiên, kết quả cho thấy rằng mỗi yếu tố có ảnh hưởng đáng kể đến phản ứng của các đối tượng, do đó gợi ý rằng tự do, động lực và mối quan hệ công việc đều đóng góp một cách độc lập và bổ sung vào định nghĩa về giải trí của các đối tượng. Nhưng kết quả cũng tiết lộ rằng mối quan hệ công việc và tự do phụ thuộc lẫn nhau trong ảnh hưởng của chúng đối với nhận thức về thời gian rảnh rỗi của các đối tượng. Sự khác biệt giới tính tiếp tục xác định những phát hiện này ở chỗ các tác động tương tác của tự do và quan hệ công việc là đúng đối với những người được hỏi là nam nhưng không đúng khi nhận thức của các đối tượng nữ tham gia khảo sát [110, tr.28-39].

Theo Robert A.Stebbins, giải trí không đối lập với công việc. Ông phân giải trí thành ba dạng cơ bản là giải trí nghiêm túc, giải trí nghiệp dư và giải trí theo dự án; làm rõ sự khác biệt của những loại hình giải trí này. Theo ông, giải trí nghiêm túc là việc theo đuổi một cách có hệ thống một hoạt động nghiệp dư, người có sở thích hoặc hoạt động tình nguyện mà những người tham gia thấy đáng kể và thú vị đến mức, trong trường hợp điển hình, họ bắt đầu sự nghiệp tập trung vào việc thu thập và thể hiện các kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm đặc biệt của mình. Đồng thời, ông phân tích mối quan hệ giữa giải trí nghiêm túc và công việc nhằm xem xét các tác động của giải trí đối với đời sống xã hội và thực tiễn [108, tr.448-456].

Năm 1985, Susan M.Shaw đã chỉ ra một trong những vấn đề đang diễn ra xung quanh toàn bộ lĩnh vực nghiên cứu giải trí liên quan đến việc khái niệm hóa bản thân thuật ngữ giải trí. Rất ít nghiên cứu thực nghiệm cho đến thời điểm đó

đã xem xét ý nghĩa của thời gian rảnh rỗi, và thậm chí còn hiếm nghiên cứu đã kết hợp cách tiếp cận lý thuyết có cơ sở. Susan sử dụng khung tương tác mang tính biểu tượng, nghiên cứu hiện tại sử dụng kỹ thuật nhật ký thời gian kết hợp với phỏng vấn sâu để khám phá nhận thức về các tình huống giải trí giữa một mẫu ngẫu nhiên gồm các cặp vợ chồng. Kết quả cho thấy rằng mặc dù có thể trải nghiệm sự thư giãn trong hầu hết mọi loại hoạt động, nhưng vẫn có sự đồng thuận đáng kể về các yếu tố nhận thức liên quan đến các tình huống giải trí. Các yếu tố được chỉ ra để phân biệt tốt nhất giữa giải trí và không giải trí là sự thích thú, tự do lựa chọn, thư giãn, động lực nội tại và sự thiếu đánh giá. Không một yếu tố nào trong số này có thể được đánh đồng với khái niệm giải trí, nhưng sự kết hợp của ba hoặc nhiều yếu tố dẫn đến những dự đoán chính xác về định nghĩa của các tình huống là giải trí [109, tr.1-24].

Bắt đầu bằng một cuộc thảo luận về các cách diễn đạt trong tư tưởng cổ điển, các định nghĩa từ nguyên và các khái niệm nghiên cứu giải trí chính, Blackshaw gợi ý rằng ý tưởng này chứa đầy sự mâu thuẫn, khó có thể giải quyết được. Sau khi phân tích sự biến đổi của các mô hình giải trí hiện đại, sự nhấn mạnh chuyển từ lịch sử sang xã hội học và tác giả xác định và thảo luận nghiêm túc về các quan điểm chính của chủ nghĩa hiện đại và chủ nghĩa hậu hiện đại. Dựa trên ý tưởng rằng các nghiên cứu về giải trí là một “trò chơi ngôn ngữ”, Tony Blackshaw sau đó đã đưa ra lý thuyết ban đầu của riêng mình về giải trí linh hoạt, trong đó đặt ra một số câu hỏi chính về hiện tại và tương lai của giải trí trong cuộc sống của mọi người, cũng như ý nghĩa của nó đối với khả năng của các cá nhân để nắm bắt cơ hội cho một sự tồn tại đích thực vừa kỳ diệu vừa đạo đức [81, tr.41-45].

Akyildiz, M. cho rằng các nhà nghiên cứu về giải trí đã xem xét và xác định nhiều loại giải trí khác nhau, một số trong đó bao gồm các loại giải trí trong nhà và ngoài trời, chủ động và thụ động, thể chất và trí tuệ, văn hóa và thể thao, hoặc nghiêm túc và thông thường. Hầu hết các nghiên cứu trước đó liên quan đến các loại theo đuổi giải trí chủ yếu tập trung vào giải trí nghiêm túc và thông thường. Quan điểm giải trí nghiêm túc và thông thường có một lịch sử nghiên cứu dân

tộc học phong phú trong hơn 30 năm. Kế thừa kết quả nghiên cứu của Robert Stebbins về giải trí nghiêm túc và giải trí thông thường, Akyildiz khảo sát, nghiên cứu và đánh giá về khái niệm giải trí thông thường và nghiêm túc ở Thổ Nhĩ Kỳ. Qua đó, nâng cao kiến thức hiện tại, cung cấp một định nghĩa thực tế và thảo luận về đặc điểm và ý nghĩa của quan điểm giải trí nghiêm túc và thông thường tại Thổ Nhĩ Kỳ [74, tr.46-59].

Adesoye và Ajibua M. bước đầu đưa ra khái niệm về giải trí, các vấn đề liên quan tới giải trí như thời gian rỗi, hoạt động chơi, trạng thái của tâm trí, giải trí liên quan tới công việc. Đồng thời các tác giả cũng đã phân loại giải trí thành ba dạng: Giải trí nghiêm túc, giải trí thông thường, du lịch và các tác động của giải trí đến chất lượng cuộc sống [72, tr.77-84].

Theo Auger, D., Thériault, G., & Roul, R., bản chất đa ngành của giải trí đã được ghi lại rõ ràng. Tuy nhiên, một vài mô hình đã được phát triển để minh họa cho thực tế này. Các tác giả đã trình bày một mô hình khái niệm hóa mối quan hệ giữa giải trí và các nguyên tắc nền tảng của nó. Theo đó, giải trí được định nghĩa là một cấu trúc đa chiều. Để minh họa cấu trúc này, một đánh giá về các tài liệu hiện có liên kết giải trí và các nguyên tắc cơ bản của nó đã được tiến hành. Dựa trên những phát hiện, một mô hình đã được tạo ra kết hợp một số khái niệm đề xuất các quy trình có thể liên kết giải trí và các nguyên tắc cơ bản của nó. Mô hình cung cấp một khung khái niệm cho nghiên cứu trong tương lai và phát triển lý thuyết cũng như cho thực hành giải trí [79, tr.229-252].

** Các công trình nghiên cứu trên thế giới về vai trò của giải trí đối với đời sống*

Lawrence R. Allen, Robert J. Bettie đã tiến hành một cuộc khảo sát để đánh giá nhận thức của cư dân về tầm quan trọng và sự hài lòng với bảy khía cạnh của cuộc sống cộng đồng. Hơn nữa, nhận thức của họ về sự hài lòng tổng thể với cuộc sống cộng đồng đã được đánh giá. Bảy khía cạnh là: sức khỏe và an toàn, kinh tế, môi trường, giải trí, sự tham gia của cộng đồng, hành chính công và giáo dục chính quy. Khía cạnh kinh tế được coi là khía cạnh quan trọng nhất trong khi khía cạnh giải trí được xếp hạng thứ năm về mức độ quan trọng. Tuy nhiên, một phân tích hồi quy về sự hài lòng của cư dân với bảy khía cạnh cho

thấy khía cạnh giải trí là yếu tố dự báo tốt nhất về sự hài lòng chung của cộng đồng [99, tr.99-109].

Năm 2001, trong công trình *Participation in recreational activities and its effect on perception of life satisfaction in residential settings*, Kristine Mc. Guinn và Pearl M. Mosher-Ashley nghiên cứu ảnh hưởng của việc tham gia vào các hoạt động giải trí đối với nhận thức về sự hài lòng trong cuộc sống của 133 người lớn tuổi tại 96 cơ sở chăm sóc dài hạn ở bang Massachusetts (Mỹ). Sử dụng cách tiếp cận nghiên cứu định tính, những người cao tuổi được phỏng vấn về các hoạt động hàng ngày của họ, sự điều chỉnh đối với cơ sở vật chất và mức độ hài lòng trong cuộc sống. Các hoạt động được báo cáo bao gồm các hoạt động giải trí do nhân viên tổ chức, các hoạt động tự tạo (đơn độc và với những người khác), giao lưu và xem truyền hình. Những người cao tuổi cho biết thực hiện các hoạt động với những người khác đã giúp họ thấy hài lòng hơn với cuộc sống tại nơi cư trú. Nữ giới cao tuổi và những người có liên quan đến quyết định nhận dịch vụ chăm sóc dài hạn đã tham gia nhiều hoạt động hơn đáng kể. Độ tuổi không ảnh hưởng đến việc tham gia các hoạt động giải trí. Số lượng các hoạt động đã tham gia không được tìm thấy có ảnh hưởng đến sự hài lòng về cuộc sống hoặc sự điều chỉnh đối với cơ sở. Các phát hiện cho thấy rằng các hoạt động giải trí tự tạo ra với những người khác góp phần vào việc hài lòng với cuộc sống ở nơi cư trú. Ngoài ra, các hoạt động đó có xu hướng được điều chỉnh cho các nữ giới cao tuổi. Mặt khác, các hoạt động được thiết kế để thu hút sự tham gia của người cao tuổi ở mọi nhóm tuổi [98, tr.77-86].

Linda Caldwell đã xem xét các bằng chứng thực nghiệm và mô tả các quan điểm lý thuyết đề cập đến những điều kiện nào và tại sao giải trí có thể được áp dụng trong điều trị và góp phần vào sức khỏe và hạnh phúc. Kết quả nghiên cứu này cung cấp bằng chứng thực nghiệm rằng giải trí có thể góp phần vào sức khỏe thể chất, xã hội, tình cảm và nhận thức thông qua phòng ngừa, đối phó (điều chỉnh, khắc phục, chuyển hướng). Sau khi xem xét bằng chứng thực nghiệm này, tác giả chỉ rõ vì sao giải trí lại là liệu pháp và kết luận bằng cách trình bày hai khái niệm hữu ích cho những người thực hành

mong muốn cung cấp hướng dẫn giải trí để giúp mọi người tránh rủi ro và tối đa hóa khả năng trị liệu của thư giãn [101, tr.7-26].

Giai đoạn cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI đã chứng kiến sự bùng nổ mối quan tâm đến bản chất, nguyên nhân và hậu quả của căng thẳng trong đời sống con người. Giải trí ngày càng quan trọng trong cuộc sống của hầu hết mọi người và tác động của căng thẳng ảnh hưởng đến cách thức giải trí. Để khám phá vai trò của giải trí trong việc đối phó với căng thẳng trong công việc, Phillip Dewe và Linda Trendbert đã thực hiện nghiên cứu ba vấn đề: (1) Tại sao việc tham gia thực hành giải trí lại quan trọng, (2) vai trò quan trọng của giải trí trong việc đối phó với căng thẳng, và (3) chiến lược nào đã thực sự được sử dụng để đối phó với căng thẳng liên quan đến việc giải trí có luôn được coi là một phần quan trọng của cuộc sống hay không. Bằng phương pháp phân tích mô hình cây tuần tự, các mẫu dữ liệu được xác định và sắp xếp theo thứ tự phân cấp để cung cấp một bức tranh tổng quan. Các mô hình khác nhau xuất hiện chỉ ra vai trò phức tạp của giải trí. Kết quả cũng chỉ ra sự cần thiết phải hiểu rõ hơn về các kết hợp và mô hình trước khi có thể xác định bản chất chính xác của vai trò tập trung vào cảm xúc được cho là có thể đóng vai trò giải trí trong việc đối phó với căng thẳng trong công việc [106, tr.101-116].

Năm 2006, Yoshitaka công bố công trình *The role of leisure in meaning-making and engagement with life* nhằm mục đích thúc đẩy khái niệm về giải trí như một yếu tố đóng góp cho chất lượng cuộc sống trong bối cảnh quốc tế và đa văn hóa, dựa trên một đánh giá sâu rộng và quan trọng về tài liệu về giải trí và chất lượng cuộc sống từ góc độ toàn cầu, quốc tế. Với vai trò trung tâm của văn hóa trong việc khái niệm hóa khái niệm này, tác giả chú ý đến các bối cảnh văn hóa khác nhau trên toàn thế giới. Để minh họa cho sự đa dạng của xã hội, các ví dụ được giới thiệu cụ thể từ ba bối cảnh văn hóa độc đáo trong công trình này - tức là bối cảnh châu Á, Trung Đông và bản địa. Ngoài ra, một số ví dụ được rút ra từ các nhóm văn hóa khác trong bối cảnh toàn cầu và quốc tế, đặc biệt là trong bối cảnh phi phương Tây. Sau đó, tác giả phân tích làm sao giải trí có thể đóng góp cho chất lượng cuộc sống từ các quan điểm quốc tế và đa văn hóa. Cụ thể,

dựa trên sự tích hợp như vậy, tác giả xác định và mô tả các lộ trình chính liên kết giữa giải trí với chất lượng cuộc sống. Nhìn chung, điểm chung phổ biến đối với hầu hết các bối cảnh văn hóa được khảo sát là vai trò của các hoạt động giải trí như một bối cảnh hoặc không gian để tạo ra các ý nghĩa giúp nâng cao chất lượng cuộc sống của con người. Các lộ trình hoặc cơ chế chính có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc tạo ra ý nghĩa và nâng cao chất lượng cuộc sống được nêu bật bao gồm: (a) cảm xúc tích cực và trải nghiệm hạnh phúc từ giải trí, (b) bản sắc tích cực và lòng tự trọng có được từ giải trí, (c) kết nối xã hội và văn hóa và sự hài hòa được phát triển thông qua giải trí, và (d) đóng góp của giải trí cho việc học tập và phát triển con người trong suốt cuộc đời. Nghiên cứu này cũng nhấn mạnh vai trò của giải trí như một bối cảnh để nhận ra và sử dụng sức mạnh và khả năng phục hồi của con người. Tuy nhiên, theo tác giả, điều quan trọng cần nhấn mạnh là trong quá trình tìm kiếm một cuộc sống có ý nghĩa của con người, lợi ích của việc tạo ra ý nghĩa thông qua giải trí liên quan đến cả việc “khắc phục điều xấu” và “nâng cao điều tốt”. Bất chấp những lợi ích này, theo tác giả, không nên bỏ qua rằng những trải nghiệm giải trí được xây dựng và định hình về mặt xã hội và văn hóa bởi sự bất bình đẳng của xã hội. Vì vậy, thực tế của sự mất cân bằng quyền lực và bất bình đẳng cần được thừa nhận và giải quyết một cách thích hợp về mặt xã hội, văn hóa và chính trị. Đặc biệt, việc cung cấp các cơ hội giải trí có ý nghĩa và phù hợp về mặt văn hóa cho các nhóm dân số ít đặc quyền hơn trên toàn thế giới rõ ràng là ưu tiên hàng đầu [115, tr.233-264].

Nhóm tác giả Xiang Wei, SongShan Huang, Monika Stodolska, Yihua Yu đã chỉ rõ mối liên hệ giữa thời gian giải trí, hoạt động giải trí và nhân khẩu học với mức độ hạnh phúc của cư dân ở Trung Quốc. Phân tích chỉ ra rằng thời gian giải trí có liên quan tích cực với hạnh phúc. Trong khi các hoạt động giải trí thụ động (ví dụ: xem TV, lướt Internet) được cho là góp phần vào hạnh phúc, các hoạt động giải trí tích cực (ví dụ: tập thể dục, giao lưu và mua sắm) không có mối liên hệ đáng kể nào với hạnh phúc. Trong số các biến nhân khẩu học, thu nhập được tìm thấy có mối liên hệ tích cực với hạnh phúc; phụ nữ thường hạnh phúc hơn nam giới và cư dân thành thị hạnh phúc hơn so với người dân nông

thôn. Trong khi tuổi tác được cho là không liên quan đến hạnh phúc một cách đáng ngạc nhiên, thì trình độ học vấn dường như có nhiều mối quan hệ phi tuyến tính khác nhau với hạnh phúc [114, tr.556-576].

Kế thừa thành quả trước đó, năm 2017, Yoshitaka và các cộng sự xác định và mô tả vai trò của thời gian rảnh rỗi trong việc gắn kết có ý nghĩa với cuộc sống, được cung cấp bởi các tài liệu về thời gian rảnh rỗi và tâm lý học tích cực về các chủ đề này. Cụ thể, bài viết xác định các yếu tố hoặc yếu tố chính của sự gắn kết có ý nghĩa với cuộc sống do giải trí gây ra. Đặc biệt, bài viết nhấn mạnh những đóng góp của việc theo đuổi giải trí để duy trì: (a) cuộc sống vui vẻ, (b) cuộc sống kết nối, (c) cuộc sống khám phá, (d) cuộc sống sáng tạo và (e) cuộc sống được trao quyền. Những yếu tố này dường như không chỉ đại diện cho các yếu tố riêng biệt của sự gắn kết có ý nghĩa với cuộc sống thông qua giải trí, mà còn có thể đạt được nhiều ý nghĩa từ một trải nghiệm gắn kết giải trí đơn lẻ và những chủ đề ý nghĩa này có thể được kết nối với nhau. Các tác giả khẳng định, vai trò của giải trí trong việc tạo ra ý nghĩa và gắn kết là rất quan trọng [116, tr.29-35].

Nghiên cứu của các tác giả Huimei Liu, Shyangda nhằm mục đích khám phá mối quan hệ nội tại giữa giải trí và hạnh phúc thông qua phương pháp đồ họa. Biểu đồ thể hiện ba khoảnh khắc hạnh phúc nhất và mô tả về chúng được thu thập từ 132 sinh viên đại học trong một khóa học từ năm 2015 đến năm 2017 tại một trường đại học trọng điểm ở miền Đông Trung Quốc. Khi nào, ở đâu, tại sao và với ai họ cảm thấy hạnh phúc nhất và những hoạt động nào khiến họ cảm thấy hạnh phúc nhất đã được phân tích. Sau đó, các yếu tố giải trí và các yếu tố tâm lý ngụ ý mang lại hạnh phúc đã được giải thích. Nghiên cứu tiết lộ rằng những khoảnh khắc hạnh phúc nhất có liên quan mật thiết đến thời gian giải trí, không gian giải trí và các hoạt động giải trí. Thư giãn, yên tĩnh, thành tích, tự chủ, liên quan và quan tâm được xác định là những cơ chế quan trọng mang lại hạnh phúc. Các đề xuất thiết thực được đưa ra để cải thiện sự tham gia giải trí của mọi người và từ đó mang lại hạnh phúc [91, tr.1-20].

Các học giả trên thế giới từ lâu đã nhận ra mối quan hệ tiềm năng giữa giải trí và phúc lợi, mặc dù theo nhiều thuật ngữ khác nhau. Lousie Manfield, Norma

Daykin và Tess Kay khuyến khích sự phản ánh có phê phán về mặt lý thuyết và phương pháp luận về chủ đề rộng rãi là giải trí và an sinh. Nhóm tác giả đã áp dụng nhiều phương pháp và dựa trên các cách tiếp cận khoa học xã hội đa dạng để cung cấp dữ liệu phong phú về trải nghiệm phúc lợi phức tạp trong nhiều bối cảnh giải trí khác nhau và có liên quan đến một loạt các hoạt động giải trí. Họ cũng cung cấp phản ánh lý thuyết và phương pháp quan trọng, chỉ ra hướng cho nghiên cứu trong tương lai trong lĩnh vực mới nổi này bởi vì, dù được xác định hoặc gắn liền với văn hóa, giải trí cung cấp các cơ hội đặc biệt đa dạng để mọi người tham gia vào các hoạt động ưa thích hoặc trải nghiệm sống có ý nghĩa và thú vị đối với họ. Những hoạt động này có thể được thực hiện một cách cá nhân hoặc tập thể, và chúng có thể mang tính chiêm nghiệm và thư giãn cũng như tiếp thêm sinh lực và hòa đồng. Sự đa dạng như vậy mang lại cho thời gian giải trí những khả năng đặc biệt để cho phép mọi người cảm thấy hạnh phúc tích cực thông qua những trải nghiệm phù hợp nhất với các đặc điểm, hoàn cảnh và giai đoạn cuộc sống cụ thể của họ. Tuy nhiên, chính bề rộng này cũng đặt ra những thách thức đối với cả việc hiểu giải trí và phúc lợi cũng như phát triển kiến thức về những hình thức giải trí nào có thể đóng góp vào phúc lợi cho ai và trong hoàn cảnh nào. Nghiên cứu của nhóm tác giả nhắc nhở chúng ta về tầm quan trọng của việc khám phá một cách có phê phán ý nghĩa, địa điểm và tình trạng giải trí phức tạp và thương lượng trong cuộc sống hàng ngày của mọi người. Điều này sẽ nâng cao hiểu biết về cách các lĩnh vực giải trí đa dạng có thể giải quyết sự bất bình đẳng về phúc lợi, thông báo chính sách và ra quyết định, thúc đẩy cơ hội và tối đa hóa khả năng tiếp cận trải nghiệm phúc lợi tích cực cho các nhóm người khác nhau sống trong các hoàn cảnh địa phương và toàn cầu khác nhau trong suốt cuộc đời [102, tr.1-10].

Ngoài ra còn rất nhiều công trình nghiên cứu về vai trò của giải trí đối với sức khỏe của các nhóm cư dân đặc thù như: phụ nữ, trẻ em, người già bị đột quỵ, người cao tuổi sống một mình... đã được các nhà khoa học trên thế giới thực hiện. Từ các công trình nghiên cứu về khái niệm, vai trò, yếu tố ảnh hưởng của giải trí..., các nhà khoa học đã đề xuất một số hướng nhằm phát huy vai trò của giải trí nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trên toàn cầu.

** Các công trình nghiên cứu trên thế giới về văn hóa giải trí*

Dựa trên kết quả nghiên cứu, Garry Chick đã chỉ ra mức độ phủ sóng và sự quan tâm đến các khía cạnh giải trí phi phương Tây và đa văn hóa dường như đang gia tăng trong các nghiên cứu về giải trí. Mặc dù đây là một xu hướng đáng hoan nghênh trong môi trường đa văn hóa hiện nay, nhưng hiện tại không có chương trình nghị sự có hệ thống nào cho nghiên cứu nhân học văn hóa về giải trí. Ông gợi ý rằng bốn vấn đề nên được giải quyết để làm nền tảng cho nhân học văn hóa về giải trí bao gồm (a) dân tộc học về giải trí, (b) giá trị đa văn hóa của khái niệm giải trí, (c) giải trí và thích ứng, và (d) giải trí và sự phát triển của văn hóa [86, tr.111-133].

Anthony J. Veal xem xét vị trí của khái niệm lối sống trong các nghiên cứu giải trí dưới cách tiếp cận của ba ấn phẩm: Trong *Leisure and Contemporary Society* (Giải trí và xã hội đương đại), Ken Roberts (1999) kết luận rằng lối sống không phải là một khái niệm chính cho các nghiên cứu về giải trí vì nó không thay thế các yếu tố như tuổi tác, giới tính và tầng lớp xã hội trong việc cung cấp cho các cá nhân ý thức về bản sắc. Trong *Leisure and Culture* (Giải trí và văn hóa), Chris Rojek (2000) xem xét các đặc điểm khác biệt của các mô hình lý thuyết chủ đạo của nghiên cứu giải trí/xã hội học giải trí trong hơn ba mươi năm qua, và gợi ý rằng, trong khi nghiên cứu văn hóa đã có ảnh hưởng lớn đến nghiên cứu giải trí, trên thực tế nó đã bận rộn với lớp học. Do đó, ông gợi ý rằng một sự tập trung đổi mới vào văn hóa có thể cung cấp một hướng đi cho các nghiên cứu giải trí/xã hội học giải trí. Steven Miles (2000), trong *Youth lifestyles in a changing world* (Lối sống của giới trẻ trong một thế giới đang thay đổi), lập luận rằng khái niệm về tiểu văn hóa, theo truyền thống được sử dụng trong các nghiên cứu về giới trẻ, đã bị tổn hại bởi sự liên kết của nó với các mô hình cấu trúc, chủ nghĩa Mác mới của truyền thống nghiên cứu văn hóa của những năm 1980 và những năm 1990, và do đó, thuật ngữ lối sống là một khái niệm phù hợp hơn để nghiên cứu cuộc sống của những người trẻ tuổi ngày nay. Ông lập luận rằng khái niệm lối sống vẫn là một khái niệm hữu ích có thể đóng góp đáng kể cho sự phát triển của các nghiên cứu về giải trí [77, tr.359-376].

Theo Joseph Pieper và James V.Schall, giải trí là một thái độ của trí óc và là điều kiện của tâm hồn giúp nuôi dưỡng khả năng nhận thức thực tại của thế giới. Pieper chỉ ra rằng người Hy Lạp và người châu Âu thời trung cổ hiểu được giá trị to lớn và tầm quan trọng của việc giải trí. Ông cũng chỉ ra rằng tôn giáo chỉ có thể được sinh ra trong thời gian rảnh rỗi - một thời gian rảnh rỗi cho phép chỉ ra có thời gian để chiêm ngưỡng bản chất của Chúa. Giải trí đã và sẽ luôn là nền tảng đầu tiên của bất kỳ nền văn hóa nào [95].

Năm 2013, dưới góc độ nghệ thuật học, trong công trình *An exploration of the role of leisure in coping with work related stress using sequential tree analysis*, Ning Xiuli cho rằng nên học hỏi kinh nghiệm thành công từ những các quốc gia khác trong xây dựng văn hóa giải trí ở một quốc gia hoặc khu vực, nhưng quan trọng hơn là hợp nhất những kinh nghiệm thành công với lịch sử và văn hóa giải trí riêng. Các cổ Lý thuyết hội họa Trung Quốc giàu ý tưởng và trí tuệ giải trí, đặc biệt là trong các ý tưởng và cách giải trí như tu tâm, sáng tạo độc lập và phong cách thân thiện với môi trường. Những ý tưởng và cách giải trí này có ý nghĩa quan trọng trong xây dựng văn hóa giải trí hiện đại [105, tr.8-12].

Tiếp cận dưới góc độ kinh tế học, Naci H.Mocan và Luiza Pogolerova sử dụng dữ liệu vi mô từ Khảo sát xã hội châu Âu để điều tra tác động của văn hóa giải trí và thuế đối với việc tham gia lực lượng lao động và số giờ làm việc của những người nhập cư thế hệ thứ hai cư trú tại 26 quốc gia châu Âu. Những người này được sinh ra ở châu Âu và họ đã tiếp xúc với các cấu trúc thị trường lao động, luật pháp và thể chế của quốc gia họ, bao gồm cả thuế suất. Cha của những người này là những người nhập cư thế hệ đầu tiên di cư từ 81 quốc gia khác nhau. Hai tác giả xây dựng các thước đo về “sở thích giải trí” ở quốc gia gốc của mỗi người cha nhập cư. Họ áp dụng thuế trung bình và thuế cận biên cho mỗi quốc gia cư trú và kiểm soát một tập hợp lớn các đặc điểm cá nhân, bên cạnh các thuộc tính của quốc gia cư trú và quốc gia của tổ tiên. Kết quả cho thấy đối với phụ nữ, cả thuế và văn hóa giải trí đều tác động đến việc tham gia và số giờ làm việc. Đối với nam giới, thuế ảnh hưởng đến nguồn cung lao động ở cả biên độ thâm canh và biên độ rộng, nhưng văn hóa giải trí không có tác động [104]...

- *Các công trình nghiên cứu tại Việt Nam*

* *Các công trình nghiên cứu về giải trí*

Theo công trình *Xã hội học văn hóa* của Đoàn Văn Chúc, đời sống của con người bao gồm bốn dạng hoạt động cơ bản (hoạt động lao động sản xuất, hoạt động thuộc các quan hệ cá nhân, hoạt động thuộc sự duy trì, bảo vệ đời sống vật chất cá nhân và hoạt động thuộc đời sống tinh thần của cá nhân). Trong đó, hoạt động thuộc đời sống tinh thần của cá nhân diễn ra trong khoảng thời gian rỗi, cá nhân được hoàn toàn tự do lựa chọn theo sở thích để thực hiện và các hoạt động này mang tính tinh thần. Đó là những hoạt động thỏa mãn nhu cầu giải trí - tái sáng tạo mà người ta thường gọi là “chơi”. Đoàn Văn Chúc chưa đưa ra đưa ra khái niệm về giải trí nhưng bước đầu đã đề cập tới hoạt động giải trí, phân biệt ba khái niệm: “Nghỉ”, “chơi” và “giải trí”; làm rõ bản chất của hoạt động trong thời gian rỗi, cấu trúc của thời gian rỗi; đồng thời phân hoạt động rỗi (giải trí) thành hai dạng là truyền thống và hiện đại [12].

Năm 2003, trong bài viết có nhan đề *Về khái niệm văn hóa giải trí*, tác giả Hoàng Vinh đã đưa ra quan niệm về giải trí như sau: Giải trí là một dạng hoạt động xã hội, diễn ra chủ yếu là trong thời gian rỗi nhằm tạo lập lại thể cân bằng tâm lý - sinh lý, đồng thời đáp ứng các nhu cầu phát triển về các mặt thể chất, trí tuệ, tình cảm, ý chí và cảm xúc thẩm mỹ của con người [68]; đồng thời, phân tích cơ sở khoa học của hoạt động vui chơi giải trí. Phát triển từ bài viết này, ông đã xây dựng hệ thống lý luận về giải trí bao gồm khái niệm giải trí, bước đầu phân loại hoạt động vui chơi giải trí, cơ sở khoa học hình thành giải trí, làm rõ vai trò của vui chơi giải trí trong xã hội hiện đại; đồng thời phân tích thực trạng tổ chức, quản lý các hoạt động vui chơi giải trí tại Hà Nội [69].

Theo Đinh Thị Vân Chi trong công trình *Nhu cầu giải trí của thanh niên*, giải trí là dạng hoạt động cuối cùng trong số bốn dạng hoạt động cơ bản trong đời sống con người. Nó mang tính chất tự do hơn các dạng hoạt động còn lại. Vì không gắn với nhu cầu sinh học nào, nó không hề mang tính cưỡng bức và con người có quyền chọn lựa và thực hành theo sở thích trong khuôn khổ hệ chuẩn mực của xã hội. Nó đồng thời là những hoạt động không mang tính vụ lợi nhằm

mục đích giải tỏa sự căng thẳng tinh thần để đạt tới sự thư giãn, thanh thản trong tâm hồn và cao hơn, đó là sự rung cảm về thẩm mỹ. Thời gian dành cho hoạt động này được gọi là thời gian rỗi [8].

Hoạt động giải trí bắt nguồn từ nhu cầu giải trí của con người. Nhu cầu giải trí là nhu cầu mang tính văn hóa, xã hội. Các nhà nghiên cứu tại Việt Nam đã tiếp cận nhu cầu giải trí từ các góc độ khác nhau, chẳng hạn: Nhu cầu giải trí là nhu cầu sản xuất và tiêu thụ tác phẩm văn hóa. Quá trình hoạt động sản xuất và tiêu thụ tác phẩm văn hóa là quá trình tái nhận thức, do tác phẩm văn hóa là cái mang vác, chuyên chở các giá trị xã hội đến mỗi cá nhân các thành viên. Do vậy, nhu cầu văn hóa là nhu cầu thiết yếu trong đời sống con người qua các thời kỳ lịch sử [12]. Hay nhu cầu giải trí phát triển mạnh dưới thời kỳ chủ nghĩa tư bản khi các nhà tư bản đã thúc ép công nhân gia tăng cường độ làm việc nhằm đạt được lợi nhuận tối đa, khiến họ suy kiệt cả về thể chất và tinh thần. Từ đó dẫn đến các phong trào đấu tranh đòi giảm giờ làm, tăng thời gian cho hoạt động giải trí [69]. Hoặc nhu cầu giải trí (nhu cầu vui chơi giải trí) là các hoạt động vui chơi, thư giãn về thể chất và cân bằng về tinh thần trong lúc nghỉ ngơi. Nhu cầu về giải trí được thể hiện bằng cách chuyển trạng thái từ lao động sản xuất, từ các hoạt động sinh tồn có tính sinh vật sang hoạt động vui chơi, giải trí về tinh thần... Đó là hoạt động thẩm mỹ trong thời gian rỗi, một loại hoạt động đặc thù của loài người và chỉ có ở con người [21].

Con người thực hành hoạt động giải trí trong khoảng thời gian rỗi (thời gian giải trí). Thời gian rỗi là khoảng thời gian còn lại của mỗi người sau khi đã thực hiện xong ba loại hoạt động (hoạt động lao động sản xuất, hoạt động thuộc các quan hệ cá nhân, hoạt động thuộc sự duy trì, bảo vệ đời sống vật chất cá nhân). Đặc điểm của thời gian rỗi là cá nhân được hoàn toàn tự do lựa chọn theo sở thích để hoạt động trong thời gian này [12]. Theo Hoàng Vinh, kể từ khi giai cấp công nhân đạt được thành công trong cuộc đấu tranh ngày làm 8 giờ thì thời gian dành cho nghỉ ngơi của mỗi cá nhân đạt được là 8 giờ; trong đó, thời gian tự do - thời gian thực sự dành cho các hoạt động giải trí là khoảng 3-4 giờ/ ngày. Ông phân thời gian tự do của con người thành các cấp độ: cấp ngày (3-4 giờ/ ngày),

cấp tuần (2 ngày nghỉ), cấp năm (các ngày nghỉ phép, lễ tết) và cấp đời người (thời gian về hưu sau khi hết tuổi làm việc) [69].

** Nhóm các công trình nghiên cứu về vai trò của giải trí trong đời sống*

Ở Việt Nam, vui chơi, giải trí đã được quan tâm nghiên cứu tại nhiều công trình dưới các góc độ tiếp cận khác nhau. Phan Kế Bính đã giới thiệu khái lược một số trò chơi, thú tiêu khiển trong xã hội truyền thống. Theo ông, các thú tiêu khiển này giúp con người giải khuây trong thời gian rảnh rỗi. Nhưng do bị ảnh hưởng bởi quan điểm Nho giáo truyền thống, ông phân các loại hình giải trí ra theo các hạng người trong xã hội, chẳng hạn: các bậc trí sĩ, những người phóng khoáng nhàn dật thường có cách phong lưu thanh nhã như gảy đàn, đánh cờ, ngâm thơ, uống rượu, đánh tổ tôm, đánh kiệu, chơi cây cảnh; còn những người bình dân vô công rồi nghề thường ham mê cờ bạc qua các trò như xóc đĩa, ít xì, tài bàn, đánh bắt [4].

Trong văn hóa làng ở Việt Nam, trò chơi dân gian là một phần không thể thiếu của đời sống tinh thần, là sợi dây gắn kết con người với làng xóm quê hương. Trò chơi cần cho người dân sau những ngày lao động mệt nhọc, giúp họ vượt ra khỏi sự tù túng, đơn điệu của trật tự hằng ngày để giải tỏa và thể hiện cá nhân ở những sở thích lành mạnh. Trò chơi cũng là những sáng tạo thẩm mỹ giúp con người phát triển được năng lực ở nhiều lĩnh vực. Các trò chơi thường được tổ chức trong lễ hội làng quê đã thu hút sự tham gia của đông đảo người dân, tạo nên tinh thần cộng đồng, gắn kết tình làng nghĩa xóm [71].

Giải trí là một hoạt động văn hóa, theo Đoàn Văn Chúc, chức năng chính của giải trí là tái sáng tạo [12]. Còn theo Hoàng Vinh, giải trí cũng mang các chức năng của văn hóa như chức năng nhận thức, chức năng giáo dục, chức năng điều tiết, chức năng giao tiếp, chức năng phục hồi sức khỏe, lập lại thể cân bằng nội tại để tái sản xuất sức lao động ngày một cao hơn và chức năng kinh tế [69].

Trên cơ sở nhận thức nhu cầu giải trí là một trong những nhu cầu văn hóa cơ bản của con người. Trong công trình *Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong lĩnh vực hoạt động giải trí ở khu vực đô thị*, Phạm Duy Đức và nhóm nghiên cứu cho rằng, giải trí giúp con người giải tỏa những căng thẳng do

lao động chân tay và trí óc đưa lại, tạo điều kiện để con người phát triển và hoàn thiện về thể chất, trí tuệ, tình cảm và nhân cách xã hội. Phạm Duy Đức và các cộng sự còn chỉ rõ vai trò của bản sắc văn hóa đối với sự phát triển của quốc gia, dân tộc; phân tích thực trạng bản sắc dân tộc trong lĩnh vực hoạt động giải trí ở đô thị và đề xuất các phương hướng, giải pháp giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong lĩnh vực hoạt động giải trí ở khu vực đô thị [20].

** Các công trình nghiên cứu về thực trạng văn hóa giải trí tại Việt Nam*

Giải trí là nhu cầu cơ bản trong đời sống của con người. Xã hội càng hiện đại, nhu cầu giải trí càng gia tăng để xoa dịu các áp lực của cuộc sống. Hoạt động giải trí diễn ra trên tất cả các địa phương trong cả nước, nhận được sự quan tâm của các cấp, các ngành; của chính quyền, các nhà khoa học và người dân. Hoạt động giải trí ở nước ta đã được Phạm Duy Đức cùng nhóm nghiên cứu ngoài việc hệ thống hóa cơ sở lý luận, phân tích thực trạng và đề xuất phương hướng, giải pháp phát triển hoạt động giải trí ở đô thị Việt Nam hiện nay. Theo các tác giả, vấn đề đặt ra mà các đô thị Việt Nam phải đối mặt khi thực hành các hoạt động giải trí bao gồm: thiếu thiết chế vui chơi giải trí công cộng; hoạt động vui chơi giải trí của cư dân đô thị chưa thoát khỏi tính tự phát và tính trì trệ của một xã hội nông nghiệp; thiếu chiến lược đầu tư, chăm sóc cho nhu cầu vui chơi giải trí; trong nhà trường, gia đình còn quá đề cao mục đích học tập mà không nhận thấy hiệu quả tích cực của việc vui chơi giải trí cho trẻ em [21].

Trong công trình *Văn hóa giải trí ở thành phố Hải Phòng trong thời kỳ đổi mới hiện nay*, Nguyễn Quang Linh đã phân tích thực trạng và đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm phát triển văn hóa giải trí trên địa bàn thành phố Hải Phòng [38]. Tại công trình *Phát triển công nghiệp văn hóa tại thành phố Hồ Chí Minh hiện nay - Thực trạng và giải pháp*, tác giả Đinh Văn Chí làm rõ thực trạng, nguyên nhân và đề xuất giải pháp phát triển công nghiệp văn hóa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong thời kỳ mới, trong đó có hoạt động giải trí [10].

Thực trạng hoạt động giải trí của người dân, tổ chức hoạt động giải trí, đáp ứng nhu cầu giải trí, các loại hình giải trí của các tầng lớp nhân dân nước ta tiếp tục được các nhà nghiên cứu quan tâm, đề cập tới trong nhiều công trình riêng

biệt như các công trình: *Nghiên cứu tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí để phát triển du lịch ở thành phố Đà Nẵng* của Nguyễn Xuyên (2013); *Thực trạng tham gia các hoạt động giải trí tập thể của công nhân lao động khu công nghiệp Đồng Văn tỉnh Hà Nam hiện nay* của Nguyễn Ngọc Ánh (2022); *Thực trạng sử dụng thiết bị giải trí điện tử khi ăn của trẻ dưới 6 tuổi tại Việt Nam năm 2021 và một số yếu tố liên quan* của Trần Ngọc Ánh và các cộng sự (2022).... Những công trình này góp phần tạo nên bức tranh toàn cảnh (tuy chưa mang tính hệ thống) về thực trạng hoạt động giải trí ở nước ta trong thời gian qua.

1.1.1.3. Các công trình nghiên cứu về văn hóa giải trí của người cao tuổi

- Các công trình nghiên cứu về văn hóa giải trí của người cao tuổi trên thế giới

Qua khảo sát của nghiên cứu sinh, văn hóa giải trí hoặc khía cạnh văn hóa của hoạt động giải trí ở người cao tuổi đã được các nhà nghiên cứu trên thế giới lồng ghép trong các công trình nghiên cứu khác nhau; thường gắn với nhu cầu và chất lượng sống của người cao tuổi.

Joji Onishi, Yuchiro Masuda cùng các cộng sự đã làm rõ những hoạt động giải trí thú vị mà người cao tuổi thích tham gia và điều tra mối quan hệ giữa những hoạt động đó và chất lượng cuộc sống. Các bảng câu hỏi được chuyển đến những người cao tuổi (65 tuổi trở lên) ở một vùng nông thôn Nhật Bản. Các phân tích chỉ ra rằng mức độ thích thú khi tập thể dục, khó khăn trong việc quản lý tài chính và mức độ thích thú khi xem TV là những biến số quan trọng để dự đoán điểm số hạnh phúc. Kết quả chỉ ra rằng mức độ vui thích của người cao tuổi khi tham gia vào các hoạt động như trò chuyện với gia đình hoặc hàng xóm cho thấy mối liên hệ đáng kể với hạnh phúc của người cao tuổi. Những kết quả này có thể hữu ích trong việc tìm hiểu những đóng góp của các hoạt động khác nhau đối với nhận thức về niềm vui ở người cao tuổi [94, tr.147-155].

Kenneth H. C. Wang và Kuo Ming Wang chỉ ra rằng người cao tuổi ngày càng có nhiều thời gian rỗi hơn. Họ nghiên cứu về lối sống, tính cách và nhu cầu, thói quen giải trí của người cao tuổi dựa trên phỏng vấn và quan sát. Dựa trên các phân tích từ 24 cuộc phỏng vấn người cao tuổi, dữ liệu chỉ ra 9 loại nhu cầu giải trí của người cao tuổi [96].

Tác giả Baoren Su, Xiang Youshen, Zhou Wei đã nghiên cứu sự khác biệt trong cuộc sống giải trí giữa người cao tuổi ở nông thôn và thành thị. Sự khác biệt đáng kể giữa nông thôn và thành thị đã được tìm thấy trong mô hình tham gia giải trí và nhận thức chung về cuộc sống giải trí của người cao tuổi. Những lý do kinh tế và xã hội cơ bản có thể giải thích cho sự khác biệt đó, từ hệ thống đăng ký hộ gia đình (HRS) và sự di cư ồ ạt từ nông thôn ra thành thị đến quá trình tư nhân hóa quy mô lớn trong cải cách kinh tế của Trung Quốc được thảo luận rộng rãi. Các hàm ý cho nghiên cứu trong tương lai và các chính sách liên quan đến dân số cao tuổi của Trung Quốc cũng được đưa ra [80, tr.381-397].

Tác giả Tamiera Harris đã nghiên cứu 62 trường hợp người cao tuổi. Tác giả nhận thấy tuổi tác không liên quan tới khối lượng tham gia hoạt động thể chất hằng tuần của người cao tuổi. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra 53% số người tham gia khảo sát không tuân thủ hướng dẫn thực hiện 150 phút hoạt động thể chất mỗi tuần. Đồng thời, nghiên cứu cũng cho thấy việc cung cấp các hỗ trợ thông qua giám sát lẫn nhau hoặc các thiết bị giải trí thích hợp có thể giúp người cao tuổi tại trại dưỡng lão đạt được mục tiêu hoạt động thể chất theo định hướng [112]...

- Các công trình nghiên cứu về văn hóa giải trí của người cao tuổi tại Việt Nam

Văn hóa giải trí của người cao tuổi là vấn đề chưa được nghiên cứu nhiều tại Việt Nam. Cho đến nay, theo khảo sát của nghiên cứu sinh, văn hóa giải trí của người cao tuổi ở nước ta chưa được tiếp cận, nghiên cứu trực tiếp, có hệ thống, dưới góc độ Văn hóa học.

Hoạt động giải trí của người cao tuổi ở Việt Nam đã được Nguyễn Thị Phương Lan đề cập đến trong công trình *Đời sống văn hóa của người cao tuổi (trong xã hội Việt đồng bằng Bắc bộ từ truyền thống đến hiện đại)*. Theo công trình này, đời sống văn hóa của người cao tuổi chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố như môi trường xuất thân, học vấn, mức sống, điều kiện sống, đặc điểm tâm sinh lý, môi trường văn hóa. Giữa người cao tuổi ở nông thôn và thành thị có sự tương đồng và khác biệt về văn hóa, nhất là trong sinh hoạt và hưởng thụ văn hóa. Đặc trưng văn hóa của người cao tuổi là bảo lưu khá nguyên vẹn các giá trị

văn hóa truyền thống, mang nhiều đặc điểm của văn hóa thời bao cấp và ít nhiều chịu tác động của nền kinh tế thị trường. Các nhu cầu văn hóa của người cao tuổi trong nghiên cứu của tác giả gắn bó hữu cơ với nhau, đan xen lẫn nhau; bao gồm cả các nhu cầu mang tính truyền thống và các nhu cầu mới nảy sinh [32].

Công trình nghiên cứu *Công tác xã hội đối với việc phát huy tích cực của nhóm cán bộ cao tuổi hưu trí tại Câu lạc bộ Thăng Long, thành phố Hà Nội* (2016) đã nghiên cứu, đánh giá thực trạng hoạt động công tác xã hội trong việc phát huy tích cực vai trò của nhóm cán bộ cao tuổi hưu trí tại câu lạc bộ Thăng Long, từ đó đề xuất các giải pháp, khuyến nghị nâng cao hiệu quả của các mô hình công tác xã hội đối với người cao tuổi hưu trí tại Câu lạc bộ Thăng Long, thành phố Hà Nội [65].

Ngoài ra, hoạt động giải trí cho người cao tuổi cũng được lồng ghép đề cập đến trong một số nghiên cứu của các nhà nghiên cứu trong nước như: *Nhu cầu và khả năng chi trả của người dân với các dịch vụ chăm sóc ban ngày cho người cao tuổi tại một khu đô thị ở Hà Nội năm 2021 và một số yếu tố liên quan* (Bùi Thị Minh Ngọc và cộng sự, 2011), *Một số vấn đề lý luận, pháp lý và thực tiễn về quyền của người cao tuổi* (Vũ Công Giao, 2018) ...

- *Các công trình nghiên cứu về văn hóa giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội*

Hà Nội là Thủ đô, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của cả nước, cũng là một trong những địa phương có xu hướng già hóa dân số diễn ra khá nhanh trong cả nước. Quan tâm, chăm sóc tới người cao tuổi là nhiệm vụ đã được Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện trong thời gian qua. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, hiện nay, các công trình nghiên cứu về người cao tuổi tại Hà Nội chủ yếu dừng lại ở vấn đề chăm sóc sức khỏe, thực hiện chính sách an sinh xã hội, đời sống văn hóa của người cao tuổi hoặc phát huy vai trò của người cao tuổi tại Hà Nội mà chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu một cách có hệ thống về giải trí và văn hóa giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội. Hoạt động vui chơi giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội đã được quan tâm, đề cập ở mức độ nhất định trong một số công trình như: Lê Hồng Thái đã điểu qua

các hoạt động giải trí người cao tuổi tại Hà Nội trong *Thú vui tuổi xế chiều của người Hà Nội* (2012)... Phóng sự *Sân chơi cho người cao tuổi* (chương trình Nhịp sống Hà Nội ngày 13/4/2019) của tác giả Hồng Hạnh cho biết Hà Nội có khu vui chơi dịch vụ cho trẻ em, có các địa điểm ăn chơi phục vụ giới trẻ, nhưng lại thiếu các khu vui chơi dành riêng cho người cao tuổi. Và những người cao tuổi ở Hà Nội đã thích nghi bằng việc tự tạo sân chơi cho chính mình. Nhà sinh hoạt cộng đồng, một góc mượn của nhà văn hóa, hay thậm chí sân khu tập thể, chiều chiều, đều trở thành sân chơi của người cao tuổi. Tác giả Đoàn Trang đã chỉ ra việc già hóa dân số nhanh chóng tất yếu kéo theo những yêu cầu bức thiết về chất lượng cuộc sống, hệ thống y tế cũng như các giải pháp đảm bảo tâm lý ổn định, vui vẻ cho người cao tuổi. Tuy nhiên, hiện tại, không gian vui chơi cho người cao tuổi dường như chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn. Nội dung này được làm rõ trong *Người già đang thiếu không gian sinh hoạt chung* (2023).

1.1.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

Từ tổng quan tình hình nghiên cứu, có thể nhận xét như sau:

Thứ nhất, già hóa dân số là xu thế tất yếu, không thể đảo ngược tại các quốc gia trên thế giới trong quá trình phát triển hiện đại. Nghiên cứu về người cao tuổi và văn hóa giải trí của người cao tuổi là sự cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu văn hóa của nhóm đối tượng này; đồng thời chuẩn bị, dự báo và hoàn thiện các chính sách nhằm nâng cao chất lượng văn hóa giải trí của người cao tuổi.

Tới nay, trên thế giới và tại Việt Nam, có nhiều công trình nghiên cứu về người cao tuổi tiếp cận từ các góc độ khác nhau như Y học, Tâm lý học, Xã hội học, Kinh tế học, Văn hóa học, Quản lý công... Các công trình này đã cung cấp một lượng thông tin lớn liên quan đến người cao tuổi ở nhiều lĩnh vực; giúp nghiên cứu sinh có cái nhìn toàn diện về đặc điểm tâm, sinh lý của người cao tuổi; các nhu cầu thể chất và tinh thần của người cao tuổi; biến đổi văn hóa trong đời sống của người cao tuổi (so với các lứa tuổi khác), các vấn đề về đời sống của người cao tuổi trên thế giới cũng như tại Việt Nam, bước đầu đưa ra những gợi mở về định hướng chính sách để chăm sóc người cao tuổi, hướng tới già hóa dân số chủ động trong bối cảnh hiện nay.

Thứ hai, về giải trí và văn hóa giải trí. Đây là một chủ đề rộng lớn, được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau. Các công trình đi trước của các nhà nghiên cứu trên thế giới và tại Việt Nam đã bước đầu cung cấp nền tảng cơ sở lý luận về giải trí và văn hóa giải trí; phân tích thực trạng đời sống văn hóa, văn hóa giải trí tại các đô thị, đời sống văn hóa và văn hóa giải trí của người cao tuổi ở nước ta, chỉ ra một số thành tựu và những hạn chế còn tồn tại; đưa ra một số quan điểm, giải pháp phát triển văn hóa giải trí cũng như hoàn thiện các chính sách về văn hóa, đặc biệt là đối với văn hóa giải trí của người cao tuổi. Trên cơ sở đó, nghiên cứu sinh từng bước hình thành khung lý thuyết nghiên cứu cho đề tài luận án một cách có hệ thống dưới góc độ tiếp cận Văn hóa học. Tuy chưa đưa ra một nhận thức rõ ràng về văn hóa giải trí song các công trình cũng ít nhiều chỉ ra bản chất và các yếu tố cấu thành văn hóa giải trí làm cơ sở để nghiên cứu sinh tiếp tục nghiên cứu.

Thứ ba, về văn hóa giải trí của người cao tuổi và văn hóa giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội. Các công trình đã góp phần vào việc nghiên cứu văn hóa giải trí và văn hóa giải trí của người cao tuổi qua các số liệu nghiên cứu tại các khu vực, các cách tiếp cận khác nhau giúp chúng tôi bước đầu hình dung được bức tranh về văn hóa giải trí của người cao tuổi tại thành phố Hà Nội trong bối cảnh hiện nay.

Từ những khoảng trống khoa học của giới nghiên cứu, có thể nhận thấy cần phải tiếp tục nghiên cứu các vấn đề sau:

Thứ nhất, người cao tuổi nói chung, người cao tuổi tại Hà Nội nói riêng, đã được các học giả nghiên cứu khá đa dạng từ nhiều góc độ. Tuy nhiên, người cao tuổi hiện ở nước ta nay chủ yếu được tiếp cận dưới góc độ là nhóm yếu thế, cần được quan tâm, chăm sóc; do vậy, các công trình nghiên cứu liên quan tới người cao tuổi ở Việt Nam chủ yếu tập trung vào chăm sóc y tế và an sinh xã hội; đời sống tinh thần, văn hóa, văn nghệ của người cao tuổi chưa thực sự nhận được sự quan tâm, đầu tư tương xứng. Các khía cạnh trong văn hóa giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội chỉ được nhắc đến trên một số công trình nghiên cứu, trên các phương tiện thông tin truyền thông nhưng còn thưa vắng, chưa toàn diện; chưa

cung cấp được bức tranh toàn cảnh về thực trạng văn hóa giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội; từ đó chưa làm rõ được những vấn đề đặt ra trong văn hóa giải trí của người cao tuổi tại Thủ đô hiện nay. Theo đó, “Văn hóa giải trí của người cao tuổi thành phố Hà Nội (qua khảo sát ở quận Hoàn Kiếm, quận Cầu Giấy và huyện Chương Mỹ)” cần phải nghiên cứu sâu ở góc độ chuyên ngành Văn hóa học. Nghiên cứu văn hóa giải trí của người cao tuổi ở Hà Nội sẽ đóng góp vào việc lấp đầy khoảng trống này, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn để cải thiện đời sống tinh thần của nhóm dân số đặc biệt.

Thứ hai, trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu của các công trình đi trước, nghiên cứu sinh xây dựng khái niệm văn hóa giải trí và văn hóa giải trí của người cao tuổi có tính khoa học, hệ thống; từ đó làm rõ đặc trưng, cấu trúc, chức năng và phân loại văn hóa giải trí.

Thứ ba, luận án sẽ làm rõ những vấn đề thực tiễn về người cao tuổi tại các địa bàn nghiên cứu (quận Hoàn Kiếm, quận Cầu Giấy và huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội) bao gồm đặc điểm về thể chất, kinh tế, xã hội; chỉ ra các nhu cầu cơ bản, đặc trưng của người cao tuổi. Thông qua điều tra xã hội học và điền dã, nghiên cứu trường hợp, luận án sẽ làm rõ thực trạng văn hóa giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội hiện nay. Từ đó chỉ ra các đặc điểm nổi bật trong văn hóa giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội.

Thứ tư, luận án làm rõ các yếu tố tác động và dự báo xu hướng phát triển trong văn hóa giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội trong thời gian tới; đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng văn hóa giải trí của người cao tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội.

1.2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VĂN HÓA GIẢI TRÍ CỦA NGƯỜI CAO TUỔI

1.2.1. Các lý thuyết nghiên cứu

1.2.1.1. Lý thuyết nhu cầu (Needs theory)

Lý thuyết về nhu cầu là một lý thuyết Tâm lý học được Abraham Maslow đề xuất trong công trình *A Theory of Human Motivation* (Lý thuyết về động lực của con người) năm 1943 nhằm giải thích những nhu cầu nhất định của con người cần được đáp ứng như thế nào để một cá nhân hướng đến cuộc sống lành

mạnh và có ích cả về thể chất lẫn tinh thần. A.Maslow đã tạo ra một hệ thống phân loại phản ánh nhu cầu phổ biến của xã hội làm cơ sở; hệ thống này được sử dụng để nghiên cứu cách con người tiến hành các hoạt động mang tính tộc loại của mình khác với hành vi bản năng của động vật. A.Maslow đã đem các loại nhu cầu khác nhau của con người, căn cứ theo sự đòi hỏi và thứ tự phát sinh trước, sau của chúng để quy về 5 loại; sắp xếp thành thang bậc về nhu cầu của con người từ thấp đến cao, bao gồm: Nhu cầu sinh lý, nhu cầu về an toàn hoặc an ninh, nhu cầu xã hội, nhu cầu được tôn trọng và nhu cầu thể hiện bản thân (Hình 2.1). Nếu những nhu cầu này không được đáp ứng - ngoại trừ nhu cầu cơ bản nhất (sinh lý) - chúng có thể không có dấu hiệu thể hiện ra bên ngoài, nhưng cá nhân sẽ cảm thấy lo lắng và căng thẳng. Lý thuyết của A.Maslow cho thấy rằng mức độ nhu cầu cơ bản nhất phải được đáp ứng, trước khi cá nhân sẽ bị khao khát mạnh mẽ (hoặc thúc đẩy tập trung vào) nhu cầu cấp cao hơn.



Hình 1.1: Tháp nhu cầu của A. Maslow

Nguồn: <https://www.simplypsychology.org/maslow.html>

Theo A.Maslow, khi nhu cầu nào đó của con người chưa được thỏa mãn thì họ sẽ cố gắng để thỏa mãn nhu cầu đó; nhưng khi nhu cầu đó đã được thỏa mãn ít nhiều thì sẽ xuất hiện các nhu cầu khác cao hơn. Việc thỏa mãn nhu cầu là một trong những động cơ thúc đẩy con người đưa ra các quyết định hành động. Theo A.Maslow, nhu cầu xuất hiện không bắt nguồn từ việc thiếu hụt một thứ gì đó

mà là xuất phát từ mong muốn phát triển của con người. Khi những nhu cầu này được thỏa mãn một cách hợp lý, con người có thể đạt tới mức cao nhất là tự hiện thực hóa, tức là nhu cầu thể hiện bản thân (mọi người đều có khả năng và mong muốn nâng cao thứ bậc để hướng tới mức độ tự thể hiện bản thân). Tuy nhiên, việc thỏa mãn nhu cầu này thường bị gián đoạn do chưa đáp ứng được nhu cầu cấp thấp hơn. Vì vậy, không phải tất cả mọi người sẽ di chuyển qua hệ thống nhu cầu phân cấp theo hướng tuyến tính mà có thể di chuyển qua lại giữa các loại nhu cầu khác nhau. Không phải ai cũng đều thỏa mãn nhu cầu tự thể hiện bản thân bởi do nhiều yếu tố khách quan hoặc chủ quan mà con người không được thỏa mãn đầy đủ các cấp độ nhu cầu trước đó.

Như vậy, theo lý thuyết nhu cầu của A.Maslow, nhu cầu giải trí là một nhu cầu có tính tổng hợp, gắn với nhu cầu xã hội. Và trong các hoạt động giải trí, đặc biệt là các hoạt động giải trí thể chất, lại ẩn chứa nhu cầu an toàn. Do đó, có thể thấy nhu cầu giải trí cơ bản hiện diện ở 4/5 nhóm nhu cầu trong tháp nhu cầu của A.Maslow, ngoại trừ nhóm đầu tiên, cơ bản nhất là nhu cầu sinh lý. Và như vậy, khi con người tồn tại, phát triển thì nhu cầu giải trí là nhu cầu thiết yếu trong đời sống con người. Đối với người cao tuổi, khi đã trải nghiệm đủ nhiều, đã đi qua các cung bậc của cuộc sống, sức khỏe suy giảm, nhu cầu an toàn và nhu cầu giao lưu, nhu cầu thể hiện bản thân là những nhu cầu cơ bản mà họ hướng tới khi thực hiện các hoạt động giải trí.

Vận dụng lý thuyết nhu cầu của A.Maslow giúp giải thích động cơ của người cao tuổi khi đưa ra các quyết định hành động, nhất là lựa chọn hoạt động giải trí, để đáp ứng nhu cầu của họ. Bên cạnh đó, luận điểm về sự gián đoạn nhu cầu do các điều kiện khách quan và chủ quan cũng giúp làm rõ thêm vai trò của các yếu tố tác động trong việc lựa chọn hoạt động giải trí của người cao tuổi. Lý thuyết nhu cầu của A.Maslow sẽ lý giải nguyên nhân vì sao người cao tuổi lại lựa chọn hoạt động giải trí như một nhu cầu thiết thân của họ và các yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội ảnh hưởng tới văn hóa giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội như thế nào. Tuy nhiên, việc vận dụng lý thuyết nhu cầu của A.Maslow không chỉ dừng lại ở việc lý giải động cơ lựa chọn hoạt động giải trí của người cao tuổi mà sâu xa hơn, dưới góc

độ Văn hóa học, có thể tìm hiểu giá trị ẩn giấu bên trong mỗi nhu cầu, lựa chọn của người cao tuổi khi tham gia vào các hoạt động giải trí. Bởi lẽ, đằng sau mỗi hành động của con người có ẩn tàng một giá trị và đằng sau mỗi giá trị có ẩn giấu một nhu cầu. Vì vậy, có thể nói: Sự đa dạng nhu cầu của con người biểu hiện sự phong phú của văn hóa (và cả trong lĩnh vực văn hóa giải trí) [66, tr.13].

1.2.1.2. Lý thuyết thời gian rỗi (Leisure time theory)

Thời gian là một nguồn lực quan trọng đối với tất cả các cá nhân cũng như tổ chức, giới hạn trong 24 giờ/ ngày (hoặc theo các giới hạn tuần, tiết, tháng, năm, đời người...). Việc sử dụng hay phân bổ thời gian được các nhà khoa học và phân tích chính sách nghiên cứu từ những năm đầu của thế kỷ XX.

Năm 1965, G.Becker đưa ra lý thuyết phân bổ thời gian, theo đó thời gian có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển cá nhân và cộng đồng và được phân bổ làm hai loại: Thời gian làm việc và thời gian không làm việc. Gauthier và Smeeding phân bổ thời gian của mỗi cá nhân gắn với bốn loại hoạt động, gồm: Hoạt động làm việc được trả lương, làm việc nhà, hoạt động tình nguyện và các hoạt động thư giãn [86]. Theo Andorka, quỹ thời gian của mỗi cá nhân được phân bổ thành: Thời gian dành cho công việc, học tập và được trả lương, thời gian dành cho hoạt động cần thiết của bản thân, thời gian dành cho các hoạt động không công như làm việc nhà và thời gian rỗi [78].

Thời gian rỗi là một vấn đề đã và đang được nghiên cứu, tranh luận trên thế giới và tại Việt Nam. Ở nước ta, thời gian rỗi đã được nhiều người nghiên cứu, trong đó có Đoàn Văn Chúc. Theo Đoàn Văn Chúc, trong bất kỳ thời kỳ lịch sử nào, hoạt động của con người cũng có thể phân thành bốn loại hoạt động cơ bản: Những hoạt động nhằm duy trì, bảo vệ đời sống vật chất cá nhân; những hoạt động thuộc lao động sản xuất để đảm bảo sự sống còn cho cá nhân và xã hội nói chung; những hoạt động thuộc các quan hệ cá nhân trong đời sống xã hội và những hoạt động thuộc đời sống tinh thần của cá nhân, diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau [12]. Ba loại hoạt động đầu tiên là những hoạt động bắt buộc mà mỗi cá nhân phải thực hiện, thời gian dành cho ba loại hoạt động trên được gọi là thời gian lao động tất yếu. Loại hoạt động thứ tư, thường được thực hiện trong

khoảng thời gian sau khi con người đã hoàn thành ba loại hoạt động trên. Thời gian này được gọi là thời gian rỗi và các hoạt động thực hiện trong thời gian rỗi được gọi là hoạt động rỗi nhằm thỏa mãn nhu cầu giải trí - tái sáng tạo. Mặc dù, sau khi tổng hợp, phân tích các nghiên cứu của các học giả phương Tây, Đoàn Văn Chúc đặt thời gian rỗi trong sự tương phản với thời gian làm việc (không có sự làm việc thì không có sự rỗi) [12] nhưng ông cũng cho rằng hoạt động trong thời gian rỗi một mặt là để cá nhân phát huy năng lực tiềm tàng bị kìm hãm trong các hoạt động tất yếu, mặt khác để thỏa mãn nhu cầu đời sống tinh thần là tái nhận thức hiện thực theo phương thức thẩm mỹ. Đoàn Văn Chúc đã xây dựng nên cấu trúc thời gian rỗi theo cấp ngày, cấp mùa và cấp đời người.

Nhà nghiên cứu Hoàng Vinh cũng cho rằng thời gian rỗi là thời gian còn lại sau khi con người đã hoàn thành các hoạt động tất yếu phục vụ đời sống, khi đó con người được tự do lựa chọn các hoạt động nhằm thỏa mãn nhu cầu của mình. Theo Hoàng Vinh, thời gian rỗi của con người có thể phân ra theo các cấp: Cấp ngày (3 - 4 giờ), cấp tuần (2 ngày nghỉ/ tuần), cấp năm (số ngày nghỉ phép và các ngày lễ, tết/ năm) và cấp đời người (số năm về hưu sau khi đã hết tuổi làm việc).

Trước đây, một số nhà nghiên cứu đặt thời gian rỗi trong mối quan hệ đối lập với thời gian làm việc. Theo đó, khi con người không làm việc thì họ có thời gian rỗi và được tùy ý làm những việc mình thích. Và trong khoảng thời gian tùy ý này, có một phần được sử dụng để con người thực hiện các hoạt động giải trí. Do đó, dần xuất hiện việc đồng nhất khái niệm thời gian rỗi (free time) và thời gian giải trí (leisure time). Đồng thời, trong xã hội tư bản trước đây, khi thời gian lao động được chú trọng duy nhất (vì nó đem lại lợi nhuận) thì cũng có quan niệm cho rằng thời gian rỗi là thời gian lãng phí, thời gian lười biếng. Nhưng trên thực tế, thời gian rỗi chính là khoảng thời gian đặc biệt, là khoảng thời gian cần thiết để con người phục hồi thể lực và trí lực sau những giờ làm việc căng thẳng, là thời gian con người được tự do làm những việc mình muốn trong phạm vi pháp luật cho phép nhằm đáp ứng các nhu cầu của mình.

Torkaski và Schmitz-Scherzer đặt thời gian rỗi trong sự tương phản với thời gian làm việc, theo đó, khi không phải làm việc thì con người có thời gian

rỗi [dẫn theo 88]. George F. Zarotis và Walter Torkaski cho rằng, do tầm quan trọng chuyển dịch giữa thời gian làm việc và giải trí, đồng thời với sự thịnh vượng ngày càng tăng, giá trị của thời gian giải trí ngày càng được đánh giá cao. Theo George và Torkaski, về mặt lịch sử, trong xã hội công nghiệp, thời gian nhàn rỗi là một hiện tượng xã hội được định hình bởi quá trình công nghiệp hóa. Thời gian hoạt động phục vụ các nhu cầu thiết yếu được giảm bớt nhờ sự hỗ trợ của công nghệ và linh hoạt hơn giúp con người có thể tham gia vào các hoạt động giải trí ngay cả trong thời gian làm việc, do đó, gia tăng thời gian rỗi. Trước đó, công việc là phương tiện để phát triển cá nhân và giúp con người tìm thấy ý nghĩa trong cuộc sống thì nay hiện tượng này đã chuyển sang lĩnh vực thời gian rảnh rỗi [88].

Cũng theo George và Torkaski, thời gian giải trí ngày nay là lĩnh vực mà mọi người muốn phát triển lối sống và các khía cạnh tổ chức trong cuộc sống hằng ngày của họ, cũng như tìm kiếm sự thỏa mãn cho bản thân. Do đó, thời gian giải trí không còn chỉ là thời gian còn lại sau giờ làm việc mà là một phần độc lập và trung tâm của cuộc sống. Các ông cũng đưa ra các thuật ngữ liên quan tới các khía cạnh của thời gian rỗi như: Giải nén, nghỉ ngơi, làm sạch, đổi trọng, giới hạn, khái quát hóa và nhận dạng. Các ông cũng đề xuất ba lý thuyết áp dụng trong nghiên cứu thời gian rỗi là lý thuyết tương phản, lý thuyết tỷ lệ và lý thuyết trung lập. Bên cạnh đó, thời gian rỗi còn gắn bó mật thiết với trải nghiệm của cá nhân.

Vận dụng lý thuyết thời gian rỗi có thể xác định khoảng thời gian dành cho các hoạt động tự do, giải trí của con người nói chung và người cao tuổi tại Hà Nội nói riêng. Khác với các nhóm đối tượng khác trong xã hội, đối với người cao tuổi, thời gian lao động bắt buộc đã được giải phóng; bước vào giai đoạn tuổi già là lúc con người chuyển sang giai đoạn nghỉ ngơi cả về thể chất và tinh thần. Hoạt động lao động của người cao tuổi ở giai đoạn này không quá bức thiết, không nhằm mục đích duy trì cuộc sống vật chất là đầu tiên như các giai đoạn trước mà hoạt động lao động còn mang ý nghĩa đa dạng hơn như: cống hiến cho xã hội, thỏa mãn đam mê hoặc để khuây khỏa. Bên cạnh đó, luận điểm về việc

không đối lập hoạt động giải trí và công việc ở người cao tuổi giúp tìm hiểu hoạt động giải trí của người cao tuổi dưới dạng các hoạt động như tham gia vào các hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, làm từ thiện, tạo ra các sản phẩm văn hóa nghệ thuật hoặc làm các công việc “vui chân, vui tay” hay chính công việc chuyên sâu của họ được kéo dài sau khi nghỉ hưu... Áp dụng lý thuyết thời gian rỗi cũng góp phần tìm hiểu động cơ, mục đích, giá trị ẩn giấu đằng sau các hoạt động giải trí của người cao tuổi.

Tuy nhiên, không phải khoảng thời gian rỗi nào cũng là thời gian giải trí. Thời gian rỗi là điều kiện cần để chủ thể giải trí tiến hành các hoạt động giải trí nhằm thỏa mãn nhu cầu giải trí của mình. Nhưng chỉ khi nào các hoạt động giải trí được thực hành một cách chủ động, có ý thức, tích cực, tiến bộ thì khoảng thời gian rỗi ấy mới được gọi là thời gian giải trí. Ví dụ: Người thất nghiệp có nhiều thời gian rỗi hơn so với những người có việc làm nhưng không phải tất cả khoảng thời gian rỗi ấy đều là thời gian giải trí của họ. Hay một người nằm ngủ, hành động ngủ là hành động trong thời gian rỗi, được người đó chủ động lựa chọn để đáp ứng nhu cầu của mình nhưng nó không được coi là hoạt động giải trí và thời gian rỗi đó cũng không được coi là thời gian giải trí mà chỉ là thời gian nghỉ ngơi. Thời gian giải trí chịu tác động bởi điều kiện tự nhiên (yếu tố sinh học) của mỗi cá nhân và điều kiện xã hội nơi cá nhân đó thuộc về.

Những luận điểm về lý thuyết thời gian rỗi trên đây là cơ sở quan trọng để nhận thức thực trạng thời gian rỗi là một tất yếu diễn ra mang tính xã hội của cá nhân và xã hội và các yếu tố tác động đến cách thức sử dụng thời gian rỗi của người cao tuổi. Lý thuyết thời gian rỗi là hệ thống luận điểm gợi dẫn quan trọng để xây dựng giả thuyết nghiên cứu và kiểm chứng thông qua điều tra thực địa. Đồng thời, giải trí vừa là nhu cầu cơ bản, thiết yếu của con người, xã hội, vừa là hoạt động mang tính văn hóa - xã hội của con người trong thời gian rỗi. Do vậy, nghiên cứu sinh vận dụng lý thuyết thời gian rỗi và lý thuyết về nhu cầu của A.Maslow để nghiên cứu, làm cơ sở cho luận án “Văn hóa giải trí của người cao tuổi thành phố Hà Nội (qua khảo sát ở quận Hoàn Kiếm, quận Cầu Giấy và huyện Chương Mỹ)”.

1.2.2. Khái niệm văn hóa giải trí

1.2.2.1. Khái niệm văn hóa

Văn hóa là một phạm trù rộng, bao trùm nhiều lĩnh vực và đã được nhiều nhà nghiên cứu tiếp cận dưới các góc độ khác nhau. C.Mác coi văn hóa là toàn bộ những thành quả được tạo ra nhờ hoạt động lao động sáng tạo của con người - hoạt động sản xuất vật chất và tái sản xuất ra đời sống hiện thực của con người [7, tr.42]. Văn hóa được coi là “thiên nhiên thứ hai”, là “tác phẩm”, “thực tại” của con người - giới tự nhiên được con người cải biến, nhân hóa, mang ý nghĩa bản chất tộc loại của con người. C. Mác đã đồng nhất văn hóa với phương thức hoạt động sống đặc thù, phương thức hoạt động sống riêng chỉ con người mới có. Đó là phương thức mà con người sử dụng lao động sáng tạo của mình để biến đổi và cải tạo giới tự nhiên, “vận dụng bản chất cố hữu của mình” để cải tạo hiện thực khách quan, “nhào nặn”, “xây dựng” thực tại khách quan cho chính mình “theo các quy luật của cái đẹp” [7, tr.42]. Theo C.Mác, văn hóa là sự phát triển các lực lượng bản chất người của con người nhằm vươn tới hoàn thiện con người, xã hội theo hướng nhân bản hóa [dẫn theo 67, tr.35]. Trong đó, hoạt động giải trí là hoạt động tất yếu mang tính tộc loại của con người và cũng là hoạt động văn hóa, phát triển các năng lực bản chất người. Xã hội càng phát triển, hoạt động giải trí càng gắn bó chặt chẽ với đời sống xã hội của con người.

Từ những cơ sở khách quan, khoa học, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra quan niệm về văn hóa: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn” [42, tr.458]. Quan niệm văn hóa mà Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra đã khái quát nội dung rộng nhất của phạm trù văn hóa, bao hàm các hoạt động vật chất và tinh thần của con người cùng với các “phương thức sinh hoạt” mà con người sáng tạo ra; đồng thời, quan niệm văn

hóa của Người cũng chỉ ra nhu cầu sinh tồn của con người với tư cách chủ thể hoạt động của đời sống xã hội chính là nguồn gốc, động lực sâu xa của văn hóa.

Như vậy, trong quan điểm của các nhà nghiên cứu mác-xít và Chủ tịch Hồ Chí Minh, khái niệm văn hóa đều bắt nguồn từ quá trình sáng tạo của con người, bao hàm phương thức lao động, sinh hoạt nhằm thích ứng với các nhu cầu của mình (trong đó có nhu cầu giải trí), văn hóa biểu hiện năng lực bản chất của con người, trong đó có năng lực vươn tới hoàn thiện con người về thể chất và tinh thần thông qua giải trí. Quan niệm của C. Mác và Chủ tịch Hồ Chí Minh về văn hóa đã chỉ ra bản chất xã hội và chức năng của văn hóa, làm cơ sở nghiên cứu về văn hóa Việt Nam nói chung và văn hóa giải trí nói riêng.

1.2.2.2. Khái niệm giải trí

Trong các nền văn hóa khác nhau, có các quan niệm khác nhau về “giải trí”. Ở thời cổ đại, sự nhàn rỗi là biểu tượng của sự giàu có và địa vị xã hội. Ở Ai Cập cổ đại, việc giải trí chỉ giới hạn trong giới quý tộc, quân đội và các nhà lãnh đạo tôn giáo. Các hoạt động giải trí của nhóm người này thường bao gồm: Đấu vật, đấm bốc, bắn cung, nghệ thuật và âm nhạc. Khi đó, những khu vườn giải trí trở thành địa điểm lý tưởng, nơi các tầng lớp thượng lưu thư giãn và tận hưởng của bản thân họ. Ở Hy Lạp cổ đại, đối với tầng lớp quý tộc chủ nô và công dân tự do, “giải trí” là một cuộc trình diễn văn hóa dựa trên thiên định, suy tư và trí tuệ. Trên thực tế, người Hy Lạp cổ đại là những người đầu tiên phân biệt giữa công việc và giải trí. Họ thúc đẩy sự cân bằng giữa công việc và vui chơi để có một cuộc sống lành mạnh. Người La Mã cổ đại dành 175 ngày trong năm cho các trò chơi [72, tr.77-84].

Tại Pháp, “giải trí” thường được coi là sự tận hưởng thời gian rỗi để nghỉ ngơi, vui chơi hoặc phát triển con người. Từ điển của Học viện Hoàng gia Tây Ban Nha định nghĩa: “Giải trí” là thời điểm ngừng làm việc, không hoạt động hoặc hoàn toàn không hoạt động, tức là thời gian tự do hay là thời gian rảnh rỗi. Tại Mỹ Latinh, “giải trí” gắn liền với thời gian rỗi - khoảng thời gian mà con người không phải làm việc, do đó, nó thường bị gắn với sự lười biếng và rảnh rỗi. Đôi khi, điều này dẫn đến hiểu lầm rằng giải trí có hại cho sự phát triển của xã hội [107].

Ở Việt Nam, trong *Hán - Việt từ điển*, học giả Đào Duy Anh giải thích: “Giải trí” là khi làm việc rồi, làm cho trí não được khoan khoái; gần nghĩa với giải trí là tiêu khiển. Giải trí còn đồng nghĩa với vui chơi nên người ta thường nói vui chơi, giải trí [1, tr.323]. Theo *Từ điển Tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên, “giải trí” (về tính chất từ loại là động từ) về ý nghĩa của từ là làm cho trí óc thanh thoi bằng cách nghỉ ngơi hoặc tham gia các hoạt động vui chơi, ví dụ: Giải trí sau giờ làm việc, đánh cờ để giải trí; vui chơi là hoạt động giải trí một cách thích thú (nói khái quát), ví dụ: tổ chức vui chơi ngày chủ nhật [48, tr.517]. Theo Đoàn Văn Chúc, trong thời gian rỗi, con người thường thực hiện các hoạt động “nghỉ” (hay “nghỉ ngơi”), “chơi”, “giải trí”. “Giải trí” thường gắn liền với các trò chơi hoặc “đồ chơi”. Về tính chất, hoạt động giải trí được gọi là “hoạt động rỗi” bởi chúng diễn ra trong khoảng thời gian rỗi của con người [12]. Trong tiếng Việt, ba khái niệm “nghỉ”, “chơi” và “giải trí” tuy có những nét tương đồng nhưng vẫn có sự khác biệt, được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 1.1: So sánh sự giống và khác nhau giữa nghỉ ngơi, chơi và giải trí;

	Nghỉ ngơi	Chơi	Giải trí
Giống nhau	Đều là hoạt động được con người thực hiện trong thời gian rỗi nhằm đáp ứng nhu cầu của cá nhân		
Khác nhau	Mang tính sinh lý, đồng thời cũng mang tính bị động của chủ thể, dùng để chỉ sự ngừng các hoạt động lao động đang làm nhằm lấy lại thể lực, lấy lại sự cân bằng tinh thần trước khi quay trở lại làm việc.	Chỉ chung các hoạt động mang lại sự vui thú, sảng khoái trong tâm hồn), là hoạt động nghiêng về lĩnh vực tinh thần.	Bao hàm cả hoạt động “nghỉ” và “chơi”; thể hiện tính sáng tạo, mang đậm dấu ấn của chủ thể.

Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp

Theo nhà nghiên cứu Hoàng Vinh, “Giải trí là một dạng hoạt động xã hội, diễn ra chủ yếu là trong thời gian rỗi, nhằm lập lại thể cân bằng tâm - sinh lý, đồng thời đáp ứng các nhu cầu phát triển về các mặt: thể chất, trí tuệ, tình cảm, ý chí và cảm xúc thẩm mỹ của con người” [69, tr.91].

Trong xã hội công nghiệp phương Tây, “giải trí” thường gắn với các hoạt động trong thời gian rỗi, do vậy các từ leisure (tiếng Anh), loisirs (tiếng Pháp) hay досуг (tiếng Nga) lúc đầu có nghĩa là thời gian rảnh rỗi, sau được dùng để chỉ các hoạt động trong thời gian rỗi, tức là sự giải trí hay hoạt động giải trí. Theo nhà nghiên cứu Akintunde (Nigeria), giải trí là khoảng thời gian rỗi sau hoặc trước khi thực hiện các hoạt động bắt buộc như các hoạt động duy trì sự sống, công việc, giáo dục... Nhà khoa học L. Jackson (Mỹ) định nghĩa giải trí là khoảng thời gian rỗi, trong đó con người thoát khỏi những nghĩa vụ và nhu cầu thiết yếu của cuộc sống. Alla và Aijibua (Nigeria) cho rằng, giải trí biểu thị sự lựa chọn của mỗi cá nhân để dành thời gian rỗi của mình thực hiện các hoạt động theo sở thích hoặc nhu cầu nhất định hoặc thực hiện một trải nghiệm đem lại sự hài lòng vì lợi ích sức khỏe hoặc sự phát triển cá nhân.

Xem xét “giải trí” dưới góc độ là một hoạt động, nhà nghiên cứu Thụy Điền N. Agaha cho rằng, giải trí là bất kỳ hoạt động nào được tự do lựa chọn và theo đuổi vì lợi ích của cá nhân người thực hiện. Đó là hoạt động ngoài nghĩa vụ đối với công việc, gia đình và xã hội mà mỗi cá nhân có thể tùy ý thực hiện để thư giãn, mở rộng kiến thức, tăng cường tham gia xã hội và tự do thể hiện năng lực sáng tạo của mình.

Có thể thấy, giải trí vừa là nhu cầu, vừa là hoạt động tất yếu gắn liền với đời sống của con người từ cổ đại tới hiện đại. Đặc biệt khi xã hội ngày càng phát triển, giải trí như là hoạt động thể hiện bản chất người, trình độ phát triển của con người trong đời sống thường nhật. Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, chủ nghĩa cộng sản đạt đến trình độ phát triển con người toàn diện. Theo hai ông, trong xã hội cộng sản chủ nghĩa, con người được giải phóng triệt để, tự làm chủ mọi hoạt động của mình theo hướng có lợi cho tự do các cá nhân, lao động trở thành nhu cầu và là hoạt động tự giác của con người. (Tuy vậy, “giải trí” cũng có hai mặt tích cực và tiêu cực tùy thuộc vào thái độ chủ quan của chủ thể giải trí xin trình bày ở phần sau). Từ các quan điểm trên, dưới góc độ Văn hóa học có thể định nghĩa: *Giải trí là hoạt động có tính văn hóa do con người lựa chọn và tự nguyện thực hiện trong thời gian rỗi, bao gồm các hoạt động thể chất và tinh thần nhằm*

đem lại sự thư giãn, phục hồi thể lực và trí lực, thỏa mãn nhu cầu, sở thích của con người, giúp họ thể hiện bản thân, phát huy tính sáng tạo.

Như vậy, giải trí không chỉ là hoạt động sống tích cực mà còn là hoạt động có tính văn hóa - xã hội của mỗi cá nhân và cả cộng đồng người, hướng tới sự phát triển hoàn thiện con người cả về thể chất và tinh thần.

1.2.2.3. Khái niệm văn hóa giải trí

Nhu cầu giải trí là một trong những nhu cầu, thiết yếu thúc đẩy hoạt động giải trí của con người. Hoạt động giải trí của con người mang tính văn hóa - xã hội. Trong quá trình thực hành hoạt động giải trí, con người đã tạo nên văn hóa giải trí. Theo cách hiểu thông thường, văn hóa giải trí được hiểu là các phương thức hoạt động giải trí đáp ứng nhu cầu của con người, thường được mặc định là các hoạt động thiên về đời sống tinh thần như âm nhạc, điện ảnh, hội họa... Tuy nhiên, cách hiểu này chưa bao quát hết mọi hoạt động giải trí, bởi văn hóa giải trí không chỉ giới hạn trong lĩnh vực tinh thần mà còn bao gồm cả lĩnh vực hoạt động vật chất, vật thể (hoạt động thể chất của con người).

Từ hệ thống lý luận mác xít về văn hóa và hoạt động giải trí của con người, có thể định nghĩa: *Văn hóa giải trí là một bộ phận của nền văn hóa dân tộc. Đó là tổng thể sống động các yếu tố gồm: nhu cầu giải trí, hoạt động giải trí, thể chế, thiết chế, phương tiện giải trí và phương thức thực hành hoạt động giải trí của con người trong thời gian rỗi nhằm đáp ứng các nhu cầu giải trí, hướng tới các giá trị tốt đẹp của cộng đồng.*

Văn hóa giải trí còn là sự sáng tạo, phát minh trong hoạt động giải trí, đáp ứng nhu cầu sinh tồn và phát triển của con người và cộng đồng xã hội. Đối với cá nhân, văn hóa giải trí là tiến hành giải trí một cách có văn hóa nhằm đáp ứng nhu cầu giải trí và phát triển hoàn thiện con người, hướng tới các giá trị tốt đẹp. Đối với cộng đồng, văn hóa giải trí là kiểu sinh hoạt trong thời gian rỗi - thời gian giải trí của cộng đồng người (hay một nhóm xã hội).

“Văn hóa giải trí” còn có thể hiểu là văn hóa của hành vi (hoạt động giải trí) song văn hóa giải trí không đơn giản chỉ là hành vi giải trí đơn thuần mà nó bị chi phối bởi nhu cầu, ham muốn, năng lực, kỹ năng của chủ thể và thể chế,

thiết chế... giải trí của xã hội trong một bối cảnh cụ thể. Đó là cách nhìn từ mục đích luận, chức năng luận của hoạt động xã hội của con người mà C.Mác và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra. Văn hóa giải trí được tạo nên bởi các yếu tố cấu thành nội tại và các quan hệ hữu cơ giữa chúng. Nói cách khác, văn hóa giải trí có cấu trúc, chức năng như bất cứ loại hình văn hóa nào khác (văn hóa chính trị, văn hóa đạo đức, văn hóa giáo dục...).

Văn hóa giải trí là một bộ phận của nền văn hóa dân tộc, góp phần làm phong phú thêm bức tranh văn hóa chung của cả dân tộc, phản ánh những thói quen, chuẩn mực, phong cách sống của cộng đồng trong từng giai đoạn lịch sử đồng thời phản ánh những đặc điểm riêng biệt của nền văn hóa đó. Văn hóa giải trí không chỉ là tổng thể các nhu cầu, hoạt động, thiết chế, thể chế, phương tiện giải trí và cách thức con người thực hành hoạt động giải trí để giải tỏa căng thẳng, mệt mỏi... mà còn thể hiện phong cách sống, giá trị thẩm mỹ và sở thích của cộng đồng trong từng thời kỳ lịch sử nhất định. Ví dụ: Ở Việt Nam thời phong kiến, các hình thức nghệ thuật giải trí như chèo, tuồng, cải lương, kể chuyện ngụ ngôn, chuyện tiểu lâm... thường phản ánh đời sống làng quê và hệ giá trị đạo đức truyền thống. Trong thời hiện đại, các hoạt động như xem phim, chơi games, du lịch thể hiện sự giao thoa, hội nhập văn hóa toàn cầu và sự thay đổi trong nhu cầu, phương thức giải trí của người dân.

Văn hóa giải trí mang tính lịch sử rõ nét. Mỗi giai đoạn lịch sử đều có những hình thức văn hóa giải trí đặc trưng, phản ánh bối cảnh xã hội, công nghệ và tư duy của thời đại. Ví dụ: Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, Mỹ cứu nước, nội dung của các sản phẩm giải trí thường mang tinh thần đoàn kết dân tộc, cổ vũ, khích lệ nhân dân ta đấu tranh, hướng về hòa bình, giải phóng đất nước. Khi đất nước bước vào thời kỳ hòa bình và hội nhập quốc tế, các hoạt động, sản phẩm giải trí trở nên đa dạng, kết hợp giữa truyền thống và hiện đại; nội dung chuyển dần vào khuyến khích niềm vui, hạnh phúc, phát triển đất nước, con người... Bên cạnh đó, văn hóa giải trí còn chịu tác động của các yếu tố chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Về chính trị, các quan điểm, đường lối, chính sách quản lý văn hóa có thể định hướng nội dung và hình thức giải trí. Ví dụ, thời kỳ

bao cấp ở Việt Nam, các hoạt động giải trí thường mang tính giáo dục và định hướng xã hội. Về kinh tế, điều kiện kinh tế của đất nước, mức sống của người dân ảnh hưởng đến mức độ tiêu dùng các dịch vụ giải trí. Sự phát triển kinh tế mở rộng khả năng người dân tiếp cận với các loại hình giải trí mới, hiện đại. Về văn hóa, văn hóa truyền thống đóng vai trò nền tảng trong việc tạo dựng và hình thành văn hóa giải trí, nhưng văn hóa quốc tế cũng có tác động mạnh mẽ, tạo nên sự đa dạng trong các sản phẩm, phương thức thực hành giải trí. Về xã hội, sự thay đổi trong cơ cấu dân số, lối sống, công nghệ thông tin làm biến đổi cách thức và nội dung giải trí, góp phần hình thành nên những loại hình văn hóa giải trí mới.

Người cao tuổi là một bộ phận dân cư quan trọng của mọi quốc gia, dân tộc. Trên thế giới hiện nay có nhiều cách gọi khác nhau được sử dụng để chỉ những người cao tuổi. Ví dụ: Trong các văn bản pháp lý tiếng Anh, “người cao tuổi” (older/ elderly persons), “người già” (the aged), “người cao niên” (seniors) hay “người lao động cao tuổi” (elderly workers) ... là những thuật ngữ thường được dùng để chỉ nhóm dân số có độ tuổi cao trong xã hội. Việc xác định khái niệm người cao tuổi còn tùy thuộc vào từng quốc gia, phụ thuộc vào điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của từng nước và phụ thuộc vào cách tiếp cận của các nhà nghiên cứu.

Trong công trình *Bình đẳng giới ở Việt Nam*, Trần Thị Vân Anh và Nguyễn Hữu Minh, có 4 cách tiếp cận để xác định người cao tuổi, đó là dựa vào độ tuổi nghỉ hưu, dựa vào sự lão hóa của cơ thể đã bộc lộ qua hình dáng bên ngoài như da mồi, tóc bạc hay khả năng vận động, khả năng độc lập kinh tế và dựa vào các mối quan hệ xã hội [2]. Tuy nhiên, mỗi cách tiếp cận đều có những thuận lợi và khó khăn. Theo các tác giả này, độ tuổi là tiêu chí để xác định ai là người cao tuổi sẽ phù hợp hơn, bởi vì dựa vào số liệu về năm sinh, người nghiên cứu có thể dễ dàng và nhanh chóng tiếp cận đối tượng điều tra.

Về mặt độ tuổi, tùy thuộc vào điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, mức sống, tuổi thọ ở mỗi nước mà độ tuổi dùng để xác định “người cao tuổi” có sự khác biệt. Ở các nước phát triển, độ tuổi được coi là người cao tuổi có xu hướng cao hơn ở các nước đang phát triển. Cụ thể, tại hầu hết các nước châu Âu,

người cao tuổi là những người từ 65 tuổi trở lên, trong khi ở một số nước châu Phi thì độ tuổi của người cao tuổi chỉ từ 50-55 [22].

Các tổ chức quốc tế cũng có cách nhận diện khác nhau về người cao tuổi. Theo Ủy ban về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, người cao tuổi là người từ 60 tuổi trở lên. Quỹ dân số Liên Hợp quốc (UNPFA) cho rằng, “những người có độ tuổi từ 60 trở lên là người cao tuổi”. Theo tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và cơ quan Thống kê của Liên minh châu Âu (Eurostat), những người từ 65 tuổi trở lên là người cao tuổi. Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), người cao tuổi là người từ 60 tuổi trở lên [84; 93; 22; 113].

Tại Việt Nam, theo Luật Người cao tuổi (năm 2009), người cao tuổi là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên [49].

Từ các luận điểm khoa học về “Văn hóa giải trí” và quan niệm về “Người cao tuổi”, có thể định nghĩa:

Văn hóa giải trí của người cao tuổi là một bộ phận của văn hóa giải trí nói chung. Đó là tổng thể sống động các yếu tố bao gồm: nhu cầu giải trí, hoạt động giải trí, thể chế, thiết chế, phương tiện giải trí cũng như phương thức thực hành hoạt động giải trí của người cao tuổi trong thời gian rỗi nhằm đáp ứng nhu cầu giải trí của họ, hướng tới những giá trị tốt đẹp.

So với các nhóm đối tượng khác, văn hóa giải trí của người cao tuổi có những đặc trưng cơ bản sau:

Thứ nhất, đặc trưng của chủ thể.

Chủ thể của văn hóa giải trí của người cao tuổi là những người từ 60 tuổi trở lên; họ có những đặc điểm riêng về thể chất, tinh thần, kinh tế, văn hóa, xã hội... Tuy nhiên, người cao tuổi không thể thực hành văn hóa giải trí nếu trí óc không minh mẫn và thể chất yếu ớt. Chỉ khi người cao tuổi đủ năng lực nhận thức và hành động thì văn hóa giải trí mà mỗi cá nhân thực hành mới đem lại tác dụng giải trí đúng nghĩa. Bên cạnh đó, khi thực hành các hoạt động giải trí để thỏa mãn các nhu cầu của mình, người cao tuổi - chủ thể giải trí cũng chịu ảnh hưởng của các điều kiện tự nhiên và điều kiện xã hội nơi họ sinh sống. Trong phạm vi nghiên cứu này, chủ thể giải trí mà nghiên cứu sinh

đề cập tới chính là người cao tuổi tự ý thức, tự nguyện thực hiện các hoạt động giải trí.

Thứ hai, đặc trưng về thời gian giải trí.

So với các nhóm tuổi khác, đa phần người cao tuổi đã giảm các hoạt động lao động để duy trì sự sống bởi họ đã có quá trình sản xuất và tích lũy vật chất lâu dài, cơ bản có thể đảm bảo cho quãng đời còn lại. Do đó, ở người cao tuổi, thời gian rỗi là thời gian còn lại sau khi đã thực hiện các hoạt động sống cần thiết (ăn uống, ngủ nghỉ, vệ sinh...). Thời gian rỗi ở người cao tuổi nhiều hơn hẳn các nhóm tuổi khác (nhóm tuổi thiếu nhi dành phần lớn thời gian cho việc học tập, nhóm tuổi thanh niên và trung niên dành phần lớn thời gian cho việc lao động, sản xuất của cải vật chất...) và thường được họ dành để thực hành giải trí hoặc các hoạt động khác nhằm duy trì sức khỏe, đem lại niềm vui, ý nghĩa cho cuộc sống.

Thứ ba, đặc trưng về mục đích.

Cùng mục đích chung là thỏa mãn nhu cầu giải trí của chủ thể song văn hóa giải trí của người cao tuổi có mục đích khác biệt so với các nhóm tuổi khác. Ở nhóm tuổi thiếu nhi, giải trí là cách thiếu nhi khám phá, học tập các kỹ năng cần thiết cho cuộc sống thông qua các trò chơi. Đến tuổi thanh niên, trung niên, giải trí là cách thức họ kết nối với xã hội, thể hiện bản thân... Ở người cao tuổi, thực hành văn hóa giải trí là cách thức giúp họ duy trì, bảo đảm sức khỏe thể chất và tinh thần; giúp họ tìm được niềm vui, ý nghĩa trong cuộc sống; phát triển bản thân và đóng góp cho xã hội. Văn hóa giải trí của người cao tuổi mang tinh thần nhân văn, tích cực, phát huy năng lực thể chất và tinh thần của người cao tuổi và hướng tới việc đáp ứng cuộc sống tốt hơn đối với họ.

Thứ tư, đặc trưng về phương thức thực hành văn hóa giải trí.

Phương thức thực hành văn hóa giải trí của người cao tuổi có sự khác biệt so với các nhóm tuổi khác thể hiện ở một số điểm quan trọng:

- Về sở thích và loại hình giải trí: Người cao tuổi thường ưa thích những hoạt động giải trí nhẹ nhàng, thư giãn và không quá căng thẳng giúp họ duy trì và tăng cường sức khỏe thể chất và tinh thần. Họ thường chọn các hoạt động ít rủi ro và không làm tổn hại đến sức khỏe như tham gia các hoạt động thể dục

nhẹ như yoga, đi bộ, dưỡng sinh hay đọc sách, nghe nhạc, xem phim, gặp gỡ, giao lưu với bạn bè, người thân... Các nhóm tuổi trẻ hơn, đặc biệt là thanh niên và thiếu niên, có xu hướng ít quan tâm đến tác động lâu dài của các hoạt động giải trí và thường tham gia vào những hoạt động mạo hiểm, thể thao hoặc các hoạt động giải trí có tính chất thử thách cao hoặc tham gia các sự kiện xã hội đông người.

- Về tần suất và thời gian dành cho giải trí: Người cao tuổi thường dành nhiều thời gian cho giải trí hơn, đặc biệt là khi họ được nghỉ ngơi, không phải tham gia các hoạt động lao động sản xuất vật chất. Tuy nhiên, thời gian giải trí của họ có thể phân bổ đều hơn vào các hoạt động trong ngày, với mục tiêu thư giãn và duy trì sức khỏe. Các nhóm tuổi trẻ có thể tham gia giải trí vào các giờ nghỉ ngơi, cuối tuần hoặc trong những kỳ nghỉ, nhưng thường có xu hướng kết hợp giải trí với công việc, học tập hoặc các mối quan hệ xã hội.

- Về công nghệ và phương tiện giải trí: Người cao tuổi có thể ít tiếp cận với công nghệ và các phương tiện giải trí kỹ thuật số như trò chơi điện tử, mạng xã hội, hay các ứng dụng giải trí so với các nhóm tuổi trẻ hơn. Họ vẫn ưu tiên các phương tiện truyền thống như sách báo, tivi, hoặc các buổi gặp mặt xã hội trực tiếp. Các nhóm tuổi trẻ thường xuyên sử dụng công nghệ, tham gia vào các hoạt động trực tuyến, mạng xã hội, hoặc chơi game trực tuyến, xem video trên các nền tảng số.

1.2.3. Các yếu tố cấu thành văn hóa giải trí

Văn hóa giải trí là một chỉnh thể, được cấu thành từ các bộ phận khác nhau có liên quan chặt chẽ, tác động qua lại với nhau, cụ thể như sau:

Thứ nhất, nhu cầu giải trí

Nhu cầu là một hiện tượng tâm lý của con người; là đòi hỏi, mong muốn, nguyện vọng của con người về vật chất và tinh thần để tồn tại và phát triển. Nhu cầu là cảm giác thiếu hụt một cái gì đó mà con người cảm nhận được. Nhu cầu là yếu tố thúc đẩy con người hành động. Nhu cầu càng cấp bách thì khả năng chi phối con người càng cao. Tùy theo đặc điểm tâm, sinh lý, đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội..., mỗi người lại có những nhu cầu khác nhau.

Nhu cầu giải trí giữ vai trò là nguồn gốc, động cơ của hoạt động giải trí; đó là đòi hỏi nội tại của mỗi cá nhân cần được giải phóng, thư giãn về mặt tinh thần và thể chất. Khi xuất hiện nhu cầu giải trí, con người bị thôi thúc hành động để thỏa mãn nhu cầu đó khi điều kiện cho phép.

Nhu cầu giải trí đã xuất hiện từ xa xưa trong lịch sử phát triển của nhân loại. Khi xã hội ngày càng phát triển, các nhu cầu cơ bản của con người được đáp ứng thì nhu cầu giải trí ngày càng tăng cao. Khi bước vào xã hội công nghiệp bận rộn, phân công lao động sâu sắc, áp lực công việc lớn, đặc biệt là trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư như hiện nay, nhu cầu giải trí của con người ngày càng gia tăng. Do đó, con người trong xã hội công nghiệp có nhu cầu giải trí nhằm giải phóng năng lượng dự trữ dư thừa, giải tỏa những mệt mỏi về thể chất và tinh thần, lập lại chế độ cân bằng nội tại để tái sản xuất sức lao động ngày một cao hơn. Ngày nay, nhu cầu giải trí không kém phần quan trọng so với các nhu cầu cơ bản khác của con người. Chất lượng cuộc sống của con người trong xã hội hiện đại được nâng cao một phần nhờ vào việc các nhu cầu giải trí của con người được đáp ứng, thỏa mãn.

Như đã nói ở trên, giải trí là hoạt động mang tính văn hóa - xã hội; nhu cầu giải trí là nhu cầu nghỉ ngơi về thể chất và tinh thần bằng việc chuyển trạng thái hoạt động từ các hoạt động sinh tồn bắt buộc sang các hoạt động tự do (hay còn gọi là hoạt động giải trí) theo nhu cầu và sở thích của mỗi cá nhân. Hoạt động giải trí rất quan trọng trong việc giúp con người đáp ứng các nhu cầu cơ bản, đặc biệt là những nhu cầu không thể đạt được trong hoạt động thường ngày.

Theo lý thuyết nhu cầu của A.Maslow, có thể thấy nhu cầu giải trí nghiêng về các nhu cầu bậc cao của con người, không gắn liền với sự tồn tại sinh học mà là sự vươn cao, nhằm thỏa mãn nhu cầu thể chất và tinh thần, tự hoàn thiện và tự khẳng định mình hướng tới các giá trị tốt đẹp của cộng đồng, xã hội. Là một hoạt động mang tính văn hóa - xã hội, do đó, càng ở các bậc cao thì hoạt động giải trí càng đi sâu vào thỏa mãn các nhu cầu mang đậm chất “người” hơn.

Thứ hai, hoạt động giải trí

Khi nhu cầu giải trí xuất hiện, trong điều kiện cho phép (có thời gian rảnh, có điều kiện vật chất và tinh thần đáp ứng) thì chủ thể giải trí sẽ thực

hiện các hoạt động giải trí. Hoạt động giải trí chính là các hoạt động của chủ thể giải trí được thực hiện một cách tự nguyện, có ý thức nhằm thỏa mãn nhu cầu giải trí của mình.

Nghiên cứu trong thế giới tự nhiên, các nhà khoa học nhận thấy hoạt động “vui chơi” diễn ra ở các loài động vật, các loài động vật bậc càng cao thì hoạt động vui chơi diễn ra càng nhiều. Tuy nhiên, các hoạt động vui chơi này phần nhiều mang tính bản năng, chưa có ý thức và chưa thể hiện được tính xã hội của nó. Chỉ ở con người, hoạt động này mới mang tính giải trí đúng nghĩa; là kết quả của quá trình phát triển cả về mặt tự nhiên và xã hội của loài người.

Hoạt động giải trí của chủ thể giải trí đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung. Hoạt động giải trí bao gồm cả trạng thái thụ động tiếp nhận và phát triển đến trạng thái chủ động tham gia vào hoạt động sáng tạo. Hoạt động văn hóa giải trí không chỉ ở trạng thái tĩnh (đọc, xem, nghe, nhìn) mà cả ở trạng thái vận động: vận động cơ thể (thể dục thể thao, biểu diễn nghệ thuật) hay du lịch, tham quan...

Hoạt động giải trí thường diễn ra theo tiến trình sau: Trước hết, nhu cầu giải trí xuất hiện ở con người, đòi hỏi cần được đáp ứng. Kế đó, con người sẽ tìm cách thỏa mãn nhu cầu giải trí thông qua phân tích đặc điểm tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội của môi trường mà người đó thuộc về, từ đó tìm ra phương thức giải trí phù hợp. Từ đó, con người sử dụng các nguồn lực, phương tiện, tiến hành hoạt động giải trí trong thời gian rỗi (hoạt động giải trí nằm trong khuôn khổ điều kiện tự nhiên, xã hội đó); họ có thể tự thực hiện hoạt động giải trí hoặc kết hợp với những người xung quanh hoặc người cùng chơi để thực hiện hoạt động giải trí nhằm đạt được mục tiêu cao nhất là đáp ứng nhu cầu giải trí và phát triển hoàn thiện thể chất và năng lực con người.

Hoạt động giải trí của con người chịu ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và điều kiện xã hội. Về điều kiện tự nhiên, đó là đặc điểm thể chất của cá nhân, đặc điểm địa chất, địa hình của khu vực sinh sống; về điều kiện xã hội, đó chính là điều kiện về cơ sở hạ tầng, truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán, luật pháp... nơi người đó sinh sống. Con người khi thực hiện các hoạt động giải trí đều phải thuận theo các điều kiện tự nhiên và xã hội này để hoạt động giải trí đạt được hiệu quả cao nhất.

Thứ ba, thiết chế - thể chế - phương tiện giải trí

** Thiết chế văn hóa giải trí*

Thiết chế văn hóa giải trí là một bộ phận của thiết chế văn hóa. Theo đó, thiết chế văn hóa giải trí là chỉnh thể các yếu tố: Cơ sở vật chất, bộ máy tổ chức, nhân sự, quy chế hoạt động, nguồn kinh phí liên quan đến hoạt động giải trí. Có thể hiểu rằng, thiết chế văn hóa giải trí là thuật ngữ dùng để chỉ các cơ quan, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực văn hóa giải trí do Nhà nước hoặc cộng đồng xã hội lập ra trong khuôn khổ pháp luật hoặc quy chế của ngành, đoàn thể nhằm đáp ứng nhu cầu giải trí của công chúng, góp phần xây dựng đời sống văn hóa ở địa phương, đất nước. Thiết chế văn hóa giải trí không chỉ đơn thuần là những công trình vật chất cụ thể như công viên, bảo tàng, rạp hát... mà bao hàm trong đó là hệ thống cơ chế, chính sách vận hành; đội ngũ nhân lực làm công tác quản lý, tổ chức; nguồn lực tài chính và các chủ thể hoạt động.

Thiết chế văn hóa giải trí cũng có thể coi là điều kiện xã hội để hoạt động giải trí của chủ thể được diễn ra. Nó bao gồm điều kiện về lịch sử, chính trị, xã hội... tác động tới quá trình thực hiện hoạt động giải trí của con người. Trong xã hội phân chia giai cấp sâu sắc, giai cấp bị trị (những người lao động chính trong xã hội) hầu như không có thời gian, điều kiện và quyền để thực hiện hoạt động giải trí. Ở thời cổ đại, các hoạt động vui chơi, giải trí như bắn cung, chơi cờ, thưởng thơ, hội họa... chủ yếu dành cho tầng lớp thượng lưu, cho giai cấp thống trị do họ hội tụ được đầy đủ các điều kiện về thời gian, vật chất, quyền lực... để thực hiện.

** Thể chế văn hóa giải trí*

Thể chế văn hóa giải trí là hệ thống gồm pháp luật, quy định, quy tắc, chế định... quy định, điều tiết hoạt động giải trí của con người, nhằm đảm bảo thỏa mãn nhu cầu giải trí của cá nhân, cộng đồng cũng như hài hòa lợi ích của các cá nhân, cộng đồng trong quá trình thực hành hoạt động giải trí. Hiện nay, tại một số quốc gia, do yếu tố tôn giáo chi phối, hoạt động giải trí chỉ được thực hiện hạn chế bởi một số nhóm đối tượng. Ví dụ: Tại Afghanistan, kể từ sau khi trở lại nắm quyền vào tháng 8-2021, chính quyền Taliban đã ban hành các điều luật hạn

chế phụ nữ đi học hay làm việc trong cơ quan chính quyền; bị ngừng cấp giấy phép lái xe. Ngoài ra, phụ nữ cũng bị cấm đi du lịch một mình, chỉ được đến công viên vào thứ năm, thứ sáu và thứ bảy [0]...

Thể chế văn hóa giải trí có thể được cụ thể hóa thành luật chơi trong các môn thể thao, các quy tắc thực hành các hoạt động văn hóa nghệ thuật hoặc dưới hình thức luật lệ của các trò chơi dân gian... Thể chế văn hóa giải trí quy định vai trò, trách nhiệm, cách thức mà mỗi cá nhân, cộng đồng cần phải tuân theo trong quá trình thực hành giải trí.

Mỗi quốc gia, vùng, miền đều có thể có những thiết chế, thể chế văn hóa giải trí riêng được xây dựng dựa trên đặc điểm tự nhiên, lịch sử, văn hóa, xã hội... cụ thể của quốc gia, vùng, miền đó. Dù thiết chế, thể chế văn hóa giải trí có sự đa dạng giữa các vùng, miền, đất nước, song tựu trung lại đều hướng tới việc thỏa mãn nhu cầu giải trí của con người và đảm bảo sự hài hòa lợi ích của các cá nhân, cộng đồng trong thực hành giải trí.

Trong xã hội hiện đại, khi con người được đảm bảo các quyền cơ bản, giải trí đã trở thành một nhu cầu, hoạt động không thể thiếu trong đời sống và được luật định. Điều 24, Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền (1948) nêu rõ: “Ai cũng có quyền nghỉ ngơi và giải trí, được hưởng sự hạn định hợp lý số giờ làm việc và những ngày nghỉ định kỳ có trả lương” [36]. Điều 15 trong Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa đã cụ thể hóa nội dung của Điều 27 của Tuyên ngôn Nhân quyền quốc tế, theo đó, các quốc gia thành viên Công ước thừa nhận mọi người đều có quyền tự do tham gia vào đời sống văn hóa của cộng đồng, được thưởng thức nghệ thuật và chia sẻ những tiến bộ khoa học cũng như những lợi ích xuất phát từ những tiến bộ khoa học [dẫn theo 18]... Tuy vậy, trong một số hoàn cảnh, hoạt động vui chơi, giải trí của mỗi cá nhân buộc phải bị hạn chế để đảm bảo an ninh, an toàn cho cả cộng đồng. Ví dụ: Sau khi đại dịch Covid-19 bùng phát trên toàn thế giới vào năm 2020, một loạt các quốc gia đã ban bố tình trạng khẩn cấp và ban hành lệnh phong tỏa cho từng địa phương hoặc cả quốc gia. Toàn bộ các hoạt động di chuyển, giao lưu, tiếp xúc, tập trung đông người tại nơi công cộng, trong đó có hoạt động giải trí, đều bị hạn chế.

** Phương tiện giải trí*

Phương tiện giải trí là các công cụ, đạo cụ hoặc trang thiết bị được sử dụng để thực hành hoặc hỗ trợ con người thực hành hoạt động giải trí. Những phương tiện này giúp con người thực hiện các hoạt động giải trí, giải tỏa căng thẳng, thư giãn và giúp họ tận hưởng những trải nghiệm giải trí tốt hơn. Phương tiện giải trí gồm nhiều loại khác nhau như đồ chơi (bóng, dây, que chuyền, phao...), phát thanh, truyền hình, mạng Internet, các thiết bị điện tử, sách, báo... Những phương tiện giải trí này mang đến nhiều hình thức giải trí đa dạng và thú vị cho mọi người, phù hợp với sở thích và lựa chọn cá nhân của từng người. Đối với một số loại hình giải trí, phương tiện giải trí là thành tố thiết yếu, nếu thiếu nó thì hoạt động giải trí không thể diễn ra, ví dụ: con diều trong trò chơi thả diều, quả bóng trong trò chơi đá bóng, ném bóng...

Thứ tư, phương thức thực hành hoạt động giải trí

Theo Từ điển tiếng Việt, phương thức là cách thức và phương pháp tiến hành một hoạt động, sự việc nào đó. Phương thức thực hành hoạt động giải trí là cách thức và phương pháp mà cá nhân hoặc nhóm người sử dụng để thực hiện các hoạt động giải trí nhằm đáp ứng nhu cầu giải trí. Phương thức thực hành hoạt động giải trí bao gồm nhiều yếu tố khác nhau: Sự chọn lựa hoạt động: Đây là quyết định về loại hình giải trí mà cá nhân lựa chọn tham gia, chẳng hạn như thể thao, nghệ thuật, âm nhạc, trò chơi điện tử, du lịch, hay các hoạt động xã hội khác. Sự lựa chọn hoạt động giải trí của mỗi cá nhân, nhóm, dân tộc phục thuộc vào nhiều yếu tố như đặc điểm thể chất - sinh học, điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội hoặc sở thích của mỗi người.

- Cách thức tham gia: Phương thức thực hành hoạt động giải trí có thể diễn ra theo hình thức cá nhân hoặc nhóm. Ví dụ, một người có thể tham gia hoạt động giải trí một mình (chơi games, đọc sách) hoặc tham gia cùng bạn bè, gia đình (dã ngoại, xem phim). Hình thức tham gia có thể là trực tiếp (chơi thể thao, tham gia lớp học nghệ thuật) hoặc gián tiếp (xem chương trình truyền hình, nghe nhạc, đọc sách).

- Thời gian và tần suất: Phương thức thực hành hoạt động giải trí cũng phụ thuộc vào thời gian mà cá nhân, nhóm... có thể dành cho các hoạt động này. Một

số người có thể tham gia giải trí mỗi ngày, trong khi những người khác có thể tham gia vào cuối tuần hoặc vào kỳ nghỉ. Tần suất tham gia cũng có thể thay đổi, ví dụ như một hoạt động giải trí thể thao có thể được thực hiện hằng ngày hoặc hằng tuần.

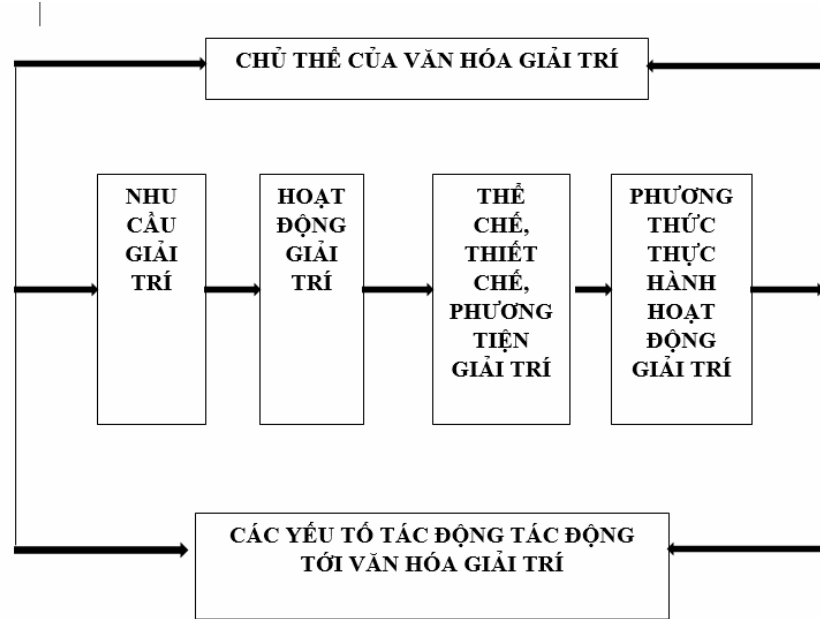
- Phương tiện sử dụng: Phương thức thực hành cũng liên quan đến các công cụ và phương tiện được sử dụng trong các hoạt động giải trí, như việc sử dụng điện thoại, máy tính, các thiết bị thể thao, nhạc cụ, hoặc các không gian giải trí như công viên, rạp chiếu phim, sân chơi cộng đồng... Các phương tiện sử dụng rất đa dạng, phong phú, từ đơn giản, thô sơ đến các công nghệ hiện đại. Phương tiện giải trí có tác dụng lớn trong việc thực hành hoạt động giải trí của con người. Một số hoạt động giải trí không thể thực hiện được nếu thiếu phương tiện giải trí. Điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của mỗi cá nhân có tác động mạnh mẽ đến việc đầu tư ngân sách và chọn lựa phương tiện giải trí của họ.

- Địa điểm thực hành hoạt động giải trí: Tùy thuộc vào đặc điểm của chủ thể giải trí và điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội nơi chủ thể giải trí sinh sống mà địa điểm thực hành hoạt động giải trí có thể khác nhau. Đó có thể là tại nhà, tại khu vực công cộng (công viên, nhà văn hóa, sân vận động...) hoặc tại các địa điểm cung cấp dịch vụ giải trí (bảo tàng, rạp hát, rạp chiếu phim...).

- Mục đích thực hành hoạt động giải trí: Đó chính là mong muốn mà cá nhân, nhóm muốn đạt được thông qua hoạt động giải trí. Có thể là mục đích thư giãn, giảm căng thẳng, phát triển kỹ năng cá nhân, hoặc chỉ đơn giản là vui chơi. Tùy thuộc vào mục đích, các hoạt động có thể mang lại lợi ích sức khỏe (như yoga, thể thao) hoặc hỗ trợ phát triển tinh thần, cảm xúc (như tham gia nghệ thuật, âm nhạc, và các hoạt động sáng tạo).

Ngoài ra, cơ cấu của văn hóa giải trí còn bao gồm quan niệm, triết lý giải trí; không gian, cảnh quan giải trí; biểu tượng giải trí...

Từ sự phân tích cơ cấu của văn hóa giải trí và các nhân tố tác động tới văn hóa giải trí, trong luận án này, nghiên cứu sinh hình thành nên khung phân tích nội dung vấn đề nghiên cứu sau:



Hình 1.2: Khung phân tích văn hóa giải trí

1.2.4. Phân loại văn hóa giải trí

Tiếp cận từ góc độ hoạt động giải trí, trên cơ sở coi giải trí là hoạt động tự nguyện trong thời gian rỗi mà con người sử dụng khả năng và nguồn lực của mình để đạt được thành công, Robbert Stebbins (Canada) chia giải trí thành ba loại, và đây cũng chính là 3 loại hình văn hóa giải trí cá nhân: 1/ Giải trí thông thường (casual leisure): là loại hình đem lại sự thú vị ngay lập tức, tương đối ngắn hạn, cần ít hoặc không cần đào tạo đặc biệt để thực hiện. 2/ Giải trí nghiêm túc (serious leisure): Là sự theo đuổi một cách có hệ thống một hoạt động nghiệp dư, thường là những người có sở thích hoặc hoạt động tình nguyện đủ cơ bản, thú vị và thỏa mãn để người đó coi giải trí như một nghề nghiệp, là sự kết hợp của kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm của người thực hiện. 3/ Giải trí dựa trên dự án (project-based leisure): Loại hình này thường ngắn hạn, có mức độ phức tạp vừa phải, có thể diễn ra một lần hoặc không thường xuyên. Mặc dù không diễn ra thường xuyên, giải trí dựa trên dự án được thực hiện trong thời gian rỗi, đòi hỏi phải có kế hoạch, nỗ lực đáng kể [108]. Tương tự như vậy, đối với văn hóa giải trí cá nhân, Alayode Ajibua đã phân chia thành hoạt động trong thời gian rỗi, hoạt động vui chơi, trạng thái tâm trí và giải trí liên quan đến công việc [72].

Từ quan điểm sinh học, tiến hóa của Karl Groos, Peter Gray nhận thấy các hoạt động vui chơi, giải trí ở trẻ em gắn với các kiểu kỹ năng sinh tồn cơ bản của con người. Từ đó, ông phân văn hóa giải trí thành 6 loại, bao gồm: Vui chơi thể chất (phát triển cơ thể, học cách di chuyển theo phương thức phối hợp), vui chơi ngôn ngữ (học cách trò chuyện ở trẻ nhỏ, thơ ca, sáng tác văn học ở tuổi trưởng thành), vui chơi khám phá (các kỹ năng được phát triển ở trẻ em qua các trò chơi, từ đó trẻ mở lòng sẵn sàng đón nhận những phát kiến mới thực hiện trong suốt lúc chơi), vui chơi kiến tạo (giúp đứa trẻ nỗ lực tạo ra một vật gì đó có suy nghĩ của mình), vui chơi giả tưởng (bồi dưỡng khả năng tưởng tượng, tạo nền tảng cho sự phát triển tư duy logic). Đây cũng là 6 loại hình văn hóa giải trí của cá nhân.

Việc phân loại văn hóa giải trí còn có thể dựa vào các tiêu chí khác nhau như quy mô chủ thể tham gia, địa điểm diễn ra hay hình thức diễn ra cụ thể, chẳng hạn: 1) Phân loại theo quy mô chủ thể tham dự gồm có: Văn hóa giải trí cá nhân, văn hóa giải trí nhóm và văn hóa giải trí tập thể/ cộng đồng; 2) Căn cứ theo địa điểm tổ chức, có thể phân loại văn hóa giải trí thành văn hóa giải trí trong nhà (indoor leisure) và văn hóa giải trí ngoài trời (outdoor leisure); 3) Dựa trên hình thức tham gia của chủ thể, có thể phân loại văn hóa giải trí thành văn hóa giải trí chủ động (vẽ tranh, ca hát...) và văn hóa giải trí thụ động (nghe nhạc, xem phim...).

Dựa trên tính chất của hoạt động giải trí, nghiên cứu sinh phân văn hóa giải trí thành hai loại cơ bản sau:

Một là, văn hóa giải trí thể chất gắn với các hoạt động vận động thể chất như thể dục thể thao, khiêu vũ... Loại hình văn hóa giải trí này thường diễn ra trong khoảng thời gian giới hạn, có tác dụng tức thì, đem lại cảm giác thích thú một cách có ý thức cho người thực hiện do trong quá trình vận động, não bộ tiết ra endorphins có tác dụng làm gia tăng khoái cảm và cảm giác khỏe mạnh, giảm sự đau đớn và khó chịu của người thực hiện.

Hai là, văn hóa giải trí tinh thần gắn với các hoạt động tinh thần như nghe nhạc, xem phim, giao lưu, du lịch... Đó chính là quá trình con người hưởng thụ, tiêu thụ các sản phẩm văn hóa. Loại hình văn hóa giải trí này giúp con người đạt

được sự thư thái, thoải mái trong và sau quá trình thực hiện. Tác động của văn hóa giải trí tinh thần có thể kéo dài nhiều giờ sau khi hoạt động giải trí đó kết thúc.

Sự phát triển cao nhất của văn hóa giải trí tinh thần gắn với *các hoạt động sáng tạo của chủ thể*, giúp chủ thể thể hiện và phát huy “cái tôi”, hoàn thiện bản ngã ở mức cao. Đó chính là quá trình sáng tạo sản phẩm văn hóa, là văn hóa giải trí ở cấp độ cao nhất. Hoạt động sáng tạo sản phẩm văn hóa thường gắn liền với sở thích cá nhân và năng lực của mỗi chủ thể. Quá trình sáng tạo ra các sản phẩm văn hóa vừa giúp chủ thể thể hiện, phát huy bản ngã, vừa là quá trình tái nhận thức và hoàn thiện của chủ thể.

Việc phân chia văn hóa giải trí thành hai loại hình văn hóa giải trí thể chất và văn hóa giải trí tinh thần trên đây chỉ mang tính tương đối vì trong thực tế các loại hình văn hóa giải trí đều đan xen, tác động và biểu hiện qua nhau. Trong quá trình khảo sát văn hóa giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội, nghiên cứu sinh áp dụng cách phân loại văn hóa giải trí gồm 2 loại hình: Văn hóa giải trí thể chất và văn hóa giải trí tinh thần đã đề cập ở trên để tiến hành nghiên cứu đề tài.

1.2.5. Vai trò của văn hóa giải trí

Văn hóa giải trí là một bộ phận trong đời sống văn hóa, do vậy nó mang đầy đủ các vai trò của văn hóa đồng thời văn hóa giải trí còn có các vai trò đặc trưng sau:

Thứ nhất, văn hóa giải trí tái tạo năng lượng, phục hồi sức khỏe thể chất và tinh thần.

Văn hóa giải trí bao gồm các hoạt động giải trí được thực hiện trong khoảng thời gian rỗi, thường là sau khi con người đã hoàn thành các hoạt động cần thiết cho đời sống. Lúc này cơ thể con người có thời gian nghỉ ngơi, tái tạo năng lượng để chuẩn bị bước tiếp vào giai đoạn hoạt động mới. Khi tham gia thực hành văn hóa giải trí, bộ não của con người sản xuất ra hormone endorphin, giúp tạo ra cảm giác phấn khởi, tăng cường tinh thần và giảm cảm giác đau đớn. Bằng cách tạm dừng công việc và chuyển tâm vào những hoạt động vui chơi, con người có thể giải phóng áp lực và stress tích tụ, tạo cảm giác thoải mái và hứng thú, từ đó giảm đi cảm giác căng thẳng trong cuộc sống.

Đối với người cao tuổi, văn hóa giải trí giúp người cao tuổi duy trì lối sống tích cực, tăng cường sức khỏe, phòng ngừa các bệnh mạn tính và kéo dài tuổi thọ [82]. Bên cạnh đó, văn hóa giải trí giúp người cao tuổi giải tỏa những cảm xúc tiêu cực và giảm stress [89], qua đó, cải thiện tâm trạng và tăng cường trạng thái tinh thần tích cực, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người cao tuổi.

Thứ hai, văn hóa giải trí kết nối giao tiếp con người và xã hội.

Văn hóa giải trí đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra môi trường xã hội tích cực và tăng cường mối quan hệ giữa con người. Văn hóa giải trí giúp tạo ra các mối quan tâm, các điểm chung giữa nhiều người, tạo cơ hội để họ kết nối và giao tiếp với những người có cùng mối quan tâm, sở thích. Bên cạnh đó, khi tham gia thực hành văn hóa giải trí, con người có thể chia sẻ niềm vui, cảm xúc và trải nghiệm của mình với người khác. Điều này tạo ra một sự kết nối và sự hiểu biết sâu hơn giữa những người chơi thông qua việc chia sẻ cảm nhận và ý kiến. Từ việc xem một buổi biểu diễn nghệ thuật, tham gia vào một câu lạc bộ thể thao hoặc chơi các trò chơi cùng nhau, con người có thể xây dựng và duy trì mối quan hệ xã hội. Một số hoạt động giải trí như âm nhạc, múa, nghệ thuật hình thể, có thể giao tiếp một cách trực tiếp và sâu sắc mà không cần sử dụng ngôn ngữ. Điều này mở ra cơ hội cho con người giao tiếp và tương tác với nhau qua các phương tiện khác nhau, trên một mức độ trừu tượng hơn. Thực hành văn hóa giải trí thông qua phương tiện truyền thông như phim ảnh, sách, báo chí và truyền hình, cung cấp cơ hội cho con người để thảo luận, chia sẻ ý kiến và tạo ra các diễn đàn giao tiếp và kích thích thảo luận, trao đổi về các chủ đề khác nhau. Đồng thời, quá trình thực hành văn hóa giải trí tạo cơ hội cho con người nói chung, người cao tuổi nói riêng tăng cường các mối quan hệ, giúp họ cảm thấy được hòa nhập, giảm cảm giác cô đơn, phát triển bản thân và trao truyền lại vốn kiến thức, kinh nghiệm của mình cho thế hệ sau, đóng góp cho xã hội. Đối với nhóm, văn hóa giải trí giúp người cao tuổi cùng hoạt động, phân công, phối hợp, tương tác với nhau, cùng đáp ứng nhu cầu giải trí và giao tiếp nhóm...

Thứ ba, văn hóa giải trí nâng cao nhận thức cho con người và xã hội.

Trước tiên, các hoạt động giải trí - thành tố của văn hóa giải trí - góp phần phát triển trí não của con người. Trong quá trình thực hiện các hoạt động giải trí,

các giác quan của con người sẽ được cải thiện, nâng cao năng lực cảm giác; rèn luyện khả năng tri giác, làm cơ sở cho sự phán đoán được nhạy bén; từ đó nâng cao năng lực tư duy trừu tượng của con người. Thông qua thực hành văn hóa giải trí, con người khám phá, tìm hiểu môi trường tự nhiên, xã hội xung quanh, làm cho hành vi thêm linh hoạt, qua đó nâng cao khả năng nhận thức của con người. Đồng thời, thông qua giải trí giúp nâng cao sức khỏe tâm thần, duy trì trí nhớ cho người cao tuổi.

Thứ tư, văn hóa giải trí có vai trò giáo dục, góp phần hoàn thiện nhân cách con người.

Văn hóa giải trí cung cấp kiến thức và thông tin cho người tham gia giải trí. Các loại hình giải trí như đọc sách, xem phim, nghe nhạc và tham gia các hoạt động nghệ thuật mang đến thông tin mới và kiến thức đa dạng. Văn hóa giải trí mở ra các cơ hội để người tham gia tìm hiểu, nghiên cứu các giá trị, truyền thống và phong cách sống của các nhóm xã hội khác nhau. Xem các bộ phim, đọc các tác phẩm văn học hoặc tham gia vào các hoạt động văn hóa giúp con người mở rộng đầu óc và nhận thức về thế giới đa dạng mà chúng ta sống. Văn hóa giải trí cũng giúp kích thích sự học tập và phát triển cá nhân. Bằng cách tham gia vào các hoạt động giải trí mới, con người có thể rèn kỹ năng mới, phát triển sự sáng tạo và mở rộng khả năng giao tiếp. Ở độ tuổi từ 60 - 75 tuổi, các thành viên của nhóm vẽ “So you can paint” là những người cao tuổi đã về hưu, trong số họ chưa có ai từng học về văn học, nghệ thuật. Chính tình yêu hội họa, sự kiên trì đã thức tỉnh ở 12 họa sĩ nghiệp dư này những tư chất vốn có (tài năng) mà trước đó họ chưa có điều kiện thực hiện [54].

Thứ năm, văn hóa giải trí góp phần kích hoạt khả năng sáng tạo của con người và xã hội.

Văn hóa giải trí là môi trường tốt nhất để kích hoạt khả năng sáng tạo của con người ở bất kể lứa tuổi nào. Văn hóa giải trí giúp con người giải phóng năng lượng, phát huy trí tưởng tượng, kích thích sự sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề. Một số hoạt động giải trí đòi hỏi con người suy nghĩ phản biện và phân tích. Chẳng hạn, khi chơi các trò chơi logic hoặc tham gia vào các cuộc

tranh luận, con người phải suy luận và đưa ra quyết định dựa trên thông tin có sẵn. Điều này cũng thúc đẩy khả năng tư duy phản biện và phát triển kỹ năng quyết định. Nghiên cứu của Amabile, Paul Howard Jones và cộng sự đã chứng minh giải trí cải thiện đáng kể sức sáng tạo ở trẻ nhỏ. Thực tiễn cũng cho thấy, nhiều phát kiến khoa học đã nảy sinh từ những trò chơi, nhiều phát kiến, giải pháp công nghệ bắt nguồn từ những trò giải trí hoặc nhiều sáng tạo nghệ thuật được gợi mở từ các trò diễn, các hoạt động văn hóa, nghệ thuật...

Thứ sáu, văn hóa giải trí góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

Trên phương diện vĩ mô, vai trò kinh tế của văn hóa giải trí được thể hiện trước hết ở việc tái tạo sức lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từ đó góp phần nâng cao năng suất lao động, kích thích sự phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, vai trò kinh tế của văn hóa giải trí còn thể hiện ở việc tạo ra thu nhập, tạo việc làm và thúc đẩy sự phát triển kinh tế thông qua ngành công nghiệp giải trí. Ngành công nghiệp giải trí cung cấp cơ hội việc làm, tạo ra thu nhập cho một lượng lớn văn nghệ sĩ cũng như tạo ra nhu cầu về các dịch vụ hỗ trợ như dịch vụ ẩm thực, vận chuyển, lưu trú và tạo ra việc làm cho ngành kinh tế liên quan. Văn hóa giải trí cũng thúc đẩy du lịch và kinh doanh và thương mại thông qua tiêu dùng các sản phẩm giải trí. Đồng thời, văn hóa giải trí cũng thúc đẩy đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp vào sự phát triển của một địa phương, một quốc gia. Trên phương diện vi mô, văn hóa giải trí giúp nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần của con người, làm giảm bệnh tật, đặc biệt là ở người cao tuổi; từ đó giúp tiết kiệm chi phí khám chữa bệnh, giảm áp lực đối với quỹ tiêu dùng của cá nhân, của gia đình và ngân sách của nhà nước; tập trung nguồn lực tài chính cho phát triển các lĩnh vực khác để nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Người cao tuổi là nhóm người luôn nhận được sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc trên thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng. Hiện nay, già hóa dân số là xu thế phổ biến của các quốc gia trên thế giới. Do đó, nghiên cứu về văn hóa giải trí của người cao tuổi ở Việt Nam nói chung, Hà Nội nói riêng là vấn đề cấp thiết.

Tuy nhiên, nghiên cứu vấn đề này trên thế giới và ở nước ta cho thấy, người cao tuổi thuộc nhóm yếu thế, cần được chăm sóc về y tế, an sinh xã hội. Vừa qua đã xuất hiện nhiều công trình nghiên cứu về sức khỏe, đặc điểm thể chất, tâm lý, các bệnh của người cao tuổi. Tuy nhiên, văn hóa giải trí của người cao tuổi chưa được quan tâm nghiên cứu tương xứng. Vì vậy, qua tổng quan các công trình nghiên cứu về người cao tuổi, về văn hóa giải trí của người cao tuổi trên thế giới và tại Việt Nam có thể nhận rõ những vấn đề về văn hóa giải trí của người cao tuổi, những hạn chế, khoảng trống cần được bổ sung.

Giải trí là nhu cầu phổ biến của con người trong đời sống xã hội. Hoạt động giải trí là hành động có ý thức trong thời gian rảnh để thỏa mãn nhu cầu giải trí của con người một cách tích cực, chủ động, hướng tới các giá trị nhân văn. Xét theo lý thuyết nhu cầu của A.Maslow, nhu cầu giải trí là một trong những nhu cầu thiết yếu của con người trong đời sống. Nhu cầu giải trí chỉ xuất hiện khi nhu cầu sinh tồn được đảm bảo và trong nhu cầu giải trí ẩn tàng các nhu cầu về an toàn, an ninh, giao tiếp, thể hiện, hoàn thiện bản thân... của con người. Nhu cầu giải trí thôi thúc con người thực hiện hoạt động giải trí trong khoảng thời gian rảnh theo mong muốn của mình. Phương thức thực hiện hoạt động giải trí và hệ thống các yếu tố vật chất và tinh thần có liên quan (trong đó hoạt động giải trí đóng vai trò trung tâm) tạo nên văn hóa giải trí. Văn hóa giải trí của người cao tuổi là một bộ phận của văn hóa giải trí nói riêng, của văn hóa dân tộc nói chung. Văn hóa giải trí của người cao tuổi được cấu thành từ các thành tố cơ bản là: nhu cầu giải trí, hoạt động giải trí và thiết chế, thể chế, phương tiện giải trí được vận hành thông qua phương thức giải trí của chủ thể. Văn hóa giải trí của người cao tuổi ngoài những vai trò chung của văn hóa còn có một số vai trò đặc thù như: tái tạo năng lượng, phục hồi sức khỏe thể chất và tinh thần cho người cao tuổi, giao tiếp, sáng tạo...

Trong Chương 1, bên cạnh tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan, luận án đã làm rõ cơ sở lý luận nghiên cứu văn hóa giải trí và xây dựng khung lý thuyết nghiên cứu “Văn hóa giải trí của người cao tuổi thành phố Hà Nội (qua khảo sát ở quận Hoàn Kiếm, quận Cầu Giấy và huyện Chương Mỹ)” dưới góc độ chuyên ngành Văn hóa học.

CHƯƠNG 2

NHẬN DIỆN VĂN HÓA GIẢI TRÍ CỦA NGƯỜI CAO TUỔI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. KHÁI QUÁT VỀ THÀNH PHỐ HÀ NỘI VÀ NGƯỜI CAO TUỔI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1.1. Khái quát về thành phố Hà Nội

Ngày 9/11/1946, tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa I Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã quyết định Hà Nội là Thủ đô của cả nước. Tới nay Hà Nội đã trở thành trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của cả nước.

Về mặt chính trị, Hà Nội là trung tâm chính trị của cả nước, là nơi đặt trụ sở của Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan, ban, ngành cấp Trung ương. Đất nước ta nói chung, Thủ đô Hà Nội nói riêng đang bước vào thời kỳ phát triển mới với vị thế và tiềm lực mới. Mối quan hệ hợp tác giữa Việt Nam với các quốc gia trên thế giới ngày càng phát triển và đi vào chiều sâu. Đến nay, Hà Nội đã có quan hệ hợp tác với hơn 100 thủ đô, thành phố của các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới. Bên cạnh đó, Hà Nội tiếp tục đi đầu trong việc tham gia tích cực các hoạt động đa phương, khẳng định vai trò thành viên quan trọng, tích cực, có trách nhiệm trong các tổ chức quốc tế liên đô thị, góp phần nâng cao uy tín và vị thế của Thủ đô trên trường quốc tế.

Nhận thức đúng và rõ vai trò và vị trí của Thủ đô Hà Nội trong chiến lược phát triển đất nước, Đảng và Nhà nước đã có nhiều văn kiện quan trọng về Thủ đô Hà Nội với tầm nhìn mới và tư duy đột phá (như: Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 5/5/2022 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Luật Thủ đô (sửa đổi) được Quốc hội thông qua ngày 28/6/2024 gồm 7 Chương với 54 Điều, cụ thể hóa những tư tưởng của Nghị quyết số 15-NQ/TW; Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065). Bên cạnh đó, Hà Nội có nền tảng chính trị - xã hội ổn định, có nhiều lợi thế trong khai thác và phát huy

các nguồn lực văn hoá, con người và phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư cùng với những thành tựu về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo đã mở ra cho Hà Nội cơ hội đẩy nhanh lộ trình dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số, về công nghệ thông tin, về chỉ số cạnh tranh, về đổi mới sáng tạo, về an toàn, an ninh mạng.

Về kinh tế, Hà Nội là trung tâm kinh tế lớn, đóng góp ngày càng tăng vào quá trình phát triển kinh tế cả nước. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Hà Nội luôn cao hơn bình quân chung cả nước. Mặc dù chỉ chiếm 1% về diện tích, 8,5% về dân số nhưng Hà Nội đóng góp trên 16% GDP, 18,5% thu ngân sách, 20% thu nội địa và 8,6% tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu của cả nước, ngày càng phát huy vai trò là trung tâm lớn về kinh tế và giao dịch quốc tế, một động lực phát triển của vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước [28, tr.54-59]. Tính đến năm 2023, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố là 410.624 tỷ đồng, đạt 116,4% dự toán, tăng 23,0% so với năm 2022; GRDP của thành phố tăng 6,27%, gấp 1,24 lần mức tăng cả nước (5,05%). GRDP bình quân đầu người đạt 151,1 triệu đồng, vượt kế hoạch đề ra (150 triệu đồng) [11, tr.527-528].

Về văn hóa, Hà Nội là vùng đất có truyền thống văn hóa lâu đời, là nơi nổi tiếng với những con người Tràng An hào hoa, thanh lịch. Từ năm 1986, Đảng bộ Thành phố Hà Nội quán triệt sâu sắc, vận dụng linh hoạt, sáng tạo chủ trương của Đảng về phát triển văn hóa, xây dựng người Hà Nội văn minh, thanh lịch. Thủ đô Hà Nội là nơi hội tụ, kết tinh, lan tỏa những giá trị văn hóa của dân tộc, nơi gìn giữ một kho tàng di sản văn hóa vật thể và phi vật thể hết sức phong phú. Hà Nội với bề dày ngàn năm văn hiến luôn đi đầu trong phát triển văn hóa. Hà Nội là địa phương đầu tiên của Việt Nam chính thức trở thành thành viên mạng lưới các “Thành phố sáng tạo” của UNESCO. Hà Nội đã trở thành thành phố hội nhập toàn cầu, điểm đến hấp dẫn của du khách trong và ngoài nước và là nơi tổ chức nhiều sự kiện quốc tế quan trọng.

Điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của Hà Nội có tác động mạnh mẽ đến văn hóa giải trí của người cao tuổi Thủ đô, cụ thể là: *Thứ nhất*, tình hình chính trị ổn định tạo điều kiện để phát triển kinh tế, văn hóa, nâng cao chất lượng

đời sống của nhân dân, trong đó có đời sống văn hóa. Đồng thời, với sự hiện diện của các cơ quan chính trị đầu não tại Hà Nội, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước sẽ nhanh chóng được triển khai, có tác động nhanh tới đời sống người dân, trong đó có lĩnh vực văn hóa. Bên cạnh đó, Hà Nội là nơi giao lưu, hội tụ các luồng văn hóa từ khắp trong và ngoài nước nên người dân Hà Nội nói chung, người cao tuổi nói riêng có điều kiện thuận lợi hơn so với nhiều địa phương khác trong việc tiếp cận, giao lưu, học hỏi và thực hành các xu hướng văn hóa mới, trong đó có văn hóa giải trí. *Thứ hai*, điều kiện kinh tế ổn định, thu nhập bình quân đầu người cao so với các địa phương khác cũng là cơ sở để người dân Thủ đô nâng cao chất lượng cuộc sống, tăng mức chi tiêu cho các dịch vụ, trong đó có dịch vụ văn hóa, để đáp ứng các nhu cầu của mình. Ngoài ra, với nền tảng kinh tế tốt, Hà Nội có điều kiện thuận lợi để đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng, thiết chế văn hóa phục vụ nhân dân. *Thứ ba*, bề dày văn hóa của vùng đất Hà Nội với nhiều di sản vật thể và phi vật thể cung cấp tài nguyên để tạo nên các sản phẩm văn hóa, giải trí đáp ứng nhu cầu của người dân, trong đó có người cao tuổi. Thêm vào đó, đặc trưng “người Tràng An thanh lịch” cũng tạo nên sự khác biệt trong văn hóa giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội so với các vùng, các địa phương khác. Người Hà Nội truyền thống thường có yêu cầu cao hơn, đậm tính trí tuệ hơn đối với các hoạt động giải trí; đồng thời, cốt cách thanh lịch, hào hoa khiến người dân Hà Nội nói chung, người cao tuổi nói riêng, có phương thức thực hành giải trí khác biệt, thể hiện đậm nét bản chất “người Tràng An”.

Trong phạm vi luận án, nghiên cứu sinh lựa chọn quận Hoàn Kiếm, quận Cầu Giấy và huyện Chương Mỹ làm địa bàn khảo sát, trong đó:

Quận Hoàn Kiếm được thành lập vào ngày 31/05/1961 với tổng diện tích 5,29 km² và có 14 phường trực thuộc, là quận có diện tích nhỏ nhất tại thành phố Hà Nội. Tên quận được đặt theo tên của hồ Hoàn Kiếm. Quận có nhiều trung tâm buôn bán, thương mại sầm uất lớn như: Tràng Tiền Plaza, chợ Đồng Xuân, chợ Hàng Da... Lịch sử quận Hoàn Kiếm gắn liền với lịch sử nghìn năm văn hiến xây dựng và gìn giữ Thăng Long - Hà Nội. Hoàn Kiếm là quận trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế và văn hóa của thành phố Hà Nội. Quận có địa giới hành chính ổn định, hình

thành trước năm 1945, có bề dày truyền thống lịch sử, văn hóa... gắn với truyền thống lịch sử hình thành của thành Đại La, Thăng Long, Đông Đô [118].

Quận Cầu Giấy được thành lập năm 1996, là một quận khá rộng của Hà Nội chiếm diện tích 12,1 km², nằm ở phía Tây nội thành Hà Nội, phía Đông giáp quận Đống Đa và quận Ba Đình, phía Tây giáp huyện Từ Liêm, phía Nam giáp quận Thanh Xuân, phía Bắc giáp quận Tây Hồ. Từ lâu quận Cầu Giấy đã nổi tiếng với nhiều nghề truyền thống như làng nghề làm giấy sắc phong tại Nghĩa Đô, làng Vòng - Dịch Vọng có nghề làm cốm lâu đời, chính là sản phẩm có tại phố Hàng Than, khi một số hộ kinh doanh đã tới khu vực phố cổ để phát triển rộng hơn thứ sản phẩm ngon có tiếng này. Quận được coi là cầu nối gắn kết khu vực ngoại thành với khu trung tâm, là nơi cung cấp các sản phẩm để tiêu thụ trong nội thành. Những năm gần đây, quận Cầu Giấy có sự thay đổi về mọi mặt, rõ rệt nhất là sự quy hoạch lại diện tích đất, quy hoạch lại đường xá. Từ một vùng ngoại ô, phát triển nông nghiệp là chính và cơ sở hạ tầng còn chưa đảm bảo, tới nay Quận Cầu Giấy đang dần khoác lên mình một tấm áo mới hiện đại. Quận Cầu Giấy có 2 phường Quan Hoa và Nghĩa Tân là những phường có quy mô dân số lớn của thành phố Hà Nội, là một trong những quận có mật độ dân cư đông và trình độ dân trí cao [119].

Chương Mỹ là một huyện ngoại thành Hà Nội. Huyện cách trung tâm Hà Nội 20 km về phía Tây Nam. Tổng diện tích tự nhiên của huyện là 237,38km², dân số 339.469 người. Trong đó, dân tộc Kinh chiếm đại đa số, có 1 thôn dân tộc Mường, bên cạnh đó còn có một số dân tộc thiểu số khác phân bố rải rác tại các xã, thị trấn. Hiện nay, huyện Chương Mỹ tập trung nhiều làng nghề truyền thống, nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng cùng với mật độ đô thị hóa cao. Nền kinh tế của huyện chuyển dịch từ nông nghiệp sang công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và du lịch. Trên địa bàn huyện có nhiều khu công nghiệp, cụm công nghiệp, điểm công nghiệp đã, đang hình thành và đi vào hoạt động như khu công nghiệp Nam Tiến Xuân, khu công nghiệp Phú Nghĩa, cụm công nghiệp Đồng Sen, Đồng Đế, Ngọc Sơn... thu hút nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước tới đầu tư, mang lại nguồn thu ngân sách lớn cho địa phương, tạo công ăn việc làm cho hàng nghìn lao động. Theo thống kê, trên địa bàn huyện có 175/206

làng có nghề, 36 làng được công nhận là làng nghề truyền thống, chiếm đa số là nghề mây tre đan truyền thống và mộc điêu khắc [120].

2.1.2. Khái quát về người cao tuổi thành phố Hà Nội

2.1.2.1. Đặc điểm dân số, dân cư và giới tính

Tính đến năm 2023, số lượng người cao tuổi tại Hà Nội là 1.284.042 người. Số lượng người cao tuổi tại Hà Nội tăng từ 13% (năm 2019) lên 15% (năm 2023) trong tổng dân số Thủ đô. Tỷ lệ các nhóm tuổi của nhóm cư dân này được thể hiện trong Bảng 2.1.

Bảng 2.1: Số người cao tuổi theo từng nhóm tuổi trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2019 - 2023

Năm	2019	2020	2021	2022	2023
Nhóm tuổi					
60-64	356.618	396.565	391.990	425.537	419.358
65-69	229.746	251.339	275.300	301.809	315.898
70-74	157.428	173.706	203.513	200.232	209.789
75-79	108.409	107.098	112.842	115.546	132.199
80-84	79.498	178.337	188.007	84.047	105.432
85+	82.531			82.095	101.366
Tổng số	1.014.230	1.107.045	1.171.652	1.209.266	1.284.042

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2023 [60].

Về giới tính, số lượng nữ giới cao tuổi tại Hà Nội luôn cao hơn số lượng nam giới. Độ tuổi càng cao thì sự chênh lệch này càng lớn. Điều này cũng phù hợp với tỷ lệ nam, nữ cao tuổi chung trên cả nước [59, tr.15-16].

Bảng 2.2: Người cao tuổi Hà Nội phân theo giới tính giai đoạn 2019 - 2023

Năm	2019		2020		2021		2022		2023	
Nhóm tuổi	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
60-64	168.351	188.267	183.663	212.901	185.902	206.088	203.700	221.837	210.144	209.213
65-69	100.899	128.847	117.740	133.599	121.073	154.227	135.119	166.690	155.741	160.156
70-74	157.428	68.049	72.315	101.391	88.788	114.725	83.360	116.872	89.438	120.351
75-79	47.358	61.051	47.831	59.267	49.514	63.329	49.597	65.949	53.873	78.325
80-84	30.955	48.543	61.336	117.000	71.288	116.719	36.571	47.476	40.056	65.376
85+	25.222	57.309					24.260	57.835	32.007	69.359

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2023 [60].

Về phân bố dân cư, số lượng người cao tuổi sống ở khu vực đô thị Hà Nội cao hơn số lượng người sống tại khu vực nông thôn ở phần lớn các nhóm tuổi. Riêng nhóm tuổi từ 80 trở lên, số lượng người cao tuổi sống tại khu vực nông thôn cao hơn so với tại khu vực đô thị. Có nhiều nguyên nhân dẫn tới tình trạng này: *Một là*, khu vực đô thị thường là nơi có điều kiện sống tốt hơn, thu nhập cao hơn so với khu vực nông thôn; do đó thường thu hút người dân tới sinh sống. Bên cạnh đó, điều kiện sống, dịch vụ xã hội tốt hơn tại khu vực đô thị cũng giúp người cao tuổi tại đây nâng cao tuổi thọ. *Hai là*, những người trên 80 tuổi là những người sinh ra ở nửa đầu thế kỷ XX, họ chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của tư tưởng Nho giáo và các quan niệm, phong tục, tập quán truyền thống; thường gắn bó cuộc sống với lũy tre, làng xóm, ít muốn rời xa đến sinh sống tại các đô thị nhộn nhịp. *Ba là*, trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ trong thế kỷ XX, khu vực đô thị Hà Nội chịu sự tàn phá nặng nề của chiến tranh, làm một lượng lớn cư dân thuộc nhóm tuổi này bị chết. *Bốn là*, khu vực đô thị Hà Nội có diện tích nhỏ hơn khu vực nông thôn nên dù mật độ dân cư cao hơn song tổng dân số vẫn ít hơn khu vực nông thôn.

Bảng 2.3: Số người cao tuổi sống tại khu vực nông thôn và đô thị Hà Nội theo các nhóm tuổi giai đoạn 2019-2023

Năm	2019		2020		2021		2022		2023	
Nhóm tuổi	Đô thị	Nông thôn	Đô thị	Nông thôn	Đô thị	Nông thôn	Đô thị	Nông thôn	Đô thị	Nông thôn
60-64	181.528	175.090	210.367	186.197	200.558	191.431	222.777	202.760	222.748	196.610
65-69	121.319	108.427	139.723	111.616	139.907	135.392	157.426	144.383	161.996	153.902
70-74	85.312	72.116	102.568	71.138	121.190	82.323	112.210	88.022	122.547	87.242
75-79	55.487	52.922	52.347	49.751	61.250	51.592	66.681	48.865	78.691	53.508
80-84	36.304	43.194	80.506	97.831	84.549	103.459	40.628	43.419	66.584	38.848
85+	31.989	50.542					32.631	49.464	48.248	53.082

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2023 [60].

Tại 3 địa phương được lựa chọn khảo sát trong phạm vi nghiên cứu của luận án, số liệu thống kê về người cao tuổi theo nhóm tuổi, giới tính, khu vực cư trú của quận Hoàn Kiếm, quận Cầu Giấy và huyện Chương Mỹ được thể hiện cụ thể ở Bảng 2.4, Bảng 2.5 và Bảng 2.6. Theo đó, tính đến năm 2019, huyện Chương Mỹ là địa phương có đông người cao tuổi nhất trong 3 địa phương khảo

sát với 40.516 người, tiếp đó là quận Cầu Giấy với 33.194 người; quận Hoàn Kiếm có 26.140 người. Tại cả 3 địa phương, tỷ lệ nữ giới cao tuổi đều cao hơn tỷ lệ nam giới cao tuổi ở tất cả các nhóm tuổi. Tại huyện Chương Mỹ, số người cao tuổi sống ở khu vực nông thôn (36.318 người) cao hơn nhiều lần so với khu vực đô thị (4.198 người) do đây là huyện ngoại thành, đa phần diện tích là khu vực nông thôn.

Bảng 2.4: Thống kê người cao tuổi tại quận Hoàn Kiếm năm 2019

Quận Hoàn Kiếm	Tổng số	Nam	Nữ	Thành thị - Tổng số	Thành thị - Nam	Thành thị - Nữ
60-64	9,353	4,573	4,780	9,353	4,573	4,780
65-69	5,876	2,750	3,126	5,876	2,750	3,126
70-74	3,689	1,600	2,089	3,689	1,600	2,089
75-79	2,830	1,262	1,568	2,830	1,262	1,568
80-84	2,196	866	1,330	2,196	866	1,330
85 +	2,196	763	1,433	2,196	763	1,433
Tổng cộng	26,140	11,814	14,326	26,140	11,814	14,326

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2019 [57].

Bảng 2.5: Thống kê người cao tuổi tại quận Cầu Giấy năm 2019

Quận Cầu Giấy	Tổng số	Nam	Nữ	Thành thị - Tổng số	Thành thị - Nam	Thành thị - Nữ
60-64	11,317	5,404	5,913	11,317	5,404	5,913
65-69	8,293	3,744	4,549	8,293	3,744	4,549
70-74	5,906	2,653	3,253	5,906	2,653	3,253
75-79	3,614	1,856	1,758	3,614	1,856	1,758
80-84	2,223	1,098	1,125	2,223	1,098	1,125
85 +	1,841	776	1,065	1,841	776	1,065
Tổng số	33,194	15,531	17,663	33,194	15,531	17,663

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2019 [57].

Bảng 2.6: Thống kê người cao tuổi tại huyện Chương Mỹ năm 2019

Huyện Chương Mỹ	Tổng số	Nam	Nữ	Thành thị - Tổng số	Thành thị - Nam	Thành thị - Nữ	Nông thôn - Tổng số	Nông thôn - Nam	Nông thôn - Nữ
60-64	14,194	6,429	7,765	1,549	732	817	12,645	5,697	6,948
65-69	8,920	3,917	5,003	946	424	522	7,974	3,493	4,481
70-74	5,736	2,450	3,286	671	294	377	5,065	2,156	2,909
75-79	4,089	1,554	2,535	443	203	240	3,646	1,351	2,295
80-84	3,372	1,167	2,205	268	104	164	3,104	1,063	2,041
85 +	4,205	1,050	3,155	321	91	230	3,884	959	2,925
Tổng số	40,516	16,567	23,949	4,198	1,848	2,350	36,318	14,719	21,599

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2019 [57].

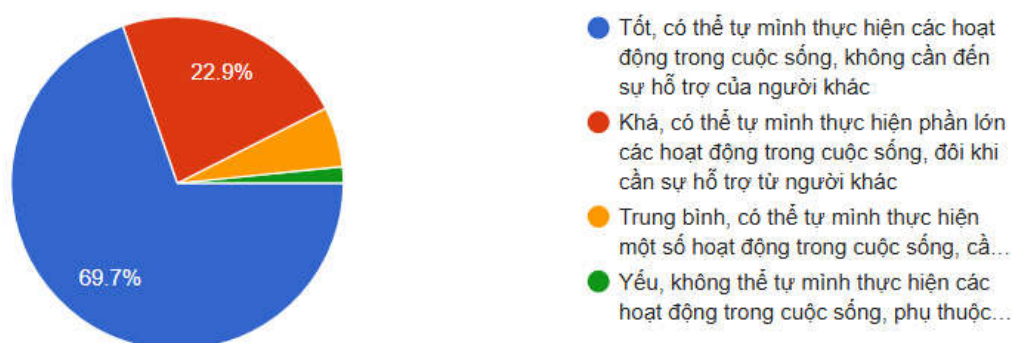
2.1.2.2. Đặc điểm về thể chất, kinh tế và xã hội

Về đặc điểm, người cao tuổi tại Hà Nội là một bộ phận của người cao tuổi Việt Nam, là những người từ 60 tuổi trở lên. Khi bước vào độ tuổi này, cả thể chất và tâm lý của người cao tuổi đều có những thay đổi đáng kể so với giai đoạn trước đó, ảnh hưởng tới sức khỏe, suy nghĩ, lối sống... của họ. Nhìn chung, tùy thuộc vào đặc điểm thể chất, môi trường tự nhiên và điều kiện xã hội, người cao tuổi ở nước ta nói chung, người cao tuổi tại Hà Nội nói riêng, có một số đặc điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, về thể chất. Người cao tuổi thường có sức khỏe kém hơn so với người trẻ tuổi. Điều này là hệ quả của quá trình lão hóa, dẫn đến suy giảm chức năng cơ thể tại tất cả các cơ quan như tim mạch, bài tiết, hô hấp... gây ra sự mất cân bằng và ảnh hưởng đến khả năng hoạt động hàng ngày. Họ dễ bị mắc các bệnh mãn tính như bệnh tim mạch, tiểu đường, bệnh xương khớp... Người cao tuổi thường gặp khó khăn trong việc duy trì thể lực và khả năng vận động; độ bền cơ bắp và khả năng cân bằng suy giảm, làm tăng nguy cơ vấp ngã và chấn thương. Kết quả phân tích từ số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 tại Việt Nam cho thấy, tỷ lệ người cao tuổi gặp khó khăn ở ít nhất một chức năng chiếm 35,73% [57]. Tỷ lệ gặp khó khăn về hoạt động chức năng ở nhóm dân số cao tuổi cao hơn rất nhiều so với các nhóm tuổi khác. Đồng thời, người cao tuổi có thể phải đối mặt với sự suy giảm về trí nhớ và khả năng tư duy. Các khó khăn mà họ phải đối mặt bao gồm trí nhớ ngắn hạn kém và khó tập trung vào thực hiện các nhiệm vụ tư duy phức tạp.

Theo kết quả khảo sát tại 3 địa bàn nghiên cứu, 69,7% người cao tuổi tự đánh giá họ có sức khỏe tốt, có thể tự mình thực hiện các hoạt động trong cuộc sống không cần đến sự hỗ trợ của người khác. 22,9% có sức khỏe thuộc loại khá, có thể tự mình thực hiện phần lớn các hoạt động trong cuộc sống, đôi khi cần sự hỗ trợ từ người khác. 5,9% người cao tuổi có sức khỏe ở mức trung bình, cần nhiều đến sự trợ giúp của người khác trong cuộc sống hàng ngày và 1,6% có sức khỏe yếu, không thể tự mình thực hiện các hoạt động trong cuộc sống, phụ thuộc vào sự hỗ trợ của người khác. Tình trạng sức khỏe có vai trò quyết định đối với

việc lựa chọn, thực hiện các hoạt động hằng ngày, trong đó có hoạt động giải trí, cũng như chất lượng cuộc sống của người cao tuổi.



Hình 2.1: Tình trạng sức khỏe của người cao tuổi ở Hà Nội

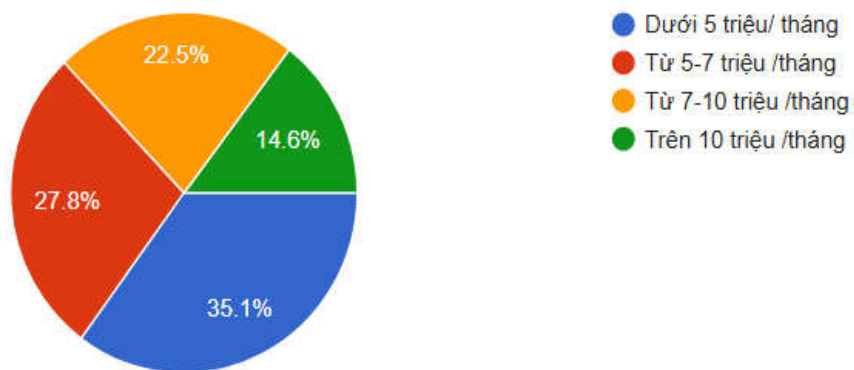
Thứ hai, về tâm lý. Đặc điểm tâm lý ở người cao tuổi rất đa dạng và phong phú. Một số người cao tuổi thể hiện sự tích cực, hài lòng và thích nghi tốt với quá trình lão hóa. Họ có cái nhìn tích cực về cuộc sống và trân trọng những thành tựu và kinh nghiệm đã có trong quá khứ. Trong khi đó, nhiều người cao tuổi lại cảm thấy bị cô đơn và mất mát quan hệ xã hội khi đối diện với các tình huống như mất đi người bạn đời, bạn bè, hoặc khi con cái lớn lên và xa nhà hoặc tách ra sống riêng... Cảm giác này có thể gây ra sự buồn bã, trầm cảm và khó khăn trong việc tìm kiếm mục tiêu và ý nghĩa mới trong cuộc sống đối với người cao tuổi. Ngoài ra, người cao tuổi có thể trải qua sự lo lắng và căng thẳng do nhiều nguyên nhân khác nhau như lo lắng về sức khỏe, tài chính, mất trí nhớ, sự phụ thuộc vào người khác và lo lắng về tương lai. Đặc biệt, lo lắng về việc trở thành gánh nặng cho gia đình và khả năng tự chăm sóc trong tương lai cũng là tâm lý thường gặp ở người cao tuổi, nhất là những người có sức khỏe hạn chế.

Về mặt tâm lý, tinh thần, người cao tuổi tại Hà Nội cũng phải đối mặt với một số bệnh lý điển hình như trầm cảm, sa sút trí tuệ. Một khảo sát trên 376 người cao tuổi (từ 60 trở lên) được chọn ngẫu nhiên tại huyện Chương Mỹ, Hà Nội, năm 2019 cho thấy tỷ lệ người cao tuổi được đánh giá trầm cảm là 26,1% (18,6% trầm cảm nhẹ, 6,1% trầm cảm vừa và 2,4% trầm cảm nặng) [24, tr.14-22]. Nghiên cứu chỉ ra các yếu tố liên quan đến trầm cảm ở người cao tuổi như giới tính, trình độ học vấn, kinh tế gia đình, hoàn cảnh sống, công việc hiện tại, nhu cầu được hỗ trợ tâm lý và có tham gia các hoạt động xã hội.

Thứ ba, về điều kiện kinh tế. Đa số người cao tuổi ở Việt Nam thuộc diện thu nhập thấp hoặc trung bình. Họ thường dựa vào hệ thống an sinh xã hội, bao gồm hưu trí, tiền lương hưu hoặc các khoản trợ cấp từ gia đình [25]. Tuy nhiên, số lượng người cao tuổi được hưởng trợ cấp hưu trí còn hạn chế và mức độ trợ cấp chưa đủ để đảm bảo một cuộc sống tốt cho người cao tuổi trong bối cảnh hiện nay. Bên cạnh đó, Việt Nam thường có truyền thống “trẻ cậy cha, già cậy con” nên nhiều người cao tuổi có xu hướng phụ thuộc nhiều vào con cái trong việc chăm sóc và hỗ trợ kinh tế. Tuy nhiên, sự phụ thuộc này có thể thay đổi do biến đổi trong cấu trúc gia đình và di cư của con cái [53].

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, Hà Nội là một trong những địa phương có mức thu nhập bình quân đầu người thuộc diện cao so với cả nước. Trong giai đoạn 2019 - 2023, mức thu nhập bình quân đầu người tính theo tháng tại Hà Nội tăng từ 6,403 triệu lên mức 6,869 triệu. Riêng hai năm 2020 và 2021, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, mức thu nhập bình quân đầu người theo tháng tại Hà Nội giảm xuống còn 6,205 triệu và 6,002 triệu [60].

Đối với người cao tuổi tại Hà Nội, tính đến hết năm 2023, có hơn 53% số người được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí, xã hội. Kết quả khảo sát tại quận Hoàn Kiếm, quận Cầu Giấy và huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội cho thấy, 35,1% người cao tuổi trên địa bàn được hỏi cho biết họ có mức thu nhập dưới 5 triệu/tháng; 27,8% có thu nhập từ 5-7 triệu/tháng; 22,5% có thu nhập từ 7-10 triệu/tháng và 14,6% có thu nhập hằng tháng từ 10 triệu trở lên.



Hình 2.2: Mức thu nhập của người cao tuổi tại địa bàn khảo sát

Đồng thời, kết quả khảo sát cũng cho thấy, nguồn thu nhập của người cao Hà Nội tuổi đến từ các nguồn sau: Lương hưu chiếm 66,1%, công việc đang làm chiếm 13,9%, hỗ trợ từ con cháu trong gia đình chiếm 10,4%; trợ cấp xã hội chiếm 3,4% và 6,7% không có nguồn thu nhập, sống nhờ vào con cháu, họ hàng.

Về mức chi tiêu, Hà Nội là địa phương có mức chi tiêu đắt đỏ nhất tại Việt Nam. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, mức chi tiêu trung bình hằng tháng theo đầu người tại khu vực Đồng bằng sông Hồng trong giai đoạn 2018 - 2022 lần lượt tăng nhẹ, cụ thể: Năm 2018 - 3,018 tr/người/tháng; năm 2020: 3,296 triệu/người/tháng; năm 2022: 3,394 triệu/người/tháng. Tại khu vực đô thị, mức chi tiêu bình quân hằng tháng tính theo đầu người cao hơn, lần lượt là: Năm 2018 - 3,496 triệu/người/tháng; năm 2020 - 3,776 triệu/người/tháng; năm 2022 - 3,246 triệu/người/tháng.

Với mức thu nhập trên, 33% người cao tuổi Hà Nội cho rằng thu nhập của mình đảm bảo tốt các nhu cầu trong cuộc sống; 25,5% đánh giá mức thu nhập đảm bảo khá tốt các nhu cầu trong cuộc sống; 27,4% cho rằng mức thu nhập này chỉ đảm bảo được một số nhu cầu trong cuộc sống và có tới 14,1% cho rằng các nhu cầu trong cuộc sống của họ chưa được đảm bảo với mức thu nhập hiện có.

Cân đối giữa nguồn thu nhập và mức chi tiêu bình quân theo đầu người hằng tháng tại Hà Nội có thể thấy thu nhập của người cao tuổi nhìn chung chưa cao, mức độ chi tiêu cho các hoạt động thiết yếu chiếm một phần lớn trong thu nhập của họ, tỷ lệ dành dụm được không còn nhiều, Do vậy, yếu tố này sẽ ảnh hưởng tới mức chi tiêu dành cho các sản phẩm, dịch vụ và hoạt động giải trí nói riêng, đời sống tinh thần nói chung của người cao tuổi tại Hà Nội.

Thứ tư, về xã hội. Đặc điểm xã hội của người cao tuổi ở Việt Nam nói chung, người cao tuổi Hà Nội nói riêng có thể thay đổi tùy thuộc vào vùng miền, môi trường và đặc điểm cá nhân. Sự phát triển kinh tế và xã hội cũng có ảnh hưởng đáng kể đến đặc điểm xã hội của người cao tuổi. Về trình độ học vấn, theo khảo sát, nhìn chung người cao tuổi Hà Nội có trình độ học vấn cao hơn so với các khu vực khác, đa phần đều có trình độ phổ thông trở lên bởi lẽ Hà Nội là

trung tâm văn hóa, giáo dục của cả nước. Kết quả khảo sát người cao tuổi trên 3 địa bàn được lựa chọn cho thấy, 30,9% người cao tuổi có trình độ phổ thông; 31,1% có trình độ sơ cấp, trung cấp; 30,3 % có trình độ cao đẳng, đại học và 7,7% có trình độ sau đại học.

Về tình trạng hôn nhân, phần lớn người cao tuổi đang có vợ/chồng hoặc góa, trong khi các tình trạng khác (ly thân, ly dị hoặc chưa kết hôn) chiếm tỷ lệ nhỏ. Theo thời gian, tỷ lệ người cao tuổi đang có vợ/chồng tăng lên (từ 61% lên gần 68%) trong khi tỷ lệ góa vợ/chồng giảm (từ 36,62% xuống 28,19%). Xét trong nhóm người cao tuổi góa vợ/chồng, phụ nữ cao tuổi chiếm tới hơn 80% ở tất cả các nhóm tuổi [57]. Trình độ học vấn của dân số cao tuổi Việt Nam cải thiện đáng kể theo thời gian. Tuy nhiên, xét theo từng trình độ, có sự khác biệt khá rõ theo giới tính và khu vực sống, trong đó nam giới và người sống ở thành thị có tỷ lệ có học vấn cao hơn phụ nữ và người sống ở nông thôn.

Việt Nam là đất nước có nền văn minh nông nghiệp lúa nước, do đó, người cao tuổi ở Việt Nam thường được tôn trọng vì tuổi tác và sự hiểu biết, kinh nghiệm của họ. Những nguyên tắc đạo đức và truyền thống về việc tôn trọng người cao tuổi đóng vai trò quan trọng trong văn hóa Việt Nam, thể hiện trong lối ứng xử “trọng xỉ hơn trọng tước”, “kính lão đắc thọ”, “đi hỏi già, về nhà hỏi trẻ” ... Tuy nhiên, một số người cao tuổi ở Việt Nam vẫn bị phân biệt đối xử trong gia đình, xã hội, thiếu cơ hội tiếp cận với các dịch vụ và công việc. Điều này có thể gây ra sự cô đơn, tình trạng tâm lý không tốt và làm giảm sự tham gia của người cao tuổi vào các hoạt động xã hội.

Theo kết quả khảo sát, 56,4% người cao tuổi tại Hà Nội sống cùng với bạn đời (vợ/ chồng); 37,5% sống cùng con cháu; 1,2% sống cùng họ hàng và 4,2% sống một mình. Đối với những gia đình con cháu không sống cùng người cao tuổi thì tỷ lệ gặp gỡ hằng ngày, hằng tuần cũng khá thường xuyên: 35,8% gặp hằng ngày, 26,4% gặp hằng tuần, 20,2% gặp hằng tháng và 17,6% gặp gỡ vài lần/ năm.

Giữa người cao tuổi ở khu vực đô thị và người cao tuổi ở khu vực nông thôn nước ta hiện nay nói chung, tại Hà Nội nói riêng có một số khác biệt cơ bản như sau:

Một là, khu vực đô thị thường là nơi có cơ sở hạ tầng phát triển và tiện nghi. Do đó, người cao tuổi ở khu vực đô thị có thể tiếp cận dễ dàng đến các dịch vụ y tế, giao thông thuận tiện và các cơ sở văn hóa, thể thao, giải trí... Người cao tuổi ở nông thôn thường sống trong các vùng nông thôn, gần với môi trường tự nhiên, hạ tầng ít phát triển hơn và hạn chế về các dịch vụ công cộng. Người cao tuổi ở đô thị có thể tiếp cận các dịch vụ chăm sóc y tế tốt hơn với các phương tiện kỹ thuật hiện đại và có nhiều lựa chọn điều trị. Trong khi đó, người cao tuổi ở nông thôn thường gặp khó khăn trong việc tiếp cận dịch vụ y tế chất lượng cao cũng như trình độ của đội ngũ y, bác sĩ khu vực này còn có một số hạn chế nhất định. Đôi khi, người cao tuổi ở các vùng nông thôn phải di chuyển xa để tiếp cận với dịch vụ chăm sóc y tế. Dù vậy, không gian sinh sống của người cao tuổi tại đô thị thường bị giới hạn, ô nhiễm hơn so với khu vực nông thôn, ảnh hưởng đến khả năng vận động, sức khỏe và chất lượng cuộc sống của họ.

Hai là, người cao tuổi ở khu vực đô thị thường có mức thu nhập tương đối ổn định hơn từ các nguồn như tiền lương hưu hoặc các quỹ hỗ trợ xã hội. Trong khi đó, người cao tuổi ở nông thôn thường phụ thuộc vào nông nghiệp, công việc làm thêm trong thời gian nhàn rỗi hoặc nhận hỗ trợ từ con cháu trong gia đình.

Ba là, người cao tuổi ở khu vực đô thị thường có cơ hội tiếp cận các dịch vụ văn hóa và giải trí đa dạng, hiện đại hơn so với khu vực nông thôn. Các dịch vụ văn hóa, giải trí mà người cao tuổi sinh sống tại đô thị thường lựa chọn có thể là các chương trình biểu diễn nghệ thuật, xem phim, tham dự các cuộc triển lãm, tham quan, du lịch... Không gian sinh hoạt văn hóa của người cao tuổi ở đô thị đa dạng, có thể là tại nhà, tại các không gian văn hóa công cộng hoặc tại các địa điểm cung cấp dịch vụ văn hóa. Trong khi đó, người cao tuổi ở nông thôn thường sống một cuộc sống giản dị hơn, gắn bó với sinh hoạt nông nghiệp và văn hóa nông thôn truyền thống qua các hội làng, các dịp lễ tết; không gian sinh hoạt văn hóa thường diễn ra tại các khu vực công cộng của cộng đồng như đình, chùa, nhà văn hóa... Ngoài ra, do đặc điểm của lối sống đô thị, việc giao tiếp, gắn kết giữa gia đình, họ hàng của người cao tuổi ở đô thị lỏng lẻo hơn so với người cao tuổi ở nông thôn; tỷ lệ gia đình nhiều thế hệ cùng chung sống ít hơn so với ở khu vực nông thôn.

2.1.2.3. Về các nhu cầu cơ bản của người cao tuổi tại Hà Nội

Dựa trên lý thuyết về nhu cầu của A.Maslow, có thể thấy các nhu cầu của người cao tuổi cũng nằm trong thang nhu cầu gồm 5 bậc này. Tuy nhiên, bên cạnh những nhu cầu chung trong thang nhu cầu A.Maslow, thông qua điều tra, khảo sát tại 3 địa bàn nghiên cứu, có thể thấy người cao tuổi ở Việt Nam nói chung, Hà Nội nói riêng có những nhu cầu đặc trưng sau:

Thứ nhất, nhu cầu được sống khỏe mạnh về thể chất.

Với sự gia tăng về tuổi thọ và tỷ lệ người cao tuổi trên thế giới nói chung, tại Việt Nam nói riêng, việc chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi trở thành một vấn đề cấp bách. Trong văn hóa Việt Nam, “Thọ” (sống lâu, sống khỏe mạnh) là một trong năm giá trị cốt lõi mà mọi thế hệ đều mong cầu và hướng tới (Năm giá trị đó bao gồm: Phúc, Lộc, Thọ, Khang, Ninh). Sức khỏe tốt cho phép người cao tuổi tiếp tục tham gia vào các hoạt động hằng ngày, tận hưởng cuộc sống và duy trì mối quan hệ xã hội. Ngoài ra, sức khỏe thể chất còn ảnh hưởng đáng kể đến tâm trí và tinh thần của người cao tuổi. Sức khỏe thể chất tốt giúp họ tăng cường trí nhớ, tăng sự tập trung và giữ được tinh thần lạc quan.

Thứ hai, nhu cầu chăm sóc sức khỏe.

Đây là nhu cầu phát sinh từ nhu cầu thứ nhất. Do những đặc điểm của tuổi già, người cao tuổi có nhu cầu chăm sóc sức khỏe cao hơn so với các lứa tuổi khác. Nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi tập trung vào việc kiểm soát các bệnh lý liên quan đến tuổi tác, chăm sóc tâm lý và tinh thần, chế độ ăn uống và lối sống, quản lý khả năng di chuyển và tự chăm sóc...

Thứ ba, nhu cầu giao tiếp xã hội.

Đó là nhu cầu về mặt tinh thần của người cao tuổi. Giao tiếp xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc tạo mối quan hệ và kết nối giữa người cao tuổi với cộng đồng, xã hội. Người cao tuổi có nhu cầu tương tác với gia đình, bạn bè và cộng đồng xung quanh để chia sẻ, trao đổi thông tin và kinh nghiệm, giúp họ cảm thấy được kết nối, là một phần của cộng đồng và không cô đơn. Giao tiếp xã hội cũng đem lại sự hỗ trợ tâm lý và tinh thần cho người cao tuổi. Việc chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc và kinh nghiệm và nhận được sự đồng cảm từ người khác có thể giúp người cao tuổi giảm bớt cảm giác cô đơn, căng thẳng và trầm

cảm. Giao tiếp xã hội cũng giúp xây dựng sự tự tin và tăng cường trạng thái tinh thần tích cực cho người cao tuổi. Giao tiếp xã hội còn liên quan đến việc chia sẻ và tham gia vào các hoạt động công việc hoặc sở thích. Người cao tuổi có nhu cầu trao đổi thông tin, ý kiến và kinh nghiệm với người khác về công việc, sở thích cá nhân, hoặc các hoạt động như vui chơi, du lịch, nghệ thuật và thể thao...

Thứ tư, nhu cầu truyền thụ kinh nghiệm, kiến thức, khẳng định vị thế “cây cao bóng cả”.

Người cao tuổi thường là những người có trải nghiệm, vốn sống phong phú, kiến thức sâu rộng hơn so với các lứa tuổi khác. Người cao tuổi thường có nhu cầu truyền thụ những kinh nghiệm, kiến thức mà họ đã tích lũy trong suốt cuộc đời cho thế hệ sau. Họ muốn truyền đạt những kiến thức, kinh nghiệm về truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán... cho các thế hệ sau nhằm gìn giữ và phát triển các giá trị văn hóa lâu đời của gia đình, dòng họ, quốc gia, dân tộc. Họ thường muốn chia sẻ những bài học, câu chuyện và lời khuyên với các thế hệ trẻ để giúp thế hệ sau định hình suy nghĩ và mở mang hiểu biết. Việc truyền thụ các kiến thức, kinh nghiệm tích lũy được của người cao tuổi cũng thể hiện mong muốn giúp đỡ và tư vấn những người trẻ hơn, giúp họ cảm thấy có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào xã hội. Ngoài ra, truyền thụ kiến thức, kinh nghiệm giúp người cao tuổi duy trì hoạt động trí óc, phát triển năng lực tư duy và nhận thức; đồng thời cũng tạo điều kiện cho việc tiếp thu kiến thức mới và theo kịp các xu hướng và thay đổi trong xã hội.

Thứ năm, nhu cầu cân bằng tinh thần, tâm lý, tái sản xuất sức lực tinh thần - cũng chính là nhu cầu giải trí.

Giải trí là hoạt động mang tính văn hóa - xã hội; nhu cầu giải trí - tái sáng tạo là nhu cầu nghỉ ngơi về thể chất và tinh thần bằng việc chuyển trạng thái hoạt động từ các hoạt động sinh tồn sinh vật sang các hoạt động thẩm mỹ. Hoạt động giải trí rất quan trọng trong việc giúp con người đáp ứng các nhu cầu cơ bản, đặc biệt là những nhu cầu không thể đạt được trong hoạt động thường ngày. Đối với người cao tuổi, nhu cầu giải trí là một trong những nhu cầu thiết yếu. Bởi lẽ người cao tuổi hội tụ nhiều yếu tố thúc đẩy hoạt động giải trí như thời gian rỗi, kinh tế ổn định, ít bị ràng buộc bởi các nghĩa vụ xã hội. Người cao tuổi nhận

thức sâu sắc về giá trị và hoàn thiện giá trị bản thân mà thông qua hoạt động giải trí họ có thể đạt được điều đó. Bên cạnh đó, giải trí giúp tạo môi trường cho người cao tuổi giao tiếp xã hội, học hỏi các kiến thức, kỹ năng mới, giải tỏa căng thẳng, áp lực trong cuộc sống cũng như tăng cường sức khỏe, kéo dài tuổi thọ.

Kết quả khảo sát tại 3 địa bàn nghiên cứu cho thấy, 100% người cao tuổi được hỏi tại Hà Nội cho biết có nhu cầu sống khỏe mạnh cả về thể chất và tinh thần; 100% cho biết giao tiếp là nhu cầu cần thiết hằng ngày; 96% lựa chọn giải trí là nhu cầu thiết yếu; 72% lựa chọn nhu cầu chăm sóc sức khỏe và 66% coi truyền thụ kiến thức, kinh nghiệm, khẳng định bản thân là nhu cầu cần thiết của mình.

2.2. THỰC TRẠNG VĂN HÓA GIẢI TRÍ CỦA NGƯỜI CAO TUỔI TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI HIỆN NAY

2.2.1. Về nhu cầu giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội

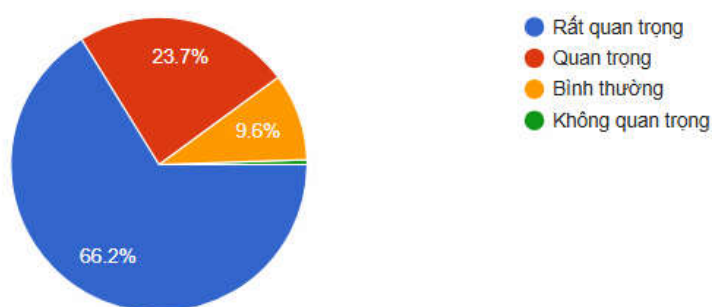
Giải trí là nhu cầu cơ bản của con người trong suốt cuộc đời. Người cao tuổi có lợi thế hơn so với các lứa tuổi khác về thời gian rỗi, thu nhập, trách nhiệm xã hội - là những yếu tố quan trọng tạo điều kiện để thực hành hoạt động giải trí, hình thành nên văn hóa giải trí của họ. Các nghiên cứu trong nước và trên thế giới đều chỉ ra rằng, nhu cầu giải trí gắn với việc sử dụng thời gian rỗi cho hoạt động giải trí của người cao tuổi. Để nâng cao chất lượng cuộc sống, họ thường dành nhiều thời gian để tham gia các hoạt động giải trí, thư giãn, bởi lẽ các hoạt động này có nhiều lợi ích đối với sức khỏe thể chất và tinh thần của người cao tuổi. Nghiên cứu của Phan Thuận trong công trình *Khuôn mẫu sử dụng thời gian của người cao tuổi tại thành phố Cần Thơ* cho thấy, thời gian giải trí, thư giãn là khoảng thời gian lớn thứ hai trong ngày sau thời gian chăm sóc bản thân của người cao niên và khoảng thời gian này tương đối ổn định giữa ngày trong tuần và ngày cuối tuần [56]. Điều này cũng được củng cố qua kết quả khảo sát người cao tuổi tại Hà Nội khi 79% người tham gia khảo sát cho biết thời gian giải trí nhiều thứ hai trong các khoảng thời gian sinh hoạt trong ngày. Các nghiên cứu quốc tế cũng chỉ ra, nhóm người từ 60 tuổi trở lên càng dành nhiều thời gian cho hoạt động thư giãn, giải trí thì họ càng cảm thấy hài lòng với cuộc sống. Tùy thuộc vào độ tuổi, giới tính, mức thu nhập, điều kiện sống, trình độ học vấn mà nhu cầu và hoạt động thư giãn, giải trí của người cao tuổi có sự biến

đôi khác nhau. Khảo sát người cao tuổi tại 3 quận, huyện, nghiên cứu sinh nhận thấy 100% người cao tuổi đều quan tâm đến giải trí và có nhu cầu giải trí.

Phỏng vấn sâu - mã A5 cho biết: *“Cháu hỏi chú có quan tâm đến giải trí không à? Có chứ. Giải trí là rất cần thiết, nó làm cho đầu óc mình khuây khỏa, gặp gỡ bạn bè, giao lưu vui vẻ. Giờ tuổi già cần lắm cháu ạ. Rồi rồi mà không hoạt động gì, không vui vẻ là sinh bệnh ngay đấy”*.

Phỏng vấn sâu - mã B3: *“Rất cần. Tuổi nào cũng cần, tuổi già lại càng cần hơn. Cháu bảo tuổi này rồi mà không vận động, không giao lưu, giải trí thì làm gì? Đây là cô còn buôn bán lật vật, có việc làm từ sáng tới chiều, vừa vui vừa kiếm thêm đồng ra đồng vào. Chứ đây nhà hai ông bà nghỉ hưu, con đi làm, cháu đi học từ sáng tới tối, cứ ngồi nhà nhìn nhau cả ngày có chán không. Rồi lại sinh ra cãi nhau ấy”*.

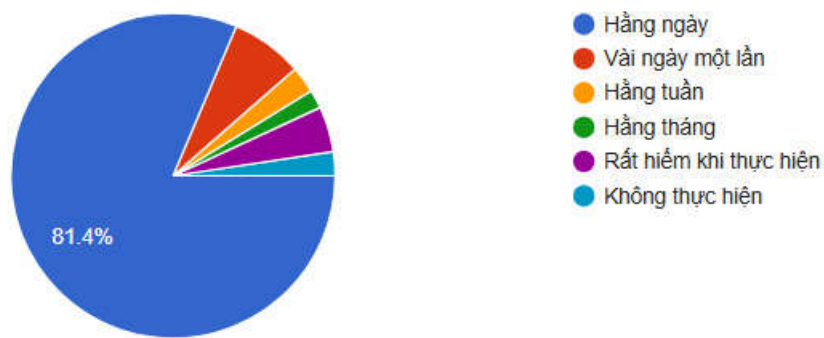
Kết quả khảo sát tại 3 quận, huyện cho thấy, trung bình gần 66,2% người cao tuổi coi giải trí là hoạt động rất quan trọng trong đời sống; 23,7% đánh giá hoạt động này quan trọng, 9,6% đánh giá mức độ quan trọng ở mức bình thường; chỉ có 0,5% người cao tuổi cho rằng hoạt động giải trí không quan trọng. So sánh giữa 3 khu vực, người cao tuổi tại nội thành (quận Hoàn Kiếm, Cầu Giấy) và ngoại thành (huyện Chương Mỹ) đánh giá văn hóa giải trí có vai trò rất quan trọng trong đời sống với tỷ lệ tương đương, dao động từ 62,5% đến 68,75%. Tỷ lệ người cao tuổi đánh giá văn hóa giải trí có vai trò quan trọng chiếm từ 20% (2 quận nội đô) đến 28,6% (ngoại ô). Điều này cũng chứng tỏ người cao tuổi tại Hà Nội coi trọng hoạt động giải trí và có nhu cầu cao về giải trí, không phân biệt vùng, miền, địa bàn cư trú. Giải trí đã trở thành nhu cầu thiết yếu đối với người cao tuổi tại Hà Nội, là đòi hỏi cần được đáp ứng thường xuyên.



Hình 2.3: Đánh giá của người cao tuổi tại Hà Nội về vai trò của văn hóa giải trí

Điều này cũng được thể hiện rõ hơn ở tần suất thực hành văn hóa giải trí trong đời sống hằng ngày của người cao tuổi ở Hà Nội. Theo đánh giá của những người sống cùng nhà (con cháu, họ hàng...), 91,4% người cao tuổi ở Hà Nội thực hiện các hoạt động giải trí trong cuộc sống hằng ngày. Theo kết quả tự đánh giá của những người cao tuổi tham gia khảo sát tại Hà Nội, 81,4% thực hiện các hoạt động giải trí hằng ngày, tỷ lệ thực hành giải trí vài ngày 1 lần là 7,2%, 2,7% thực hành hằng tuần, 1,9% thực hành hằng tháng, có 4,5% số người cho biết hiếm khi thực hành hoạt động giải trí và 2,4% không thực hành hoạt động này.

So sánh giữa 3 khu vực nghiên cứu, người cao tuổi ở cả nội thành (70%) và ngoại thành (82,1%) thực hành văn hóa giải trí hằng ngày; số lượng người thực hành văn hóa giải trí hằng tuần, hằng tháng rất ít (dao động từ 0,9% - nội thành -đến 3,7% - ngoại thành). Đáng chú ý là, theo kết quả khảo sát, 100% người cao tuổi ở huyện Chương Mỹ cho biết họ đều thực hành văn hóa giải trí; trong khi đó, tại 2 quận Hoàn Kiếm và Cầu Giấy có khoảng 1,86% nam giới và 3,75% nữ giới cao tuổi không hành giải trí. Những người này phần lớn có sức khỏe ở mức trung bình, cần nhiều tới sự hỗ trợ của người khác trong cuộc sống và có mức thu nhập thấp (dưới 5 triệu/ tháng).



Hình 2.4: Tỷ lệ người cao tuổi thực hiện hoạt động giải trí hằng ngày

Dựa trên kết quả nghiên cứu định tính và định lượng, trong giai đoạn 2019 - 2023, nhìn chung nhu cầu giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội ngày càng gia tăng cả về số lượng và chất lượng. Các nhu cầu giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội hiện nay không chỉ đơn thuần đòi hỏi cần được thư giãn về mặt tinh thần và

thể chất thông qua các loại hình văn hóa giải trí đơn giản mà bắt đầu có xu hướng nâng cao hơn về chất lượng; họ hướng tới các loại hình giải trí cao cấp hơn, tinh tế hơn và cũng đòi hỏi khắt khe hơn đối với nội dung, hình thức của các sản phẩm, dịch vụ giải trí. Việc đòi hỏi cao hơn về chất lượng các loại hình giải trí cũng tạo ra sự phân tầng nhu cầu giải trí của người cao tuổi.

Đặc biệt sau giai đoạn dịch Covid-19, nhận thức về an ninh phi truyền thống, về sự bất định của xã hội đã thay đổi, làm một bộ phận dân cư nhìn nhận lại mục đích cuộc sống và thay đổi cách sống của mình. Đồng thời, xu hướng phát triển xanh, phát triển bền vững cũng tác động không nhỏ đến văn hóa giải trí của người cao tuổi: Người dân Hà Nội nói chung, người cao tuổi nói riêng có xu hướng tìm về các sản phẩm, dịch vụ giải trí có tính bền vững, thân thiện với môi trường. Đồng thời, các quy định nghiêm ngặt về giãn cách xã hội được áp dụng trong thời kỳ dịch Covid-19 bùng phát cũng làm nảy sinh những nhu cầu giải trí mới - nhất là nhu cầu giải trí số ở người cao tuổi trên địa bàn Hà Nội. Kết quả khảo sát cho thấy, nhu cầu giải trí trên các thiết bị di động ở người từ 60 tuổi trở lên đã tăng hơn hẳn so với giai đoạn trước khi dịch Covid-19 bùng phát. Dù có những hạn chế về khả năng sử dụng công nghệ song tại Hà Nội, người cao tuổi đã thực hành nhiều loại hình văn hóa giải trí thông qua các thiết bị di động hơn ở giai đoạn trong và sau dịch Covid-19.

Khi tìm hiểu về sự khác biệt trong nhu cầu và phương thức giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội trước và sau giai đoạn dịch Covid-19 bùng phát, nghiên cứu sinh nhận thấy đại dịch Covid-19 đã tác động mạnh mẽ đến nhu cầu và phương thức giải trí của họ. Phỏng vấn sâu về sự khác biệt trong văn hóa giải trí của bản thân trước và sau đại dịch Covid-19, mã B6 cho biết:

“Trước Covid cô chỉ dùng điện thoại để nghe, gọi với gia đình, bạn bè thôi. Cái đạo Covid phải ở trong nhà, không được ra ngoài thì mới thấy điện thoại có ích phết. Vừa đọc được báo, vừa xem được phim, vừa nghe được nhạc nên là ở nhà mấy tháng cũng vẫn nắm được tình hình và đỡ buồn. Mấy bà bạn cô từ đạo Covid biết livestream, lập hội giao lưu hát với nhau; đến giờ hội hát đấy vẫn duy trì hằng ngày, hằng tháng chỉ gặp nhau giao lưu trực tiếp một vài lần thôi”.

Đồng thời kết quả khảo sát cũng cho thấy, 98% người được hỏi cho biết sau đại dịch Covid-19, họ thực hiện nhiều loại hình văn hóa giải trí hơn so với giai đoạn trước đó; đặc biệt, có đến 17% người cao tuổi cho biết họ bắt đầu trải nghiệm những loại hình văn hóa giải trí mà trước dịch Covid-19 họ chưa từng thử qua. Bên cạnh đó, dịch Covid-19 cũng làm thay đổi nhận thức của người cao tuổi nói chung, người cao tuổi tại Hà Nội nói riêng, làm biến đổi nhu cầu giải trí của người cao tuổi, thể hiện ở: *Một là*, người cao tuổi quan tâm tới sức khỏe và các hình thức thực hành văn hóa giải trí có tác dụng tốt cho sức khỏe hơn. Sau dịch Covid-19, tỷ lệ người cao tuổi tập luyện thể dục, thể thao tăng lên 69,1% so với 58,7% ở giai đoạn trước đó. *Hai là*, sau dịch Covid-19, người cao tuổi tại Hà Nội chủ động hơn trong việc tìm kiếm, lựa chọn và thực hành các loại hình văn hóa giải trí để đáp ứng nhu cầu giải trí của mình. Một số người cao tuổi cho biết, trước đó, họ thường chỉ tham gia các hình thức giải trí tập thể do Hội Người cao tuổi hoặc các tổ chức đoàn thể xã hội tổ chức bên cạnh những hình thức giải trí cá nhân thực hiện tại nhà (xem ti vi, nghe nhạc, đọc sách báo...); sau dịch Covid-19, họ đã chủ động tự tìm kiếm thông tin, thực hiện các loại hình văn hóa giải trí vừa đáp ứng nhu cầu cá nhân, vừa đảm bảo an toàn dịch tễ.

Trả lời câu hỏi “Trước và sau dịch Covid-19, nhu cầu và phương thức giải trí thay đổi như thế nào?”, nhiều người cao tuổi cho biết nhu cầu giải trí của họ tăng cao trong thời gian Covid-19, đặc biệt là trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội. Tuy nhiên, sau Covid-19, cách thức thực hành văn hóa giải trí của họ có sự thay đổi để vừa đáp ứng nhu cầu giải trí nhưng vẫn đảm bảo an toàn, sức khỏe.

Phỏng vấn sâu - mã B1 cho hay: *“Vợ chồng bác cũng hay đi du lịch. Trước Covid, chủ yếu bác và bà ấy cứ đi theo tour của Hội phụ nữ phường hay Hội Cựu chiến binh tổ chức, chủ yếu du xuân đầu năm hay hè thăm lại chiến trường xưa. Nhưng từ dạo Covid là thấy ngại đến các chỗ tập trung đông người, bác và bà ấy vẫn đi nhưng chủ yếu đi cùng vài người bạn, hoặc con cái đưa đi. Cũng phải cẩn thận vì giờ dịch bệnh nhiều, mình lại già, hệ miễn dịch không còn tốt như trước”*.

Kết quả khảo sát cho thấy, mục đích khi tham gia giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội rất đa dạng và phong phú, trong đó, 95,5% nhằm giữ gìn, nâng cao

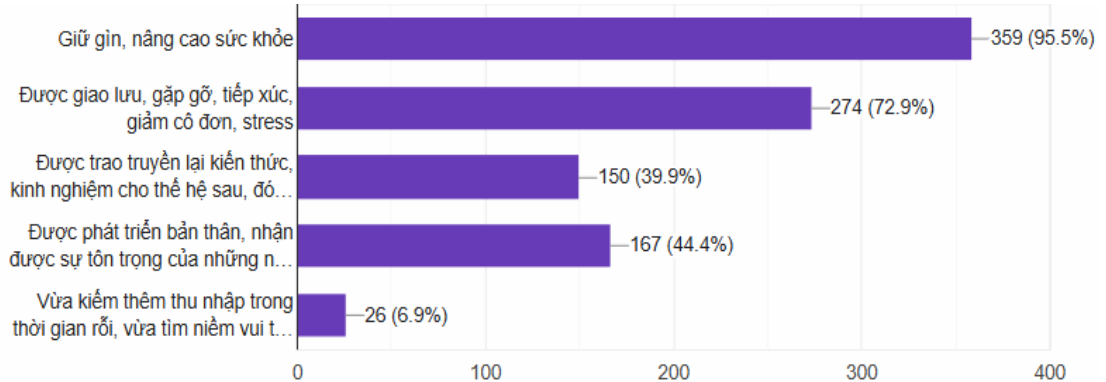
sức khỏe thể chất; 72,9% người trả lời cho biết nhằm giao lưu, tiếp xúc, gặp gỡ mọi người; 44,4% nhằm phát triển bản thân, nhận được sự tôn trọng của những người xung quanh; 39,9% nhằm trao truyền lại vốn kiến thức, kinh nghiệm của mình cho thế hệ sau, đóng góp cho xã hội, 6,9% nhằm tìm kiếm niềm vui vừa có thêm thu nhập thông qua các hoạt động giải trí và 23% nhằm đạt được tất cả các mục đích trên. Các mục đích trên đều nhằm đáp ứng nhu cầu giải trí nói riêng, các nhu cầu cơ bản của người cao tuổi theo thang nhu cầu của A.Maslow nói chung. Các mục đích nêu trên đều nhằm thỏa mãn các nhu cầu của người cao tuổi, hướng tới sự thư giãn, phục hồi thể chất và tinh thần cho họ trong thời gian rỗi và điều kiện cho phép.

Bên cạnh việc đáp ứng nhu cầu giải trí, mục đích của người cao tuổi khi tham gia, thực hành các loại hình văn hóa giải trí cũng thể hiện rõ giá trị văn hóa mà họ theo đuổi. Đó là giá trị “Khang” (康) - nghĩa là sức khỏe, bình an, thịnh vượng - một trong năm giá trị thuộc Ngũ phúc (Phúc, Lộc, Thọ, Khang, Ninh) theo quan niệm của người Á Đông. Ở tuổi nào, sức khỏe và bình an cũng là điều rất quan trọng, cần thiết; song đối với người cao tuổi, “khang” lại càng có giá trị to lớn hơn khi họ đã trải qua nhiều cung bậc của cuộc sống, họ trân quý từng khoảnh khắc bình an bên gia đình, dòng họ, cộng đồng. Hơn hết, người cao tuổi Việt Nam nói chung, người cao tuổi Hà Nội nói riêng, theo truyền thống đều sống hết lòng vì con vì cháu. Đồng thời nếp sống, nếp nghĩ “Trẻ cậy cha, già cậy con” in đậm trong tâm trí bao thế hệ người Việt càng khiến người cao tuổi mong cầu “khang” để được vui hưởng tuổi già mà không ảnh hưởng, lụy phiền tới con cháu bởi truyền thống văn hóa Việt Nam từ bao đời nay vốn là: “Mẹ già đầu bạc như tơ/ Lưng đau con đỡ, mắt mờ con nuôi”.

Việt Nam là quốc gia có truyền thống canh tác nông nghiệp, truyền thống đó đã góp phần hình thành nên tính cộng đồng, tính kết nối xã hội sâu sắc. Cuộc sống của mỗi người dân Việt Nam, từ khi sinh ra tới lúc qua đời, bên cạnh gia đình, đều gắn bó mật thiết với cộng đồng, làng xóm. Do đó, người Việt không có thói quen sống một mình (Ăn một mình đau tức/ Làm một mình cực thân) mà thường gắn bó với cộng đồng, làng xóm. Sự kết nối, gắn bó cộng đồng này vừa

tạo cơ hội để họ gắn bó, giao lưu, học hỏi, vừa là nền tảng để người Việt tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau khi gặp khó khăn, hoạn nạn. Đối với người cao tuổi, nhất là người cao tuổi tại các thành phố lớn như Hà Nội, tính kết nối cộng đồng càng trở nên cần thiết hơn cả khi mà sự phát triển của xã hội hiện đại đã làm cho thiết chế gia đình, làng xã truyền thống tại Thủ đô biến đổi mạnh mẽ, vòng kết nối của người cao tuổi bị ảnh hưởng, thu hẹp. Do đó, thực hành văn hóa giải trí là một cách để người cao tuổi tìm đến, thỏa mãn tính kết nối, cộng đồng thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, hoạt động làng xã... bởi họ luôn sống theo nếp xưa từng được tục ngữ, ca dao đề cập tới như: “Bán anh em xa mua láng giềng gần”, “Hàng xóm tối lửa tắt đèn có nhau” hay “Thiếu cơm thiếu áo chẳng màng/ Thiếu tình đoàn kết, xóm làng không vui”.

Nhìn chung, người cao tuổi Hà Nội thực hành văn hóa giải trí không chỉ để thư giãn mà còn để giữ gìn văn hóa, rèn luyện sức khỏe, kết nối xã hội, tiếp thu tri thức mới, truyền dạy kinh nghiệm cho thế hệ sau và đóng góp cho cộng đồng. Đây chính là những giá trị bền vững mà họ hướng tới trong cuộc sống.



Hình 2.5: Mục đích của người cao tuổi khi thực hiện các hoạt động giải trí

So sánh kết quả khảo sát tại 3 quận, huyện cho thấy, về mục đích thực hành văn hóa giải trí, cả người cao tuổi tại nội thành (quận Hoàn Kiếm, quận Cầu Giấy) và ngoại thành Hà Nội (huyện Chương Mỹ) đều khá thống nhất khi thứ tự các mục đích xếp từ cao xuống thấp theo tỷ lệ người tham gia khảo sát đều là: 1) Giữ gìn, nâng cao sức khỏe (87,8% - 95,2%); 2) Được giao lưu, gặp gỡ, tiếp xúc, giảm cô đơn, stress (63,2% - 76,2%); 3) Được phát triển bản thân, nhận được sự tôn trọng của những người xung quanh (36,8% - 56,6%); 4) Được trao truyền lại

kiến thức, kinh nghiệm cho thế hệ sau, đóng góp cho xã hội (33,2% - 55,8%) và 5) Vừa tìm niềm vui trong cuộc sống, vừa kiếm thêm thu nhập trong thời gian rỗi thông qua các hoạt động giải trí (3,4% - 14%).

Như vậy, có thể thấy nhu cầu giải trí là nhu cầu cơ bản, thiết yếu đối với người trên 60 tuổi tại Hà Nội. Mức độ cần thiết của nhu cầu này đối với mỗi người có thể khác nhau do đặc điểm thể chất, tinh thần, kinh tế, xã hội ảnh hưởng nhưng là nhu cầu cần được đáp ứng, chỉ sau nhu cầu sinh lý. Việc không được đáp ứng hoặc đáp ứng hạn chế nhu cầu giải trí sẽ tác động mạnh mẽ tới cuộc sống của họ.

2.2.2. Về các hoạt động giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội

Theo kết quả điều tra xã hội học tại Hà Nội, các loại hình hoạt động giải trí của người cao tuổi rất đa dạng và phong phú, bao gồm các loại cơ bản sau: Tập thể dục, thể thao; Xem ti vi, nghe nhạc, chương trình phát thanh trên radio...; Đọc sách báo, tạp chí...; Đi tham quan, du lịch; Học kỹ năng, nghệ thuật mới...; Gặp gỡ, giao lưu cùng bạn bè; Tham gia các hoạt động thiện nguyện; Sử dụng mạng xã hội... Tỷ lệ người trên 60 tuổi thực hành các hoạt động giải trí nêu trên có sự khác biệt, dao động từ 5,7% đến 84,7% tùy từng loại hình.

Như đã đề cập tại Chương 2, trong phạm vi luận án này, nghiên cứu sinh phân chia văn hóa giải trí của người cao tuổi thành 2 nhóm loại hình cơ bản: văn hóa giải trí thể chất và văn hóa giải trí tinh thần.

Thứ nhất, văn hóa giải trí thể chất

Đây là loại hình văn hóa giải trí phổ biến nhất ở người cao tuổi, không phân biệt lứa tuổi, giới tính, địa bàn cư trú cũng như thu nhập, trình độ học vấn hay tình trạng hôn nhân nhờ vào tính chất linh hoạt và tác dụng của nó tới người thực hiện. Tuổi cao đồng nghĩa với việc sức khỏe giảm sút, cơ thể trì trệ, kém dẻo dai, linh hoạt và hầu hết người cao tuổi đều có nhu cầu tập luyện thể dục, thể thao nhằm tăng cường sức khỏe thể chất và tinh thần, tăng sự hứng thú trong cuộc sống, giảm các căng thẳng trong sinh hoạt hàng ngày, giúp kéo dài tuổi thọ, tăng khả năng lao động, phục vụ bản thân và gia đình, giảm nguy cơ mắc các chứng bệnh và chống lại sự lão hóa của cơ thể... Các hoạt động giải trí liên quan tới thể chất của người cao tuổi ở Hà Nội thường gồm các loại hình sau:

• *Đi bộ, chạy bộ*: Đi bộ là bộ môn thể thao cải thiện sức khỏe cho người cao tuổi được nhiều chuyên gia khuyến khích. Đi bộ rất có lợi cho sức khỏe tim mạch; không phân biệt lứa tuổi. Tỷ lệ người cao tuổi đi bộ thể dục ở nam giới (64,7%) cao hơn so với nữ giới (35,3%). Khảo sát cho thấy người cao tuổi tại Hà Nội đi bộ thể dục chủ yếu vào buổi sáng sớm (thường từ 4 giờ 40 đến 6 giờ 30 sáng) và chiều tối (thường từ 16 giờ đến 18 giờ) hằng ngày. Tỷ lệ người cao tuổi tại nội thành đi bộ thể dục (46,3 %) cao hơn ở khu vực ngoại thành (21,7 %). Người cao tuổi tại nội thành thường đi bộ tại các công viên gần nhà hoặc xung quanh khu dân cư nơi họ sinh sống. Thời gian họ thường đi bộ hằng ngày chủ yếu trong khoảng 1 giờ (63,9%). Cá biệt ở một số khu vực đô thị, có người cao tuổi dành thời gian đi bộ thể dục lên tới 2 hoặc hơn 2 giờ (3,68%); họ thường đi thành nhóm cùng lứa tuổi để vừa tập thể dục vừa trao đổi, giao lưu, trò chuyện. Thời gian dành cho hoạt động đi bộ của nhóm tuổi này ở khu vực nội thành cao hơn khu vực ngoại thành.

Khi được hỏi về việc có đi bộ hằng ngày hay không, phỏng vấn sâu - mã A1 cho biết:

“Cô thường đi bộ buổi sáng với mấy cô, mấy bác gần nhà. Đi ngay ra hồ đây thôi. Sáng nào cũng hẹn nhau đi 2 - 3 vòng rồi về đi chợ. Đi như thế vừa khỏe người, vừa gặp bạn bè, nói chuyện nhà cửa, con cái cho vui. Mà đi bộ là dễ nhất, chả tốn kém, chả cần gì cả, cứ xỏ đôi giày mềm vào là xong”.

Bên cạnh đi bộ, chạy bộ cũng là loại hình thể thao được người cao tuổi thực hiện. Tuy nhiên, tỷ lệ người cao tuổi chạy bộ chiếm tỷ lệ nhỏ (4,7%) do môn thể thao này đòi hỏi nhiều sức khỏe, độ dẻo dai và xương khớp tốt. Những người cao tuổi chạy bộ phần lớn là nam giới (trong khảo sát của tác giả là 100% người trả lời có chạy bộ là nam); họ đã có thời gian dài tập luyện thể chất (thông thường từ 5 năm trở lên). Khác với đi bộ, chạy bộ đòi hỏi ở người thực hiện yêu cầu cao hơn về trang phục (quần áo, giày, dép chạy), về địa điểm thực hành; một số người tham gia các hội nhóm chạy/ marathon và thường tham gia các giải chạy phong trào do các hội/ nhóm này tổ chức. 100% nam giới cao tuổi chạy bộ trong khảo sát sống tại khu vực đô thị.

So với nhiều người tham gia khảo sát, phỏng vấn sâu - là người đã duy trì luyện tập thể thao thường xuyên từ nhiều năm nay và thực hành nhiều hoạt động giải trí thể chất:

“Bác hằng ngày dậy từ 4 giờ rưỡi sáng, vệ sinh cá nhân xong là ra hồ điều hòa chạy 2 vòng, xong về tập ở máy tập đến 6 giờ, ngày nào bác cũng chạy, trừ khi mưa to quá không đi được thôi. Chạy vừa khỏe vừa vui cháu ạ, bác chạy hơn chục năm nay rồi. Hội thanh niên chưa chắc đã theo được bác đâu. Ngoài ra thì tuần chớ bà í (vợ) đi nhảy ở câu lạc bộ 2 buổi sáng thứ 3 với thứ 5. Chiều tùy hôm, có thể đánh cầu lông với hội hoặc đi nằm máy (massage) ở Nguyễn Khánh Toàn”.

Một số người cao tuổi đi bộ thường xuyên nhưng không tách riêng thành hoạt động thể thao vào một khung giờ cố định mà họ thường tranh thủ, tận dụng các khoảng thời gian rảnh rỗi trong ngày. Phỏng vấn sâu - mã C1 cho biết:

“Ôi dào bà cần gì đi bộ, ngày nào cũng đi chợ rồi làm việc nhà, trông cháu, đi chơi quanh xóm còn nhiều hơn cả các ông các bà đi tập thể dục ấy chứ! Mình thích đi lúc nào thì đi, lúc nào rỗi rãi thì đi quanh xóm chơi, chả cứ gì cứ phải đi vào buổi sáng”.

• **Yoga:** Yoga là bộ môn thể thao rèn luyện sự bền bỉ, giúp giảm stress rất hiệu quả. Hiện nay, tập luyện yoga thường được người cao tuổi lựa chọn bởi nó là loại hình phù hợp, giúp cơ thể dẻo dai, ngăn ngừa bệnh tim, đột quỵ, có thể loại bỏ chứng đau lưng rất hiệu quả. Trong số những người tập yoga, nữ giới cao tuổi chiếm tỷ lệ lớn (93,5%) so với nam giới (6,5%). Họ chủ yếu tập yoga theo nhóm (95,5%), chỉ có một tỷ lệ nhỏ tự tập (4,5%). Người cao tuổi chủ yếu tập yoga và sáng sớm, trong khoảng từ 5 đến 6 giờ hằng ngày. Địa điểm tập yoga của người cao tuổi là tại các nhà sinh hoạt cộng đồng (65,4%) và tại các phòng tập, cơ sở rèn luyện thể dục thể thao gần nơi sinh sống (32,4%); tập tại nhà chỉ chiếm lượng nhỏ (2,2%). Những người tập yoga chủ yếu tập trung tại khu vực nội thành (97%) và tập trung chủ yếu trong nhóm từ 60 đến 65 tuổi (93%).

• **Bơi lội:** Đây là bộ môn thể thao có nhiều tác dụng với người cao tuổi, giúp họ tránh được nguy cơ viêm khớp; khi bơi nước tác động trực tiếp đến cơ thể,

giúp lưu thông khí huyết, giảm đau cơ. Bơi lội là môn thể thao phổ biến hơn ở khu vực đô thị (98,7%) so với khu vực nông thôn (1,3%). Ở các quận nội thành, nữ giới cao tuổi đi bơi (47,8%) có tỷ lệ thấp hơn nam giới (53,2%). Ở khu vực nông thôn, khảo sát cho thấy chỉ có các cụ ông đi bơi tại khu vực công cộng; các cụ bà không tham gia vào hoạt động này. Những người cao tuổi thực hiện loại hình giải trí này ở đô thị thường có mức thu nhập từ khá trở lên (trên 10 triệu đồng/ tháng); tần suất đi bơi khoảng 1-2 lần/ tuần (62,5%). Thời gian dành cho hoạt động bơi lội của họ dao động từ 30 phút đến 1 giờ là chủ yếu (81,4%). Hoạt động giải trí, rèn luyện này phổ biến ở lứa tuổi từ 60 đến 70 tuổi.

• *Cầu lông*: Bộ môn thể thao này đòi hỏi khá nhiều sức lực. Chơi cầu lông có thể làm hạ đường huyết. Ở người cao huyết áp mức độ nhẹ, huyết áp có thể giảm sau mỗi lần chơi cầu lông. Do vậy, lượng người cao tuổi tham gia hoạt động giải trí này chiếm tỷ lệ ít hơn (16,3%) so với các loại hình đi bộ (63,9%) và tập yoga (19,8%). Người cao tuổi chơi cầu lông chủ yếu ở các sân chơi tại khu vực sinh sống (72,8%) và tại các nhà thi đấu thể thao, cung thể thao gần nơi sinh sống (27,2%). Họ chủ yếu có độ tuổi từ 60 đến 65 tuổi; tỷ lệ nam giới và nữ giới tham gia hoạt động này gần tương đương nhau (52% với nam và 48% với nữ). Những người chơi cầu lông chủ yếu ở khu vực đô thị (94,2%); ở khu vực nông thôn tỷ lệ người chơi cầu lông thấp (5,8%).

• *Bóng chuyền hơi*: Những năm gần đây, phong trào bóng chuyền hơi trên địa bàn thành phố phát triển mạnh mẽ và rộng khắp, trở thành sân chơi bổ ích, lý thú, tăng cường sức khỏe, nâng cao đời sống tinh thần cho người dân, đặc biệt là người cao tuổi. Đây là môn thể thao phù hợp với những người từ 60 tuổi trở lên; chơi bóng chuyền hơi thường xuyên sẽ cải thiện và đẩy lùi các loại bệnh, giảm được lượng mỡ thừa trong máu, giúp cho quá trình lưu thông máu được dễ dàng, làm tăng hiệu quả hoạt động của tim từ đó giảm các bệnh lý về tim mạch...

Trong cuộc phỏng vấn tại huyện Chương Mỹ, nghiên cứu sinh nhận thấy phong trào chơi bóng chuyền hơi phát triển mạnh hơn so với 2 địa bàn nội đô, thu hút nhiều người cao tuổi tham gia. Phỏng vấn sâu - mã C3) cho biết:

“Quanh đây có mấy câu lạc bộ bóng chuyền hơi, bác cũng tham gia đội của xóm 3. Mỗi đội có khoảng hơn chục người, chiều chiều đánh bóng ở sân nhà văn hóa. Chơi môn này không khó, lại luyện cho mình dẻo dai. Bác chơi được mấy năm rồi. Hội bóng chuyền hằng năm còn tổ chức đi chơi, đi tham quan nữa. Mỗi người chung nhau đóng ít tiền thôi, vui là chính”.

Kết quả khảo sát cho thấy, tỷ lệ người cao tuổi ở ngoại thành (72,7%) chơi bóng chuyền hơi cao hơn ở nội thành (42,3%). Ở các quận, huyện ngoại thành, chơi bóng chuyền hơi đã trở thành phong trào thể thao phổ biến; tại huyện Chương Mỹ đã có 16 câu lạc bộ, trên 100 đội bóng chuyền hơi được thành lập trên tinh thần tự nguyện với hơn 1.500 hội viên tham gia. Tỷ lệ nam giới (47,3%) chơi bóng chuyền hơi thấp hơn nữ giới cao tuổi (53,7%). Phần lớn người cao tuổi chơi bóng chuyền hơi trong khảo sát (88,5%) cho biết bóng chuyền hơi vừa giúp họ rèn luyện sức khỏe, vừa mở rộng, tăng cường kết nối với bạn bè, xóm giềng. Họ chủ yếu chơi bóng chuyền hơi vào buổi chiều (96,3%), trong khoảng từ 1 đến 1,5 tiếng (91,8%); độ tuổi của người chơi phổ biến từ 60 đến 75 tuổi.

• *Tập dưỡng sinh*: Tập dưỡng sinh là hình thức tập luyện di dưỡng sinh mệnh. Các bài tập này không chỉ giúp tăng cường sức khỏe thể chất, ngăn ngừa bệnh tật mà còn có khả năng làm tinh thần vui vẻ, sáng khoái. Phương pháp dưỡng sinh tập trung chủ yếu vào quá trình luyện thở, kết hợp nhuần nhuyễn với vận động và tập tĩnh/ tĩnh tâm. Tập dưỡng sinh thường xuyên đem lại nhiều lợi ích rõ rệt về thể chất và tinh thần cho người cao tuổi như: Tăng tính linh hoạt và thăng bằng, cải thiện chức năng các hệ cơ quan trong cơ thể, giúp họ ngủ ngon hơn, cải thiện tâm trạng và tăng sự tự tin, phòng ngừa và giảm triệu chứng bệnh mãn tính. Đây là môn thể thao rất phù hợp cho người cao tuổi, kể cả những người có sức khỏe hạn chế. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn người cao tuổi tập dưỡng sinh ở độ tuổi 65 đến 75 tuổi (83,6%); thời gian họ tập dưỡng sinh chủ yếu vào buổi sáng từ 5 giờ đến 6 giờ 30 hằng ngày hoặc chiều trong khoảng từ 17 đến 19 giờ. Hoạt động này phổ biến ở cả đô thị và khu vực nông thôn; đặc biệt những nơi nào có tổ chức Hội Người cao tuổi ở cơ sở hoạt động mạnh thì tập dưỡng sinh và dân vũ càng phổ biến.

• *Tập dân vũ, khiêu vũ*: Đây là loại hình ngày càng được ưa chuộng tại nhiều địa bàn trên toàn thành phố. Tập dân vũ, khiêu vũ là loại hình giải trí, rèn luyện trở nên phổ biến trong thời gian gần đây do tính chất sôi động, dễ thực hiện, phù hợp với mọi lứa tuổi. Hoạt động dân vũ, khiêu vũ chủ yếu được người cao tuổi thực hiện tại khu vực nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà văn hóa địa phương hoặc các sân chơi, sân đình, không gian công cộng tại nơi sinh sống. Tới nay, nhiều địa phương đã thành lập các câu lạc bộ dân vũ, khiêu vũ và tổ chức các cuộc thi dân vũ trên quy mô cấp quận, huyện. Người cao tuổi tham gia hoạt động dân vũ, khiêu vũ chủ yếu là nữ giới (93,6%) và tập theo nhóm từ 15-20 người trở lên. Họ thường tập luyện vào buổi sáng (28,1%) và buổi tối (71,9%); chủ yếu tập tại sân chơi hoặc không gian chung khu dân cư.

Trong quá trình khảo sát thực tế, nghiên cứu sinh đã tiếp cận và phỏng vấn một số người cao tuổi về hoạt động khiêu vũ của họ. Những người này cho biết họ đều tham gia khiêu vũ theo nhóm tại các câu lạc bộ gần nơi sinh sống. Đa phần những người khiêu vũ là những người có đời sống kinh tế ổn định, họ sẵn sàng đầu tư các trang phục, phụ kiện để thuận tiện cho hoạt động khiêu vũ.

Phỏng vấn sâu - mã A2 cho biết đã khiêu vũ nhiều năm nay. Thời gian đầu việc khiêu vũ của bà không được chồng ủng hộ nhưng sau một thời gian tham gia thấy sức khỏe của bà tốt lên thì ông đã ủng hộ bà. Bà vẫn duy trì đến câu lạc bộ khiêu vũ hằng tuần:

“Bà tuổi này yếu rồi, không vận động mạnh được nữa, chủ yếu là đi nhảy cho vui vẻ, khỏe người. Mà cũng không nhảy nhiều được, khớp đau cháu ạ. Nên một tuần chỉ đi 2 đến 3 buổi thôi. Hôm nào khỏe thì nhảy vài điệu; còn đau chân thì xem người ta nhảy cho vui”.

Phỏng vấn sâu - mã B2 cho hay:

“Cô mới đi nhảy mấy năm nay thôi. Đi rồi mới biết mình lạc hậu, nhảy vừa khỏe, vừa vui. Trước cô cứ nghĩ nhảy nhót không hay, bạn cô rủ mãi cô có đi đâu. Hóa ra do mình không biết. Giờ ngày nào cô cũng đi, ngay nhà văn hóa phường ấy. Biết thế mình đi từ lâu rồi”.

Ngoài các hoạt động giải trí liên quan tới thể chất nêu trên, người cao tuổi ở Hà Nội còn tham gia vào nhiều loại hình giải trí khác như đi xe đạp, đánh golf,

đánh bóng bàn, đá cầu... Kết quả khảo sát cũng cho thấy những người trên 60 tuổi tại khu vực đô thị dành nhiều thời gian cho hoạt động giải trí thể chất hơn người sinh sống tại khu vực nông thôn. Điều này có thể lý giải bởi người cao tuổi ở khu vực nông thôn còn phải tham gia, hỗ trợ con cháu nhiều trong hoạt động lao động, sản xuất nên thời gian cũng như nhu cầu về hoạt động giải trí thể chất giảm bớt.

Thứ hai, văn hóa giải trí tinh thần

Đó chính là các hoạt động hưởng thụ, sử dụng các sản phẩm văn hóa tinh thần. Loại hình này giúp con người đạt được sự thư thái, thoải mái trong và sau quá trình thực hiện. Khác với hoạt động giải trí thể chất, tác động của hoạt động giải trí liên quan đến tinh thần có thể kéo dài nhiều giờ sau khi hoạt động đó kết thúc. Hiện nay, theo kết quả khảo sát, văn hóa giải trí liên quan đến các hoạt động tinh thần của người cao tuổi tại Hà Nội bao gồm các loại hình chủ yếu sau:

- *Nghe/ xem các chương trình phát thanh, truyền hình:* Đây là hình thức giải trí tinh thần phổ biến đối với người cao tuổi ở cả khu vực đô thị và nông thôn. Loại hình này dễ thực hiện, chi phí thấp, cung cấp nội dung giải trí đa dạng. Theo khảo sát, 100% người cao tuổi cho biết gia đình họ có ti vi, đài thu thanh hoặc thiết bị kết nối Internet phục vụ thưởng thức các chương trình phát thanh, truyền hình. Tỷ lệ người cao tuổi xem các chương trình truyền hình trên ti vi, nghe đài phát thanh... chiếm 77,7%; tỷ lệ người cao tuổi xem phim, nghe nhạc, đọc báo trên các thiết bị thông minh chiếm tới 75,6% số người tham gia khảo sát. Nội dung các chương trình thu hút sự quan tâm của người cao tuổi trên sóng phát thanh, truyền hình chủ yếu bao gồm: tin tức thời sự, dự báo thời tiết, phim truyện, các chương trình biểu diễn nghệ thuật truyền thống, ca múa nhạc, các chương trình dành cho người cao tuổi như Cây cao bóng cả, Sống vui - khỏe - có ích... Thời gian trung bình mỗi người cao tuổi dành để xem các chương trình trên sóng phát thanh, truyền hình từ 3 đến 4 giờ/ ngày. Khảo sát cũng cho thấy, một số người không quan tâm nhiều đến nội dung chương trình phát thanh, phát sóng nhưng bật ti vi, đài, thiết bị kết nối Internet là thói quen hằng ngày của họ (23,7%). Thậm chí, một số người thừa nhận, họ cảm thấy dễ ngủ hơn khi

nghe/ xem các chương trình trên ti vi hoặc các thiết bị kết nối khác (16,7%). Tỷ lệ người cao tuổi ở nông thôn (82,3%) nghe/ xem các chương trình phát thanh, truyền hình cao hơn tại các đô thị (7,5%); điều này có thể do các loại hình dịch vụ giải trí tại khu vực nông thôn còn hạn chế, chưa đa dạng; hơn nữa, mức thu nhập trung bình của người cao tuổi ở nông thôn thấp hơn tại khu vực đô thị nên người cao tuổi tại nông thôn không có nhiều lựa chọn. Tỷ lệ nữ giới cao tuổi nghe/ xem các chương trình trên sóng phát thanh, truyền hình (54,5%) cao hơn so với nam giới (45,6%).

- *Đọc sách, báo, tạp chí...*: Đây cũng là loại hình giải trí phổ biến, thu hút đông đảo người cao tuổi tham gia. Đọc sách, báo, tạp chí... vừa giúp họ thư giãn, vừa cung cấp các thông tin bổ ích, giúp mở rộng tầm hiểu biết. Kết quả khảo sát sơ bộ tại Hà Nội cho thấy người cao tuổi tại các đô thị (47,3%) đọc sách, báo, tạp chí... cao hơn so với khu vực nông thôn (28,1%). Những người ưa thích đọc sách, báo, tạp chí... chủ yếu là cán bộ nghỉ hưu, có trình độ học vấn tương đối tốt. Đọc sách, báo, tạp chí... trong người cao tuổi tại đô thị ở Hà Nội có xu hướng giảm xuống khi Internet phát triển mạnh, trong khi đó ở khu vực nông thôn, người cao tuổi ưa thích đọc, sách, báo, tạp chí... gần đây có xu hướng tăng lên. Không chỉ đọc sách, báo, tạp chí... để giải trí, người cao tuổi tại các địa phương còn góp phần vào việc xây dựng các thư viện, tủ sách, lan tỏa văn hóa đọc trong cộng đồng, qua đó góp phần nâng cao trình độ dân trí của các địa phương. Đa phần họ đọc sách, báo, tạp chí... được cấp phát (tại các đô thị) hoặc tại các thư viện, tủ sách công cộng (tại khu vực nông thôn); số lượng người cao tuổi bỏ tiền ra mua sách, báo, tạp chí... chiếm một tỷ lệ nhỏ (11,8% ở đô thị; 2,4% ở nông thôn). Kết quả khảo sát cho thấy, tỷ lệ nữ giới cao tuổi đọc sách, báo, tạp chí thấp hơn ở nam giới cao tuổi đối với cả khu vực nội thành và ngoại thành, cụ thể: Nội thành: 44% nam so với 30% nữ; ngoại thành: 51% nam so với 18% nữ. Chịu ảnh hưởng của truyền thống văn hóa trọng nam, nam giới cao tuổi trước đây có điều kiện học tập tốt hơn so với phụ nữ; hình thành nên thói quen đọc, viết nên tỷ lệ đọc sách, báo, tạp chí... của nam giới cao hơn nữ giới.

• *Thưởng thức các sản phẩm văn hóa nghệ thuật tại các điểm cung cấp dịch vụ văn hóa:* Loại hình giải trí này khá đa dạng như xem phim tại rạp, thưởng thức các chương trình ca múa nhạc tại các trung tâm biểu diễn, tham dự các buổi triển lãm nghệ thuật... So với các loại hình giải trí khác, thưởng thức các sản phẩm văn hóa nghệ thuật tại các điểm cung cấp dịch vụ văn hóa là loại hình ít được người cao tuổi tại Hà Nội thực hiện hơn bởi loại hình này đòi hỏi chi phí cao hơn các loại hình khác và người thực hiện phải có “gu” thẩm mỹ, trình độ văn hóa ở mức độ nhất định để có thể cảm nhận được cái hay, cái đẹp trong từng tác phẩm. Kết quả khảo sát sơ bộ cho thấy, có 15,4% người cao tuổi tại đô thị thực hiện loại hình giải trí này, tỷ lệ này là 0% tại khu vực nông thôn. Trong số những người cao tuổi thực hiện loại hình giải trí này, phần lớn có trình độ học vấn từ đại học trở lên (chiếm 78,7%); thu nhập tương đối cao so với mặt bằng chung (từ 10 triệu/ tháng trở lên). Tần suất người cao tuổi thực hiện loại hình giải trí này còn ít, thường dao động từ 1-3 lần/ năm (79,8%). Phần lớn người cao tuổi được khảo sát cho biết họ lựa chọn loại hình giải trí này bởi nó gắn với sở thích cá nhân của người cao tuổi. Đối với loại hình giải trí này, người cao tuổi thường thực hiện cùng bạn đời hoặc nhóm bạn bè thân thiết lâu năm.

• *Sử dụng mạng xã hội, các nền tảng trực tuyến:* Đây là hình thức giải trí mới phát triển của người cao tuổi trong những năm gần đây. So với người trẻ tuổi, người cao niên gặp nhiều khó khăn hơn trong quá trình sử dụng các thiết bị công nghệ để kết nối Internet và sử dụng mạng xã hội cũng như các nền tảng trực tuyến. Tuy nhiên, loại hình này ngày càng được họ ưa chuộng vì tính tiện dụng, nội dung đa dạng, phong phú. 100% người cao tuổi sinh sống tại các quận nội thành sở hữu ít nhất 1 thiết bị di động kết nối Internet; tỷ lệ này ở khu vực ngoại thành là 78%. Người cao tuổi cho biết các thiết bị di động kết nối Internet giúp họ giữ liên lạc với gia đình, người thân, bạn bè; đồng thời giúp họ cập nhật tin tức, thưởng thức các chương trình nghệ thuật trên không gian mạng. 16% người tham gia khảo sát cho biết họ có sử dụng các mạng xã hội như Facebook, Zalo, Viber... hoặc xem các nội dung giải trí trên YouTube và các nền tảng trực tuyến khác. 47% người cao tuổi tại Hà Nội dành từ 1 đến 3 giờ mỗi ngày để

xem, cập nhật, bình luận... các nội dung trên các mạng xã hội hoặc các nền tảng trực tuyến. Kết quả khảo sát cho thấy sử dụng các thiết bị di động kết nối Internet, mạng xã hội... phổ biến ở tất cả các độ tuổi của người cao tuổi tại Hà Nội. Nội dung được họ quan tâm nhiều trên các mạng xã hội là các tin tức thời sự, các vấn đề kinh tế - xã hội, sức khỏe bên cạnh việc giữ liên lạc với người thân, bạn bè. Người cao tuổi cũng thông qua mạng xã hội để thực hiện hành vi mua sắm (chiếm 16,5%; chủ yếu là nữ giới cao tuổi). 100% người cao tuổi sử dụng mạng xã hội cho biết “chơi” Facebook, Zalo... cũng là cách giúp họ tránh được cảm giác cô độc, buồn chán khi con, cháu bận rộn; ngoài ra còn giúp cho trí óc, não bộ của người cao tuổi hoạt động tích cực hơn, kéo dài tuổi thọ. Một số người cao niên còn trở thành những nhà sáng tạo nội dung số thông qua việc tạo nên các video clip, các bài thơ, bản nhạc được nhiều người yêu thích trên các nền tảng số (ví dụ: TikToker Hạnh Nguyễn, TikToker Minh bí thư chi bộ, TikToker Bà Quàng...); tuy nhiên, số lượng này còn rất ít.

• *Tham gia các hoạt động xã hội như từ thiện, hoạt động của tổ dân phố, các hội cựu chiến binh, hội hưu trí, hội phụ nữ, hội khuyến học, hội người cao tuổi...:*

Tham gia các hoạt động thiện nguyện, các hoạt động của cộng đồng địa phương (như công tác của tổ dân phố, hội Phụ nữ, hội Cựu chiến binh, hội Cựu giáo chức, Hội Người cao tuổi...) là hoạt động được người cao tuổi lựa chọn để vừa giao lưu, tiếp xúc, vừa giải tỏa căng thẳng, mệt mỏi (30,6%), tập trung phần lớn ở nhóm người cao tuổi từ 60-70 tuổi, phần lớn là cán bộ nghỉ hưu. Tỷ lệ nữ giới cao tuổi tham gia hoạt động thiện nguyện, hoạt động của cộng đồng địa phương nhiều hơn nam giới cao tuổi: Tại khu vực ngoại thành, tỷ lệ này là 44,6% nữ, 42% nam; ở nội thành, tỷ lệ này tương ứng là 25,6% với nữ và 24,3% với nam giới cao tuổi.

Trong quá trình khảo sát, nghiên cứu sinh nhận thấy một số công việc phục vụ cộng đồng, địa phương mà người cao tuổi tham gia có trợ cấp của Nhà nước. Khi được hỏi có phải nguồn trợ cấp này là động lực để người cao tuổi thực hiện các công việc “vác tù và hàng tổng” này hay không, người cao tuổi tham gia phỏng vấn đều phủ nhận. Phỏng vấn sâu - mã B7 cho biết:

“Không cháu ạ. Lúc đầu chú tham gia tổ dân phố cho vui ấy mà cháu. Sau người dân thấy mình làm tốt họ cứ bầu liền mấy năm, chối cũng không được. Cũng bận cháu ạ, nhưng tham gia việc này, việc khác thấy mình khỏe hơn, vui hơn, nhanh nhẹn hơn, còn đóng góp được cho xã hội thì mình cứ làm thôi”.

Kết quả khảo sát sơ bộ cho thấy nữ giới cao tuổi gặp hạn chế trong việc tham gia các hoạt động cộng đồng tại địa phương do họ còn bận rộn với các công việc gia đình như nấu nướng, dọn dẹp, chăm sóc con cháu... hơn so với nam giới cao tuổi. Khi được hỏi về việc có tham gia các hoạt động tại cộng đồng dân cư hay không, phỏng vấn sâu - mã B5 cho biết:

“Các ông bà ở phường với tổ dân phố cũng động viên bác tham gia Hội Phụ nữ với Hội Khuyến học đấy nhưng mà bác còn bận cơm nước, trông 1 đứa cháu bé 2 tuổi rưỡi, hằng ngày đưa đón 2 đứa cháu lớp 3 và lớp 5 đi học nên không có thời gian tham gia. Chỉ khi nào tổ chức hội hè, họp hành thì mình có mặt cho vui thôi”.

So với các loại hình giải trí đã nêu ở trên, loại hình giải trí này đem lại ý nghĩa tích cực cho người cao tuổi. 100% người cao tuổi tham gia các hoạt động xã hội cho biết điều này giúp họ cảm thấy cuộc sống có ý nghĩa hơn, giúp họ cảm thấy thoải mái, thư giãn, được chia sẻ trong cuộc sống, giảm bớt cảm giác chán nản, mệt mỏi, hạn chế những suy nghĩ tiêu cực; nhiều người cho biết từ khi tham gia các hoạt động này, sức khỏe của họ được cải thiện. Quan trọng hơn, việc tham gia vào các hoạt động xã hội còn giúp người cao tuổi phát huy vai trò của mình, truyền thụ lại những kinh nghiệm, kiến thức của mình cho các thế hệ sau, góp phần gìn giữ và phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

- *Đi tham quan, du lịch:* Đi tham quan, du lịch là loại hình gắn cả với giải trí về mặt thể chất lẫn giải trí về mặt tinh thần của người cao tuổi. Trong quá trình tham quan, du lịch, người cao tuổi thực hiện nhiều hoạt động thể chất như đi bộ, leo núi, bơi lội... phù hợp với lứa tuổi, giúp khí huyết lưu thông, giảm bớt bệnh tật. Bên cạnh đó, đến thăm các cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử, văn hóa, những vùng đất mới giúp họ được có cơ hội tiếp xúc, giao lưu với nhiều

người ở nhiều lứa tuổi ở các địa phương khác nhau; đồng thời giúp họ tăng cường hiểu biết về văn hóa, lịch sử, phong tục tập quán của vùng đất nơi họ tới du lịch; từ đó nâng cao chất lượng cuộc sống, đem lại niềm vui và hạnh phúc cho họ. Kết quả khảo sát cho thấy, người cao tuổi tại khu vực nội thành (25,6%) đi tham quan, du lịch ít hơn so với người cao tuổi sinh sống tại ngoại thành (38,4%). Tỷ lệ nữ giới cao tuổi đi tham quan, du lịch cao hơn nam giới cao tuổi, cụ thể: tại ngoại thành: 42,9% nữ - 34% nam; tại nội thành: 26,9% nữ - 24,3% nam. Người cao tuổi đi du lịch thường có mức thu nhập tương đối tốt so với mặt bằng chung. Tại các đô thị, người cao tuổi đi tham quan, du lịch phần lớn theo nhóm cơ quan, tổ chức đoàn thể xã hội, gia đình hoặc bạn bè; một số mua tour của các công ty du lịch hoặc tự đi. Trong khi đó, người cao tuổi tại nông thôn thường đi tham quan, du lịch thông qua sự tổ chức của các đoàn thể xã hội (hội cựu chiến binh, hội phụ nữ, hội người cao tuổi...). Số người cao tuổi đi du lịch nước ngoài tập trung chủ yếu ở các đô thị.

Tiến hành phỏng vấn người cao tuổi về nhu cầu và hoạt động du lịch, nghiên cứu sinh nhận thấy người cao tuổi tại Hà Nội hiện nay có nhu cầu đi tham quan, du lịch. Song tùy thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh của bản thân mà phương thức thực hiện của họ khác nhau. Phỏng vấn sâu - mã C2 cho biết:

“Thấy các ông, các bà đi chơi mình cũng thích nhưng còn bận trông cháu cho con nó đi làm. Mà cô nông dân, làm gì có tiền, hai vợ chồng trông vào lương hưu của chú, lại còn nay ốm mai đau nên cũng phải tiết kiệm. Thỉnh thoảng các bà Hội Phụ nữ xã tổ chức thì mới tham gia, nhưng vài năm mới đi một chuyến”.

Phỏng vấn sâu - mã B8 trả lời:

“Cô nghỉ hưu được vài năm rồi, còn sức khỏe, có lương hưu, không nhiều nhưng đủ chi tiêu, thỉnh thoảng con cháu cho thêm đồng quà, tấm bánh. Cô hay tham gia cùng các bà trong Hội Phụ nữ, tổ dân phố đi du lịch. Ngày trước còn đi làm bận, chưa có thời gian đi; giờ tranh thủ đi cho biết, vừa khỏe, vừa vui, vừa có nhiều ảnh đẹp làm kỷ niệm. Từ Tết đến giờ, 3 tháng mà cô đi 4 chuyến rồi”.

• *Tham gia các câu lạc bộ theo sở thích:* Đây là loại hình văn hóa giải trí khá phổ biến của người cao tuổi tại Hà Nội. Các câu lạc bộ rất đa dạng, tính chất,

tổ chức hoạt động của các câu lạc bộ gắn bó và chịu ảnh hưởng của đặc điểm, loại hình sở thích đó như câu lạc bộ chơi cây cảnh, chơi chim, cá cảnh, thú cưng, hát karaoke... (phổ biến cả ở nội thành và ngoại thành) hay câu lạc bộ chơi đồ cổ (chủ yếu trong những người cao tuổi có điều kiện kinh tế và có trình độ học vấn cao), chơi cờ tướng (phổ biến ở cả nội và ngoại thành)/ cờ vua (phần lớn tại nội thành), nấu ăn (phần lớn tại nội thành), làm thơ... So sánh loại hình này tại khu vực nội và ngoại thành có thể thấy, các câu lạc bộ theo sở thích tại quận Hoàn Kiếm và quận Cầu Giấy có tổ chức bài bản hơn, các hội viên có điều kiện kinh tế tương đối tốt hơn và hoạt động của các câu lạc bộ đa dạng hơn so với tại huyện Chương Mỹ. Tỷ lệ nam giới cao tuổi thực hành loại hình này chiếm 36%, trong khi đó nữ giới cao tuổi chiếm tỷ lệ thấp hơn (24,6%).

• *Sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng* như đi lễ đền, chùa, phủ; lễ nhà thờ, hầu đồng... cũng là loại hình văn hóa giải trí phổ biến đối với người cao tuổi ở cả khu vực đô thị và nông thôn Hà Nội. Nếp nghĩ “trẻ vui nhà, già vui chùa” vẫn in đậm trong tâm trí người cao tuổi tại khu vực ngoại thành, do đó, tỷ lệ người cao tuổi ở ngoại thành tham gia các hoạt động tôn giáo, tâm linh cao hơn hẳn so với khu vực nội thành. Đây là loại hình giải trí đặc biệt thu hút người cao tuổi từ xưa tới nay:

*Già thì lễ Phật đi chùa,
Cau non trái mùa ai cũng muốn ăn.*

(Ca dao)

Tại huyện Chương Mỹ, các đình, đền, chùa, nhà thờ... thường nằm ở vị trí trung tâm của làng/ khu dân cư; đó không chỉ là nơi sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng mà còn là nơi diễn ra các hoạt động giao lưu, sinh hoạt văn hóa, giải trí của người cao tuổi. Tại các quận Hoàn Kiếm, Cầu Giấy, các lễ hội truyền thống tổ chức tại các đền, chùa, phủ, nhà thờ... đã trở thành những sinh hoạt văn hóa sống động, thu hút sự tham gia của đông đảo người dân, trong đó có người cao tuổi. Người cao tuổi tham gia vào lễ hội từ nhiều khâu (chuẩn bị, tổ chức, diễn xướng, hành lễ...) với mong muốn giữ gìn truyền thống văn hóa của cha ông, cầu mong về một cuộc sống ấm no, an lành. Bên cạnh đó, với họ, tham gia các hoạt động lễ hội, hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng cũng là một cách thức thanh lọc tinh thần, giúp đầu óc thư giãn, thanh thản, hướng tới cuộc sống khỏe mạnh. Với

loại hình này, nữ giới chiếm tỷ lệ cao hơn so với nam giới. Có sự khác biệt giữa người cao tuổi tại nội thành và ngoại thành Hà Nội trong việc thực hành loại hình văn hóa giải trí này. Tại khu vực ngoại thành, tỷ lệ người cao tuổi đến các địa điểm tôn giáo, tín ngưỡng hằng ngày (42,3%) cao hơn so với khu vực đô thị Hà Nội (6,7%) bởi ở nông thôn các đình, đền, chùa, nhà thờ... thường nằm ở vị trí trung tâm của làng/ khu dân cư; thuận tiện cho người cao tuổi di chuyển. Đó không chỉ là nơi diễn ra các sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng của người cao tuổi mà còn là địa điểm họ gặp gỡ, giao lưu, chơi các trò chơi (đánh cờ, bóng chuyền, bóng gậy, dân vũ...). Còn tại khu vực đô thị, do đặc thù về vị trí địa lý và lối sống, người cao tuổi thường tới các địa điểm tôn giáo, tín ngưỡng vào các dịp như ngày rằm, mừng 1 âm lịch hoặc các ngày lễ, tết.

- *Văn hóa giải trí gắn với các hoạt động sáng tạo của chủ thể*, giúp chủ thể thể hiện và phát huy “cái tôi”, hoàn thiện bản ngã ở mức cao. Đó chính là hoạt động sáng tạo sản phẩm văn hóa, là loại hình văn hóa giải trí ở cấp độ cao nhất. Hoạt động sáng tạo sản phẩm văn hóa thường gắn liền với sở thích cá nhân và năng lực của mỗi chủ thể. Quá trình sáng tạo ra các sản phẩm văn hóa vừa giúp chủ thể thể hiện, phát huy bản ngã, vừa là quá trình tái nhận thức và hoàn thiện của chủ thể.

Đó có thể là học một kỹ năng, một môn nghệ thuật mới mà họ yêu thích do trước đó cuộc sống bận rộn khiến họ không có thời gian để thực hiện như học nhạc cụ, học vẽ tranh, cắm hoa, nấu ăn nghệ thuật... Hay sáng tạo các tác phẩm như văn, thơ, các bài xã luận... Nhiều người cao tuổi đã phát huy năng lực của mình trong các lĩnh vực văn học, nghệ thuật thông qua các hoạt động giải trí. 100% người cao tuổi thực hiện loại hình giải trí này cho biết giải trí sáng tạo giúp họ thỏa mãn về tinh thần, giải tỏa áp lực trong cuộc sống, khiến họ cảm thấy khỏe mạnh, yêu đời, vui vẻ hơn. Đồng thời, một số người cao tuổi tham gia khảo sát còn cho biết, hoạt động sáng tạo ban đầu chỉ mang tính chất giải trí nhưng sau này đem lại cho họ nguồn thu nhập đáng kể thông qua việc bán các tác phẩm hoặc truyền dạy các bộ môn nghệ thuật này. Theo kết quả khảo sát tại Hà Nội, tỷ lệ người cao tuổi thực hiện loại hình giải trí này còn khiêm tốn (7,14%); họ thường là những người có trình độ học vấn cao, có mức thu nhập tương đối tốt trở lên, chủ yếu sống tại khu vực quận Hoàn Kiếm và quận Cầu Giấy.

Kết quả phỏng vấn sâu - mã B9 cho biết:

“Bác trước là giáo viên dạy Văn. Giờ nghỉ hưu lâu rồi không dạy nữa nhưng vẫn thích đọc sách và làm thơ. Thơ của bác có cả lục bát, thơ ngũ ngôn, thất ngôn. Bác tham gia câu lạc bộ thơ của Hội cựu giáo chức cơ quan. Mỗi năm câu lạc bộ thơ đều in 1 hoặc 2 cuốn gồm sáng tác của các thành viên. Bác vẫn thường đem tặng bạn bè, đồng nghiệp cũ. Thấy mọi người thích mình cũng vui cháu ạ!”

Theo ông, tham gia sinh hoạt câu lạc bộ thơ, làm thơ là cách ông vừa giải trí tinh thần, vừa giao lưu, trao đổi, trau dồi kiến thức để hoàn thiện bản thân. Bởi theo ông “Bảy mươi còn học bảy mươi mốt”; “Học khôn đến chết, học nét đến già”.

Bên cạnh 2 loại hình văn hóa giải trí thể chất và tinh thần nêu trên, một số người cao tuổi coi tiếp tục làm việc là hoạt động đáp ứng nhu cầu giải trí tự thân của mình. Đối với họ, các hoạt động này không chỉ giúp họ khuây khỏa, tìm niềm vui lúc tuổi xế chiều mà còn giúp họ cảm thấy mình vẫn có ích, có đóng góp cho xã hội. Trả lời phỏng vấn sâu - mã B10 cho biết:

“Tôi nghỉ hưu lâu rồi nhưng vẫn duy trì các lớp dạy từ 2 đến 3 buổi một tuần. Kinh phí không quan trọng vì tôi có lương hưu, cháu nào thích học, bố mẹ cháu tin tưởng thì tôi đều nhận dạy, có cháu học miễn phí. Con cháu bảo tôi già rồi thì nghỉ ngơi, đi du lịch nhưng không hiểu sao tôi cứ thấy có thôi thúc nào đó buộc mình phải thực hiện”.

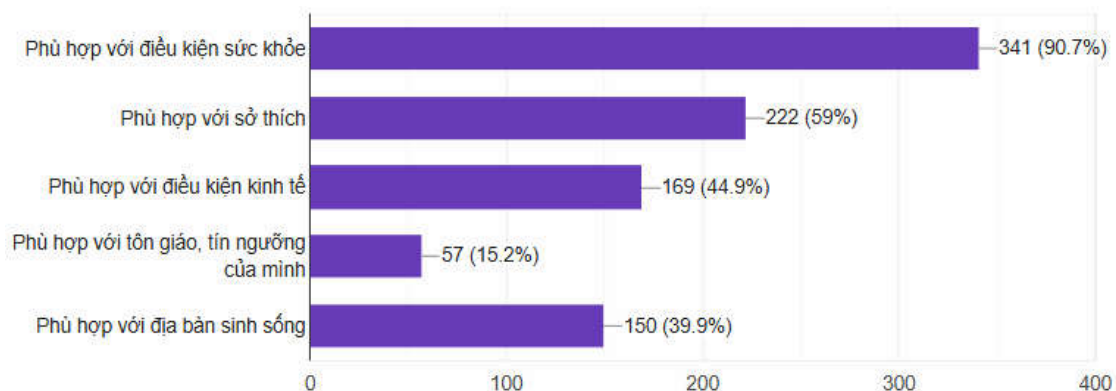
Hay phỏng vấn sâu - mã A3 khi được hỏi về việc vì sao ông vẫn tiếp tục làm việc dù điều kiện kinh tế khá giả, con cái đã trưởng thành đã cho biết:

“Chú làm giám sát công trình. Tháng chú đi giám sát tại các tỉnh quanh Hà Nội 1 đến 2 lần. Chú không nhận nhiều, mà chú cũng chẳng cần tiền. Chủ yếu là cho vui thôi cháu. Chứ nghỉ hưu rồi ở nhà chả làm gì buồn lắm, rồi lại sinh ra lẩm chuyện. Nên các cháu, các em, các công ty giới thiệu thì chú tức tặc nhận việc, vừa làm vừa chơi”.

Kết quả khảo sát tại địa bàn nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, có 3 động cơ chính khiến người cao tuổi tại thành phố Hà Nội vẫn tiếp tục làm việc: Động cơ bên trong - xuất phát từ sự quan tâm đến công việc, tập trung ở nhóm trí thức như giáo viên, bác sĩ, kỹ sư, chuyên gia kinh tế, kỹ thuật... đang đảm nhiệm những nhiệm vụ xã hội quan trọng. Động cơ bên ngoài - xuất phát từ vấn đề thu

nhập và sự cố gắng vươn tới nhằm thỏa mãn về vật chất. Về cơ bản, đây là đặc điểm của nhóm người cao tuổi có thu nhập thấp và trình độ học vấn không cao. Động cơ duy trì cuộc sống vốn đã quen thuộc do có điều kiện làm việc dễ chịu, cường độ lao động nhẹ nhàng. Trong số các động cơ xã hội tiếp tục hoạt động lao động thì ý kiến tập trung nhiều nhất là động cơ giữ gìn sự sáng khoái, khỏe mạnh và dùng thời gian làm việc có ích cho xã hội. Kết quả này cũng trùng với nghiên cứu của Hoàng Mộc Lan đã công bố trước đó về nhu cầu tiếp tục hoạt động lao động của người về hưu tại Hà Nội [30].

Có thể thấy, các loại hình giải trí được người cao tuổi tại Hà Nội thực hiện rất đa dạng, phong phú. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự đa dạng trong các loại hình giải trí của người cao tuổi, trong số đó có các nguyên nhân chính sau: sức khỏe là nguyên nhân hàng đầu (90,7%), kế đó là sở thích (59%), khả năng tài chính (44,9%), địa bàn sinh sống (39,9%) và tôn giáo, tín ngưỡng (15,2%)...



Hình 2.6: Lý do người cao tuổi lựa chọn các loại hình giải trí khác nhau

Khi được hỏi về việc sức khỏe ảnh hưởng đến văn hóa giải trí của người cao tuổi trong gia đình mình như thế nào, phỏng vấn sâu - mã D1 cho biết:

“Mẹ vợ anh 70 tuổi bị trầm cảm, ngày nào cũng phải uống thuốc. Đến giờ là đã đưa bà lên viện Sức khỏe tâm thần Bạch Mai khám chữa gần 8 năm nay, tình hình khá hơn nhiều rồi nhưng bà vẫn ngại ra ngoài, trừ đi họp chi bộ và họp tổ dân phố, còn động viên thế nào bà cũng không đi chơi hay du lịch gì cả; đến cả đi bộ thể dục bà cũng chỉ đi loanh quanh trong nhà, thế mà ngày nào đồng hồ cũng đo bà đi được 15 - 20 nghìn bước đấy. Nhưng chỉ đi trong nhà thôi chứ bà không chịu ra ngoài tập”.

Phỏng vấn sâu - mã A4 về khoản chi phí dành cho hoạt động giải trí hằng tháng, bà cho biết:

“Hai đứa con cô làm bên dầu khí, kinh tế ổn định nên chúng nó thuê người giúp việc và trông con từ bé. Cô chú có lương hưu, không phải hỗ trợ các con nên hai ông bà chi tiêu cũng thoải mái; mỗi năm cô chú đi du lịch 2 đến 3 lần, tùy địa điểm gần hay xa. Mỗi tháng hai ông bà chi khoảng 1 đến 3 triệu để đi chơi, thăm thú, cà phê hoặc nghe ca nhạc...”

Trả lời câu hỏi “Hoàn cảnh kinh tế có ảnh hưởng đến hoạt động giải trí cá nhân hay không?”, phỏng vấn sâu - mã A6 cho hay:

“Kinh tế có ảnh hưởng hay không á cháu? Ảnh hưởng nhiều chứ! Mình có tiền mình thích gì chi tiêu nấy không phải suy nghĩ đắn đo. Như bác chơi chim nhiều năm nay, mỗi cái lồng chim cũng vài triệu bạc. Không có tiền thì lấy gì mà mua hả cháu?”

Ngoài ra, định kiến, rào cản từ gia đình, xã hội cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng lớn tới việc tham gia và sự lựa chọn hình thức giải trí của người cao tuổi, đặc biệt là nữ giới cao tuổi, tại địa bàn khảo sát. Khi được hỏi vì sao không tham gia câu lạc bộ khiêu vũ với những người cao tuổi cùng khu phố, mã B11 cho biết:

“Quanh quẩn trong nhà, ngoài ngõ, ra tới chợ mãi cũng chán cháu ạ nhưng giờ mình già rồi, đi nhảy nhót, hát hò không được. Cái í chỉ phù hợp với người trẻ thôi. Mình vui nhưng cũng phải nghĩ đến con cái, gia đình nữa chứ; phải lo nhà cửa, cơm nước cho chúng nó đi làm với lại già rồi còn thể người ta cười cho”

Đôi khi, sự ngăn trở lại tới từ chính các thành viên trong gia đình người cao tuổi, trong đó người bạn đời đóng vai trò lớn; nhất là khi 1 trong 2 người gặp vấn đề về sức khỏe, tâm lý. Phỏng vấn sâu - mã A7 giải bày:

“Ngày mới nghỉ hưu tôi cũng có tham gia câu lạc bộ thơ, dân vũ, hội cựu giáo chức chức với các ông bà trong tổ dân phố và hội người cao tuổi. Nhưng 2 năm nay ông nhà tôi bị ốm nằm một chỗ, con cái bận đi làm, tôi ở nhà trông ông ấy nên cũng không tham gia được mấy. Giờ ông ấy khỏe hơn rồi nhưng mỗi lần

tôi thay quần áo định đi tập múa hát, văn nghệ là ông ấy khó chịu, có lúc còn thái độ, nói mát mẻ, nên thôi, tôi ở nhà cho yên chuyện dù cũng buồn”.

Hay sự ngăn trở người cao tuổi tham gia các hoạt động văn hóa, giải trí của các thành viên trong gia đình đôi khi không thể hiện rõ rệt mà lại khá kín đáo thông qua thái độ đối với họ. Chẳng hạn, phỏng vấn sâu - mã B12 cho biết:

“Cô thường sưu tầm những bài thơ hay, bức ảnh phong cảnh đẹp hoặc thỉnh thoảng tự sáng tác vài câu thơ gửi cho bạn bè, gia đình qua Zalo đọc cho vui hoặc gửi những bức ảnh có kèm câu chúc những điều tốt lành cho mọi người vào buổi sáng rồi nói chuyện với mọi người. Nhưng chú nhà cô không thích, bảo cô là gửi nhiều thế ai đọc, phiền người ta nên từ đó cô cũng ít chia sẻ với mọi người”.

Như vậy, thông qua kết quả khảo sát có thể thấy người cao tuổi tại Hà Nội thực hành đa dạng các loại hình hoạt động giải trí. Tại quận Hoàn Kiếm và quận Cầu Giấy, 3 loại hình hoạt động giải trí được đông đảo người cao tuổi thực hành nhất lần lượt là: Gặp gỡ, trò chuyện, giao lưu với bạn bè, người thân (57,4%); tập thể dục, thể thao, dân vũ... (54,6%); đọc sách, báo, tạp chí... (47,2%). Loại hình thu hút ít người tham gia nhất là thực hành/ học kỹ năng, môn học hoặc nghệ thuật mới (vẽ tranh, hát, khiêu vũ, sáng tác thơ văn...) với tỷ lệ 4,3%. Trong khi đó, tại khu vực huyện Chương Mỹ, 3 loại hình hoạt động giải trí thu hút đông đảo người cao tuổi tham gia nhất lần lượt là: Xem ti vi, nghe đài.. (82,3%); tập thể dục, thể thao, dân vũ... (80%); gặp gỡ, giao lưu, trò chuyện cùng bạn bè, người thân (63,8%). Loại hình thu hút ít người cao tuổi tham gia nhất ở ngoại thành so với khu vực nội thành là thực hành/học kỹ năng, môn học mới với 20,8%.

So sánh kết quả khảo sát các loại hình hoạt động giải trí của người cao tuổi tại khu vực nội thành và ngoại thành ta thấy: Tập thể dục, thể thao, dân vũ... và giao lưu, gặp gỡ, trò chuyện với bạn bè, người thân là 2 loại hình hoạt động giải trí được đông đảo người cao tuổi tại Hà Nội thực hiện. Điều này thể hiện mong muốn của người cao tuổi khi tham gia hoạt động giải trí là được giữ gìn, duy trì sức khỏe (87,8% tại nội thành và 95,2% tại ngoại thành) và giao lưu, gặp

gõ, trò chuyện với bạn bè, người thân (63,1% tại nội thành và 76,2% tại ngoại thành). Kết quả khảo sát này cũng phù hợp với các nghiên cứu trước đó về việc cho rằng người cao tuổi có nhiều nhu cầu cần được đáp ứng, trong đó nhu cầu nổi trội nhất là giữ gìn sức khỏe và giao lưu, kết nối, tránh cảm giác cô đơn. Tuy nhiên, bên cạnh điểm chung trên, giữa người cao tuổi tại khu vực nội thành và người cao tuổi tại khu vực ngoại thành có những khác biệt rõ rệt, cụ thể: Một số hoạt động giải trí có số người thực hành chiếm tỷ lệ cao ở khu vực ngoại thành song chỉ chiếm một tỷ lệ thấp tại khu vực nội thành như: Xem ti vi, nghe đài... (82,3% - 7,5%), tham gia các hoạt động thiện nguyện hoặc hoạt động của cộng đồng địa phương (như công tác tổ dân phố, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh, hội cựu giáo chức...) (43,3% - 25%); tham gia các hoạt động tôn giáo, tâm linh (đi cúng lễ, văn cảnh chùa/nhà thờ/đền/miếu...) (42,3% - 6,7%). Sự khác biệt này đến từ điều kiện kinh tế, xã hội giữa khu vực nội thành và khu vực ngoại thành. Tại khu vực nội thành, điều kiện kinh tế, hệ thống cơ sở hạ tầng, công nghệ, dịch vụ văn hóa, giải trí phát triển hơn nên người cao tuổi tại đây có nhiều sự lựa chọn hơn về các loại hình hoạt động giải trí; do vậy loại hình giải trí truyền thống như xem ti vi, nghe đài.. ít được họ lựa chọn hơn. Tại khu vực ngoại thành, đô thị hóa đã diễn ra và xâm nhập vào từng làng, xã song các giá trị văn hóa truyền thống, tính cộng đồng làng xã vẫn được bảo lưu, giữ gìn và phát huy. Do vậy, người cao tuổi tại ngoại thành tham gia các hoạt động văn hóa, giải trí vừa để đáp ứng nhu cầu của mình song cũng chính là việc thực hành các giá trị văn hóa truyền thống, duy trì vai trò của người cao tuổi trong cộng đồng.

Đối với lý do lựa chọn các loại hình hoạt động giải trí trên, có sự tương đồng khá cao giữa người cao tuổi tại khu vực nội thành và ngoại thành. Kết quả khảo sát chỉ ra rằng, thứ tự các nguyên nhân dẫn tới việc người cao tuổi Hà Nội lựa chọn các hoạt động giải trí trên xếp từ cao xuống thấp là: phù hợp với điều kiện sức khỏe (91,4% ngoại thành - 86,4% ngoại thành); phù hợp với sở thích (72,6% - 54%); phù hợp với điều kiện kinh tế (58,6% - 38,5%); phù hợp với địa bàn sinh sống (56,6% - 33,1%) và phù hợp với tôn giáo, tín ngưỡng (32% - 7,6%).

2.2.3. Về thiết chế, thể chế, phương tiện giải trí của người cao tuổi tại thành phố Hà Nội

Trong thời gian gần đây, nhận thức sâu sắc hơn tầm quan trọng và vai trò của văn hóa, chính quyền thành phố Hà Nội luôn quan tâm, đầu tư nhằm phát triển văn hóa của Thủ đô. Thành phố Hà Nội luôn dành sự quan tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng, bố trí nguồn lực cho sự nghiệp hoàn thiện, phát huy hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa. Mỗi nhiệm kỳ đại hội Đảng bộ Thành phố, nội dung phát triển hệ thống thiết chế văn hóa đều được cụ thể hoá trong chương trình công tác trọng tâm của Thành uỷ (Chương trình 06-CTr/TU về “Phát triển văn hóa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh”). Hệ thống thiết chế văn hóa được đầu tư, hoàn thiện vừa đáp ứng tốt các nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân, vừa là công cụ tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối, chính sách văn hóa của Đảng, Nhà nước tới nhân dân Thủ đô nói chung, người cao tuổi Hà Nội nói riêng, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa Thủ đô.

Tính đến hết năm 2023, trên địa bàn Thành phố hiện có 5.255 thiết chế, công trình văn hóa, thể thao. Trong đó: 4.659/5.476 (85,1%) nhà văn hóa, điểm sinh hoạt thôn, tổ dân phố; 84 thiết chế văn hóa, thể thao cấp huyện; 126 trung tâm văn hóa, thể thao cấp xã; 27 thiết chế văn hóa, thể thao thuộc Sở Văn hóa và Thể thao quản lý; 06 thiết chế văn hóa do UBND Thành phố trực tiếp quản lý; 04 thiết chế, công trình văn hóa, thể thao thuộc Thành đoàn quản lý; 59 thiết chế, điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao do Liên đoàn lao động Thành phố quản lý; 290 thiết chế, điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao thuộc Công an Thành phố và Bộ Tư lệnh Thủ đô quản lý. Đối với lĩnh vực thể thao, hiện nay ở cấp Thành phố đang trực tiếp quản lý 02 sân vận động, 01 trung tâm đào tạo vận động viên cấp cao, 01 cung điền kinh, 01 nhà thi đấu và 03 khu đào tạo vận động viên; 30/30 quận, huyện, thị xã thành lập Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao bao gồm 24 nhà thi đấu, 19 bể bơi, 17 sân vận động có khán đài, 09 sân bóng đá. Cấp xã, phường, thị trấn có 10.028 công trình thể thao đang sử dụng cho hoạt động thể dục thể thao trên địa bàn (1.040 nhà tập luyện, nhà thi đấu thể thao, 604 bể bơi, 8.384 sân tập luyện, thi đấu thể thao ngoài trời).

Thực hiện Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 17/02/2022 về xây dựng, lắp đặt các thiết bị luyện tập thể dục thể thao ngoài trời phục vụ nhân dân giai đoạn 2021 - 2025, UBND Thành phố giao Sở Văn hóa và Thể thao triển khai xây dựng xây dựng, lắp đặt 54 địa điểm mẫu thiết chế thể dục, thể thao ngoài trời phục vụ nhân dân tập luyện tại tất cả 30/30 quận, huyện và thị xã trong 2 năm 2023 và 2024. Việc làm này đã tạo hiệu ứng rất tốt, các quận, huyện cũng đã chủ động huy động các nguồn để triển khai lắp đặt tại địa phương. Theo thống kê đến tháng 5/2024, trên địa bàn thành phố, số lượng các địa điểm tập luyện thể thao ngoài trời là 1.312 điểm với 11.148 dụng cụ. 100% các quận, huyện, thị xã đã có địa điểm tập luyện thể dục, thể thao ngoài trời. Đây là một hoạt động hợp lòng dân, được các ngành, các cấp và nhân dân đồng lòng ủng hộ. Công trình lắp đặt các thiết bị luyện tập thể dục, thể thao ngoài trời phục vụ tập luyện cho các đối tượng nhằm nâng cao sức khỏe, thể lực, tầm vóc và chất lượng cuộc sống, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của nhân dân góp phần thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của Thủ đô [64].

Bên cạnh các thiết chế văn hóa hiện đại, Hà Nội còn có nhiều thiết chế văn hóa truyền thống phục vụ đáp ứng được nhu cầu giải trí của người cao tuổi như hệ thống các đình, chùa, đền, miếu... Tính đến tháng 11/2023, Hà Nội có 5.922 di tích lịch sử văn hóa, trong đó có 21 di tích - cụm di tích được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng là di tích Quốc gia đặc biệt; 1.182 di tích được xếp hạng là di tích cấp thành phố; 1 di sản văn hóa thế giới... Đây vừa là hệ thống thiết chế văn hóa phục vụ đời sống nhân dân, đồng thời cũng là nguồn tài nguyên nhân văn phục vụ phát triển du lịch của thành phố.

Hệ thống các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn Thành phố đã có sự phát triển mạnh và ngày càng hoàn thiện. Các công trình văn hóa, thể thao cấp thành phố, cấp huyện, cấp xã, thôn, tổ dân phố được quan tâm đầu tư xây dựng mới, sửa chữa và nâng cấp; nhiều quận, huyện đã xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, quản lý, sử dụng và phát huy các thiết chế văn hóa, thể thao và đã thu hút được sự tham gia ủng hộ, đồng hành của các tầng lớp nhân dân và doanh nghiệp. Đồng thời, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao này cũng góp phần quan trọng trong việc đáp ứng nhu

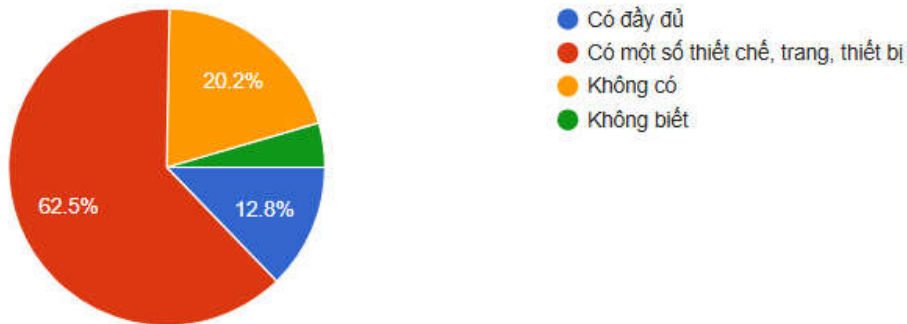
cầu giải trí của người dân Hà Nội nói chung, người cao tuổi Hà Nội nói riêng. Trả lời về việc các thiết chế văn hóa do chính quyền cung cấp có đáp ứng tốt nhu cầu giải trí của mình hay không, phỏng vấn sâu - mã B13 cho biết:

“Phường và tổ dân phố lắp máy tập thể dục rồi, cũng nhiều loại đấy: xà đơn, xà kép, đạp xe... đủ cả. Khu bác ở có sân to, chiều chiều mọi người cũng chơi bóng chuyền, cầu lông rồi các bà tập nhảy ở đấy. Nhưng bác thường ra đạp xe hoặc lắc hông rồi nói chuyện với các ông bà cho vui thôi. Mình già rồi, ra sân kia còn đông người, các cháu đá bóng nhỡ chẳng may va vào chúng nó thì lại khổ con khổ cháu”.

Kết quả khảo sát cho thấy chưa có hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao, giải trí dành riêng cho người cao tuổi trên địa bàn 3 quận, huyện Hoàn Kiếm, Cầu Giấy và Chương Mỹ. Việc sử dụng chung các thiết chế văn hóa, thể thao, giải trí sẽ ảnh hưởng đến thời gian sử dụng các thiết chế này của người cao tuổi. Bên cạnh đó, các thiết chế được thiết kế để đáp ứng nhu cầu văn hóa, thể thao, giải trí chung cho nhân dân ở mọi lứa tuổi nên sẽ chưa đáp ứng tốt nhu cầu giải trí đặc thù của người cao tuổi.

Khảo sát tại 3 địa bàn nghiên cứu cũng cho thấy, tại các khu dân cư trong địa bàn thành phố đều đã có các thiết chế văn hóa, các trang thiết bị phục vụ hoạt động giải trí cho người dân. 12,8% đánh giá các thiết chế, trang thiết bị giải trí được trang bị đầy đủ, đáp ứng tốt nhu cầu giải trí; 62,5% người cao tuổi tham gia khảo sát đánh giá các thiết chế, trang thiết bị được trang bị nhưng ở mức vừa phải, đáp ứng một phần nhu cầu giải trí của họ; 20,2% cho rằng nơi mình sinh sống không có trang thiết bị phục vụ giải trí, chưa đáp ứng nhu cầu giải trí của người dân và 4,5% người cao tuổi không biết tại khu vực mình sinh sống có được trang bị các thiết chế, phương tiện phục vụ giải trí hay không. Đặc biệt, 100% người cao tuổi tham gia khảo sát đều thống nhất nhận định, hiện nay, thành phố chưa có các khu vực, thiết chế, thiết bị dành riêng cho người cao tuổi. Khi nghiên cứu sinh tìm hiểu về việc người cao tuổi có tìm đến, sử dụng các thiết chế văn hóa tại địa phương để thực hiện hoạt động giải trí hay không, phỏng vấn sâu - mã A8 cho biết:

“Có nhà văn hóa đầy nhưng ở đây đông người, lại chật, mình ra cũng không thoải mái nên ông hay ra hồ (Hồ Giương) đánh cờ tướng với các ông, xong rồi đi bộ 1 vòng thể dục là về thôi”.



Hình 2.7: Mức độ đáp ứng nhu cầu giải trí của các thiết chế, trang thiết bị phục vụ giải trí

Bên cạnh đó, tổ chức Hội Người cao tuổi tại thành phố Hà Nội cũng đóng vai trò quan trọng trong việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người cao tuổi, trong đó có văn hóa giải trí.

Ngày 10/5/1995, Hội Người cao tuổi Việt Nam được thành lập. Tới năm 2021, Hội Người cao tuổi Việt Nam đã trở thành một tổ chức xã hội lớn mạnh với khoảng 9,7 triệu thành viên [27]. Hội được tổ chức theo mô hình 4 cấp: Trung ương, tỉnh, huyện và cấp cơ sở, ngoài ra còn có tổ hội, chi hội tại địa phương.

Trước ngày 29/8/2024, thành phố Hà Nội chỉ có Ban đại diện Hội Người cao tuổi thành phố, là đơn vị đầu mối liên kết giữa Trung ương Hội Người cao tuổi và Ban đại diện người cao tuổi các cấp cơ sở. Sau Đại hội thành lập Hội Người cao tuổi thành phố, Hội Người cao tuổi thành phố được thành lập, Ban Chấp hành Hội gồm 29 thành viên, trong đó có 7 thành viên Ban Thường vụ. Toàn Thành phố đã tập hợp được 1.071.159 hội viên (chiếm tỷ lệ 91,7% người cao tuổi Thành phố), có 30 Ban đại diện Hội Người cao tuổi quận, huyện, thị xã; 579 Hội Người cao tuổi xã, phường, thị trấn và 4.907 chi hội, 13.629 tổ hội; có 5.741 câu lạc bộ văn hóa thể thao người cao tuổi, 390 câu lạc bộ Liên thể hệ tự giúp nhau. Tổ chức Hội Người cao tuổi các cấp, đặc biệt là cấp cơ sở, có vai trò quan trọng trong việc triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và chương trình hoạt động của Trung ương

Hội Người cao tuổi Việt Nam tới các thành viên, giúp chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của các hội viên. Khảo sát tại 3 địa bàn nghiên cứu đều cho thấy, người cao tuổi đều đánh giá cao vai trò của tổ chức Hội Người cao tuổi tại cơ sở trong việc chăm lo, nâng cao đời sống cho hội viên. Tại quận Hoàn Kiếm, quận Cầu Giấy và huyện Chương Mỹ, tỷ lệ người cao tuổi là thành viên của Hội Người cao tuổi đạt lần lượt: 80,11%, 82,7% và 93,4%. Hằng năm, các tổ chức Hội Người cao tuổi tại 3 địa bàn khảo sát tập trung triển khai hai chương trình quốc gia về người cao tuổi: Tháng hành động vì người cao tuổi (Tháng 10) và nhân rộng mô hình câu lạc bộ Liên thế hệ tự giúp nhau. Bên cạnh đó, Hội Người cao tuổi tại các địa phương còn là đầu mối tổ chức các chương trình, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao để nâng cao đời sống, giúp người cao tuổi trên địa bàn sống vui, sống khỏe, sống hạnh phúc. Chẳng hạn: Hội Boi người cao tuổi thành phố được thành lập năm 2010, tới nay có hơn 2000 hội viên; hàng trăm câu lạc bộ văn hóa văn nghệ, thể thao người cao tuổi. Tính đến năm 2019, thành phố Hà Nội có 44 Câu lạc bộ Liên thế hệ tự giúp nhau tại 19/30 quận, huyện, thị xã với gần 3.000 hội viên, trong đó 70% hội viên là người cao tuổi. 95% các câu lạc bộ đã thành lập được đội tình nguyện viên chăm sóc người già neo đơn tại địa phương và hội viên có hoàn cảnh khó khăn. 100% câu lạc bộ có đội thể dục thể thao, dưỡng sinh, văn nghệ, có hoạt động hỗ trợ cộng đồng, chia sẻ kiến thức về chăm sóc sức khỏe, làm kinh tế. Ngoài ra, 95% hội viên có thẻ bảo hiểm y tế; 60% câu lạc bộ duy trì được Quỹ “Tám lòng vàng”... Riêng tại 3 địa bàn khảo sát, tính đến năm 2024, quận Hoàn Kiếm có tổng số hội viên toàn quận là 17.048/ 21.279 người cao tuổi, số các câu lạc bộ văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao khoảng xấp xỉ 20 câu lạc bộ gồm câu lạc bộ Bóng bàn, câu lạc bộ Múa hát dân gian, câu lạc bộ Thơ, câu lạc bộ Nghệ thuật Sen Việt và hơn 10 câu lạc bộ Sức khỏe ngoài trời, thể dục dưỡng sinh. Quận Cầu Giấy có 27.451 hội viên với 69 câu lạc bộ văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao. Câu lạc bộ sức khỏe ngoài trời có 2.500 hội viên cao tuổi tham gia; câu lạc bộ Văn hóa - văn nghệ có 3.085 hội viên người cao tuổi; câu lạc bộ Thể dục thể thao có 2.440 hội viên cao tuổi; câu lạc bộ Thơ có 450 hội viên cao tuổi; câu lạc bộ Bóng chuyền hơi có 1.658 hội viên và câu lạc bộ Dưỡng sinh tâm thể có 565

hội viên cao tuổi. Tại huyện Chương Mỹ, đến cuối năm 2021, toàn huyện có trên 38.200 hội viên người cao tuổi tham gia sinh hoạt ở 32 cơ sở Hội, đạt tỷ lệ tập hợp 96%. Hội Người cao tuổi huyện đã thành lập và đưa vào hoạt động 357 loại hình câu lạc bộ về văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, thu hút trên 12.000 hội viên người cao tuổi tham gia, trong đó có 3 câu lạc bộ liên thể hệ tự giúp nhau...

Tuy nhiên, hệ thống thiết chế, trang thiết bị phục vụ hoạt động giải trí không quyết định tất cả sự hài lòng đối với hoạt động giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội. Các yếu tố có tác động tới sự hài lòng trong hoạt động của người cao tuổi đa dạng, gồm nhiều yếu tố. Kết quả khảo sát cho thấy, 58,9% người cao tuổi cho rằng người cùng tham gia các hoạt động giải trí phối hợp tốt, tạo tâm lý thoải mái tạo nên sự hài lòng đối với hoạt động giải trí của họ; sau đó lần lượt là các yếu tố: Bản thân tự quản lý, thực hiện tốt hoạt động giải trí (50,9%); gia đình, người thân khuyến khích, ủng hộ (49,9%); mức chi phí cho các hoạt động giải trí hợp lý (44,5%); cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giải trí tốt, đầy đủ (30,18%) và 7% cho rằng cần đủ cả 5 yếu tố trên để tạo nên sự hài lòng đối với hoạt động giải trí. Như vậy, đối tượng cùng tham gia thực hành giải trí và sự chủ động của bản thân người cao tuổi là hai yếu tố có tác động lớn nhất đối với sự hài lòng của người cao tuổi Hà Nội về chất lượng của hoạt động giải trí.

** Về thể chế văn hóa*

Bên cạnh hệ thống thiết chế kể trên, hệ thống thể chế văn hóa cũng có tác dụng tích cực trong việc nâng cao chất lượng văn hóa giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội.

Luật Người cao tuổi (Luật số 39/2009/QH12) được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 23/11/2009 là cơ sở pháp lý đối với quyền, nghĩa vụ của người cao tuổi. Bên cạnh những vấn đề chung về chăm lo, phụng dưỡng và phát huy vai trò của người cao tuổi, Luật quy định rõ những nội dung liên quan tới đời sống văn hóa, giải trí của người cao tuổi, cụ thể: Về quyền lợi, người cao tuổi “Được tạo điều kiện tham gia hoạt động văn hoá, giáo dục, thể dục, thể thao, giải trí, du lịch và nghỉ ngơi” (điểm d, khoản 1, Điều 3). Về chính sách đối với người cao tuổi, Nhà nước “Khuyến khích, tạo điều kiện

cho người cao tuổi rèn luyện sức khỏe; tham gia học tập, hoạt động văn hoá, tinh thần” (khoản 5, Điều 4). Về nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng đối với người cao tuổi, “Phụng dưỡng người cao tuổi là chăm sóc đời sống tinh thần, vật chất nhằm đáp ứng nhu cầu cơ bản về ăn, mặc, ở, đi lại, chăm sóc sức khỏe và các nhu cầu về vui chơi, giải trí, thông tin, giao tiếp, học tập của người cao tuổi” (khoản 1, Điều 10). Về hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí và du lịch của người cao tuổi, “Nhà nước đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở văn hóa, giáo dục, thể dục, thể thao, giải trí, du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần và rèn luyện sức khỏe của người cao tuổi” và “Nhà nước và xã hội tạo điều kiện thuận lợi để người cao tuổi được học tập, nghiên cứu và tham gia hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, giải trí, du lịch thông qua các biện pháp sau đây: a) Cung cấp thông tin, tài liệu, người hướng dẫn để người cao tuổi tham gia học tập, nghiên cứu; b) Hỗ trợ, hướng dẫn người cao tuổi tham gia hoạt động văn hóa, giải trí du lịch, luyện tập dưỡng sinh và các hoạt động thể dục, thể thao khác phù hợp với sức khỏe và tâm lý; c) Hỗ trợ địa điểm, dụng cụ, phương tiện và cơ sở vật chất khác phù hợp với hoạt động của người cao tuổi; d) Khuyến khích doanh nghiệp, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá phù hợp với nhu cầu của người cao tuổi” (khoản 1, 2, Điều 14); đồng thời “Người cao tuổi được giảm giá vé, giá dịch vụ khi sử dụng một số dịch vụ theo quy định của Chính phủ” (Điều 16) [49]. Các nội dung về đời sống văn hóa, văn nghệ, thể thao, giải trí... được thể chế hóa tại Luật Người cao tuổi đã góp phần giúp người cao tuổi đảm bảo được các quyền văn hóa chính đáng, đồng thời là cơ sở để nâng cao chất lượng các hoạt động này trên thực tế.

Hàng năm, Ủy ban quốc gia về Người cao tuổi Việt Nam đều thành lập kế hoạch thực hiện “Tháng hành động vì người cao tuổi Việt Nam”, trong đó phối hợp với ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao phù hợp cho người cao tuổi, tổ chức giao lưu văn nghệ, thể thao ở cơ sở và khu vực cho người cao tuổi. Năm 2023, cuộc thi Tiếng hát người cao tuổi toàn quốc lần đầu tiên được tổ chức đã thu hút sự tham gia của hơn 1000 người cao tuổi đến từ 63 đoàn nghệ thuật quần chúng từ các tỉnh, thành phố. Đoàn nghệ thuật người cao tuổi thành phố Hà Nội đã giành giải A trong cuộc thi này.

Trên cơ sở thực thi Luật Người cao tuổi, chương trình hành động của Hội Người cao tuổi Trung ương, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân thành phố, Hội Người cao tuổi thành phố đã cụ thể hóa thành các nghị quyết chuyên đề, các chương trình hành động cụ thể trên địa bàn như: Quy chế mẫu về tổ chức và hoạt động của Trung tâm văn hóa - thể thao xã, phường, thị trấn; Nhà văn hóa - khu thể thao thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội; Đề án Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi giai đoạn 2017 - 2025 trên địa bàn thành phố Hà Nội; Chương trình số 08-CTr/TU của Thành ủy Hà Nội về Phát triển hệ thống an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của nhân dân Thủ đô giai đoạn 2021 - 2025; Chỉ thị số 21-CT/TU về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi thành phố Hà Nội...

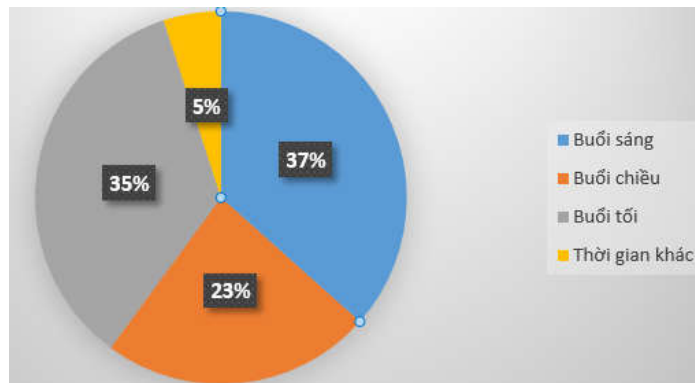
Các thể chế nêu trên đã thể hiện sự quan tâm của Đảng bộ, chính quyền thành phố Hà Nội đối với công tác người cao tuổi nói chung và đời sống văn hóa, giải trí của người cao tuổi thành phố nói riêng. Nhờ đó, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, giải trí của người cao tuổi ngày càng gia tăng cả về số lượng và chất lượng. Chỉ tính riêng trong dịp trước và sau Tết Nguyên đán Quý Mão (2023), Ban đại diện Hội Người cao tuổi thành phố Hà Nội đã phối hợp với các cấp chính quyền, tổ chức xã hội địa phương tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, thơ ca với chủ đề “Mừng Đảng, mừng Xuân, mừng đất nước đổi mới” từ cấp cơ sở đến các quận, huyện, thị xã với tổng số 3.267 lần các hoạt động, tổng số người cao tuổi tham gia là 172.930 người...

2.2.4. Về phương thức thực hành văn hóa giải trí của người cao tuổi Hà Nội

Phương thức thực hành văn hóa giải trí phản ánh tác động của môi trường sống, đặc điểm văn hóa, kinh tế, xã hội đến tổ chức thực hiện hoạt động giải trí của người cao tuổi. Kết quả khảo sát cho thấy, phương thức thực hành văn hóa giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội cũng thể hiện sự khác biệt, nét đặc trưng so với các địa bàn, vùng miền khác.

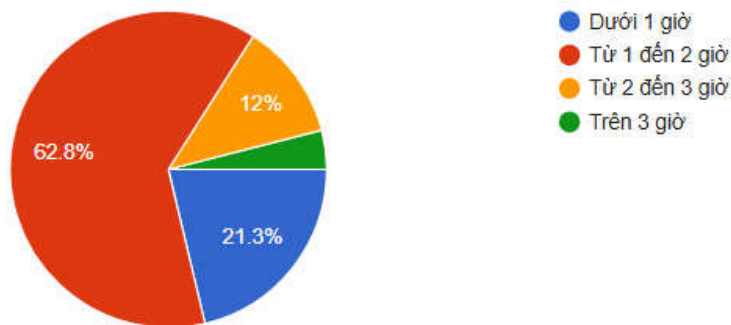
Xét về thời gian, kết quả khảo sát tại Hà Nội cho thấy, phần lớn người cao tuổi thực hiện hoạt động giải trí vào buổi sáng sớm hoặc buổi chiều tối. Do đặc điểm sinh học, người cao tuổi thường thức giấc sớm, đồng thời buổi sáng là thời

điểm không khí trong lành, không gian yên tĩnh, phù hợp với người cao tuổi. Bên cạnh đó, buổi tối là lúc người cao tuổi được “thoát khỏi” những trách nhiệm xã hội mà họ phải thực hiện ban ngày (như chăm sóc bạn đời/nhà cửa, nấu nướng, đưa đón/ trông cháu...); cũng là khoảng thời gian cuối ngày để người cao tuổi thư giãn, hồi phục thể lực và trí lực sau một ngày dài. Hoạt động giải trí của người cao tuổi nhìn chung không bị ảnh hưởng bởi tính mùa vụ, họ là người chủ động về kinh tế, thời gian nên có thể sắp xếp để thực hiện vào khoảng thời gian mà mình thích.



Hình 2.8: Khung thời gian thực hiện hoạt động giải trí của người cao tuổi

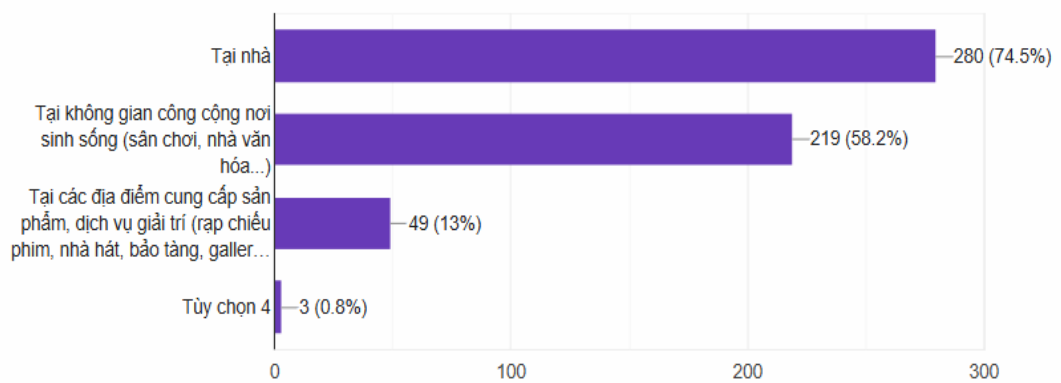
Cũng theo kết quả khảo sát, thời gian người cao tuổi dành cho hoạt động giải trí hằng ngày tương đối nhiều so với các nhóm tuổi trưởng thành khác. 62,8% người tham gia khảo sát cho biết dành từ 1 đến 2 giờ hằng ngày để thực hiện hoạt động giải trí; 21,3% dành ít hơn 1 giờ mỗi ngày, 12% người cao tuổi dành từ 2 đến 3 giờ hằng ngày cho hoạt động này; 4% sử dụng trên 3 giờ mỗi ngày cho hoạt động này. Nguyên nhân là bởi người cao tuổi là những người có nhiều thời gian rỗi, ít bị ràng buộc bởi các nghĩa vụ xã hội như các nhóm tuổi trưởng thành khác; đồng thời họ lại có nhu cầu cao về giải trí nên thời gian thực hiện hoạt động giải trí tương đối cao.



Hình 2.9: Lượng thời gian thực hiện hoạt động giải trí ở người cao tuổi

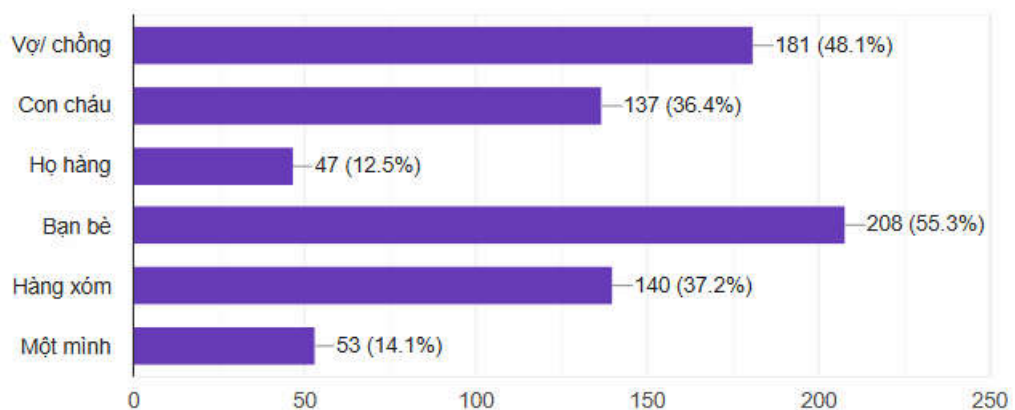
Về địa điểm thực hiện hoạt động giải trí, nghiên cứu cho thấy phần lớn người cao tuổi giải trí tại nhà (74,5%); không gian công cộng tại nơi sinh sống là địa điểm được lựa chọn nhiều thứ hai (58,2%). Các điểm cung cấp dịch vụ giải trí chỉ chiếm một tỷ lệ thấp (13%). Nguyên nhân là bởi các hoạt động giải trí tại nhà thường dễ thực hiện, thuận tiện trong việc di chuyển và ít tốn kém hơn so với những địa điểm khác. Các điểm cung cấp dịch vụ giải trí ít được lựa chọn dù chất lượng tốt hơn các địa điểm miễn phí. So sánh giữa 3 quận, huyện, kết quả khảo sát chỉ ra rằng, người cao tuổi tại quận Hoàn Kiếm, Cầu Giấy chủ yếu thực hành giải trí tại nhà là nhiều nhất với tỷ lệ 71,8%; trong khi đó tại huyện Chương Mỹ, 72% người cao tuổi lựa chọn các không gian công cộng là nơi thực hành giải trí - chiếm tỷ lệ cao nhất trong các địa điểm được khảo sát. Tại nội thành, do điều kiện dân cư đông, đất đai chật hẹp, các không gian sinh hoạt công cộng khan hiếm; bên cạnh đó, quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ, lối sống đô thị hiện đại xâm nhập sâu từng gia đình, văn hóa phương Tây ảnh hưởng, cái tôi cá nhân được đề cao nên người cao tuổi lựa phần nhiều lựa chọn thực hành giải trí tại nhà. Tại khu vực ngoại thành, tính cộng đồng làng xã cao, không gian rộng rãi, thoáng đãng, sự gắn kết giữa các thành viên trong cộng đồng cao nên họ thường tìm đến các không gian công cộng để thực hành văn hóa giải trí nhiều hơn.

Kết quả khảo sát cho thấy, thu nhập của người cao tuổi nói chung, người cao tuổi tại Hà Nội nói riêng tuy cao hơn mức trung bình của các địa phương khác song vẫn còn hạn chế so với mức sống đắt đỏ tại Thủ đô. Đồng thời, phần lớn người cao tuổi đều có ít nhất 1 bệnh mãn tính cần phải khám, chữa bệnh và mua thuốc hằng tháng nên họ phải dành ngân sách ưu tiên cho sức khỏe trước các nhu cầu khác. Do vậy các loại hình, địa điểm giải trí thuận lợi, tiết kiệm sẽ được họ ưu tiên bởi vừa đáp ứng nhu cầu giải trí, vừa không ảnh hưởng đến mức chi tiêu của họ.



Hình 2.10: Địa điểm thực hiện hoạt động giải trí của người cao tuổi

Giải trí không chỉ là nhu cầu, đó còn là hoạt động mang tính văn hóa - xã hội của con người. Với người cao tuổi nước ta nói chung, người cao tuổi tại Hà Nội nói riêng, hoạt động giải trí còn là cơ hội để họ giao lưu, hòa nhập với gia đình, bạn bè, xã hội. Kết quả khảo sát cho thấy đối tượng tham gia thực hiện hoạt động giải trí cùng người cao tuổi rất đa dạng, trong đó, tỷ lệ cao nhất là bạn bè với 55,3%; 48,1% là bạn đời (vợ/chồng) của người cao tuổi; hàng xóm chiếm 37,2%; kế đó là con cháu chiếm 36,44%; họ hàng chiếm 12,5%; đáng lưu ý có 14,1% người cao tuổi cho biết họ từng thực hiện các hoạt động giải trí một mình. Kết quả về đối tượng tham gia hoạt động giải trí của người cao tuổi cũng thể hiện vòng kết nối xã hội của người cao tuổi tại Hà Nội, chủ yếu là những mối quan hệ gần gũi, thân thiết. Bên cạnh đó, người thân trong gia đình, bạn bè còn là nguồn động viên, hỗ trợ cả về mặt vật chất và tinh thần để người cao tuổi thực hiện các hoạt động giải trí.

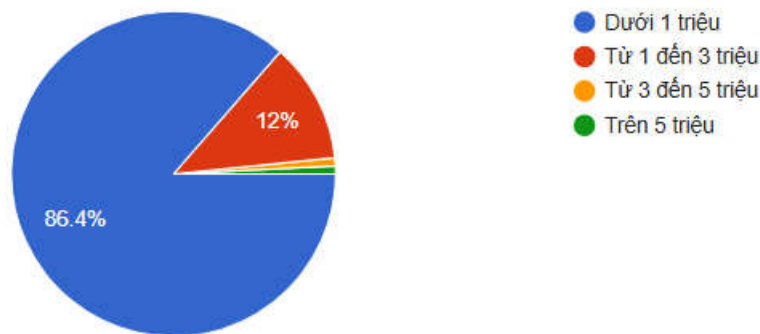


Hình 2.11: Đối tượng thường tham gia thực hiện hoạt động giải trí cùng người cao tuổi

Kết quả khảo sát cho thấy, 97,1% người trong độ tuổi từ 25 đến 50 tuổi cho biết họ khuyến khích người cao tuổi trong gia đình thường xuyên tham gia các hoạt động giải trí; đồng thời sẵn lòng cung cấp hoặc hỗ trợ tài chính cho người cao tuổi trong gia đình để họ thực hiện các hoạt động giải trí nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống. Kết quả khảo sát người cao tuổi tại 3 quận, huyện cũng cho thấy: có 58% con cháu, người thân trong gia đình khuyến khích, ủng hộ cả về vật chất và tinh thần để người cao tuổi thực hiện các hoạt động giải trí; 35,1% khuyến khích, ủng hộ về mặt tinh thần; 0,8% khuyến khích, ủng hộ về mặt vật chất và 6,1% không khuyến khích cũng không phản đối. Điều này cũng gần tương đồng với kết quả nghiên cứu của tác giả Bùi Thị Ngọc Minh và các cộng sự đối với 350 hộ gia đình có người cao tuổi sinh sống từ 12 tháng trở lên tại Hà Nội năm 2021. Theo đó, 52,2% số hộ được khảo sát cho biết có nhu cầu tham gia và sẵn sàng chi trả cho các hoạt động vui chơi, giải trí, giao lưu tại các trung tâm chăm sóc ban ngày cho người cao tuổi; tỷ lệ không đồng ý là 11% và phân vân là 36,8% [44].

Nhìn chung, người cao tuổi ở nước ta vẫn thường bị coi là nhóm yếu thế, là đối tượng cần được ưu tiên chăm sóc. Tuy nhiên hiện nay, nhận thức về vị thế và vai trò của người cao tuổi trong đời sống đã có sự chuyển đổi. Họ cũng đã chủ động hơn trong việc đáp ứng các nhu cầu trong cuộc sống cũng như nâng cao chất lượng cuộc sống của mình. Do đó, khi có điều kiện, họ sẵn sàng chi trả và thực hiện, thỏa mãn các nhu cầu chính đáng của bản thân, trong đó có hoạt động giải trí. Kết quả khảo sát cho thấy, 57,2% người cao tuổi tại 3 quận, huyện sẵn lòng chi tiền cho các hoạt động, sản phẩm, dịch vụ phục vụ nhu cầu giải trí của mình; 37,5% cho biết họ rất muốn chi nhưng điều kiện chưa cho phép; chỉ có 5,3% cho biết không muốn chi tiền, chỉ sử dụng các sản phẩm, dịch vụ giải trí được cung cấp miễn phí. Cũng theo kết quả khảo sát đối với người cao tuổi tại quận Hoàn Kiếm, quận Cầu Giấy và huyện Chương Mỹ: 86,4% người cao tuổi tại Hà Nội chi trung bình dưới 1 triệu đồng/ tháng cho hoạt động giải trí; 12% chi từ 1 đến 3 triệu đồng/ tháng và 0,8% chi từ 3 đến 5 triệu đồng/tháng cho hoạt động này và 0,8% tiêu trên 5 triệu đồng/ tháng cho nhu cầu giải trí. Trong phạm vi khảo sát chưa ghi nhận người cao tuổi nào chi cho hoạt động giải trí hằng

tháng ở mức cao hơn. Mức chi này hợp lý với mức thu nhập trung bình đầu người của Hà Nội năm 2022 là 6,4 triệu/ tháng [43].

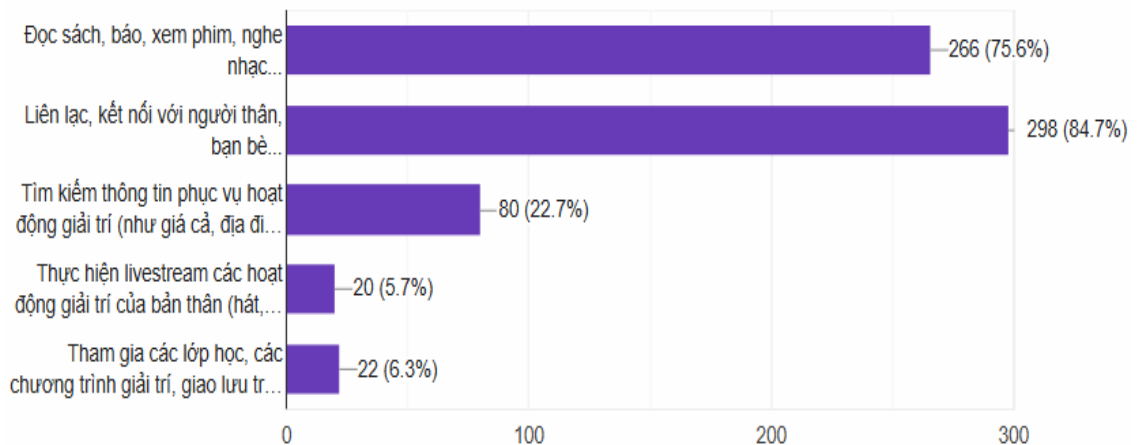


Hình 2.12: Mức chi hằng tháng của người cao tuổi cho hoạt động giải trí

Hiện nay, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã tác động tới mọi lĩnh vực trong đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội của mọi quốc gia cũng như mọi mặt trong đời sống cá nhân. Đối với hoạt động giải trí, các thành quả của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã mở ra cơ hội tiếp cận với dịch vụ giải trí cho mọi lứa tuổi, trong đó có người cao tuổi thành phố Hà Nội.

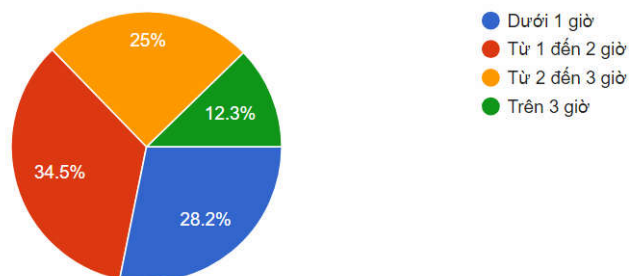
Theo kết quả khảo sát, phần lớn người cao tuổi trên địa bàn Hà Nội (88%) cho biết có sử dụng các thiết bị điện tử hiện đại (điện thoại thông minh, thiết bị kết nối Internet như máy tính bảng, máy tính xách tay...) để phục vụ hoạt động giải trí; 3,7% thỉnh thoảng sử dụng; tỷ lệ người không sử dụng là 8,3%. Trong số người cao tuổi tham gia khảo sát, 92,6% đánh giá các thiết bị điện tử rất hữu ích cho hoạt động giải trí; 6,3% đánh giá bình thường. Chỉ có 1,1% người cao tuổi tham gia khảo sát cho rằng các thiết bị công nghệ hiện đại không có ích cho hoạt động giải trí; họ chủ yếu ở độ tuổi từ 70 đến 80, có trình độ học vấn phổ thông, thu nhập dưới 5 triệu đồng/ tháng. Kết quả khảo sát này thể hiện nhận thức, sự tiếp nhận các sản phẩm công nghệ tiên tiến của người cao tuổi ở Hà Nội giai đoạn hiện nay có sự biến đổi, thay vì cho rằng “không dùng được” hay “không biết dùng”, “không phù hợp” thì người cao tuổi đã chủ động tiếp nhận hơn và thích ứng với sự biến đổi của xã hội, ứng dụng các sản phẩm công nghệ để đáp ứng nhu cầu và nâng cao chất lượng cuộc sống của mình.

Nội dung giải trí mà người cao tuổi tại Hà Nội thực hiện thông qua các sản phẩm công nghệ hiện đại cũng rất đa dạng và phong phú, bao gồm: đọc tin tức, nghe nhạc, liên lạc, kết nối với người thân, bạn bè, tìm kiếm các thông tin phục vụ giải trí, livestream, tham gia các lớp học, các chương trình giao lưu, giải trí...



Hình 2.13: Các hoạt động giải trí được người cao tuổi thực hiện thông qua thiết bị công nghệ

Có thể thấy, so với giải trí theo hình thức truyền thống, giải trí thông qua các thiết bị công nghệ hiện đại giúp người cao tuổi nói riêng, người dân nói chung, đáp ứng được đa dạng các nhu cầu giải trí của mình. Các thiết bị công nghệ cũng đem lại nhiều thuận tiện cho người cao tuổi trong hoạt động giải trí như không phải di chuyển nhiều, nội dung đa dạng, hình thức phong phú, có thể sử dụng ở mọi không gian, thời gian... miễn là có kết nối Internet. Các hoạt động giải trí trên các thiết bị công nghệ ngày càng trở nên thu hút, hấp dẫn người cao tuổi và họ thường dành một khoảng thời gian nhất định trong ngày để thực hiện các hoạt động giải trí số.



Hình 2.14: Thời gian người cao tuổi sử dụng thiết bị công nghệ để thực hiện hoạt động giải trí hằng ngày

Tuy nhiên, người cao tuổi cũng đối mặt với các khó khăn khi sử dụng các thiết bị công nghệ trong cuộc sống cũng như trong hoạt động giải trí. Kết quả khảo sát cho thấy 74% người cao tuổi gặp khó khăn khi sử dụng thiết bị công nghệ. Và khi gặp khó khăn trong việc sử dụng các thiết bị công nghệ, người cao tuổi thường nhờ tới sự hỗ trợ, giúp đỡ của con cháu (87%), bạn đời (6,7%), hàng xóm (3,1%), tự mình tìm cách xử lý (2,7%) hoặc bạn bè (0,4%).

□ □ Trong quá trình khảo sát, nghiên cứu sinh nhận thấy người cao tuổi tại Hà Nội có tiếp nhận sử dụng các thiết bị công nghệ mới để phục vụ hoạt động giải trí. Tuy có gặp khó khăn trong quá trình sử dụng, song họ vẫn đánh giá cao sự hữu ích của công nghệ hiện đại. Phỏng vấn sâu - mã B14 cho biết:

“Cái điện thoại Iphone này là con gái tôi mua cho dịp sinh nhật 80 tuổi. Con cháu hướng dẫn tôi sử dụng. Công nghệ bây giờ hiện đại thật. Chỉ cần điện thoại này mà thay được cả ti vi, cát sét ngày xưa, gọi điện ở tận đâu tận đâu cũng vẫn nhìn thấy nhau rõ mồn một”.

2.3. ĐẶC ĐIỂM VĂN HÓA GIẢI TRÍ CỦA NGƯỜI CAO TUỔI TẠI HÀ NỘI HIỆN NAY

Trên cơ sở kết quả khảo sát về văn hóa giải trí của người cao tuổi thành phố Hà Nội tại quận Hoàn Kiếm, quận Cầu Giấy, huyện Chương Mỹ, chúng tôi nhận thấy văn hóa giải trí của người cao tuổi thành phố Hà Nội có một số đặc điểm sau:

Thứ nhất, văn hóa giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội rất đa dạng, phong phú cả về nhu cầu, loại hình, phương thức tổ chức thực hiện, mục đích... Đó là sự kết tinh, hội tụ tinh hoa văn hóa giải trí trăm miền. Với số lượng gần 1,3 triệu người cao tuổi sinh sống trên địa bàn thành phố Hà Nội đến từ nhiều vùng, miền khác nhau của Tổ quốc, hội tụ về Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội qua quá trình lịch sử, phát triển kinh tế - xã hội, có thể nói đến nay, người cao tuổi thành phố Hà Nội đã mang theo văn hóa của nhiều vùng, miền đến làm giàu cho văn hóa xứ Tràng An. Điều này thể hiện qua bức tranh văn hóa giải trí đa sắc màu do người cao tuổi xuất thân từ Hà Nội hoặc là người cao tuổi từ các địa bàn khác tới làm việc, sinh sống, gắn bó với Hà Nội tạo dựng nên trong đời sống văn hóa của người dân Hà Nội nói riêng, cả nước nói chung. Chỉ riêng về các loại hình nghệ thuật biểu diễn, Hà Nội hội tụ đủ tuồng, chèo, cải lương, quan họ...

Sự phong phú, đa dạng trong văn hóa giải trí của người cao tuổi cũng phần nào phản ánh kết quả phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của Thủ đô trong thời gian qua. Kinh tế ngày càng phát triển, đời sống của người dân ngày càng được nâng cao, các nhu cầu thiết yếu đã được đảm bảo thì con người nói chung, người cao tuổi nói riêng, càng có cơ hội và điều kiện để thỏa mãn các nhu cầu tinh thần của mình, trong đó có nhu cầu giải trí. Làm phép so sánh giữa giai đoạn đầu, cuối thế kỷ XX và giai đoạn đầu thế kỷ XXI có thể thấy rõ sự phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội đã tạo nên những phương tiện, công cụ, hình thức giải trí ngày càng mới, hiện đại, có thể tiếp cận, thỏa mãn được nhu cầu của nhiều người hơn. Chẳng hạn, đầu thế kỷ XX, người cao tuổi tại Hà Nội nói riêng, cả nước nói chung, chỉ có thể được đáp ứng nhu cầu thưởng thức các loại hình nghệ thuật bằng cách trực tiếp tham gia vào các loại hình đó (các loại hình diễn xướng dân gian như: hát quan họ, hát đối, hát chèo, cải lương...) hoặc tới tận nơi diễn ra các loại hình nghệ thuật đó (chiếu chèo sân đình, nơi cửa chùa, cửa đền, hội làng...) và số lượng người tham gia, thưởng thức cũng hạn chế. Đến thập niên 80 - 90 của thế kỷ XX, các loại hình nghệ thuật đã được truyền tải đến với người dân ở mọi miền đất nước thông qua các chương trình truyền hình, phát thanh; số lượng người tiếp cận với các loại hình giải trí này cũng nhiều hơn. Tới thế kỷ XXI, cùng với sự phát triển của khoa học - kỹ thuật, các thành tựu của cuộc Cách mạng lần thứ tư đã đem lại cơ hội hưởng thụ, sáng tạo văn hóa nói chung, các loại hình nghệ thuật nói riêng cho đông đảo người cao tuổi thông qua mạng Internet mà không gặp bất cứ trở ngại nào về khoảng cách, thời gian hay bị giới hạn số lượng người tham gia. Hiện nay, người cao tuổi không chỉ thưởng thức các loại hình nghệ thuật biểu diễn thông qua các nền tảng trên Internet mà chính họ cũng trở thành những nhà sáng tạo nội dung, những người trực tiếp biểu diễn các loại hình nghệ thuật đó và truyền bá tới đông đảo công chúng thông qua các mạng xã hội như Facebook, TikTok, Zalo...

Thứ hai, văn hóa giải trí của người cao tuổi thành phố Hà Nội vừa mang tính truyền thống, vừa mang tính hiện đại, cập nhật với văn minh nhân loại. Văn hóa giải trí của người cao tuổi thành phố Hà Nội phản ánh rõ sự giao thoa giữa

truyền thống và hiện đại, vừa duy trì những giá trị văn hóa lâu đời của Thăng Long - Hà Nội, vừa thích ứng với sự phát triển của xã hội hiện đại và văn minh nhân loại. Họ không chỉ tham gia vào các hoạt động mang đậm bản sắc dân tộc mà còn biết tiếp thu, lựa chọn những xu hướng giải trí mới để làm phong phú đời sống tinh thần.

Quá trình thực hành văn hóa giải trí của người cao tuổi thành phố Hà Nội cũng là quá trình họ bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống thông qua các hoạt động giải trí. Người cao tuổi Hà Nội hiện nay là thế hệ sinh ra và lớn lên trong một môi trường giàu bản sắc văn hóa, họ có tình yêu sâu sắc với các giá trị truyền thống và thể hiện điều đó qua các hoạt động giải trí mang đậm tính văn hóa truyền thống của dân tộc. Họ yêu thích các loại hình nghệ thuật cổ truyền như ca trù, chèo, hát xẩm, tuồng..., coi đây là một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần. Nhiều người tham gia các câu lạc bộ văn hóa dân gian, nơi họ cùng nhau ca hát, bình thơ, sáng tác hoặc nghiên cứu về nghệ thuật truyền thống. Họ coi đó là cách để thực hành và giữ gìn nghệ thuật truyền thống. Chẳng hạn Câu lạc bộ Ca trù Thăng Long, hội yêu chèo, các nhóm hát quan họ, hát xẩm tại Hồ Gươm vẫn thu hút đông đảo người cao tuổi tham gia. Bên cạnh đó, các câu lạc bộ nghệ thuật truyền thống tại các khu dân cư cũng là nơi thu hút đông đảo người cao tuổi đến tham gia sinh hoạt, giữ gìn và “truyền lửa” nghệ thuật cho thế hệ sau như: Câu lạc bộ Ca trù do nghệ sĩ Thúy Đạt tổ chức trên địa bàn phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội tổ chức dạy, biểu diễn cho cả người cao tuổi và các cháu thanh thiếu niên. Các câu lạc bộ, hội nhóm văn nghệ này là nơi nghệ thuật truyền thống hồi sinh và lan tỏa trong đời sống hiện đại.

Mặc dù trân trọng truyền thống, người cao tuổi Hà Nội cũng rất chủ động tiếp cận với các hình thức giải trí hiện đại, cho thấy tinh thần học hỏi và thích nghi với sự phát triển của xã hội. Họ sẵn sàng cập nhật và thích nghi với các công nghệ hiện đại để đáp ứng nhu cầu giải trí dù còn gặp trở ngại. Ngày nay, nhiều người cao tuổi đã biết sử dụng điện thoại thông minh, máy tính, ipad... xem YouTube, tham gia các lớp học trực tuyến để cập nhật tin tức, giải trí và kết nối với con cháu, bạn bè, người thân. Họ cũng sẵn sàng thử nghiệm các hình

thức giải trí mới như khiêu vũ, khiêu vũ thể thao, gym... Những người có điều kiện tài chính và thời gian, họ không chỉ giới hạn giải trí trong nước mà còn đi du lịch trong và ngoài nước để mở rộng tầm mắt. Một số người tham gia các tour du lịch văn hóa, lịch sử, khám phá ẩm thực quốc tế, học hỏi tinh hoa văn minh nhân loại tại châu Mỹ, châu Âu, châu Úc, châu Á... Có thể thấy, người cao tuổi Hà Nội không ngại tiếp cận công nghệ, thử nghiệm các loại hình giải trí hiện đại và mở rộng trải nghiệm văn hóa thế giới, thể hiện tinh thần hội nhập, cập nhật với xu hướng giải trí toàn cầu.

Thứ ba, quá trình thực hành văn hóa giải trí không chỉ là quá trình người cao tuổi tự đáp ứng, thỏa mãn nhu cầu giải trí phù hợp với điều kiện của mình mà đó còn là quá trình họ tìm tới các giá trị cốt lõi trong xã hội, thực hành và kiến tạo những chuẩn mực trong đời sống. Ngũ phúc (phú, quý, thọ, khang, ninh) là 5 giá trị mà bất cứ cá nhân, gia đình, tập thể nào trong xã hội Việt Nam từ xưa tới nay đều hướng tới. Đối với họ, văn hóa giải trí có thể đem lại cho họ khang (sống mạnh khỏe) và ninh (bình an), từ đó hướng tới thọ (sống lâu), đồng thời quá trình thực hành văn hóa giải trí cũng là quá trình người cao tuổi kiến tạo và vươn tới các giá trị trên. Điều này được thể hiện rõ ở vai trò của văn hóa giải trí đối với người cao tuổi trong việc nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần cho họ. Bên cạnh đó, khi thực hành văn hóa giải trí, người cao tuổi không chỉ hồi phục, tái tạo cả về thể chất và tinh thần mà còn phát huy được giá trị, nguồn lực của mình trong việc bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, xây dựng các giá trị, chuẩn mực mới, góp phần vào việc xây dựng đời sống văn hóa của quốc gia, dân tộc. Những phong trào “tuổi cao, gương sáng” do Hội Người cao tuổi thành phố phát động đã phát huy được vai trò, nguồn lực người cao tuổi, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của địa phương thông qua các hoạt động thiện nguyện, các hoạt động giáo dục, truyền dạy nghề... Từ đó, nâng cao vị thế, vai trò của người cao tuổi tại Hà Nội nói riêng, cả nước nói chung. Hay chính quá trình thực hành văn hóa giải trí cũng là cách người cao tuổi Hà Nội củng cố và phát huy các giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc như tinh thần kết nối xã hội, đoàn kết, ham học hỏi, kính trọng người có tuổi, đóng góp vì cộng đồng, đất nước.

Thứ tư, văn hóa giải trí của người cao tuổi thành phố Hà Nội mang phong cách người Hà Nội, thể hiện “chất Tràng An” thanh lịch, văn minh, nhẹ nhàng, sâu sắc.

Dù người dân Hà Nội gốc ở Thủ đô chỉ còn một tỷ lệ nhỏ sau những lần thành phố mở rộng quy hoạch (tại quận Hoàn Kiếm - đậm chất Hà Nội nhất - chỉ có 18% dân số quận này là dân Hà Nội gốc vì đã sinh sống ở đây từ 2 -3 đời và có hộ khẩu chính thức tại quận này) [40, tr.32], song những nét tinh hoa của văn hóa Thăng Long đã tích tụ lâu đời vẫn còn đậm nét. Nét văn hóa Tràng An đó thể hiện qua nhiều mặt trong đời sống, từ cách phát âm thanh, nhẹ nhàng, chuẩn xác được coi là ngôn ngữ chuẩn (tiếng Hà Nội) đến cách ăn uống chuộng vị thanh tao, không lạm dụng gia vị, chú trọng sự ngon ngọt từ nguyên liệu, nhìn bên ngoài thì có vẻ giản dị, thực chất ẩn chứa bên trong cả một sự chế biến tỉ mỉ, tinh tế từng công đoạn, “ăn theo thưở, ở theo thời” hay cách ăn vận giản dị mà tinh tế, nền nã, kín đáo và chỉnh tề, không cầu kỳ về kiểu dáng và không lòe loẹt về màu sắc...

Đối với văn hóa giải trí, người cao tuổi Hà Nội ưa thích lựa chọn những loại hình giải trí thanh lịch, tao nhã, mang đậm tính trí tuệ như các loại hình biểu diễn nghệ thuật truyền thống (tuồng, chèo, cải lương, ca trù...), thư pháp, làm thơ, viết văn, chơi cây cảnh, thú cảnh, nghe hòa nhạc, đọc sách báo... gắn với các không gian thanh tĩnh, đậm chất “Tràng An” như hồ Gươm, hồ Tây, lăng Bác, các bảo tàng, nhà hát, quảng trường... Họ thường ăn mặc lịch sự, trang trọng khi tham dự vào các sự kiện giải trí này, tôn trọng không gian chung và những người xung quanh, không làm ồn, hướng tới sự an tĩnh, thư thái.

Bên cạnh đó, người cao tuổi Hà Nội, đặc biệt là người Hà Nội gốc, luôn có gu thẩm mỹ tinh tế, thích những gì có chiều sâu và điều này thể hiện rõ trong cách họ tiếp cận nghệ thuật và tri thức. Họ không chỉ xem kịch, nghe nhạc mà còn bàn luận về giá trị nghệ thuật, triết lý nhân sinh ẩn trong tác phẩm. Khi tham gia câu lạc bộ thơ, họ không chỉ ngâm thơ mà còn phân tích từng ý thơ, từng câu chữ, từng cách gieo vần. Điều đó thể hiện chất Tràng An: Sâu sắc, không chỉ giải trí mà còn muốn hiểu rõ bản chất của nghệ thuật và tri thức.

Thứ năm, văn hóa giải trí của người cao tuổi Hà Nội thường được tổ chức chặt chẽ, gắn với các đoàn thể chính trị - xã hội, với các hoạt động chính trị, lịch sử, văn hóa tinh thần của Thủ đô.

Văn hóa giải trí của người cao tuổi Hà Nội không đơn thuần là những hoạt động mang tính cá nhân mà thường được tổ chức chặt chẽ, có tính cộng đồng cao, gắn bó với các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội và các hoạt động văn hóa tinh thần quan trọng của Thủ đô. Điều này phản ánh đặc điểm đô thị truyền thống của Hà Nội, nơi mà người cao tuổi không chỉ giải trí để thư giãn mà còn để cống hiến, duy trì sự kết nối xã hội và phát huy giá trị văn hóa - chính trị của mình. Văn hóa giải trí của người cao tuổi Hà Nội được tổ chức chặt chẽ, có hệ thống thể hiện trước hết ở vai trò của các hội, đoàn thể trong tổ chức hoạt động giải trí. Ở Hà Nội, đa phần các hoạt động giải trí nhóm của người cao tuổi thường được tổ chức thông qua các hội nhóm, câu lạc bộ trực thuộc các đoàn thể chính trị - xã hội như Hội Người Cao Tuổi Hà Nội thường tổ chức các buổi giao lưu thơ ca, tọa đàm về văn hóa Hà Nội, sinh hoạt chuyên đề về Đảng, Nhà nước. Câu lạc bộ hưu trí, hội cựu chiến binh, hội phụ nữ cũng có các chương trình riêng nhằm duy trì sự gắn kết và tạo điều kiện giải trí bổ ích cho hội viên. Bởi vậy người cao tuổi Hà Nội ít giải trí theo kiểu cá nhân hóa, mà tham gia vào những hệ thống hoạt động có tổ chức, mang tính cộng đồng và định hướng rõ ràng.

Văn hóa giải trí của người cao tuổi Hà Nội gắn với các hoạt động đoàn thể chính trị - xã hội, phát huy vai trò công dân. Người cao tuổi không chỉ tham gia các hoạt động giải trí đơn thuần mà còn đóng vai trò quan trọng trong giáo dục chính trị, truyền dạy lịch sử cho thế hệ sau. Nhiều chương trình giao lưu văn hóa được tổ chức kết hợp với các sự kiện lịch sử, các ngày lễ lớn của dân tộc, giúp người cao tuổi vừa có cơ hội giải trí vừa thể hiện trách nhiệm xã hội như lễ kỷ niệm 70 năm ngày giải phóng Thủ đô (10/10/1954 - 10/10/2024), lễ kỷ niệm 1010 năm Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội (1010-2020), lễ kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước... Tại các sự kiện đó, thường có sự tham gia của các hội viên cao tuổi, đặc biệt là các cựu chiến binh, cựu giáo viên hoặc Hội Người Cao Tuổi kết hợp với các trường học tổ chức các buổi nói chuyện truyền thống, nơi người

cao tuổi kể lại ký ức về Hà Nội xưa, giáo dục lòng yêu nước cho thanh thiếu niên. Văn hóa giải trí của người cao tuổi thành phố Hà Nội không tách rời đời sống chính trị - xã hội, mà trở thành một hình thức tiếp tục cống hiến, phát huy tinh thần trách nhiệm của người cao tuổi trong đời sống cộng đồng.

Người cao tuổi Hà Nội thường kết hợp giải trí với các hoạt động có giá trị cộng đồng, như tham gia các câu lạc bộ “Sống vui - sống khỏe - sống có ích”, làm công tác từ thiện, tổ chức quyên góp cho người nghèo, giúp đỡ trẻ em khó khăn... Họ cũng đóng vai trò dẫn dắt, định hướng giá trị đạo đức cho thế hệ trẻ thông qua các buổi sinh hoạt cộng đồng. Có thể thấy, văn hóa giải trí của người cao tuổi Hà Nội không chỉ phục vụ mục đích, nhu cầu cá nhân mà còn góp phần vào sự phát triển cộng đồng, tạo ra môi trường sống nhân văn, đoàn kết.

Tóm lại, văn hóa giải trí của người cao tuổi Hà Nội hiện nay thường được tổ chức chặt chẽ, mang tính cộng đồng cao, gắn với các đoàn thể chính trị - xã hội và các sự kiện văn hóa lớn của Thủ đô. Đây chính là nét đặc trưng nổi bật, thể hiện trách nhiệm, tinh thần gắn kết và phong cách thanh lịch, trí tuệ của người Hà Nội.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Tại Chương 2, luận án đã làm rõ những đặc điểm của địa bàn nghiên cứu và đặc điểm, nhu cầu của người cao tuổi tại các quận Hoàn Kiếm, Cầu Giấy và huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Thông qua kết quả điều tra xã hội học đối với 378 người cao tuổi, kết quả điền dã, phỏng vấn sâu 22 người cao tuổi tại 3 địa bàn nghiên cứu, luận án đã chỉ rõ thực trạng văn hóa giải trí của người cao tuổi tại thành phố Hà Nội trên các góc độ:

Thứ nhất, về nhu cầu giải trí.

Người cao tuổi tại Hà Nội có nhu cầu cao về giải trí. 100% người cao tuổi đều đánh giá giải trí là hoạt động có vai trò quan trọng trong đời sống, 79% cho biết thời gian giải trí là khoảng thời gian nhiều thứ hai trong ngày sau các hoạt động sinh tồn cơ bản của họ. Sau dịch Covid-19, nhu cầu giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội có sự thay đổi so với giai đoạn trước khi có dịch. Sau Covid-19, nhu cầu giải trí của người cao tuổi gắn chặt với nhu cầu an toàn.

Thứ hai, về hoạt động giải trí.

Người cao tuổi tại Hà Nội thực hành đa dạng các loại hình hoạt động giải trí. Loại hình hoạt động giải trí được nhiều người cao tuổi lựa chọn rất đa dạng, trong đó xem ti vi, nghe nhạc, tập thể dục thể thao, gặp gỡ giao lưu cùng bàn bè, người thân và sử dụng các ứng dụng trên mạng Internet là những loại hình chiếm ưu thế; chủ yếu là hoạt động giải trí thể chất và thụ động. Hoạt động giải trí sáng tạo tập trung ở nhóm người cao tuổi có trình độ học vấn và điều kiện kinh tế tương đối tốt.

Thứ ba, về thiết chế, thể chế và phương tiện giải trí.

So với các địa phương khác, Hà Nội nhìn chung có hệ thống thiết chế và phương tiện giải trí tốt hơn, các cấp ủy đảng, chính quyền Thủ đô và Hội Người cao tuổi các cấp cũng luôn quan tâm tới việc nâng cao đời sống văn hóa của nhân dân thông qua hệ thống các chương trình, kế hoạch và văn bản quy phạm pháp luật được ban hành.

Thứ tư, về phương thức thực hành văn hóa giải trí.

Phương thức thực hành văn hóa giải trí của người cao tuổi Hà Nội có sự khác biệt tùy theo lứa tuổi, giới tính, địa bàn cư trú... Mục đích thực hành văn hóa giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội rất đa dạng song tựu trung lại đều nhằm nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần, tạo niềm vui trong cuộc sống tránh cô đơn, giảm stress, được khẳng định và hoàn thiện bản thân... Lượng thời gian người cao tuổi thành phố Hà Nội dành cho văn hóa giải trí luôn là khoảng thời gian lớn thứ hai trong ngày; họ chủ yếu thực hành văn hóa giải trí vào buổi sáng sớm hoặc buổi tối. Nhà và không gian công cộng là hai địa điểm được nhiều người cao tuổi chọn làm nơi thực hành văn hóa giải trí. Đối tượng cùng thực hành văn hóa giải trí với người cao tuổi đa dạng, phần lớn là những người gần gũi, gắn bó với họ. Dù gặp khó khăn song người cao tuổi Hà Nội vẫn sẵn lòng chi một khoản kinh phí nhất định cho văn hóa giải trí và tiếp nhận các sản phẩm công nghệ trong thực hành văn hóa giải trí.

Luận án cũng chỉ rõ 5 đặc điểm cơ bản trong văn hóa giải trí của người cao tuổi thành phố Hà Nội hiện nay là: 1/ Tính đa dạng, phong phú; là sự kết tinh,

hội tụ văn hóa giải trí từ nhiều vùng, miền của Tổ quốc; 2/ vừa mang tính truyền thống, vừa mang tính hiện đại, cập nhật với văn minh nhân loại; 3/ quá trình thực hành văn hóa giải trí vừa là quá trình tự đáp ứng nhu cầu giải trí, vừa là quá trình họ tìm tới các giá trị cốt lõi trong xã hội, thực hành và kiến tạo những chuẩn mực trong đời sống; 4/ mang phong cách người Hà Nội, thể hiện “chất Tràng An” và 5/ thường được tổ chức chặt chẽ, gắn với các đoàn thể chính trị - xã hội, với các hoạt động chính trị, lịch sử, văn hóa tinh thần của Thủ đô.

CHƯƠNG 3

BÀN LUẬN VỀ VĂN HÓA GIẢI TRÍ CỦA NGƯỜI CAO TUỔI THÀNH PHỐ HÀ NỘI HIỆN NAY

3.1. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG TỚI VĂN HÓA GIẢI TRÍ CỦA NGƯỜI CAO TUỔI TTHÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.1.1. Yếu tố vật chất - sinh tồn

3.1.1.1. Điều kiện kinh tế, thu nhập của cá nhân và gia đình người cao tuổi

Điều kiện kinh tế, mức thu nhập của cá nhân người cao tuổi có tác động mạnh mẽ đến văn hóa giải trí của họ. Kết quả khảo sát luận án chỉ ra rằng, có tới 44,9% người cao tuổi lựa chọn các loại hình hoạt động giải trí dựa trên điều kiện kinh tế của họ.

Trong thời gian qua, sự phát triển kinh tế của đất nước đã tạo điều kiện để người cao tuổi ở Việt Nam nói chung, người cao tuổi tại Hà Nội nói riêng, cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống. Từ năm 2019 đến nay, mức lương cơ bản được Nhà nước ta điều chỉnh tăng 2 lần (lần 1 năm 2019 - tăng từ 1,49 triệu lên 1,8 triệu và lần 2 năm 2024 - tăng từ 1,8 triệu lên 2,34 triệu); số lượng người cao tuổi hưởng lương hưu chiếm 53% (tính đến cuối năm 2023). Bên cạnh đó, từ năm 2019 đến nay, Nhà nước ta đã 2 lần tăng mức trợ cấp xã hội cho người cao tuổi không có lương hưu (lần 1 năm 2021 - tăng từ 270 nghìn/người/tháng lên 360 nghìn/người/tháng; lần 2 năm 2024 - tăng từ 360 nghìn/người/tháng lên 500 nghìn/người/tháng). Dù mức tăng chưa lớn, song mức tăng này cũng có tác động tích cực đối với người cao tuổi tại Hà Nội trong việc nâng cao chất lượng đời sống cũng như tác động không nhỏ tới văn hóa giải trí của họ; đồng thời cũng thể hiện những thành tựu phát triển kinh tế của đất nước do Đảng lãnh đạo trong thời gian qua.

Thực tế cho thấy, điều kiện kinh tế và mức thu nhập của người cao tuổi ảnh hưởng đáng kể đến việc lựa chọn loại hình giải trí của họ. Mức thu nhập cao tạo điều kiện cho người cao tuổi có khả năng tiếp cận các loại hình hoạt động giải trí đa dạng hơn và linh hoạt hơn; cho phép họ tham gia, sử dụng các loại hình dịch

vụ giải trí yêu cầu mức chi phí cao hơn. Với điều kiện kinh tế, mức thu nhập cao, họ có thường có điều kiện để nâng cao trình độ dân trí và lựa chọn thưởng thức các sự kiện nghệ thuật và văn hóa cao cấp như xem phim, thưởng thức các loại hình văn hóa - nghệ thuật (ca nhạc, múa, triển lãm...) hoặc tham gia vào các sự kiện thể thao lớn. Điều kiện kinh tế và mức thu nhập của người cao tuổi tốt đem lại cho họ cơ hội du lịch và khám phá các điểm đến cao cấp hoặc tham gia vào các hoạt động giải trí độc đáo như tham gia các hội nghị và sự kiện đặc biệt. Ngoài ra, điều kiện kinh tế và mức thu nhập cao của cá nhân người cao tuổi còn cung cấp cho người cao tuổi khả năng tiếp cận và sở hữu các thiết bị công nghệ và giải trí điện tử tiên tiến như điện thoại thông minh (smartphone), các thiết bị thực tế ảo (VR), ti vi kết nối Internet, máy tính bảng, máy tính cá nhân hoặc máy chơi games, máy nghe nhạc, sách điện tử... Các thiết bị công nghệ hiện đại này có nhiều tính năng vượt trội, giúp cho người cao tuổi tiếp cận với nhiều hoạt động giải trí trực tuyến và kỹ thuật số, mang lại niềm vui và sự hài lòng, nhất là đối với những người cao tuổi có hạn chế về khả năng vận động.

Điều kiện kinh tế và mức thu nhập của cá nhân người cao tuổi cũng có thể ảnh hưởng đến khả năng đầu tư vào sở thích cá nhân và các loại hình hoạt động giải trí riêng. Người cao tuổi có mức thu nhập cao có thể dành nhiều thời gian và tiền bạc để phát triển các sở thích cá nhân, chẳng hạn như chơi golf, đi du lịch, tham gia các khóa học hoặc mua các thiết bị và dụng cụ đáp ứng các sở thích của mình.

Ngược lại, điều kiện kinh tế và mức thu nhập thấp của người cao tuổi có thể cản trở họ tham gia, thực hành các hoạt động giải trí hoặc sử dụng các dịch vụ, sản phẩm giải trí, nhất là các sản phẩm, dịch vụ, hoạt động giải trí tốn kém hoặc có giá cả cao; khiến họ khó có cơ hội tiếp cận với các thiết bị giải trí tiên tiến; làm cho văn hóa giải trí của người cao tuổi ít đa dạng hơn.

Tuy nhiên, có nhiều loại hình văn hóa giải trí thú vị có thể thực hiện mà không tốn nhiều chi phí hoặc chi phí không quá lớn, chẳng hạn như tham gia các câu lạc bộ cộng đồng miễn phí tại khu dân cư, tham quan công viên, bảo tàng, các triển lãm công cộng, các hoạt động thể dục thể thao, các câu lạc bộ sáng tạo

nghệ thuật hay tham gia vào các hoạt động tình nguyện trong cộng đồng. Người cao tuổi với mức thu nhập thấp vẫn có nhiều lựa chọn giải trí phù hợp với ngân sách của họ.

Bên cạnh đó, điều kiện kinh tế, mức thu nhập của các thành viên trong gia đình người cao tuổi cũng có tác động tới văn hóa giải trí của người cao tuổi. Kết quả khảo sát của luận án cũng cho thấy, có tới 2,9% các con của người cao tuổi không sẵn sàng hỗ trợ cha mẹ mình về mặt tài chính để họ tham gia, thực hành các hoạt động giải trí hay sử dụng các sản phẩm, dịch vụ giải trí mà chỉ ủng hộ về mặt tinh thần. Những người chọn câu trả lời này thường có mức thu nhập dưới 10 triệu/ tháng và đang nuôi con chưa thành niên. Do đó, nguồn thu nhập của các thành viên này trong gia đình người cao tuổi phải dành để trang trải những nhu cầu thiết yếu, cơ bản hơn; nhu cầu giải trí của người cao tuổi, nhất là đối với các sản phẩm, dịch vụ giải trí đòi hỏi chi phí, tạm thời bị “bỏ lại phía sau”. Kết quả khảo sát cũng cho thấy, con cái của người cao tuổi có điều kiện kinh tế, mức thu nhập chưa tốt thì người cao tuổi thường dành thời gian nhiều hơn để hỗ trợ con cái việc nhà hoặc hỗ trợ kinh tế nên họ cũng bị hạn chế hơn trong việc đáp ứng nhu cầu giải trí của mình. Đây cũng là một biểu hiện của truyền thống văn hóa yêu thương, đùm bọc, chia sẻ lẫn nhau của các thành viên trong gia đình Việt Nam.

3.1.1.2. Tình trạng sức khỏe

Tình trạng sức khỏe của người cao tuổi có ảnh hưởng rất lớn đến việc lựa chọn hình thức giải trí. Kết quả khảo sát của luận án cho thấy có tới 78,8% người cao tuổi tại Hà Nội tham gia khảo sát cho biết sức khỏe ảnh hưởng tới việc lựa chọn loại hình văn hóa giải trí của họ. Đây là tỷ lệ cao nhất trong số các yếu tố tác động tới việc lựa chọn loại hình văn hóa giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội.

Một số yếu tố sức khỏe quan trọng có thể ảnh hưởng đến sự lựa chọn này bao gồm:

Thứ nhất, sức khỏe thể chất.

Do đặc điểm về thể chất, người cao tuổi thường gặp khó khăn trong việc di chuyển, cơ bắp yếu hoặc mắc các bệnh lý mãn tính. Những hạn chế này có thể

làm cho việc tham gia vào các hoạt động giải trí năng động như tập thể dục, đi bộ dài hay tham gia các hoạt động thể thao trở nên khó khăn. Điều đó khiến người cao tuổi phải lựa chọn những hoạt động giải trí phù hợp và không gây tổn sức, tốn thời gian hoặc có thể gây ra căng thẳng, tổn hại sức khỏe của chính bản thân họ. Kết quả khảo sát của luận án cho thấy, phần lớn người cao tuổi tại 3 địa bàn khảo sát đều mắc các bệnh mãn tính; cụ thể: có 78,6% người tham gia khảo sát cho biết họ mắc từ 1 đến 3 bệnh mãn tính; 5,4% cho biết họ mắc trên 3 bệnh mãn tính; chỉ có 16% tự nhận mình có sức khỏe tốt, không mắc bệnh mãn tính nào. Các bệnh mãn tính thường gặp ở người cao tuổi trên địa bàn khảo sát là bệnh về mắt (suy giảm thị lực, đục thủy tinh thể...), bệnh tim mạch (đau tim, nhồi máu cơ tim, tăng huyết áp, rối loạn nhịp tim...), suy giảm trí nhớ, tiểu đường, suy giảm thính giác, bệnh xương khớp... Các bệnh này một mặt ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, cuộc sống của người cao tuổi, làm suy giảm chất lượng cuộc sống và gây ra những khó khăn cho họ trong việc tham gia, thực hành các loại hình hoạt động giải trí; mặt khác người cao tuổi và gia đình họ cũng phải dành một phần lớn kinh phí cho việc chữa bệnh, mua thuốc cũng ảnh hưởng tới khả năng chi trả của họ cho các hoạt động, dịch vụ, sản phẩm giải trí.

Kết quả khảo sát cho thấy những người cao tuổi có sức khỏe thể chất tốt thường lựa chọn các loại hình giải trí đa dạng hơn, có tính năng động như đi bộ, chạy, nhảy, bơi lội, khiêu vũ...; du lịch; tham quan; mức độ tham gia/ thực hành văn hóa giải trí của họ (thường thực hiện hằng ngày) cũng cao hơn so với nhóm có sức khỏe hạn chế (1 - 2 lần/ tuần; thậm chí vài tuần/lần) và họ cũng là những người cảm thấy hài lòng cao hơn đối với các hoạt động, dịch vụ, sản phẩm giải trí. Những người cao tuổi có vấn đề về sức khỏe thể chất hoặc mắc các bệnh mãn tính bị hạn chế hơn trong việc thực hành văn hóa giải trí, các loại hình hoạt động giải trí mà họ lựa chọn phải phù hợp với tình trạng sức khỏe của họ. Trong trường hợp này, người cao tuổi tại Hà Nội thường lựa chọn các hoạt động giải trí nhẹ nhàng như tập yoga, tập thể dục dưỡng sinh hay thậm chí chỉ tham gia các hoạt động giải trí tĩnh tại nhà như xem phim, đọc sách, sử dụng mạng xã hội, nghe nhạc...

Thứ hai, sức khỏe tâm thần.

Tình trạng tâm lý và tinh thần cũng ảnh hưởng đến việc lựa chọn các loại hình hoạt động giải trí của người cao tuổi. Tâm trạng mệt mỏi, buồn bã, cô đơn hoặc lo lắng, bệnh trầm cảm có thể khiến người cao tuổi cảm thấy không muốn tham gia vào các hoạt động xã hội nói chung, các loại hình văn hóa giải trí và các hoạt động có đông người tham gia nói riêng. Kết quả khảo sát của luận án cho thấy những người cao tuổi có tinh thần thoải mái thường tích cực, chủ động tham gia vào các hoạt động cộng đồng nói chung, các hoạt động giải trí nói riêng và càng tham gia tích cực vào các hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí thì tinh thần tích cực của họ càng được duy trì, thúc đẩy. Trong khi đó, những người cao tuổi có vấn đề về sức khỏe tâm thần thường ngại giao tiếp, thiếu chủ động, thậm chí né tránh tham gia các hoạt động cộng đồng, các hoạt động giải trí. Điều này lại dẫn đến kết quả là tinh thần của họ càng thêm mệt mỏi, buồn bã, uể oải, ngại vận động, giao tiếp; về lâu dài sẽ tác động tiêu cực đến sức khỏe tổng thể và chất lượng cuộc sống người cao tuổi.

3.1.1.3. Địa bàn cư trú

Địa bàn cư trú cũng là một yếu tố có tác động mạnh tới văn hóa giải trí của người cao tuổi. 39,9% người cao tuổi tham gia khảo sát cho biết địa bàn cư trú ảnh hưởng tới việc lựa chọn loại hình văn hóa giải trí của họ.

Đối với văn hóa giải trí, địa bàn cư trú gắn liền với cơ sở hạ tầng văn hóa, cơ sở hạ tầng giải trí. Các thành phố lớn, các khu vực đô thị thường có cơ sở hạ tầng văn hóa nhiều hơn, được đầu tư bài bản hơn so với các tỉnh lẻ và khu vực nông thôn; đặc biệt là các cơ sở hạ tầng dịch vụ văn hóa, giải trí như rạp chiếu phim, nhà hát, sân vận động, các khu vui chơi giải trí và những địa điểm thưởng thức nghệ thuật... Trong khi đó, các khu vực nông thôn hoặc vùng xa xôi thường có hệ thống cơ sở hạ tầng văn hóa, giải trí nghèo nàn hơn, ít đa dạng nên người dân nói chung, người cao tuổi tại khu vực này nói riêng, có ít cơ hội lựa chọn các sản phẩm, dịch vụ giải trí so với khu vực đô thị; điều này có thể đòi hỏi người dân tốn công sức và phải có sự sáng tạo hơn trong việc tìm kiếm hoạt động giải trí. Kết quả khảo sát cho thấy, tính đến cuối năm 2023, trên địa bàn thành phố

Hà Nội có 40 rạp chiếu phim thuộc các cụm rạp: Cụm rạp Beta (4 rạp), cụm rạp CGV (21 rạp), cụm rạp Lotte (6 rạp), cụm rạp Galaxy (2 rạp), cụm rạp BHD (3 rạp) và các rạp Kim Đồng, Fafim, Tháng 8, L'Espace, Trung tâm Chiếu phim quốc gia, Platinum. Phần lớn các rạp đều nằm tại các quận nội đô, chiếm đến 95% tổng số rạp, kể cả rạp nhà nước lẫn rạp tư nhân. Số lượng rạp chiếu phim ở khu vực ngoại thành Hà Nội còn rất ít với 2 rạp (Beta Đan Phượng và CGV Gia Lâm), chiếm 5% tổng số rạp trên địa bàn thành phố. Hay tổng số bảo tàng công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội là 22 bảo tàng; 100% bảo tàng đều nằm tại các quận nội đô... Do vậy, người cao tuổi tại khu vực đô thị có thể dễ dàng tiếp cận, sử dụng các sản phẩm, dịch vụ và tận hưởng, thực hành văn hóa giải trí đa dạng hơn so với khu vực ngoại ô. Kết quả khảo sát cho thấy không có người cao tuổi nào tại huyện Chương Mỹ cho biết họ đến rạp xem phim trong giai đoạn 2019-2023; trong khi đó, tại hai quận Hoàn Kiếm và Cầu Giấy, số lượng người cao tuổi đến xem phim tại các rạp chiếu chiếm 2,6%.

Bên cạnh đó, địa bàn cư trú gắn với các tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan tự nhiên cũng có thể tạo ra các môi trường thuận lợi cho các loại hình hoạt động giải trí. Về cơ bản, địa hình của Thủ đô Hà Nội là đồng bằng, xen lẫn một số núi thấp. Khu vực đô thị là nơi tập trung nhiều khu dân cư, mật độ dân số cao, không gian sinh hoạt bị hạn chế nên các loại hình văn hóa giải trí của người cao tuổi thường diễn ra tại nhà, tại không gian công cộng của khu dân cư hoặc tại công viên như công viên Cầu Giấy, công viên Nghĩa Đô, hồ Hoàn Kiếm, vườn hoa Con Cóc... Trong khi đó, khu vực ngoại thành có mật độ dân cư thấp hơn, không gian rộng rãi, thoáng đãng hơn nên người cao tuổi tại đây thường đến các sân đình, sân chùa hoặc khu vực bãi bóng, quanh chợ làng để giao lưu, sinh hoạt văn hóa.

Thêm nữa, địa bàn cư trú cũng góp phần hình thành nên sự đa dạng văn hóa của các cộng đồng người sinh sống trên địa bàn đó. Với vai trò là Thủ đô của cả nước, là trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa, trung tâm giao lưu và hợp tác quốc tế, Hà Nội là nơi hợp lưu của nhiều luồng văn hóa đa dạng, phong phú. Các khu vực đô thị, các quận nội thành là những nơi tiếp xúc sớm với các xu thế văn hóa hiện đại, đa dạng từ cả trong và ngoài nước nên khu vực này thường có sự phong phú về

các loại hình sân khấu, nghệ thuật, âm nhạc và sự kiện giải trí, nhất là đối với các loại hình mới, hiện đại. Vì vậy, người cao tuổi sinh sống tại khu vực này cũng tiếp xúc, nắm bắt và thực hành các loại hình hoạt động giải trí mới nhanh hơn và đa dạng hơn so với khu vực nông thôn. Kết quả khảo sát của luận án chỉ ra rằng, có tới 100% người cao tuổi tại khu vực đô thị sở hữu điện thoại thông minh so với 75,8% ở khu vực ngoại thành. Do vậy, số người cao tuổi dùng mạng xã hội, thưởng thức các sản phẩm văn hóa trên Internet tại khu vực đô thị cũng cao hơn tại khu vực ngoại thành. Người cao tuổi sống tại các đô thị có cơ hội tiếp cận tới các dịch vụ, sản phẩm, hoạt động giải trí đa dạng, phong phú hơn, cập nhật hơn, các thiết chế xã hội đầy đủ hơn, do đó, nhìn chung các nhu cầu giải trí của người cao tuổi ở đô thị thường được đáp ứng đầy đủ hơn so với khu vực nông thôn, ngoại thành.

Địa bàn sinh sống cũng ảnh hưởng đến mức độ tham gia và tương tác xã hội trong các loại hình văn hóa giải trí của người cao tuổi. Các khu vực có sự kết nối cộng đồng mạnh mẽ và mạng lưới xã hội phong phú thường thu hút nhiều người cao tuổi tham gia vào các hoạt động văn hóa, giải trí. Ngược lại, các khu vực thiếu tính kết nối xã hội có thể tạo ra sự hạn chế trong việc tham gia vào hoạt động giải trí. Tại khu vực ngoại thành, yếu tố văn hóa nông nghiệp vẫn còn chi phối mạnh mẽ đến đời sống của cộng đồng dân cư nên tính cộng đồng, làng xã còn cao, các hình thức sinh hoạt văn hóa nói chung, văn hóa giải trí nói riêng phần nhiều vẫn mang tính tập thể, cộng đồng; trái ngược với hình thức sinh hoạt mang tính cá nhân đang dần chiếm ưu thế tại khu vực đô thị. Theo kết quả khảo sát, tính đến tháng 6/2024, tỷ lệ người cao tuổi tham gia sinh hoạt tại Hội Người cao tuổi tại huyện Chương Mỹ (96%) cao hơn tại hai quận Hoàn Kiếm (80,11%) và Cầu Giấy (82,3%). Tại khu vực Chương Mỹ, người cao tuổi tham gia sinh hoạt Hội Người cao tuổi ngoài ý nghĩa là một tổ chức xã hội thì ẩn sâu trong đó là các giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng. Người cao tuổi vào Hội như một cách để tôn vinh các bậc lão niên trong xã hội; bên cạnh đó, Hội Người cao tuổi tại huyện Chương Mỹ cũng có vai trò như một thiết chế của cộng đồng làng xã truyền thống, các thành viên cùng chung tay tham gia lo liệu các việc chung của cộng đồng như thăm nom, mừng thọ, hiếu hỷ, lễ hội, cúng tế... Dưới ảnh hưởng của văn hóa truyền thống, người cao tuổi coi đó như niềm vinh dự, niềm

vui, “vào Hội” là điều tất yếu. Trong khi đó, tại khu vực đô thị, văn hóa phương Tây đề cao cái tôi cá nhân du nhập, tác động tới đời sống của cộng đồng nói chung, người cao tuổi nói riêng; các gia đình nhiều thế hệ dần tách ra, trở thành các gia đình hạt nhân, số lượng người cao tuổi không sống chung cùng con cháu ngày càng tăng... Kết quả là, trong văn hóa giải trí của người cao tuổi ở khu vực nội đô xuất hiện xu hướng “cá nhân hóa đời sống” bên cạnh truyền thống văn hóa cộng đồng. Người cao tuổi tại khu vực nội thành thực hành các sinh hoạt văn hóa có tính cá nhân nhiều hơn tại khu vực ngoại thành, nhìn chung họ cũng chủ động hơn trong việc tìm kiếm, thực hành văn hóa, tiêu dùng các sản phẩm, dịch vụ văn hóa giải trí để đáp ứng nhu cầu của mình.

3.1.1.4. Tâm lý giới tính

Giới tính cũng là một yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn các loại hình văn hóa giải trí của người cao tuổi; góp phần vào việc hình thành sở thích và quan điểm giải trí mỗi cá nhân, do đó tác động đến việc lựa chọn loại hình văn hóa giải trí của họ. Ví dụ, đối với loại hình văn hóa giải trí liên quan đến thể chất: Nam giới cao tuổi thường ưa thích các loại hình như chơi bóng chuyền, tennis, cầu lông, tập gym..., trong khi đó, nữ giới cao tuổi thường thích khiêu vũ, dân vũ, yoga, bơi lội... Đối với loại hình văn hóa giải trí liên quan đến tinh thần: Nữ giới cao tuổi ưa thích thưởng thức các loại hình nghệ thuật, sử dụng mạng xã hội, tham gia các hoạt động thiện nguyện nhiều hơn so với nam giới cao tuổi. Kết quả khảo sát của luận án cho thấy, 93,5% người tập yoga tại 3 địa bàn khảo sát là nữ giới, chỉ có 6,5% là nam giới; hay 100% người tập dân vũ tại huyện Chương Mỹ là nữ giới.

Song một số hoạt động giải trí có tính đa dạng và có thể hấp dẫn cho cả nam giới và nữ giới cao tuổi. Các hoạt động như xem phim, tham quan bảo tàng, tham gia các câu lạc bộ cộng đồng, thể dục nhẹ và nhiều hoạt động văn hóa và giải trí khác vẫn phù hợp cho cả nam và nữ giới cao tuổi.

3.1.2. Yếu tố tinh thần - xã hội

3.1.2.1. Trình độ học vấn

Trình độ học vấn của người cao tuổi có thể ảnh hưởng đến việc lựa chọn loại hình văn hóa giải trí của họ một cách sâu sắc.

Những người có trình độ học vấn cao thường sẽ tìm kiếm, thực hành các loại hình văn hóa giải trí mang tính học thuật, đòi hỏi trình độ tư duy cao hơn, mang tính chủ động liên quan tới tinh thần, sáng tạo như đọc sách, báo, chơi cờ, tham gia các câu lạc bộ khoa học, nghệ thuật, sáng tác thơ, văn... Trong khi đó, những người có trình độ học vấn thấp hơn thường sẽ thực hành các loại hình văn hóa giải trí mang tính thụ động, ít sáng tạo hơn như tập luyện thể thao, xem ti vi, nghe đài... Kết quả khảo sát của luận án chỉ ra rằng, 100% những người cao tuổi có trình độ học vấn ở mức phổ thông trở xuống chủ yếu lựa chọn hình thức giải trí thụ động như xem ti vi, nghe đài; trong khi nhóm người cao tuổi có trình độ học vấn cao hơn lại lựa chọn đa dạng loại hình hoạt động giải trí hơn.

Những người cao tuổi có trình độ học vấn cao, hiểu biết rộng nên họ có nhu cầu đa dạng hơn, đòi hỏi cao hơn đối với các loại hình văn hóa giải trí; họ có thể tham gia, thực hành nhiều loại hình văn hóa giải trí khác nhau, cập nhật nhanh chóng các công nghệ giải trí và loại hình văn hóa giải trí mới, tiên tiến. Trình độ học vấn cao có thể giúp người cao tuổi nhìn nhận và tham gia vào các hoạt động giải trí đa dạng, phong phú. Họ có thể thích thú với việc đọc sách, xem phim, tham gia vào các hoạt động nghệ thuật, tham gia vào các câu lạc bộ, các hoạt động văn hóa, thể thao hoặc các khóa học trực tuyến. Trong khi đó những người cao tuổi có trình độ học vấn thấp thường có sự lựa chọn ít đa dạng hơn với các loại hình giải trí, chủ yếu tập trung vào các hoạt động giải trí mang tính vận động, kỹ năng hơn là các hoạt động giải trí mang tính chuyên sâu hay loại hình văn hóa giải trí đòi hỏi kiến thức, kỹ năng cao và họ cũng dễ hài lòng hơn với các sản phẩm, dịch vụ giải trí. Kết quả khảo sát của luận án cho thấy, 100% người cao tuổi lựa chọn các loại hình giải trí sáng tạo như sáng tác thơ, văn, vẽ tranh, sáng tác nhạc, thưởng thức các buổi biểu diễn nghệ thuật... có trình độ học vấn từ trung cấp trở lên.

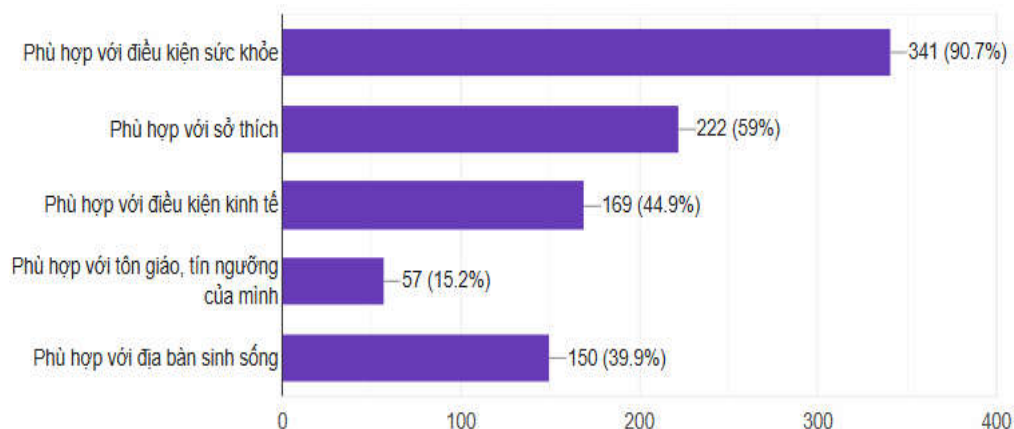
3.1.2.2. Sở thích

Sở thích có vai trò quyết định đối với loại hình văn hóa giải trí mà người cao tuổi lựa chọn. Sở thích cá nhân đóng vai trò quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu tinh thần, cảm xúc của người cao tuổi. Sở thích giải trí phù hợp giúp

người cao tuổi tìm thấy niềm vui, sự thư giãn và hạnh phúc trong các hoạt động giải trí. Lựa chọn theo sở thích cũng có thể mang lại sự hài lòng và thỏa mãn cá nhân cao hơn trong quá trình tham gia, thực hành văn hóa giải trí của người cao tuổi. 59% người cao tuổi tham gia khảo sát cho biết họ lựa chọn loại hình hoạt động giải trí dựa trên sở thích.

Ngoài ra, sở thích cá nhân cũng có thể đóng vai trò trong việc tạo ra mối quan hệ và kết nối với những người cao tuổi có cùng sở thích trong các loại hình văn hóa giải trí. Tham gia vào các loại hình văn hóa giải trí phù hợp với sở thích giúp người cao tuổi gặp gỡ và tương tác với những người khác, xây dựng mối quan hệ và tạo ra một cộng đồng giải trí.

Kết quả khảo sát cho thấy, đối với người cao tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội, có nhiều yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động giải trí như sức khỏe (90,7%%), sở thích (59%), tình hình tài chính (44,9%), địa bàn sinh sống (39,9%), bạn bè, người thân (24,2%) hay tôn giáo, tín ngưỡng (15,2%). Các yếu tố này có mức độ ảnh hưởng khác nhau đối với người cao tuổi trong việc lựa chọn loại hình văn hóa giải trí ở từng địa bàn: Ở cả khu vực đô thị và ngoại thành, chỉ có yếu tố sức khỏe, tài chính là có mức độ tác động khá tương đồng đối với người cao tuổi trong việc lựa chọn loại hình văn hóa giải trí. Ở khu vực đô thị, sở thích, địa bàn sinh sống là yếu tố tác động đến lựa chọn loại hình văn hóa giải trí mạnh mẽ hơn so với khu vực ngoại thành. Trong khi đó, yếu tố tôn giáo, tín ngưỡng, bạn bè cùng tham gia có tác động mạnh hơn đến người cao tuổi tại khu vực ngoại thành so với khu vực nội thành.



Hình 3.1: Yếu tố ảnh hưởng tới lựa chọn loại hình giải trí của người cao tuổi

3.2. XU THẾ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA GIẢI TRÍ CỦA NGƯỜI CAO TUỔI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.2.1. Sự biến đổi văn hóa giải trí của người cao tuổi

Văn hóa giải trí là một bộ phận của nền văn hóa dân tộc. Văn hóa giải trí cũng chịu ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên, chính trị, kinh tế, xã hội và vận động, biến đổi theo thời gian. Nhìn lại quá trình vận động của văn hóa giải trí nói chung và văn hóa giải trí của người cao tuổi nói riêng trong thời gian qua, nghiên cứu sinh nhận thấy văn hóa giải trí của người cao tuổi đã có những biến đổi đáng kể.

Thứ nhất, so với quá khứ, tính cá nhân được biểu thị rõ nét hơn trong văn hóa giải trí của người cao tuổi. Trong truyền thống văn hóa Việt Nam, người cao tuổi có vai trò quan trọng trong đời sống của cộng đồng, họ được coi là những tấm “gương sáng” cho các thế hệ sau và các thành viên trong cộng đồng noi theo. Họ đóng vai trò là trung tâm kết nối các thành viên trong gia đình, cộng đồng; là người gìn giữ, trao truyền và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống. Trong cộng đồng, họ là những người được đề cao, tôn trọng (Trọng xỉ hơn trọng tước/ Gừng càng già càng cay/ Đi hỏi già, về nhà hỏi trẻ...) và thường làm những việc lớn, xứng với tầm vóc, vai trò của mình. Tầm quan trọng, vai trò của người cao tuổi trong cộng đồng vừa thể hiện sự tôn trọng của cộng đồng với người cao tuổi nhưng đồng thời cũng gán người cao tuổi vào định kiến phải hành xử cho phù hợp với lứa tuổi, buộc họ phải thực hiện theo những tiêu chuẩn, quan niệm của cộng đồng. Nhu cầu và hoạt động giải trí của người cao tuổi trong quá khứ ít được coi trọng (bên cạnh yếu tố văn hóa còn bởi yếu tố kinh tế). Do đó, trong truyền thống, đa phần văn hóa giải trí của người cao tuổi được biểu thị qua các hoạt động như: Tham gia lễ hội truyền thống với vai trò là người chủ trì tổ chức hoặc tham gia trực tiếp vào một hay nhiều khâu của lễ hội (như phân công tổ chức, tế lễ...); các sinh hoạt văn hóa văn nghệ, qua đó truyền dạy cho thế hệ trẻ vốn văn hóa của cha ông (như hát dân ca, kể truyện, truyền dạy nghề thủ công, mở các lớp học...). Các hoạt động văn hóa giải trí của người cao tuổi trong quá khứ thường gắn với các hoạt động của cộng đồng làng xã, chịu ảnh hưởng của tính tập thể, tính cộng đồng; các sinh hoạt văn nghệ thường hạn chế bởi quan

niệm “xương ca vô loại” của người xưa. Những người vượt ra khỏi khuôn khổ đó rất dễ bị coi là “trẻ không chơi, già đồ đốn” hay “già không nên nét”.

Tuy nhiên hiện nay, điều này đã thay đổi. Kinh tế, khoa học kỹ thuật phát triển kéo theo sự biến đổi trong đời sống hằng ngày của người dân. Mức độ đô thị hóa ngày càng cao, làn sóng di cư từ nông thôn ra đô thị lớn, gia đình nhiều thế hệ đã có sự phân rã thành các gia đình nhỏ. Mặc dù tính cố kết cộng đồng vẫn lớn song tính cá nhân ngày càng được đề cao, tôn trọng. Đồng thời, nhận thức của xã hội về người cao tuổi đã có sự thay đổi theo hướng cởi mở hơn. Do đó, người cao tuổi cũng bắt đầu thoải mái, mạnh dạn trong việc thể hiện cái tôi cá nhân trong khi thực hành văn hóa giải trí. Số lượng người cao tuổi tham gia, thực hành các loại hình văn hóa giải trí ngày càng nhiều, hình thức ngày càng đa dạng, phong phú; thậm chí, nhiều loại hình văn hóa giải trí trước kia chưa được người cao tuổi thực hành thì nay đã bắt đầu trở nên phổ biến và được xã hội đón nhận (chẳng hạn: khiêu vũ, hát karaoke...). Người cao tuổi cũng đã mạnh dạn thử nghiệm các loại hình nghệ thuật mới vốn được coi là chỉ dành cho giới trẻ (ví dụ: Nghệ sĩ nhân dân Bạch Tuyết đã kết hợp cùng các ca, nhạc sĩ trẻ như Hoàng Dũng, Hứa Kim Tuyền, Wowy, Rhymastic đã ra mắt các sản phẩm âm nhạc kết hợp giữa cải lương và nhạc pop, rap...).

Thứ hai, sự phát triển của kinh tế, khoa học kỹ thuật cũng tạo điều kiện để người cao tuổi nâng cao chất lượng cuộc sống, giúp họ có điều kiện trải nghiệm và phát triển thêm nhiều loại hình văn hóa giải trí, góp phần đa dạng hóa văn hóa giải trí của người cao tuổi. Các nghiên cứu trên thế giới và trong nước đều cho thấy, chất lượng cuộc sống và giải trí có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và coi giải trí là một trong những điều kiện tiên quyết để đánh giá chất lượng cuộc sống của con người [61]. Chất lượng cuộc sống được biểu hiện qua nhiều chiều cạnh, thể hiện mức độ đáp ứng các nhu cầu chính đáng trong cuộc sống của mỗi cá nhân, cộng đồng và xã hội nhằm hướng tới sự phát triển hoàn thiện con người, trong đó có nhu cầu giải trí. Mức độ đáp ứng càng cao thì cuộc sống của cá nhân, cộng đồng đó càng có chất lượng. Đẩy mạnh nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, trong đó có người cao tuổi, là một trong các mục tiêu mà Đảng và Nhà

nước ta hướng tới: “...thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam” [16, tr.336].

Người cao tuổi hiện nay có điều kiện kinh tế tốt hơn, được Đảng và Nhà nước quan tâm, chăm lo về đời sống, đảm bảo an sinh xã hội nên nhu cầu giải trí “bùng nổ” hơn. Họ cũng mạnh dạn hơn trong việc chi tiêu cho các nhu cầu giải trí. Dù ngành công nghiệp văn hóa tại Việt Nam hiện nay vẫn đang “bỏ ngõ” thị trường văn hóa đối với người cao tuổi, song trong tương lai, với quy mô dân số cao tuổi chiếm tới 25% tổng dân số quốc gia, đây chắc chắn là một thị trường đầy tiềm năng của ngành công nghiệp văn hóa nói riêng và ngành cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho người cao tuổi nói chung. Điều này sẽ đem lại sự phát triển cho văn hóa giải trí của người cao tuổi trong tương lai gần với nhiều loại hình đa dạng, phong phú hơn so với truyền thống.

Thứ ba, công nghệ số sẽ được ứng dụng mạnh mẽ để phục vụ đời sống người cao tuổi nói chung, nhu cầu giải trí của người cao tuổi nói riêng. Giải trí số trở thành xu thế giải trí tất yếu đối với mọi lứa tuổi. Giải trí số đã tạo ra một cuộc cách mạng trong cách con người giải trí và tiêu thụ nội dung giải trí, hay nói cách khác, giải trí số chính là hình thức phát triển mới của văn hóa giải trí trong thời đại số. Văn hóa giải trí của người cao tuổi sẽ dần chuyển dịch môi trường thực hành từ offline sang cả online.

So với văn hóa giải trí truyền thống, giải trí số chịu tác động mạnh mẽ của các yếu tố sau:

Một là, công nghệ và cơ sở hạ tầng số. Phát triển công nghệ và cơ sở hạ tầng là yếu tố quan trọng trong giải trí số. Tốc độ Internet, khả năng kết nối mạng, độ phân giải màn hình và hiệu suất thiết bị đều có ảnh hưởng đáng kể đến trải nghiệm giải trí số.

Hai là, phạm vi và đa dạng nội dung. Sự phong phú và đa dạng của nội dung giải trí số cũng đóng vai trò quan trọng. Sự đa dạng trong các thể loại games, phim, video, âm nhạc và nội dung giải trí khác cho phép người dùng lựa chọn và tận hưởng theo sở thích cá nhân.

Ba là, tính tương tác và tùy chỉnh. Khả năng tương tác và tùy chỉnh trong giải trí số cũng có tác động đáng kể. Người dùng muốn có khả năng tương tác và tham gia vào trải nghiệm, cũng như khả năng tùy chỉnh nội dung để phù hợp với sở thích và nhu cầu cá nhân.

Bốn là, xã hội và kết nối. Mạng xã hội và khả năng kết nối với người khác là yếu tố quan trọng trong giải trí số. Khả năng chia sẻ nội dung, tương tác với bạn bè và người dùng khác, tham gia vào cộng đồng trực tuyến tạo ra sự kết nối và tương tác xã hội trong giải trí số.

Năm là, tiện ích và trải nghiệm người dùng. Đây là yếu tố rất quan trọng để thu hút người sử dụng đến với giải trí số. Sự dễ dàng sử dụng, giao diện người dùng thân thiện, khả năng tìm kiếm và đề xuất nội dung phù hợp đều ảnh hưởng đến trải nghiệm giải trí số.

Sáu là, an ninh và quyền riêng tư. An ninh và quyền riêng tư cũng được coi là yếu tố quan trọng trong giải trí số. Người dùng quan tâm đến việc bảo vệ thông tin cá nhân, đảm bảo an toàn và bảo mật trong quá trình sử dụng các dịch vụ giải trí số.

So sánh, đối chiếu văn hóa giải trí truyền thống và văn hóa giải trí số, có thể nhận thấy những điểm khác biệt trên một số phương diện sau đây:

Bảng 3.1: Sự khác biệt giữa giải trí truyền thống và giải trí số

Tiêu chí	Giải trí truyền thống	Giải trí số
Hình thức thực hiện	Người chơi tiếp xúc trực tiếp; số lượng người chơi giới hạn theo tính chất của từng trò chơi.	Công nghệ và internet giúp người chơi không cần tiếp xúc trực tiếp với nhau; số lượng người chơi không hạn chế.
Địa điểm; thời gian thực hiện	Người chơi cần có mặt tại các địa điểm tổ chức các hoạt động giải trí, trò chơi; thời gian bị giới hạn theo tính chất của địa điểm tổ chức. Ví dụ: Rạp chiếu phim, công viên, sân thể thao...	Người chơi có thể thực hiện hoạt động giải trí mọi lúc, mọi nơi thông qua các thiết bị chơi có kết nối internet.
Phương tiện/ công cụ thực hiện	Tùy theo tính chất của trò chơi, hoạt động giải trí mà người chơi cần có các phương tiện/ công cụ khác nhau như: Thẻ bài, bi ve, bóng...	Chỉ cần thiết bị di động cầm tay hoặc các thiết bị có kết nối internet.
Độ tuổi tham gia	Mọi lứa tuổi	Tập trung chủ yếu ở lứa tuổi thanh, thiếu niên (14-40 tuổi)

Đối với người cao tuổi, giải trí số là một bộ phận của văn hóa giải trí, giúp người cao tuổi tiếp cận với xu hướng giải trí tiên tiến trên thế giới. Đại dịch Covid-19 cùng các quy định về giãn cách xã hội tại nhiều quốc gia cũng góp phần thay đổi cách thức, hình thức giải trí của nhiều người. Trong đại dịch, các hoạt động, trong đó có hoạt động giải trí, với sự tham gia của nhiều người tại các không gian công cộng bị hạn chế; mọi tương tác dần chuyển sang hình thức trực tuyến với sự hỗ trợ của công nghệ. Sau khi đại dịch Covid-19 được kiểm soát, hình thức giải trí số vẫn duy trì và giữ được sức hút kể cả khi các quy định giãn cách xã hội được dỡ bỏ, thế giới chuyển sang giai đoạn bình thường mới. So với thế hệ trẻ, người cao tuổi tiếp cận xu hướng này có phần chậm hơn do hạn chế về kỹ năng công nghệ song họ có xu hướng trung thành với hoạt động, sản phẩm, dịch vụ văn hóa mà mình đã lựa chọn.

3.2.2. Xu thế phát triển các loại hình văn hóa giải trí của người cao tuổi

Các nghiên cứu xã hội học chỉ ra rằng Việt Nam là một trong số các quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới. Năm 2019, những người từ 60 tuổi trở lên chiếm gần 12% tổng dân số Việt Nam; theo dự báo, vào năm 2050, tỷ lệ này là hơn 25%. Đến năm 2036, Việt Nam bước vào thời kỳ dân số già [117]. Già hóa dân số nhanh chóng đem lại nhiều thách thức cũng như mở ra các cơ hội cho Việt Nam; đồng thời dẫn đến nhiều sự biến đổi trong xã hội. Trước hết, già hóa dân số làm thay đổi cơ cấu dân số đất nước khi số lượng người cao tuổi nhiều hơn, tuổi thọ trung bình của người dân tăng thêm, tỷ lệ sinh giảm, tuổi lao động được kéo dài hơn. Sự phát triển kinh tế, khoa học công nghệ mở ra các cơ hội chăm sóc sức khỏe bằng các công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng chẩn đoán và chữa trị bệnh, tăng cường sức khỏe của người dân. Người cao tuổi không chỉ sống lâu mà còn sống khỏe. Nhận thức, định kiến về tuổi tác trong xã hội sẽ thay đổi. Người cao tuổi sẽ không còn bị nhìn nhận như một nhóm yếu thế, cần được quan tâm, chăm sóc mà sẽ được nhìn nhận như một nguồn lực dồi dào về tri thức, kinh nghiệm, có khả năng tiếp tục đóng góp cho xã hội, vì vậy, khi tiếp cận chính sách theo hướng tạo việc làm, môi trường giải trí, tận dụng kinh nghiệm, tri thức, năng lực của người cao tuổi sẽ mang lại nhiều giá trị hơn cho đất nước.

Trên cơ sở đó, có thể đưa ra một số dự báo về xu hướng phát triển các loại hình văn hóa giải trí của người cao tuổi nói chung, người cao tuổi trên địa bàn Hà Nội nói riêng như sau:

Thứ nhất, văn hóa giải trí của người cao tuổi ngày càng đa dạng, phong phú về loại hình.

Hiện nay, văn hóa giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội chủ yếu bao gồm các 2 loại hình cơ bản sau: văn hóa giải trí thể chất và văn hóa giải trí tinh thần. Trong tương lai, các loại hình văn hóa giải trí của người cao tuổi sẽ ngày càng phong phú, đa dạng đáp ứng nhiều loại nhu cầu giải trí khác nhau của họ; văn hóa giải trí cá nhân phát triển hơn để phù hợp với lối sống đô thị hiện đại, tôn trọng, đề cao tự do cá nhân. Ngoài ra, văn hóa giải trí nhóm và xã hội dành riêng cho người cao tuổi cũng sẽ được phát triển và mở rộng.

Nhận thức về vị trí, vai trò của người cao tuổi và nhu cầu văn hóa, giải trí của người cao tuổi trong xã hội sẽ thay đổi; văn hóa giải trí không chỉ là một phần quan trọng trong nền văn hóa dân tộc mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sức khỏe tinh thần và tạo ra môi trường sống hạnh phúc. Điều này sẽ thúc đẩy sự đầu tư và phát triển các thiết chế giải trí đáp ứng nhu cầu và mong muốn của người cao tuổi, tạo ra một tương lai tươi sáng và đầy hứa hẹn cho nhóm tuổi này. Các thiết chế, thể chế văn hóa, giải trí dành cho người cao tuổi sẽ được hoàn thiện, ban hành; các sản phẩm, dịch vụ văn hóa, giải trí sẽ được thiết kế và điều chỉnh để phù hợp và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người cao tuổi, giúp họ duy trì sức khỏe và tăng cường mối quan hệ xã hội, hướng tới già hóa dân số khỏe mạnh, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc.

Thứ hai, sự tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư góp phần hình thành nên nhiều loại hình văn hóa giải trí mới, giải trí số sẽ trở thành xu hướng phát triển tất yếu của văn hóa giải trí.

Văn hóa giải trí của người cao tuổi ở Hà Nội cũng không nằm ngoài xu thế này. Với sự hỗ trợ đắc lực của công nghệ, một số loại hình giải trí số đã phát triển mạnh trong thời gian qua bao gồm: Mạng xã hội; phim trực tuyến, video theo yêu cầu; trò chơi điện tử (games); âm nhạc trực tuyến; hội sách trực tuyến.

Các loại hình giải trí này sẽ dần trở nên phổ biến hơn trong tương lai đối với người cao tuổi. (Tính đến tháng 2/2022, tổng dân số Việt Nam là 98,56 triệu dân, 38,7% dân số sống ở khu vực đô thị, 61,3% dân số sinh sống tại khu vực nông thôn [121]. Trong đó, có 72,1 triệu người dùng Internet tương ứng với tỷ lệ 73,2% - tăng 4,9% so với cùng kỳ năm 2021. Thời gian online trung bình mỗi ngày là 6 tiếng 38 phút [122]. Đây là điều kiện cần thiết để ngành giải trí số phát triển vượt trội trong thời gian qua với nhiều loại hình đa dạng).

Hiện nay, giải trí số đang phát triển mạnh mẽ, tập trung chủ yếu ở người dùng trẻ do họ có điều kiện thuận lợi, nắm bắt nhanh về công nghệ. Với sự phát triển của thiết bị di động và Internet, người cao tuổi có thể tận hưởng một loạt các nội dung giải trí trực tuyến như xem phim, nghe nhạc, đọc sách điện tử và tham gia vào các trò chơi giải trí. Các ứng dụng và giao diện người dùng sẽ được thiết kế đơn giản, dễ sử dụng và phù hợp với khả năng của người cao tuổi, giúp họ tiếp cận và tận hưởng các hoạt động giải trí một cách thuận tiện và dễ dàng.

Ngoài ra, công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR) cũng đang trở thành xu hướng trong lĩnh vực giải trí. Người cao tuổi có thể sử dụng các thiết bị công nghệ thực tế ảo hoặc thực tế tăng cường để trải nghiệm những hành trình ảo đến các địa điểm nổi tiếng, khám phá văn hóa và thiên nhiên, tham gia vào hoạt động thể thao và vui chơi. Điều này mang đến trải nghiệm tương tác và tạo sự hưng phấn, giúp người cao tuổi tận hưởng những hoạt động giải trí mới mẻ và thú vị mà trước đây họ chưa từng được trải nghiệm.

Bên cạnh đó, các thiết bị thông minh và trợ giúp như trí tuệ nhân tạo và nhận diện giọng nói đã trở thành một phần của cuộc sống hàng ngày, cung cấp sự hỗ trợ và tiện ích cho người cao tuổi trong việc truy cập thông tin, tương tác và tham gia vào hoạt động giải trí. Các thiết bị này có thể giúp người cao tuổi xem phim, nghe nhạc, tìm kiếm thông tin văn hóa, tham gia vào các hoạt động giải trí trực tuyến và giải trí cá nhân theo sở thích của mình.

Bên cạnh đó, sự phát triển của các cộng đồng trực tuyến và mạng xã hội cũng sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra một môi trường giải trí gắn kết và thân thiện với người cao tuổi. Nhóm tuổi này sẽ có cơ hội kết nối với những

người có cùng sở thích và sự quan tâm, chia sẻ trải nghiệm và giao lưu với nhau thông qua các cộng đồng trực tuyến; tạo nên một không gian mở và đa dạng, giúp người cao tuổi tận hưởng niềm vui của sự kết nối xã hội và chia sẻ thông tin.

Trong tương lai, xu thế giải trí số này sẽ xâm nhập mạnh mẽ vào cộng đồng người cao tuổi, thu hút lượng lớn người cao tuổi quan tâm, tham gia; đặc biệt là khi mô hình gia đình nhiều thế hệ bị phân rã trong xã hội hiện đại, người cao tuổi sống chủ yếu trong các gia đình nhỏ, tiếp xúc trực tiếp giữa các thế hệ hạn chế. Bên cạnh đó, nhận thấy tiềm năng phát triển của ngành kinh tế bạc, các công ty sẽ tung ra các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thân thiện với người cao tuổi, tối ưu hóa trải nghiệm sử dụng của họ; từ đó sẽ thu hút một lượng lớn người cao tuổi đến với loại hình văn hóa giải trí gắn với các công nghệ hiện đại này.

Công nghệ hiện đại không chỉ giúp đa dạng hóa loại hình văn hóa giải trí của người cao tuổi mà còn giúp họ chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động giải trí sáng tạo - hình thức giải trí cao nhất gắn với sự phát triển hoàn thiện của con người. Người cao tuổi sẽ kết nối, giao lưu nhiều hơn, thưởng thức nhiều sản phẩm văn hóa hơn, đồng thời chính họ cũng là người sáng tạo nội dung, tạo ra các sản phẩm văn hóa với sự trợ giúp của công nghệ hiện đại (sáng tác nhạc trên phần mềm, sáng tạo nội dung và phát qua livestream...).

Thứ ba, bùng nổ các loại hình văn hóa giải trí gắn với chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi.

Nhóm tuổi này ngày càng nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc duy trì sức khỏe và sự tham gia vào các hoạt động giải trí để tăng cường chất lượng cuộc sống. Hiện nay, các hoạt động thể dục, thể thao, giải trí gắn với rèn luyện, chăm sóc sức khỏe dành riêng cho người cao tuổi khá đa dạng (đã đề cập tại Chương 2). Về mặt cá nhân, những hoạt động này không chỉ giúp cải thiện sức khỏe về mặt thể chất, mà còn mang lại lợi ích cho sức khỏe tinh thần, giảm căng thẳng và cải thiện tâm trạng cho người cao tuổi. Trong tương lai, các hoạt động nhóm và xã hội liên quan đến chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi cũng được dự báo sẽ tăng lên. Ví dụ, các nhóm câu lạc bộ và các khóa học chăm sóc sức khỏe sẽ trở thành nơi gặp gỡ và trao đổi thông tin và rèn luyện của người

cao tuổi. Ngoài ra, sự xuất hiện của các ứng dụng di động và thiết bị thông minh sẽ cung cấp cho người cao tuổi các công cụ để theo dõi sức khỏe cá nhân, từ việc đo nhịp tim đến theo dõi hoạt động hàng ngày, giúp họ tự giám sát sức khỏe và thúc đẩy các lối sống lành mạnh.

Đồng thời, văn hóa giải trí gắn với chăm sóc sức khỏe cũng sẽ mở ra nhiều cơ hội. Các chương trình giáo dục về dinh dưỡng và lối sống lành mạnh, các buổi hội thảo về quản lý sức khỏe, và các hoạt động tâm lý và xã hội nhằm tạo cộng đồng và sự hỗ trợ cho nhóm tuổi này sẽ được phát triển. Ngoài ra, các hoạt động sáng tạo như nghệ thuật, âm nhạc và thiền định cũng có thể được khai thác để giúp người cao tuổi tìm thấy niềm vui và truyền cảm hứng trong quá trình chăm sóc sức khỏe. Tại Hà Nội hiện nay, một số công ty du lịch bắt đầu khai thác nhóm khách hàng lớn tuổi với các tour du lịch thiền hoặc các hoạt động du lịch sức khỏe đặc thù như sound bath - một hình thức sử dụng âm thanh từ chuông đem lại sự thư giãn, gia tăng cảm giác hạnh phúc của người trải nghiệm (Công ty Metta Voyage tại Hà Nội là một trong những công ty tiên phong trong lĩnh vực du lịch trị liệu gắn với thiền định, thư giãn, thanh lọc cơ thể cho người cao tuổi tại Hà Nội nói riêng, cả nước nói chung).

Thứ tư, phát triển các loại hình văn hóa giải trí gắn với sáng tạo, trải nghiệm, khám phá dành cho người cao tuổi.

Các loại hình văn hóa giải trí của người cao tuổi gắn liền với sáng tạo, trải nghiệm và khám phá sẽ có cơ hội phát triển mạnh mẽ trong tương lai. Sự thay đổi trong nhận thức của người cao tuổi mở ra cơ hội khám phá thế giới và tận hưởng những trải nghiệm mới, đồng thời sáng tạo và thể hiện bản thân một cách tự do và phong phú. Các hoạt động nghệ thuật như hội họa, điêu khắc, sáng tác văn thơ sẽ trở thành một phần quan trọng của cuộc sống hàng ngày, cho phép người cao tuổi thể hiện tài năng và quan điểm cá nhân. Các câu lạc bộ và nhóm, hội sẽ hỗ trợ và thúc đẩy sự sáng tạo của họ, tạo điều kiện để họ khám phá và phát triển khả năng nghệ thuật của mình.

Các loại hình du lịch trải nghiệm và khám phá cũng sẽ phổ biến hơn với người cao tuổi thay vì du lịch nghỉ dưỡng như hiện nay. Các chương trình du lịch chuyên biệt cho người cao tuổi sẽ được thiết kế riêng, phù hợp với đặc điểm

thể chất, tâm lý của người cao tuổi, đảm bảo an toàn và thuận tiện, đồng thời tạo ra cơ hội giao lưu và kết nối với những người khác cùng quan tâm.

Bên cạnh đó, sự phát triển của công nghệ và truyền thông sẽ giúp người cao tuổi tiếp cận, tạo ra những sản phẩm văn hóa (bài viết, hình ảnh và video) và chia sẻ những trải nghiệm, khám phá của mình thông qua các nền tảng trực tuyến và mạng xã hội; tạo ra một cộng đồng văn hóa, có chức năng kết nối người cao tuổi với nhau thông qua thực hành văn hóa giải trí.

Ngoài ra, sự xuất hiện của các hoạt động giải trí cao cấp trong lĩnh vực thể thao và sức khỏe cũng là một khả năng có tính khả thi cao. Các trung tâm thể dục và spa chuyên biệt sẽ cung cấp các dịch vụ cao cấp như yoga, pilates, massage và chăm sóc sức khỏe cá nhân dành riêng cho đối tượng cao tuổi. Các kỳ nghỉ thể thao và chăm sóc sức khỏe đặc biệt sẽ được thiết kế để người cao tuổi có thể tham gia vào các hoạt động thể chất đa dạng nhằm nâng cao thể trạng hay các chương trình tái tạo sức khỏe. Du lịch cao cấp dành cho người cao tuổi cũng được dự đoán sẽ phát triển. Người cao tuổi sẽ trở thành nhóm đối tượng khách hàng mục tiêu được nhiều công ty hướng tới nhờ khả năng thanh khoản cao đối với các dịch vụ. Theo kết quả khảo sát của Công ty nghiên cứu thị trường và phân tích dữ liệu du khách The Outbox Company vừa công bố vào ngày 23/5/2024, nhóm du khách lớn tuổi là phân khúc thị trường hàng đầu cho kỳ du lịch hè 2024 với 58,8% người được khảo sát cho biết có kế hoạch du lịch hè (cao gấp 2 lần so với nhóm khách gen Z). Các chuyến du lịch thiết kế riêng với chất lượng cao, bao gồm điểm đến độc đáo và trải nghiệm du lịch độc quyền, sẽ được thiết kế để đáp ứng nhu cầu và sở thích riêng của người cao tuổi. Những chuyến du lịch này sẽ giúp người cao tuổi tìm hiểu, khám phá văn hóa và thiên nhiên tại các điểm du lịch, đồng thời đảm bảo tiện nghi và dịch vụ chất lượng cao, giúp họ tận hưởng những kỳ nghỉ đáng nhớ và tiện ích, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Thứ năm, xuất hiện nhiều loại hình văn hóa giải trí cao cấp hơn dành cho người cao tuổi .

Với sự phát triển của kinh tế - xã hội, sự tăng cường nhận thức về giá trị và nhu cầu của nhóm tuổi này, các hoạt động giải trí cao cấp hơn sẽ ra đời để đáp ứng sự đòi hỏi và mong muốn của người cao tuổi.

Một trong những xu hướng dự kiến gia tăng là các hoạt động biểu diễn nghệ thuật dành riêng cho người cao tuổi như các buổi biểu diễn âm nhạc, các sự kiện nghệ thuật ... Những trải nghiệm này không chỉ mang lại niềm vui và sự thỏa mãn về nhu cầu văn hóa mà còn tạo ra cơ hội để người cao tuổi tham gia vào một cộng đồng yêu nghệ thuật, góp phần bảo tồn và phát triển văn hóa, đặc biệt là văn hóa truyền thống.

3.3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ KHUYẾN NGHỊ GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN VĂN HÓA GIẢI TRÍ CỦA NGƯỜI CAO TUỔI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.3.1. Một số vấn đề đặt ra

Truyền thống văn hóa Việt Nam luôn "trọng lão" và đề cao vai trò của người cao tuổi. Điều này được thể hiện rõ trong kho tàng ca dao, tục ngữ Việt Nam với những câu như: "Kính già già để tuổi cho"; "Kính lão đắc thọ"; "Gừng càng già càng cay"... Trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, nhà nước Việt Nam ở các thời kỳ luôn dành sự coi trọng và quan tâm đặc biệt đối với người cao tuổi. Năm 1284, tại Hội nghị Diên Hồng, khi được vua Trần Nhân Tông hỏi ý kiến, các bô lão đã đồng lòng "nên đánh", sau đó cùng quân dân nhà Trần giành thắng lợi oanh liệt trước quân Nguyên Mông hùng mạnh lúc bấy giờ. Truyền thống này được tiếp nối đến tận ngày nay. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Đất nước hưng thịnh do phụ lão giúp sức. Đất nước bị mất phụ lão cứu. Đất nước suy sụp phụ lão phù trì. Nước nhà hưng, suy, tồn, vong phụ lão đều gánh trách nhiệm rất nặng nề" [42, tr.233]. Đồng thời, Người cũng cho rằng người cao tuổi thực sự là "vốn quý của dân tộc, là lực lượng quan trọng của đất nước, là rường cột của gia đình và xã hội Việt Nam" [dẫn theo 27, tr.16].

Kế thừa truyền thống đó và tư tưởng Hồ Chí Minh, từ khi thành lập tới nay, Đảng ta luôn quan tâm, chăm lo tới người cao tuổi. Ngay sau khi thành lập, công tác chăm lo cho người cao tuổi đã được quy định tại Điều 14 Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Trải qua các kỳ đại hội, các chủ trương của Đảng về công tác người cao tuổi ngày càng được hoàn thiện và cụ thể hóa. Đến Đại hội XIII, nhận diện già hóa dân số là một trong những xu thế của đất nước trong thời gian tới, Đảng ta đã chỉ rõ cần: "Bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò của

người cao tuổi; khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội; tích cực, chủ động xây dựng môi trường thân thiện với người cao tuổi...” [15, tr.271]. Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII, nhiều chương trình, kế hoạch chăm lo đời sống cho người cao tuổi đã được ban hành và triển khai trên khắp cả nước. Theo số liệu thống kê của Hội Người cao tuổi Việt Nam, đến năm 2021, số lượng người cao tuổi được chúc thọ, mừng thọ hằng năm là 1,1 triệu người; hơn 3 triệu người cao tuổi được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, 4 triệu người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ; trên 95% người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế. Mô hình Câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau ngày càng phát huy vai trò tích cực, được nhân rộng với hơn 3.500 câu lạc bộ, 17.000 hội viên tham gia và đã được trao giải nhất “Sáng kiến vì một châu Á khỏe mạnh” [27]. Trên cả nước đã thành lập hơn 77.000 câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể thao thu hút trên 2,5 triệu người cao tuổi tham gia. Năm 2023, Liên hoan Tiếng hát người cao tuổi Việt Nam lần thứ nhất được tổ chức thành công với sự tham gia của 63 đoàn nghệ thuật đến từ các tỉnh, thành phố và hơn 1000 diễn viên người cao tuổi từ mọi miền đất nước [5]. Cũng trong năm 2023, Hội nghị Biểu dương Người cao tuổi làm kinh tế giỏi lần thứ IV đã được tổ chức, tôn vinh 455.267 người cao tuổi làm kinh tế giỏi, đại diện cho hơn 7 triệu người cao tuổi làm kinh tế trên toàn quốc, ghi nhận những cống hiến, đóng góp của người cao tuổi Việt Nam trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước [3]...

Đến nay, công tác người cao tuổi tại Việt Nam hiện chủ yếu tập trung vào việc chăm sóc sức khỏe, đảm bảo thu nhập, chỗ ở...; chưa chú trọng nhiều tới hoạt động văn hóa, nghệ thuật, giải trí... Cụ thể: Trong Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi Việt Nam giai đoạn 2021- 2030, mục tiêu cụ thể đối với giai đoạn 2021 - 2025 và 2026 - 2030 chỉ có 2/13 và 3/13 nội dung liên quan tới đời sống văn hóa, nghệ thuật, giải trí cho người cao tuổi [55]. Do vậy, văn hóa giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội nói riêng, trên cả nước nói chung thời gian qua dù có những nét khởi sắc song vẫn còn tồn tại một số vấn đề đặt ra như sau:

Thứ nhất, hạn chế về sức khỏe thể chất đã ảnh hưởng lớn tới quá trình thực hành văn hóa giải trí của người cao tuổi. Người cao tuổi Việt Nam nói chung,

người cao tuổi Hà Nội nói riêng, tuy tuổi thọ trung bình được nâng lên nhờ những tiến bộ của khoa học, y tế và thành tựu phát triển kinh tế - xã hội; song số liệu cho thấy số năm sống khỏe mạnh của người cao tuổi Việt Nam còn thấp (64/73 năm), thời gian sức khỏe kém chủ yếu rơi vào giai đoạn tuổi già nên văn hóa giải trí chưa thực sự là lĩnh vực được ưu tiên. Bên cạnh đó, yếu tố thu nhập cũng khiến nhiều người cao tuổi gặp khó khăn trong việc lựa chọn các loại hình sản phẩm, dịch vụ đáp ứng nhu cầu giải trí của mình khi phần lớn thu nhập của người cao tuổi dành cho các nhu cầu thiết yếu, chi phí khám, chữa bệnh hoặc hỗ trợ con cái theo truyền thống văn hóa Việt Nam. Trừ những người thu nhập cao hoặc gia đình, con cái có điều kiện kinh tế, phần lớn người cao tuổi thường chỉ dành một phần kinh phí nhỏ để đáp ứng nhu cầu giải trí của mình.

Thứ hai, nhận thức của đa số người dân cũng như các cơ quan, tổ chức về người cao tuổi, nhu cầu và các hoạt động giải trí dành cho người cao tuổi vẫn chưa đầy đủ và đúng mức. Trong xã hội, vẫn tồn tại những định kiến rằng người cao tuổi là “gánh nặng”, cần được chăm sóc, dẫn đến các chính sách hiện nay chủ yếu tập trung vào chăm sóc sức khỏe và an sinh xã hội; yếu tố sức khỏe tinh thần, đời sống văn hóa chưa được coi trọng.. Bản thân người cao tuổi thường mang mặc cảm, cho rằng mình đã “hết thời”, sống phụ thuộc vào sự chăm sóc của gia đình và người thân, nên chưa thực sự chủ động trong việc đáp ứng hay thỏa mãn nhu cầu văn hóa, giải trí chính đáng. Định kiến “trẻ không chơi, già đồ đốn” cũng ngăn trở nhiều người cao tuổi thực hành văn hóa giải trí. Vì vậy, nhu cầu văn hóa, giải trí của người cao tuổi chưa được quan tâm đúng mức; các chương trình, kế hoạch hành động cũng như các sản phẩm, dịch vụ giải trí dành riêng cho nhóm đối tượng này vẫn chưa được đầu tư đầy đủ.

Thứ ba, hiện nay vẫn còn tình trạng thiếu trầm trọng các thiết chế văn hóa giải trí dành riêng cho người cao tuổi tại các cộng đồng. Người cao tuổi không có không gian riêng, trang thiết bị riêng... mà phải chia sẻ nguồn lực này với các đối tượng thuộc các lứa tuổi khác tại các khu vực công cộng tại địa bàn sinh sống. Các thiết chế văn hóa, giải trí dành riêng cho nhóm đối tượng này vẫn chưa được đầu tư xây dựng; đồng thời, cũng chưa có văn bản

quy phạm pháp luật, quy định hay quy chế cụ thể về việc phân bổ kinh phí để đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng văn hóa, giải trí dành riêng cho người cao tuổi. Việc sử dụng chung các thiết chế văn hóa, giải trí với các nhóm đối tượng khác không chỉ khó đáp ứng được nhu cầu đặc thù theo lứa tuổi mà còn làm giảm chất lượng các hoạt động văn hóa, giải trí dành của người cao tuổi.

Thứ tư, hiện tượng thiếu đồng bộ trong quy hoạch phát triển hạ tầng văn hóa tại các địa phương trong cả nước dẫn tới sự chênh lệch trong đầu tư dịch vụ văn hóa giữa các vùng, miền khác nhau; từ đó có sự chênh lệch trong khả năng tiếp cận dịch vụ văn hóa giữa vùng núi, nông thôn và đô thị. Điều này đã làm ảnh hưởng tới quyền thụ hưởng văn hóa của người dân nói chung, người cao tuổi nói riêng, cũng như sự phát triển thị trường dịch vụ văn hóa tại các vùng, miền; đồng thời cũng tạo ra sự bất bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ văn hóa của người dân giữa các khu vực, vùng, miền khác nhau. Ngoài ra, khoảng cách giàu - nghèo trong xã hội cũng góp phần “kéo giãn” khả năng tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ giải trí của một bộ phận người cao tuổi có thu nhập thấp so với nhóm người cao tuổi có thu nhập tốt hơn ở nước ta.

Thứ năm, sự kết hợp giữa các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể xã hội, giữa gia đình và cộng đồng trong việc xây dựng văn hóa giải trí cho người cao tuổi còn hạn chế. Kết quả nghiên cứu của luận án cho thấy, hiện nay, phần lớn các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao... của người cao tuổi tại các địa phương được thực hiện dưới sự lãnh đạo của Hội Người cao tuổi các cấp. Tuy nhiên, kinh phí hoạt động của các Hội Người cao tuổi cấp cơ sở thấp (trước năm 2024, ngân sách địa phương cấp 10 triệu đồng/năm; từ năm 2024 ngân sách tăng lên 30 triệu đồng/năm cho tất cả các hoạt động); ngoài ra còn do các thành viên đóng góp và nguồn xã hội hóa từ cộng đồng; trừ chủ tịch Hội (thường do Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc cấp cơ sở kiêm nhiệm), các thành viên trong Ban Chấp hành Hội Người cao tuổi cấp cơ sở không có phụ cấp cũng gây ra khó khăn trong việc xây dựng, triển khai các chương trình, kế hoạch dành cho người cao tuổi.

Hiện nay, căn cứ theo các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam sẽ xây dựng kế hoạch hoạt động theo

từng năm và sau đó triển khai kế hoạch này xuống các đơn vị cấp địa phương. Người cao tuổi tại địa phương chưa có nhiều cơ hội đóng góp ý kiến của mình vào kế hoạch hoạt động nên đôi lúc kế hoạch từ Trung ương ban hành chưa sát với thực tiễn địa phương, chưa đáp ứng tốt nhu cầu văn hóa, giải trí của người cao tuổi tại địa phương.

Bên cạnh đó, do văn hóa giải trí của người cao tuổi còn chưa được quan tâm, thiết chế, thể chế văn hóa giải trí cho người cao tuổi còn thiếu, chưa đồng bộ nên đôi lúc phương thức thực hành văn hóa giải trí của người cao tuổi chưa phù hợp; gây ra bức xúc cho cộng đồng. Chẳng hạn, năm 2022, các phương tiện truyền thông đã đưa tin về việc một bộ phận cư dân ở khu chung cư thuộc khu đô thị Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai đã thuê loa kéo về bật nhạc đám ma với âm lượng lớn đặt trước mặt một nhóm người cao tuổi tại sân chung cư. Hành động này được cho là để phản đối nhóm cư dân cao tuổi thường xuyên tụ tập nhảy múa, ca hát gây ồn ào trong khu vực. Nguyên nhân là do tình trạng một nhóm người cao tuổi tại đây mở nhạc tập thể dục, khiêu vũ, chơi bóng chuyền, dùng loa kéo hát karaoke ở sân chung trong một thời gian, kéo dài từ sáng sớm tới tối muộn, khiến nhiều cư dân mệt mỏi, bức xúc. Trong văn hóa truyền thống Việt Nam, người cao tuổi luôn đóng vai trò mẫu mực, nêu gương con cháu. Người cao tuổi luôn được kính trọng; bất cứ ai cũng mong người cao tuổi sống vui, sống khỏe nhưng người cao tuổi cũng cần tiết chế hứng thú, nhu cầu của mình cho phù hợp với môi trường, tránh ảnh hưởng tới mọi người xung quanh. Đó là vấn đề biểu hiện đời sống văn hoá cộng đồng của người dân Hà Nội nói chung, người cao tuổi Hà Nội nói riêng chưa được quan tâm, hướng dẫn, xây dựng và phát triển.

Thứ sáu, trong đời sống xã hội chưa hình thành thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa giải trí dành riêng cho người cao tuổi.

Việt Nam là quốc gia có nhiều triển vọng phát triển thị trường sản phẩm, dịch vụ dành cho người cao tuổi với 20 triệu “khách hàng tiềm năng” vào năm 2035, chiếm 20% dân số. Đây vừa là một nguồn lực lao động vô cùng quý giá, vừa là lực lượng tiêu dùng lớn, tạo động lực để hình thành và phát triển nền kinh

tế bạc ở nước ta. Bên cạnh đó, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng ta cũng nhấn mạnh việc : “Bảo đảm quyền hưởng thụ, tự do sáng tạo trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật của mỗi người dân và cộng đồng. Hoàn thiện các cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp văn hóa; phát triển những sản phẩm, loại hình văn hóa độc đáo, sáng tạo...” [15, tr.263-264]; đồng thời “Nâng cao chất lượng dân số, sức khỏe người dân cả về thể chất, tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ cũng như chất lượng cuộc sống” [15, tr.265], “thích ứng với quá trình già hóa dân số, đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi” [15, tr.266]. Do đó, phát triển các sản phẩm, dịch vụ văn hóa dành cho người cao tuổi vừa đáp ứng nhu cầu văn hóa của họ, vừa góp phần phát triển kinh tế, khai thác “thị trường tóc xám” trong nước đầy tiềm năng, vừa hiện thực hóa nội dung phát triển văn hóa, xã hội mà Đảng ta đã đề ra. Như vậy, già hóa dân số không chỉ là thách thức mà còn là cơ hội để các quốc gia, trong đó có Việt Nam, khai thác “thị trường bạc” đầy tiềm năng này trong quá trình phát triển đất nước.

Trên thực tế, Việt Nam đã bước đầu có các sản phẩm, dịch vụ giải trí phục vụ người cao tuổi. Tuy vậy, các sản phẩm, dịch vụ này chưa đa dạng, còn đơn điệu, nghèo nàn. Kể từ chương trình phát thanh trên radio dành cho người cao tuổi ra đời năm 1989, năm 1995, tờ báo đầu tiên dành riêng cho người cao tuổi được phát hành, tới năm 1997 chương trình truyền hình “Cây cao bóng cả” - chương trình truyền hình đầu tiên dành cho người cao tuổi lên sóng. Tới nay, số lượng và chất lượng các chương trình truyền hình, phát thanh dành cho người cao tuổi đã nâng lên nhưng chủ yếu vẫn là các chương trình miễn phí như “Cây cao bóng cả”, “Vui - Khỏe - Có ích”, “Tiếng hát mãi xanh”, “Vũ điệu vàng”, “Tình trăm năm”, “Kỷ niệm tuổi vàng”, “Có hẹn cùng thanh xuân”... với tần suất xuất hiện còn hạn chế. Hiện cả nước chỉ có Trung tâm Văn hóa người cao tuổi là đơn vị trực thuộc Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam được cấp kinh phí tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật. Trung tâm Văn hóa người cao tuổi được thành lập ngày 9/11/2001, tính đến năm 2022 có 19 câu lạc bộ và 6 đoàn nghệ thuật quần chúng với hơn 300 người tham gia, hoạt động trên nhiều lĩnh vực văn hóa nghệ thuật: Ca nhạc, múa, khiêu vũ, hát chèo, xẩm, chầu văn, diễn xướng

hầu đồng... Ngoài ra, Trung tâm còn có 14 câu lạc bộ Thi đàn Việt gồm hơn 3.000 thành viên tại các tỉnh, thành phố trên cả nước [23]. Tuy nhiên, quy mô hoạt động của Trung tâm mới chỉ dừng lại ở tổ chức luyện tập, biểu diễn phục vụ các sự kiện chính trị, các ngày lễ lớn của đất nước; của Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam, Hội Người cao tuổi các địa phương nói riêng chứ chưa tiếp cận được đến đông đảo người cao tuổi trong cả nước. Về phía tư nhân, nhiều trung tâm dưỡng lão, trung tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đã được thành lập và đưa vào hoạt động song các trung tâm này hiện tập trung vào cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi, các hoạt động văn hóa, giải trí chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ trong chương trình hoạt động.

Một số đơn vị ngoài công lập đã tham gia sản xuất và cung cấp sản phẩm, dịch vụ văn hóa dành cho người cao tuổi như: Lớp học vẽ cho người lớn của Trung tâm Mỹ thuật Bụi (Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh), Trung tâm Sáng tạo nghệ thuật Jolla (TP.Hồ Chí Minh), Trung tâm Mỹ thuật Yết Kiêu (Hà Nội), Trung tâm Mỹ thuật Hoa Tâm (Hà Nội)... Tại các lớp học vẽ này, người cao tuổi có cơ hội trải nghiệm và giao lưu với các nhóm tuổi khác trong khi cùng tìm hiểu và theo học nhưng chưa có không gian riêng cho nhóm cư dân cao tuổi, do vậy cũng ảnh hưởng tới sự trải nghiệm, tiêu dùng các sản phẩm, dịch vụ văn hóa của người cao tuổi. Hay các lớp học “bán trú” dành cho người cao tuổi tại các thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh cũng đã lồng ghép cung cấp các sản phẩm, dịch vụ văn hóa dành cho người cao tuổi bên cạnh dịch vụ chăm sóc sức khỏe dù dung lượng còn hạn chế. Tuy nhiên, mức phí của các lớp học bán trú này khá cao, dao động từ 500.000 đến 600.000 đồng/người/ ngày; chưa phù hợp với mức thu nhập của phần lớn người cao tuổi tại Việt Nam (Theo thống kê của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, năm 2023, nước ta có 2,7 triệu người cao tuổi được hưởng lương hưu từ quỹ bảo hiểm xã hội, chiếm khoảng 16,77% tổng số người cao tuổi trên cả nước. Mức lương hưu bình quân của người cao tuổi là 4,75 triệu đồng/tháng).

Dù ngành công nghiệp giải trí là ngành phát triển mạnh mẽ, có đóng góp lớn vào tổng thu nhập quốc dân của nhiều quốc gia trên thế giới. Song, đến nay, tại Việt Nam, công nghiệp giải trí mới đang trong quá trình hình thành và đổi

tượng mà ngành này hướng tới tập trung chủ yếu vào những người tiêu dùng trẻ tuổi. Người cao tuổi chưa phải là đối tượng được ngành công nghiệp giải trí quan tâm; do đó, có thể thấy sự thiếu vắng của những sản phẩm, dịch vụ giải trí dành riêng cho người cao tuổi (trừ ngành du lịch bắt đầu có những chương trình, sản phẩm du lịch dành cho đối tượng du khách lớn tuổi song chưa nhiều). Có bốn nguyên nhân dẫn tới việc chưa hình thành thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa cho người cao tuổi ở Việt Nam gồm: *Một là*, định kiến xã hội về người cao tuổi. *Hai là*, bản thân người cao tuổi do những hạn chế về thể chất, khả năng tiếp cận công nghệ và kinh tế nên cũng dè dặt trong việc tiêu dùng các sản phẩm, dịch vụ văn hóa. *Ba là*, nhận thức của các doanh nghiệp về sản phẩm, dịch vụ văn hóa dành cho người cao tuổi còn hạn chế, các doanh nghiệp chưa coi trọng nghiên cứu, đầu tư, khai thác thị trường này mà chủ yếu tập trung vào thị trường trẻ tuổi, sôi động với mức chi tiêu lớn hơn (điển hình là hiện tượng tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ văn hóa gắn với thần tượng của giới trẻ ở các nước như Hàn Quốc, Trung Quốc...). Những người trẻ tuổi sẵn sàng bỏ ra một số tiền lớn để tiêu dùng các sản phẩm, dịch vụ văn hóa có liên quan đến thần tượng của họ (Ví dụ: Concert Anh trai vượt ngàn chông gai diễn ra ngày 19/10/2024 tại thành phố Hồ Chí Minh bán hết 20.000 vé trong vòng chưa đến 90 phút mở bán online, ngày 14/12/2024 bán hết 40.000 vé trong vòng 45 phút mở bán online; giá vé thấp nhất là 800.000 đồng, cao nhất là 8.000.000 đồng); phần lớn người mua vé là thanh niên; trong khi đó, người cao tuổi có tâm lý ổn định hơn, không dễ bị “kích động” trước việc chi tiêu cho các sản phẩm, dịch vụ văn hóa. Thiếu các chính sách hỗ trợ đối với sản phẩm, dịch vụ văn hóa đặc thù dành cho người cao tuổi nên các doanh nghiệp còn e dè trong việc đầu tư vào thị trường này. *Bốn là*, dù mục tiêu phát triển văn hóa nói chung, thị trường văn hóa nói riêng đã đặt ra, song do nguồn lực của Chính phủ còn hạn chế nên một số lĩnh vực khác như kinh tế, giáo dục... đang được ưu tiên hơn so với lĩnh vực văn hóa.

Người cao tuổi là vốn quý của xã hội, là người gìn giữ, trao truyền tri thức, giá trị, truyền thống văn hóa cho thế hệ sau. Song hiện nay, chưa có các chương trình, hoạt động giải trí phát huy vai trò của người cao tuổi trong bảo tồn, phát

huy giá trị văn hóa truyền thống thông qua các hoạt động giải trí của người cao tuổi. Việc thiếu các chương trình, hoạt động giải trí gắn với phát huy vai trò của người cao tuổi trong bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống dẫn đến việc nhu cầu giải trí của người cao tuổi không được đáp ứng, vừa gây lãng phí nguồn lực người cao tuổi, vừa dẫn đến sự đứt gãy về văn hóa giữa các thế hệ, ảnh hưởng không nhỏ tới việc bảo tồn và phát huy những giá trị, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

3.3.2. Một số khuyến nghị góp phần nâng cao chất lượng văn hóa giải trí của người cao tuổi

Để nâng cao chất lượng văn hóa giải trí, hướng tới nâng cao chất lượng cuộc sống của người cao tuổi, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững cho đất nước, dựa trên kết quả nghiên cứu của luận án, nghiên cứu sinh khuyến nghị:

Thứ nhất, đối với xã hội, người dân và bản thân người cao tuổi. Cần tăng cường công tác tuyên truyền nhằm xóa bỏ định kiến xã hội đối với người cao tuổi và các hoạt động văn hóa giải trí của họ; đồng thời nâng cao nhận thức của chính quyền, cộng đồng và người dân về vị thế, vai trò cũng như nguồn lực người cao tuổi tại Việt Nam. Trong các hoạt động giáo dục và truyền thông, cần tránh việc gắn hình ảnh người cao tuổi với những biểu tượng như “ôm đau”, “bệnh tật”, “lưng còng”, “tóc bạc”. Đồng thời, cần loại bỏ định kiến rằng người cao tuổi là những người già yếu, phải phụ thuộc vào sự chăm sóc và hỗ trợ của gia đình hoặc xã hội. Bản thân người cao tuổi cũng cần thay đổi cách nhìn nhận về vị thế và vai trò của mình trong gia đình, cộng đồng và xã hội. Họ nên tích cực tham gia và phát huy vai trò của bản thân trong việc thúc đẩy sự phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội, đồng thời chủ động tham gia đóng góp ý kiến, nâng cao chất lượng cuộc sống cho chính mình. Bên cạnh đó, cần nhìn nhận nhu cầu giải trí của người cao tuổi là một nhu cầu chính đáng, không nên bị đánh đồng với quan niệm “sống gấp, sống vội” hay bị gán cho định kiến “trẻ không chơi, già đồ đốn” theo suy nghĩ của một bộ phận trong xã hội hiện nay. Hoạt động giải trí cần được công nhận là một phần cơ bản và thiết yếu của cuộc sống, đồng thời là quyền lợi chính đáng của người cao tuổi đã được quy định trong pháp luật.

Cần khuyến khích và đẩy mạnh các nghiên cứu về người cao tuổi từ nhiều góc độ tiếp cận đa dạng, thay vì chỉ tập trung vào khía cạnh chăm sóc sức khỏe, an sinh xã hội như hiện nay. Điều này sẽ góp phần xây dựng một cái nhìn toàn diện và thực tế hơn về người cao tuổi Việt Nam, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời gian qua.

Thứ hai, đối với Đảng, nhà nước và các cấp chính quyền. Từ việc thay đổi nhận thức về người cao tuổi, Nhà nước cần sửa đổi, bổ sung, ban hành các chính sách phù hợp, đề cao và phát huy vai trò nguồn lực người cao tuổi trong phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội cũng như ban hành các chính sách về đáp ứng nhu cầu giải trí, nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, giải trí của người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số. Cần đẩy mạnh thực hiện nội dung “Nhà nước đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở văn hóa, giáo dục, thể dục, thể thao, giải trí, du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần và rèn luyện sức khỏe của người cao tuổi” trong Luật Người cao tuổi (năm 2009) [49]; đồng thời thể chế hóa mức đầu tư từ ngân sách của Nhà nước cho lĩnh vực này cũng như mức ưu đãi mà các tổ chức, cá nhân nhận được và tạo lập các cơ chế, chính sách hỗ trợ tối đa các tổ chức, cá nhân khi chung tay cùng Nhà nước trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống người cao tuổi. Nhà nước cần bảo đảm rằng các chính sách hỗ trợ xã hội và dịch vụ công cộng được thiết kế để đáp ứng đầy đủ nhu cầu đa dạng của người cao tuổi, bao gồm cả chăm sóc sức khỏe thể chất, tinh thần và tạo điều kiện để họ tham gia vào các hoạt động văn hóa, xã hội. Đồng thời, cần đảm bảo chính sách hỗ trợ người cao tuổi được thực hiện một cách đồng bộ, bao phủ toàn diện tại các vùng, miền khác nhau trên cả nước. Khuyến khích, phát triển, mở rộng các tổ chức xã hội như câu lạc bộ, hội nhóm, hoạt động tình nguyện và các sự kiện văn hóa, thể thao, giải trí dành riêng cho người cao tuổi. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam xây dựng các chương trình, đề án, kế hoạch... phát triển đời sống văn hóa nói chung, văn hóa giải trí của người cao tuổi nói riêng phù hợp với đặc điểm, văn hóa của người cao tuổi Việt Nam vừa đáp ứng các nhu cầu của nhóm đối tượng này, vừa phát huy vai trò, nguồn lực người cao tuổi trong xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ mới.

Cần nhìn nhận người cao tuổi là một nguồn lực, đối tượng quan trọng thông qua việc phát huy vai trò của người cao tuổi trong phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội cũng như phát triển các sản phẩm, dịch vụ dành cho người cao tuổi, hướng tới hình thành ngành kinh tế bạc.

Trong công nghiệp văn hóa, cần nhận thức rõ người cao tuổi là một nhóm “khách hàng” tiềm năng, có thời gian rỗi và điều kiện kinh tế đáng để khai thác bên cạnh các nhóm khách hàng trẻ tuổi như hiện nay. Cần xây dựng và ban hành các chính sách ưu đãi dành cho lĩnh vực sản xuất sản phẩm và dịch vụ phục vụ người cao tuổi, đặc biệt trong ngành công nghiệp giải trí. Cần thiết lập các cơ chế hỗ trợ, ưu đãi về thuế để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân, đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp khởi nghiệp tích cực tham gia phát triển sản phẩm và dịch vụ giải trí nói riêng, cũng như các sản phẩm và dịch vụ khác dành cho người cao tuổi nói chung. Điều này không chỉ đáp ứng nhu cầu của người cao tuổi mà còn góp phần giảm bớt gánh nặng cho các cấp chính quyền và ngân sách nhà nước trong việc chăm sóc toàn diện cả về thể chất và tinh thần cho nhóm đối tượng này.

Trong xu thế của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Nhà nước cần tạo điều kiện, hỗ trợ các doanh nghiệp nghiên cứu, tạo ra các sản phẩm công nghệ, các phần mềm ứng dụng giải trí thân thiện với người cao tuổi để họ có thể tiếp cận nhanh chóng, thuận tiện với các dịch vụ cũng như các xu hướng giải trí tiên tiến trong nước và trên thế giới, đáp ứng nhu cầu giải trí chính đáng, không ngừng cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống người cao tuổi. Bên cạnh đó, Nhà nước cần chú trọng và bố trí nguồn lực hợp lý để phát triển các thiết chế văn hóa nói chung và các thiết chế giải trí chuyên biệt dành cho người cao tuổi tại Việt Nam.

Cần tập trung đầu tư xây dựng và phát triển các trung tâm văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao phù hợp với người cao tuổi; đồng thời triển khai các chương trình, hoạt động đáp ứng nhu cầu văn hóa và giải trí của nhóm đối tượng này. Việc bố trí không gian phù hợp và áp dụng mức giá ưu đãi, tiến tới miễn phí dịch vụ văn hóa, giải trí cho người cao tuổi tại các thiết chế văn hóa công cộng cũng là điều cần thiết. Đặc biệt, cần đầu tư hạ tầng văn hóa, thiết chế và dịch vụ

văn hóa đồng bộ giữa các vùng, miền để phục vụ người cao tuổi, đảm bảo sự công bằng trong việc tiếp cận dịch vụ văn hóa, giải trí giữa các khu vực, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người cao tuổi trên toàn quốc.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong giai đoạn 2011- 2019, thu nhập từ việc làm có xu hướng giảm đối với cả 3 nhóm tuổi (sơ lão, trung lão, cao lão). Đối với nhóm cao lão, trợ cấp xã hội dành tặng gần gấp đôi, cho thấy có sự tác động tốt của chính sách hỗ trợ nhóm người cao tuổi nhất. Tuy nhiên, theo Báo cáo nghiên cứu thị trường và sản phẩm, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi ở Việt Nam do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thực hiện, hầu hết người cao tuổi đã sử dụng tiền tiết kiệm để chi trả chi phí chữa bệnh và chỉ có 10% chi cho con cháu và 8,5% chi cho cuộc sống của bản thân. Mỗi quan tâm đầu tiên của người cao tuổi là có và sử dụng tài chính cho cuộc sống khỏe mạnh của mình. Do vậy, chỉ khi nào các nhu cầu an sinh của người cao tuổi được đảm bảo thì các nhu cầu về văn hóa, tinh thần của người cao tuổi mới được chính họ quan tâm và trở nên bức thiết, cần đáp ứng. Trên cơ sở đó có các chính sách, kế hoạch... xây dựng, phát triển thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa dành cho người cao tuổi đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

Thứ ba, đối với các bộ, ngành, cơ quan, viện nghiên cứu. Trong quá trình ứng phó với già hóa dân số, Việt Nam cần tăng cường giao lưu, trao đổi, hợp tác quốc tế với các quốc gia đã thực hiện thành công quá trình già hóa dân số tích cực trên thế giới. Quá trình già hóa dân số ở Việt Nam diễn ra sau các quốc gia châu Âu, Bắc Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc...nhưng tốc độ già hóa lại nhanh hơn, diễn biến phức tạp hơn do nước ta vẫn là nước đang phát triển. Nghiên cứu, học tập kinh nghiệm của các quốc gia đã và đang ứng phó thành công với xu thế già hóa dân số sẽ giúp Việt Nam có sự chuẩn bị cần thiết để “già hóa chủ động, tích cực”, phát huy tối đa tiềm năng, giảm thiểu các hạn chế, tác động của xu hướng này đến công cuộc phát triển kinh tế - xã hội. Việt Nam cần chủ động, tích cực nghiên cứu kinh nghiệm của các nước về các mô hình, sản phẩm chăm sóc sức khỏe, viện dưỡng lão, các trung tâm giải trí dành cho người cao tuổi của để xây dựng các dịch vụ, sản phẩm văn hóa, giải trí đa dạng, hiện đại, đáp ứng tối đa

các nhu cầu của người cao tuổi Việt Nam, đồng thời phù hợp với văn hóa và truyền thống Việt Nam. Các bộ, ngành, trung tâm, viện nghiên cứu cần xây dựng chương trình nghiên cứu về người cao tuổi và già hóa dân số, nghiên cứu kinh nghiệm của các quốc gia, vùng lãnh thổ để xây dựng các báo cáo, kiến nghị, đề xuất với các cơ quan chức năng có thẩm quyền thực thi hoặc làm cơ sở điều chỉnh, sửa đổi các văn bản pháp luật liên quan.

Thứ tư, đối với Hội Người cao tuổi Việt Nam. Hội Người cao tuổi các cấp cần phát huy tốt hơn nữa vai trò của mình trong việc xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch phát huy vai trò, nguồn lực người cao tuổi; phối hợp với các cấp chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội để nhân rộng mô hình Câu lạc bộ Liên thế hệ tự giúp nhau, đặc biệt là tại các địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; hướng tới đáp ứng các nhu cầu an sinh xã hội, nhu cầu văn hóa, giải trí của người cao tuổi tại cơ sở, góp phần làm tốt công tác người cao tuổi đã được luật định, hướng tới một xã hội già hóa khỏe mạnh, hạnh phúc.

Thứ năm, đối với các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp cần nhận rõ thị trường sản phẩm, dịch vụ dành cho người cao tuổi là thị trường đầy tiềm năng; cần nhanh chóng nắm bắt, phát triển các sản phẩm, dịch vụ đáp ứng nhu cầu của nhóm đối tượng này. Cần ứng dụng các công nghệ mới nhất để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ giải trí thân thiện với người cao tuổi phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Các sản phẩm này phải có chức năng đáp ứng những nhu cầu giải trí cơ bản của người cao tuổi cả về thể chất và tinh thần; giúp họ duy trì giao tiếp xã hội; cung cấp kiến thức; đem lại cảm giác thỏa mãn khi sử dụng. Tích cực ứng dụng các công nghệ hiện đại (AI, blockchain, thực tế ảo...) để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ giải trí số dành riêng cho người cao tuổi. Các sản phẩm, dịch vụ này cần có chất lượng thông tin tốt, đảm bảo cung cấp thông tin đa dạng trên các lĩnh vực mà người cao tuổi quan tâm (sức khỏe, an sinh xã hội, chính trị, an ninh quốc gia, truyền thống văn hóa, lịch sử của đất nước...).

Thiết kế sản phẩm cần ưu tiên ứng dụng công nghệ hiện đại để tối ưu hóa trải nghiệm giải trí của người dùng, đem lại cảm xúc tích cực cho họ trong quá

trình sử dụng; đồng thời củng cố ý định và hành vi sử dụng liên tục đối với sản phẩm, dịch vụ đó. Bên cạnh đó, các sản phẩm giải trí số cần có thiết kế (giao diện thiết kế, màu sắc, kích thước chữ/ hình ảnh, tốc độ chuyển động...) phù hợp với đặc điểm sinh học của người cao tuổi để họ có thể dễ dàng sử dụng các sản phẩm, dịch vụ này.

Trên cơ sở chính sách trợ giá ban đầu của Nhà nước đối với các sản phẩm, dịch vụ dành cho người cao tuổi, các doanh nghiệp cần thiết tính toán để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ giải trí có giá thành phù hợp với thu nhập của phần đông người cao tuổi trong nước, đảm bảo cơ hội tiếp cận với các sản phẩm, dịch vụ giải trí công nghệ cao của người cao tuổi cũng như thuận lợi trong việc phát triển kênh phân phối sản phẩm ở các vùng, miền của đất nước. Cần xây dựng hạ tầng cơ sở số tốt để đảm bảo các sản phẩm, dịch vụ giải trí trực tuyến của người cao tuổi được vận hành thông suốt, dễ dàng.

Thứ sáu, đối với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Công thương. Cần xây dựng và phát triển thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa giải trí dành riêng cho người cao tuổi tại Việt Nam. Trước hết, cần nghiên cứu một cách hệ thống, bài bản về người cao tuổi và thị trường văn hóa giải trí dành cho người cao tuổi. Việc nghiên cứu này sẽ giúp chúng ta có cái nhìn đúng và trúng về các đặc điểm, nhu cầu của người cao tuổi đối với các sản phẩm, dịch vụ văn hóa (phần cầu); nắm bắt được các đặc trưng của thị trường văn hóa để xây dựng và phát triển thị trường văn hóa phù hợp với đối tượng khách hàng đặc thù - người cao tuổi - cũng như phù hợp với văn hóa truyền thống Việt Nam (phần cung). Bên cạnh đó, đẩy mạnh phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập và đời sống nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội; từ đó tạo nền tảng để phát triển thị trường văn hóa, đáp ứng nhu cầu văn hóa của nhân dân, trong đó có người cao tuổi.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Trên cơ sở phân tích thực trạng văn hóa giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội tại Chương 2, trong Chương 3, luận án đã đưa ra những bàn luận về văn hóa giải trí của người cao tuổi. Trước hết, luận án phân tích các yếu tố tác động tới văn hóa giải trí của người cao tuổi theo 2 nhóm (yếu tố vật chất - sinh tồn và yếu

tổ xã hội - tinh thần). Đồng thời, luận án cũng đưa ra những dự báo về xu thế phát triển văn hóa giải trí của người cao tuổi trong thời gian tới.

Từ thực trạng văn hóa giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội hiện nay và dự báo về các xu hướng phát triển của văn hóa giải trí trong tương lai, luận án làm rõ sự biến đổi của văn hóa giải trí của người cao tuổi trong quá khứ, tới hiện tại và tương lai: Tính cá nhân, xu thế hướng ngoại ngày càng thể hiện rõ nét trong văn hóa giải trí của người cao tuổi; sự phát triển của kinh tế - xã hội là điều kiện để người cao tuổi nâng cao chất lượng hoạt động giải trí, qua đó nâng cao chất lượng cuộc sống; giải trí số. Những vấn đề tồn tại trong văn hóa giải trí của người cao tuổi Việt Nam hiện nay là: Hạn chế về sức khỏe thể và điều kiện kinh tế của người cao tuổi thành phố Hà Nội; nhận thức của phần lớn người dân và các cơ quan, tổ chức về người cao tuổi, nhu cầu và hoạt động giải trí của người cao tuổi còn hạn chế; thiếu không gian dành riêng cho hoạt động giải trí của người cao tuổi; tồn tại sự chênh lệch trong việc đầu tư, xây dựng thiết chế văn hóa giữa các vùng, miền; sự kết hợp giữa các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể xã hội, giữa gia đình và cộng đồng trong việc xây dựng văn hóa giải trí cho người cao tuổi còn hạn chế và chưa có thị trường sản phẩm văn hóa, giải trí cho người cao tuổi tại Việt Nam. Từ đó, luận án đưa ra các kiến nghị đối với xã hội, người cao tuổi; với Đảng, Nhà nước, Hội Người cao tuổi Việt Nam; với các doanh nghiệp nhằm phát triển văn hóa giải trí của người cao tuổi Việt Nam trong thời gian tới.

KẾT LUẬN

Già hóa dân số đang là xu thế phổ biến trên toàn cầu. Việt Nam là quốc gia đang phát triển có tốc độ già hóa nhanh hơn so với các nước phát triển nên những vấn đề cần giải quyết để ứng phó với tình trạng già hóa dân số phức tạp, đa dạng hơn, trong đó có vấn đề đáp ứng nhu cầu và nâng cao chất lượng cuộc sống của người cao tuổi.

Nhu cầu giải trí là một trong những nhu cầu thiết yếu của người cao tuổi; thông qua thực hành hoạt động giải trí, người cao tuổi tại Hà Nội nói riêng, nước ta nói chung đã hình thành nên văn hóa giải trí của người cao tuổi với những nét đặc trưng riêng.

Hiện nay, văn hóa giải trí của người cao tuổi nói chung, người cao tuổi Hà Nội, nói riêng là vấn đề được các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm. Tuy nhiên, tùy từng cách tiếp cận mà mỗi nhà khoa học lại nhìn nhận, nghiên cứu hoạt động giải trí của người cao tuổi theo những cách khác nhau.

Trên cơ sở lý thuyết về nhu cầu của A.Maslow và lý thuyết thời gian rỗi, lý thuyết về văn hóa giải trí thông qua hệ thống các khái niệm, các yếu tố cấu thành, vai trò của văn hóa giải trí và phân loại văn hóa giải trí, từ kết quả nghiên cứu khảo sát thực tế các yếu tố tác động đến văn hóa giải trí của người cao tuổi, đồng thời khảo sát các phương diện nhu cầu giải trí, loại hình hoạt động giải trí, phương thức thực hành văn hóa giải trí, thiết chế - thể chế - phương tiện giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội. Từ đó, luận án rút ra những nhận xét chung về văn hóa giải trí của người cao tuổi Hà Nội; chỉ ra 5 đặc điểm của văn hóa giải trí của người cao tuổi Hà Nội.

Dựa trên kết quả phân tích thực trạng văn hóa giải trí của người cao tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội, luận án đã bàn luận, làm rõ những vấn đề về văn hóa giải trí của người cao tuổi như: 1) Dự báo các yếu tố tác động tới văn hóa giải trí của người cao tuổi trong thời gian tới; 2) Dự báo xu thế phát triển các loại hình giải trí dành cho người cao tuổi trong thời gian tới, trong đó, giải trí số là xu thế phát triển tất yếu; 3) Làm rõ sự biến đổi của văn hóa giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội trong thời gian qua thể hiện ở: Tính cá nhân, xu thế hướng ngoại ngày càng thể hiện rõ nét trong văn hóa giải trí của người cao tuổi; sự phát triển

của kinh tế - xã hội là điều kiện để người cao tuổi nâng cao chất lượng văn hóa giải trí, qua đó nâng cao chất lượng cuộc sống; giải trí số là xu thế phát triển tất yếu; 4) Luận án đã chỉ ra 6 vấn đề trong phát triển văn hóa giải trí của người cao tuổi tại Hà Nội nói riêng, Việt Nam nói chung, gồm: *Thứ nhất*, hạn chế về sức khỏe và điều kiện kinh tế làm hạn chế việc thực hành văn hóa giải trí của người cao tuổi Hà Nội. *Thứ hai*, nhận thức của phần lớn người dân và các cơ quan, tổ chức về người cao tuổi, nhu cầu và hoạt động giải trí của người cao tuổi còn hạn chế, định kiến. *Thứ ba*, thiếu không gian, thiết chế văn hóa dành riêng cho hoạt động giải trí của người cao tuổi. *Thứ tư*, các dịch vụ giải trí phục vụ người cao tuổi chưa đa dạng, còn đơn điệu, nghèo nàn. *Thứ năm*, sự chênh lệch trong đầu tư dịch vụ văn hóa giữa các vùng, miền khác nhau trong cả nước đã dẫn đến sự chênh lệch trong khả năng tiếp cận dịch vụ văn hóa giữa vùng núi, nông thôn và đô thị; làm ảnh hưởng tới quyền thụ hưởng văn hóa của người dân nói chung, người cao tuổi nói riêng, cũng như sự phát triển thị trường dịch vụ văn hóa tại các vùng, miền. *Thứ sáu*, chưa có thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa, giải trí tại Việt Nam.

Từ đó, luận án đã đưa ra các kiến nghị đối với các nhóm chủ thể nhằm phát triển văn hóa giải trí của người cao tuổi nước ta trong thời gian tới, cụ thể:

Đối với xã hội và bản thân người cao tuổi: cần thay đổi nhận thức, tránh coi người cao tuổi là đối tượng yếu thế, hết thời; cần nhìn nhận nhu cầu giải trí là nhu cầu thiết yếu và hoạt động giải trí có vai trò quan trọng tới sức khỏe đa chiều của người cao tuổi.

Đối với Đảng, Nhà nước, doanh nghiệp: cần nhận thức già hóa là xu thế tất yếu và thị trường sản phẩm, dịch vụ dành cho người cao tuổi là một ngành kinh tế đầy tiềm năng trong tương lai; các doanh nghiệp cần tích cực đầu tư vào thị trường này dưới sự hỗ trợ của Nhà nước thông qua các chính sách hỗ trợ.

Đối với Hội Người cao tuổi Việt Nam: cần phát huy tốt hơn nữa vai trò của Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam, các cấp Hội Người cao tuổi địa phương, các Câu lạc bộ Liên thế hệ tự giúp nhau trong việc phát huy vai trò, nguồn lực người cao tuổi, đáp ứng tốt hơn nhu cầu chính đáng của người cao tuổi, góp phần xây dựng đời sống văn hóa giải trí của người cao tuổi nói riêng, văn hóa dân tộc nói chung đáp ứng yêu cầu phát triển của thời kỳ mới.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1. Hà Đỗ Quyên (2023), “Về vấn đề “Giải trí số” trong xã hội Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu văn hóa*, (2), 2023, tr.93-101.
2. Hà Đỗ Quyên (2023), “Dịch vụ văn hóa ở đô thị Việt Nam hiện nay, thực trạng và một số vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Nghiên cứu văn hóa và phát triển*, (6), tr.56-61.
3. Hà Đỗ Quyên (2023), “Đặc điểm và nhu cầu của người cao tuổi Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị*, (9), tr.78-85.
4. Hà Đỗ Quyên (2023), “Vai trò của hoạt động giải trí đối với người cao tuổi ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, (549), tr.50-54.
5. Hà Đỗ Quyên (2024), “Hoạt động giải trí của người cao tuổi tại khu vực đô thị ở Hà Nội hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu văn hóa*, (1), tr.77-86.
6. Hà Đỗ Quyên (2024), “Ứng dụng công nghệ trong phát triển sản phẩm giải trí cho người cao tuổi trên thế giới và gợi mở cho Việt Nam”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, (572), tr.108-113.
7. Hà Đỗ Quyên, *Quá trình già hóa dân số và những tác động đến sự phát triển bền vững hiện nay - Những gợi mở chính sách cho Việt Nam*, tại trang https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/937202/quá-trình-già-hóa-dân-số-va-những-tác-dòng-den-su-phat-trien--ben-vung-hien-nay---nhung-goi-mo-chinh-sach-cho-viet-nam.aspx, ngày 5-7-2024.
8. Hà Đỗ Quyên, Vũ Thế Tùng (2024), “Hoạt động giải trí trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống của người cao tuổi”, *Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa và phát triển*, (8), tr.45-50
9. Hà Đỗ Quyên (2024), *Thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa cho người cao tuổi tại Việt Nam hiện nay - Thực trạng và giải pháp*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Phát triển thị trường văn hóa Việt Nam trong bối cảnh mới”, Nxb Thế giới, mã ISBN: 978-604-392-364-3, Hà Nội, tháng 11-2024, tr.749-758.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO TIẾNG VIỆT

1. Đào Duy Anh (2015), *Hán Việt từ điển*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Trần Thị Vân Anh và Nguyễn Hữu Minh (2008), *Bình đẳng giới ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Nhật Anh (2023), *Hội nghị biểu dương Người cao tuổi tiêu biểu làm kinh tế giỏi lần thứ IV*, tại trang <https://nhandan.vn/hoi-nghi-bieu-duong-nguoi-cao-tuoi-tieu-bieu-lam-kinh-te-gioi-lan-thu-iv-post782842.html>, [truy cập ngày 13/2/2024].
4. Phan Kế Bính (1999), *Việt Nam phong tục*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
5. Đỗ Bình (2023), *Chăm lo đời sống tinh thần cho người cao tuổi là mục tiêu lâu dài*, <https://baocaovien.vn/tin-tuc/cham-lo-doi-song-tinh-than-cho-nguoi-cao-tuoi-la-muc-tieu-lau-dai/109977.html>, [truy cập ngày 9/6/2024].
6. Bộ Công an (2023), *Công văn số 644/BCA-C06 ngày 7/3/2023 về việc phân tích dữ liệu người cao tuổi*, Hà Nội.
7. C.Mác và Ph.Ăngghen (2000), *Toàn tập*, tập 42, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Đinh Thị Vân Chi (2003), *Nhu cầu giải trí của thanh niên*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Nguyễn Đức Chiên và các tác giả (2018), *Nhóm yếu thế trong bối cảnh xã hội Việt Nam chuyển đổi*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Đinh Văn Chí (2015), *Phát triển công nghiệp văn hóa tại thành phố Hồ Chí Minh hiện nay - Thực trạng và giải pháp*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Học viện Chính trị khu vực II, TP. Hồ Chí Minh.
11. Trần Ngọc Chính (2024), *Quy hoạch Hà Nội qua các thời kỳ - Cơ hội và thách thức, Kỳ yếu Hội thảo khoa học quốc gia Tầm nhìn mới, cơ hội mới xây dựng Thủ đô Hà Nội văn hiến - văn minh - hiện đại, thành phố kết nối*, UBND Thành phố Hà Nội, Hà Nội.

12. Đoàn Văn Chúc (1997), *Xã hội học văn hóa*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
13. Bùi Thế Cường (2005), *Trong miền an sinh xã hội*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
14. Trịnh Hùng Cường, Nguyễn Thị Bích Diễm (2010), *Gia đình với người cao tuổi*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội
15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
17. Doh Chull Shin (2009), "Chất lượng cuộc sống của người dân châu Á theo Nho giáo: Quan niệm về hạnh phúc", *Tạp chí Nghiên cứu con người*, (6), tr.3.
18. Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao, Lã Khánh Tùng (đồng chủ biên) (2011), *Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
19. Nguyễn Văn Đồng (2019), "Mô hình liên thế hệ tự giúp nhau của người cao tuổi và vai trò của công tác xã hội (Nghiên cứu trường hợp huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa)", *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, (4).
20. Phạm Duy Đức (2002), *Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong lĩnh vực hoạt động giải trí ở khu vực đô thị hiện nay: Thực trạng và giải pháp*, Đề tài khoa học cấp bộ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
21. Phạm Duy Đức (chủ biên) (2004), *Hoạt động giải trí ở đô thị Việt Nam hiện nay - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Viện văn hóa và Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
22. Vũ Công Giao (2018), "Một số vấn đề lý luận, pháp lý, thực tiễn về quyền của người cao tuổi", *Tạp chí Khoa học*, (3), tr.43-53.
23. Thanh Hà (2024), *Trung tâm văn hóa người cao tuổi Việt Nam: 20 năm một chặng đường*, tại trang <http://vanhoanghethuat.vn/trung-tam-van-hoa-nguoi-cao-tuoi-viet-nam-20-nam-mot-chang-duong.htm>, [truy cập ngày 22/3/2024].

24. Nguyễn Hằng, Nguyệt Vân, Nguyễn Thị Khánh Huyền, Hà Ngọc Anh, Vũ Thị Thanh Mai, Phạm Quốc Thành (2019), "Một số yếu tố liên quan đến trầm cảm ở người cao tuổi huyện Chương Mỹ, Hà Nội", *Tạp chí Nghiên cứu sức khỏe và phát triển*, (4), tr.14-22.
25. Trịnh Thị Thu Hiền (2020), *Xu thế già hóa dân số ở nước ta và vấn đề chăm sóc sức khỏe, sử dụng lao động người cao tuổi*, tại trang <https://tapchiconsan.org.vn/chuong-trinh-muc-tieu-y-te-dan-so/-/2018/811402/xu-the-gia-hoa-dan-so-o-nuoc-ta-va-van-de-cham-soc-suc-khoe%2C-su-dung-lao-dong-nguoi-cau-tuoi.aspx>, [truy cập ngày 15/12/2024].
26. Phạm Vũ Hoàng (2011), *Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam: Thực trạng, dự báo và một số khuyến nghị chính sách*, S.I, Hà Nội
27. Hội Người cao tuổi Việt Nam (2021), *Kỷ yếu Đại hội và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội VI Hội Người cao tuổi Việt Nam, nhiệm kỳ 2016 - 2021*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
28. Dương Minh Huệ (2024), *Vai trò, vị thế của Thủ đô Hà Nội trong tiến trình phát triển lịch sử dân tộc*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia Tâm nhìn mới, cơ hội mới xây dựng Thủ đô Hà Nội văn hiến - văn minh - hiện đại, thành phố kết nối toàn cầu, UBND Thành phố Hà Nội, Hà Nội.
29. Nguyễn Thế Huệ (2010), *Thực trạng đời sống người cao tuổi từ 80 trở lên*, Viện Nghiên cứu Người cao tuổi Việt Nam, Hà Nội.
30. Hoàng Mộc Lan (2006), "Động cơ tiếp tục hoạt động lao động của người về hưu ở Hà Nội", *Tạp chí Tâm lý học*, (10), tr.23-25.
31. Hoàng Mộc Lan (2018), *Hoạt động tự chăm sóc sức khỏe tâm thần của người cao tuổi tại cộng đồng*, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
32. Nguyễn Thị Phương Lan (2003), *Đời sống văn hóa người cao tuổi (trong xã hội Việt Đông bằng Bắc bộ từ truyền thống đến hiện tại)*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Viện Nghiên cứu Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.
33. Phương Lan (2000), *Tiếp cận văn hóa người cao tuổi*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.

34. Phạm Kim Lân (2005), *Ứng xử với người cao tuổi trong gia đình*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
35. Lê Ngọc Lân (2017), *Người cao tuổi trong gia đình Việt Nam trong bối cảnh già hóa dân số và biến đổi xã hội*, Luận án Tiến sĩ Xã hội học, Hà Nội.
36. Liên hợp quốc (1948), *Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền 1948*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Tuyen-ngon-quoc-te-nhan-quyen-1948-65774.aspx>, [truy cập ngày 2/3/2024].
37. Đặng Vũ Cảnh Linh (2009), *Người cao tuổi và các mô hình chăm sóc người cao tuổi ở Việt Nam*, Nxb Dân trí, Hà Nội
38. Nguyễn Quang Linh (2006), *Văn hóa giải trí ở thành phố Hải Phòng trong thời kỳ đổi mới hiện nay*, Luận văn Thạc sỹ Văn hóa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
39. Nguyễn Thị Loan (2014), *Sức khỏe tinh thần của người cao tuổi tại một số quận, huyện thành phố Hà Nội*, Luận văn Thạc sỹ Tâm lý học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
40. Phạm Quang Long (2023), *Nhận diện văn hóa Hà Nội (nghĩ về cách tiếp cận)*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Phát huy các giá trị và nguồn lực văn hóa xây dựng Thủ đô “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”, Hà Nội.
41. Trịnh Duy Luân và các tác giả (1994), *Người cao tuổi và an sinh xã hội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
42. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
43. Bảo Ngọc (2023), *Thu nhập của người dân Hà Nội, TP.HCM tăng ra sao trong hơn 10 năm qua*, tại trang <https://tuoitre.vn/thu-nhap-cua-nguoi-dan-ha-noi-tp-hcm-tang-ra-sao-trong-hon-10-nam-qua-20240419112824854.htm>, [truy cập ngày 13/9/2024].
44. Bùi Thị Ngọc Minh và cộng sự (2021), "Nhu cầu và khả năng chi trả của người dân với các dịch vụ chăm sóc ban ngày cho người cao tuổi tại một khu đô thị ở Hà Nội năm 2021 và một số yếu tố liên quan", *Tạp chí Y học Việt Nam*, (2), tr.179.

45. Nguyễn Thị Hằng Nga (2013), *Tự đánh giá về tính cách của người cao tuổi ở Hà Nội*, Luận văn Thạc sỹ Tâm lý học, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
46. Bùi Nghĩa (2020), *Chính sách đối với người cao tuổi ở Việt Nam hiện nay: Thành tựu và định hướng cho một xã hội già hóa chủ động*, Nxb Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.
47. Đỗ Hồng Ngọc (2019), *Già sao cho sướng? Để có một tuổi già hạnh phúc*, Nxb Văn hóa văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
48. Hoàng Phê (chủ biên) (2017), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
49. Quốc hội (2009), *Luật Người cao tuổi năm 2009*, Hà Nội.
50. Hà Đỗ Quyên (2023), "Đặc điểm và nhu cầu của người cao tuổi Việt Nam hiện nay", *Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị*, (9), tr.78-84.
51. Tạp chí Cộng sản, Tỉnh ủy Ninh Bình, Ban Thường vụ Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam (2024), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Già hóa dân số ở Việt Nam: Thực trạng, xu hướng và khuyến nghị chính sách*, Ninh Bình.
52. Trần Thị Thanh (2017), *Hành vi sống khỏe của người cao tuổi*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
53. Trần Thị Minh Thi (2023), *Hỗ trợ kinh tế giữa người cao tuổi và con cái trong gia đình Việt Nam hiện nay*, tại trang <http://tapchikhxh.vass.gov.vn/ho-tro-kinh-te-giua-nguoi-cao-tuoi-va-con-cai-trong-gia-dinh-viet-nam-hien-nay-n50259.html>, [truy cập ngày 10/6/2024].
54. Hương Thu (2023), *Triển lãm tranh “Đi qua mùa thu” của 12 họa sỹ nghiệp dư cao tuổi*, <https://tuoitrethudo.vn/trien-lam-tranh-di-qua-mua-thu-cua-12-hoa-sy-nghiep-du-cao-tuoi-181448.html>, [truy cập ngày 10/7/2024].
55. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 2156/QĐ-TTG ngày 21/12/2021 phê duyệt chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2021-2030*, Hà Nội.

56. Phan Thuận (2023), *Khuôn mẫu sử dụng thời gian của người cao tuổi tại thành phố Cần Thơ*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Xã hội học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
57. Tổng cục Thống kê (2019), *Tổng điều tra Dân số và nhà ở năm 2019, Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam*, Hà Nội.
58. Tổng cục Thống kê (2021), *Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam*, Hà Nội.
59. Tổng cục Thống kê, Quỹ Dân số Liên hợp quốc (2021), *Người cao tuổi Việt Nam: Phân tích từ Điều tra Biến động dân số và Kế hoạch hóa gia đình năm 2021*, Hà Nội.
60. Tổng cục Thống kê (2024), *Niên giám thống kê*, tại trang <https://cucthongkehanoi.gso.gov.vn/nien-giam-thong-ke/9>, [truy cập ngày 20/12/2024].
61. Lưu Ngọc Trinh (2010), "Cải thiện chất lượng cuộc sống ở châu Á", *Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và chính trị thế giới*, (9), tr.27-28.
62. Thông tấn xã Việt Nam (2023), *Hội đồng Bảo an ra nghị quyết yêu cầu Taliban từ bỏ lệnh cấm đối với phụ nữ*, <https://nhandan.vn/hoi-dong-bao-an-ra-nghi-quyet-yeu-cau-taliban-tu-bo-lenh-cam-doi-voi-phu-nu-post750199.html>, [truy cập ngày 15/6/2024].
63. Nguyễn Đắc Tuấn (2020), *Giá trị sống của người già Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
64. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2024), *Chính sách và nguồn lực cho phát triển văn hóa, thể thao trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Kỷ yếu Hội thảo Văn hóa 2024 - Chính sách và nguồn lực cho phát triển thiết chế, văn hóa, thể thao, Quảng Ninh.
65. Cao Thị Hoàng Vân (2016), *Công tác xã hội đối với việc phát huy tính tích cực của nhóm cán bộ cao tuổi hưu trí tại Câu lạc bộ Thăng Long, thành phố Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ Công tác xã hội, Đại học Thăng Long, Hà Nội.
66. Hoàng Vinh (Chủ biên) (1996), *Một số vấn đề lý luận văn hóa thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

67. Hoàng Vinh (1999), *Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng văn hóa ở nước ta*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội,
68. Hoàng Vinh (2003), “Về khái niệm văn hóa giải trí”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, số 11-2003.
69. Hoàng Vinh (2006), *Những vấn đề văn hóa trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay*, Nxb Văn hóa Thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội.
70. Đoàn Yên (2011), *Cuộc sống sau khi nghỉ hưu*, Nxb Y học, Hà Nội.
71. Vũ Kim Yển (2015), *Văn hóa làng Việt Nam - Trò chơi dân gian*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.

B. DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO TIẾNG NƯỚC NGOÀI

72. Adesoye, Ajibua M.(2015), *Exploring the Concept of Leisure and Its Impacts on Quality of Life*, American Journal of Social Science Research, vol. 1, No.2, pp.77-84
73. A.Duncan (1963), *The concept of leisure*, a Queen's university IRC archieve document, Kingston, Canada.
74. Akyildiz, M. (2013), “A serious view of leisure: Serious leisure theory in leisure researches”, *Pamukkale Journal of Sport Sciences*, 4(2), pp.46-59.
75. Ana Hernadez, Francisco Ibanez, Nephtis Atallah (2011), *SENIORCHANNEL An Interactive Digital Television Channel for Promoting Entertainment and Social Interaction amongst Elderly People*, https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-642-21303-8_19
76. Ann Bowling (2007), “Quality of Life in Older Age: What Older People Say”, *Social Indicators Research Series* (SINS, volume 31), pp.15-30
77. Anthony J. Veal (2001), “Leisure, Culture and Lifestyle”, *Society and leisure*, vol.24, issue 2, pp.359-376.
78. Andorka, R., (1987), *Time budgets and their uses*, Annual Reviews, Volume 13, P149-164
79. Auger, D., Thériault, G., & Roult, R. (2020), “A conceptual interpretation of the relationship between leisure and its foundational disciplines: A conceptual model of leisure theory”, *Loisir et Société/Society and Leisure*, 43(2), pp.229-252.

80. Baoren Su, Xiang Youshen, Zhou Wei (2017), "Leisure Life in Later Years: Differences between Rural and Urban Elderly Residents in China", *Journal of leisure research*, vol.38, pp.381-397.
81. Blackshaw, T. (2010), *Leisure*, London: Routledge, pp.41-45.
82. Carinn Lennartsson, Merrill Silverstein (2001), *Does Engagement With Life Enhance Survival of Elderly People in Sweden? The Role of Social and Leisure Activities*, The Journals of Gerontology: Series B, Volume 56, Issue 6, 1 November 2001, pp.335 - 342, <https://doi.org/10.1093/geronb/56.6.S335>
83. Conor Ó Luanaigh, Brian A. Lawlor (2008), "Loneliness and the health of older people", *International journal of geriatric psychiatry*, June 2008.
84. CESCRR, General Comment No.6 (1995), *The economic, social and cultural rights of older persons*, <https://www.refworld.org/pdfile/4538838f11.pdf>.
85. Flávio MF Xavier (2003), "Elderly people's definition of quality of life", *Brazilian Journal of Psychiatry*, vol 25, March 2003.
86. Garry Chick (1998), "Leisure and culture: Issues for an anthropology of leisure", *Leisure Sciences*, vol. 20, issue 2, pp.111-133
87. Gauthier, A. H., & Smeeding, T. M. (2003), "Time use at older ages: Crossnational differences", *Research on Aging*, 25(3), 247-274.
88. George F. Zarotis và Walter Torkaski (2020), "Theoretical and Sociological Aspects of Leisure Time", *Saudi Journal of Business and Management Studies*, Scholars Middle East Publishers, Dubai, United Arab Emirates, pp.380-387.
89. Giovani Sala and partners (2019), *The impact of leisure activities on older adults' cognitive function, physical function, and mental health*, November 8, 2019, <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0225006>
90. Gopal Neutveli, David Blane (2008), *Quality of Life in Older Ages*, https://www.researchgate.net/publication/5571528_Quality_of_Life_in_Older_Ages
91. Huimei Liu, Shyangda (2019), "The relationships between leisure and happiness-A graphic elicitation method", *Leisure studies*, vol.39, pp.1-20

92. Jakob Doppler, Christian Grad, Sabine Sommer, Gernot Rottermanne (2016), *Improving User Engagement and Social Participation of Elderly People Through a TV and Tablet-Based Communication and Entertainment Platform*, Computer Helping People with special needs (Conference paper), Springer, pp.365-373.
93. ILO, Convention C128 - Invalidity, *Old-age and Survivors' Benefits Convention*, 1967, https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:55:0::NO::P55_TYPE,P55_LANG,P55_DOCUMENT,P55_NODE:CON,en,C128,/Document.
94. Joji Onishi, Yuchiro Masuda (2006), *The pleasurable recreational activities among community-dwelling older adults*, Archives of gerontology and geriatrics, vol.43, pp.147-155.
95. Joseph Pieper, James V.Schall (2009), *Leisure: The Basis of Culture*, Ignatius Press, October 2009.
96. Kenneth H. C. Wang, Kuo Ming Wang (2013), *An Exploratory Study on Leisure Activities Demand of Elderly in Taiwan*, <http://www.aabri.com/LV11Manuscripts/LV11065.pdf>.
98. Kristine Mc.Guinn, Pearl M. Mosher-Ashley (2001), "Participation in Recreational Activities and Its Effect on Perception of Life Satisfaction in Residential Settings", *Activities adaption and Aging*, vol.25, pp.77-86.
99. Lawrence R. Allen, Robert J.Bettie (1984), "The Role of Leisure as an Indicator of Overall Satisfaction with Community Life", *Journal of leisure research*, vol.16, issue 2. pp.99-109.
100. Linda Caldwell (2005), "Leisure and health: Why is leisure therapeutic?", *British journal of guidance and counselling*, vol.33, no.1, pp.7-26
101. Lousie Manfield, Norma Daykin, Tess Kay (2020), "Leisure and wellbeing", *Leisure Studies*, vol.39, issue 1, pp.1-10.
102. Masimo Busuoli, Teresa Galleli, Martin Haluzik, Vratilab Fabian (2014), *Entertainment and Ambient: A New OLDES' View*, https://www.researchgate.net/publication/221098276_Entertainment_and_Ambient_A_New_OLDES'_View, DOI:10.1007/978-3-540-73283-9_57

103. Naci H.Mocan, Luiza Pogolerova (2015), *Why Work More? The Impact of Taxes, and Culture of Leisure on Labor Supply in Europe*, National Bureau of economic research, <https://www.nber.org/papers/w21297>.
104. Ning Xiuli (2013), “Wisdom of Leisure in Chinese Traditional Painting Theory and Its Enlightenment to the Contemporary Culture of Leisure”, *Higher Education of Social Science*, Vol. 5, No. 2, pp. 8-12.
105. Phillip Dewe, Linda Trendbert (2005), “An exploration of the role of leisure in coping with work related stress using sequential tree analysis”, *British journal of guidance and counselling*, vol.33, issue 1, pp.101-116.
106. Patricia Vanleerberghe and partners (2017), “The quality of life of older people aging in place: a literature review”, *Quality of life research*, vol.26, pp. 2899-2907
107. Robert A.Stebbins (1982), *Serious Leisure*, A handbook of leisure study, pp.448-456, https://link.springer.com/chapter/10.1057/9780230625181_27
108. Susan M.Shaw (1985), *The meaning of leisure in everyday life*, Leisure Sciences, vol.7, issue 1, pp.1-24.
109. Sheppo E.Iso-Asola (1979), “Basic Dimensions of Definitions of Leisure”, *Journal of leisure research*, vol.11, issue 1, pp.28-39.
110. Shogo Kudo, Emmanuel Mutisya và Masafumi Nagao, *Population Aging: An Emerging Research Agenda for Sustainable Development*, <https://www.mdpi.com/2076-0760/4/4/940>
111. Tamiera Harris (2018), *Leisure Time Physical Activities of Older Adults in Senior Housing*, <https://scholarworks.waldenu.edu/dissertations/5199/>.
112. WHO Quality of Life group (1993), “Study protocol for the World Health Organization project to develop a quality of life assessment instrument (WHOQOL)”, *Quality of Life Research*, Vol.2, pp.153-159.
113. Xiang Wei, SongShan Huang, Monika Stodolska, Yihua Yu (2015), “Leisure Time, Leisure Activities, and Happiness in China: Evidence from a National Survey”, *Journal of leisure research*, vol.47, pp.556-576.
114. Yoshitaka Iwatashi (2006), “Leisure and quality of life in an international and multicultural context: what are major pathways linking leisure to

quality of life?”, *Social indicators research*, vol.82m pp.233-264.

115. Yoshitaka Iwatashi (2017), “The role of leisure in meaning-making and engagement with life”, *The journal of positive Psychology*, vol.13, issue 1, pp.29-35.
116. Zahava Gabriel, Ann Balling (2004), *Quality of life from the perspectives of older people*, *Journal of Aging and Society*, vol. 24, issue 5, pp.675-691.

C. DANH MỤC TÀI LIỆU WEBSITE

117. <https://vietnam.unfpa.org/vi/topics/gi%C3%A0-h%C3%B3a-d%C3%A2n-s%E1%BB%91>
118. <https://hanoi.gov.vn>, đăng ngày 7/2/2018
119. <https://caugiay.hanoi.gov.vn>
120. <https://chuongmy.hanoi.gov.vn>
121. <https://gso.gov.vn>
122. <https://www.brandsvietnam.com/congdong/topic/323902-data-station-25-digital-2022-so-nguoi-dung-viet-quan-ngai-ve-an-toan-du-lieu-giam-gan-1-nua-so-voi-nam-2020#:~:text=Trong%C4%91%C3%B3%2C%20c%C3%B3%2072%2C10,26%2C8%25%20d%C3%A2n%20s%E1%BB%91>.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Phiếu khảo sát về văn hóa giải trí của người cao tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội (dành cho người cao tuổi ở Hà Nội)

Kính thưa các ông/bà,

Theo dự báo, đến năm 2050, trên 25% dân số Việt Nam là người cao tuổi (từ 60 tuổi trở lên). Phiếu khảo sát này được lập nhằm thu thập các thông tin về văn hóa giải trí của người cao tuổi. Chúng tôi mong nhận được sự hỗ trợ trong việc cung cấp thông tin của các ông/ bà để hoàn thiện nghiên cứu nhằm góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người cao tuổi trong thời gian tới.

Trân trọng cảm ơn các ông/ bà!

**Ông/bà đánh dấu X vào ô tương ứng với câu trả lời của mình.*

A. PHẦN THÔNG TIN VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI PHIẾU

1. Giới tính của ông/bà là:

Nam	
Nữ	

2. Độ tuổi của ông/ bà là:

Từ 60 đến 70 tuổi	
Từ 70 đến 80 tuổi	
Từ 80 tuổi trở lên	

3. Trình độ học vấn của ông/bà:

Trình độ phổ thông	
Trình độ sơ cấp, trung cấp	
Trình độ cao đẳng, đại học	
Trình độ sau đại học	

4. Công việc trước kia (hoặc hiện nay) của ông/bà là:

.....

5. Tình trạng sức khỏe của ông/bà:

Tốt, có thể tự mình thực hiện các hoạt động trong cuộc sống, không cần đến sự hỗ trợ của người khác	
Khá, có thể tự mình thực hiện phần lớn các hoạt động trong cuộc sống, đôi khi cần sự hỗ trợ từ người khác	
Trung bình, có thể tự mình thực hiện một số hoạt động trong cuộc sống, cần nhiều sự hỗ trợ từ người khác	
Yếu, không thể tự mình thực hiện các hoạt động trong cuộc sống, phụ thuộc vào sự hỗ trợ của người khác	

6. Nguồn thu nhập của ông/bà đến từ:

Lương hưu	
Công việc đang làm	
Hỗ trợ từ con cháu, người thân trong gia đình	
Trợ cấp xã hội	
Không có thu nhập (nếu chọn đáp án này, vui lòng bỏ qua câu hỏi số 9)	

7. Ông/bà vui lòng cho biết mức thu nhập của ông/bà là:

Dưới 5 triệu/ tháng	
Từ 5 đến 7 triệu/ tháng	
Từ 7 đến 10 triệu/ tháng	
Trên 10 triệu/ tháng	

8. Ông/ bà tự đánh giá về mức thu nhập của mình:

Đảm bảo tốt các nhu cầu trong cuộc sống	
Đảm bảo được khá tốt các nhu cầu trong cuộc sống	
Đảm bảo được một số nhu cầu trong cuộc sống	
Chưa đảm bảo được các nhu cầu trong cuộc sống	

9. Ông/bà hiện đang sống cùng ai:

Vợ/ chồng	
Con cháu	
Họ hàng, người thân	
Một mình	

10. Khu vực ông/bà đang sinh sống là:

Nội thành Hà Nội	
Ngoại thành Hà Nội	

11. Trong cuộc sống hằng ngày, ông/ bà hỗ trợ con cháu, người thân trong gia đình những công việc nào:

Hỗ trợ các việc nhà (nấu nướng, dọn dẹp, đưa đón trẻ con, dạy học...)	
Hỗ trợ định hướng, phát triển công việc, sự nghiệp	
Hỗ trợ tiền cho con, cháu	
Không hỗ trợ	

12. Mức độ hỗ trợ của ông/bà đối với con cháu, người thân (việc nhà, công việc...) trong cuộc sống hằng ngày:

Hỗ trợ hằng ngày	
Hỗ trợ hằng tuần	
Hỗ trợ hằng tháng	
Ít khi hỗ trợ	
Không hỗ trợ	

B. PHẦN NỘI DUNG KHẢO SÁT

1. Theo ông/bà, hoạt động giải trí (như tập thể dục, thể thao, xem ti vi, đọc sách, báo, nghe nhạc, đi tham quan, du lịch, thăm người thân, sinh hoạt câu lạc bộ...) có vai trò như thế nào trong đời sống của ông/bà?

Rất quan trọng	
Quan trọng	
Bình thường	

Không quan trọng	
------------------	--

2. Tần suất thực hiện hoạt động giải trí của ông/ bà là:

Hằng ngày	
Vài ngày 1 lần	
Hằng tuần	
Hằng tháng	
Rất ít khi	
Không thực hiện	

3. Ông/bà thường thực hiện hoạt động giải trí nào dưới đây (Có thể chọn nhiều đáp án):

Tập thể dục, thể thao, dân vũ	
Xem ti vi, nghe đài	
Đọc sách, báo, tạp chí...	
Đi tham quan, du lịch	
Học kỹ năng, môn học hoặc nghệ thuật mới (vẽ tranh, hát, khiêu vũ, sáng tác thơ văn...)	
Gặp gỡ, trò chuyện, giao lưu với bạn bè, người thân	
Tham gia các hoạt động thiện nguyện hoặc hoạt động của cộng đồng địa phương (như công tác tổ dân phố, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh, hội cựu giáo chức...)	
Tham gia các hoạt động tôn giáo, tâm linh (đi cúng lễ, văn cảnh chùa/nhà thờ/đền/miếu...)	
Sử dụng mạng xã hội (Facebook, Zalo, Viber, Twitter, Tiktok...)	
Làm công việc mình yêu thích (dạy học, làm đồ thủ công, nấu ăn...)	
Khác (vui lòng ghi rõ):	

4. Lý do ông/ bà thường chọn các hoạt động giải trí kể trên là (có thể chọn nhiều đáp án):

Phù hợp với điều kiện sức khỏe	
Phù hợp với sở thích	
Phù hợp với điều kiện kinh tế	
Phù hợp với tôn giáo, tín ngưỡng của mình	
Phù hợp với địa bàn sinh sống	
Khác (vui lòng ghi rõ):	

5. Ông/bà thường dành bao nhiêu thời gian mỗi ngày cho hoạt động giải trí:

Dưới 1 giờ	
Từ 1 đến 2 giờ	
Từ 2 đến 3 giờ	
Trên 4 giờ	

6. Ông/bà có sử dụng các thiết bị thông minh, có kết nối Internet (như điện thoại thông minh, máy tính xách tay, máy tính bảng...) để thực hiện các hoạt động giải trí không? (Nếu câu trả lời là KHÔNG, vui lòng bỏ qua câu số 7, 8 tiếp theo)

Có	
Không	
Thỉnh thoảng	

7. Các hoạt động giải trí ông/bà thường thực hiện qua các thiết bị thông minh, có kết nối Internet (như điện thoại thông minh, máy tính xách tay, máy tính bảng...) là gì? (Có thể chọn nhiều đáp án)

Đọc sách, báo, xem phim, nghe nhạc...	
Liên lạc, kết nối với người thân, bạn bè...	

Tìm kiếm thông tin phục vụ hoạt động giải trí (như giá cả, địa điểm, cách thức thực hiện...)	
Thực hiện livestream các hoạt động giải trí của bản thân (hát, đọc thơ, kể chuyện...)	
Tham gia các lớp học, các chương trình giải trí, giao lưu trực tuyến...	

8. Đối với ông/bà, thiết bị thông minh (như điện thoại thông minh, máy tính xách tay, máy tính bảng...) có hữu ích đối với hoạt động giải trí không?

Có	
Không	
Bình thường	

9. Ông/ bà thường thực hiện hoạt động giải trí ở đâu? (có thể chọn nhiều đáp án)

Tại nhà	
Tại không gian công cộng nơi sinh sống (sân chơi, nhà văn hóa...)	
Tại các địa điểm cung cấp sản phẩm, dịch vụ giải trí (rạp chiếu phim, nhà hát, bảo tàng, gallery, công viên, câu lạc bộ, hội, nhóm...)	
Nơi khác (Vui lòng ghi rõ)	

10. Ông/bà thường thực hiện hoạt động giải trí cùng ai? (có thể chọn nhiều đáp án)

Vợ/ chồng	
Con cháu	
Họ hàng	
Bạn bè	
Hàng xóm	
Một mình	

11. Mức kinh phí trung bình mà ông/bà thường chi cho hoạt động giải trí mỗi tháng là:

Dưới 1 triệu	
--------------	--

Từ 1 đến 3 triệu	
Từ 3 đến 5 triệu	
Trên 5 triệu	

12. Tại khu vực ông/ bà sinh sống có các thiết chế (bảo tàng, nhà văn hóa, thư viện, sân chơi...) hoặc các trang, thiết bị phục vụ giải trí (phòng tập, máy tập...) không?

Có đầy đủ	
Có một số thiết chế, trang, thiết bị	
Không có	
Không biết	

13. Ông/bà có cảm thấy hài lòng với các hoạt động giải trí mình đã thực hiện trong thời gian qua không?

Rất hài lòng	
Hài lòng	
Không hài lòng	

14. Yếu tố nào sau đây giúp ông/bà cảm thấy hài lòng khi thực hiện hoạt động giải trí? (Có thể chọn nhiều đáp án)

Cơ sở vật chất, trang, thiết bị phục vụ giải trí tốt, đầy đủ	
Người cùng tham gia phối hợp tốt, tạo tâm lý thoải mái	
Mức chi phí của các hoạt động phù hợp khả năng	
Bản thân tự quản lý, tổ chức thực hiện tốt hoạt động giải trí của mình	
Gia đình, người thân khuyến khích, ủng hộ người cao tuổi tham gia các hoạt động giải trí	

15. Con cháu, người thân trong gia đình có khuyến khích, ủng hộ ông/bà thực hiện các hoạt động giải trí không?

Khuyến khích, ủng hộ cả về vật chất và tinh thần	
Khuyến khích, ủng hộ về mặt tinh thần	
Khuyến khích, ủng hộ về mặt vật chất	
Không khuyến khích, cũng không phản đối	
Không khuyến khích	
Phản đối	

16. Điều ông/bà mong muốn khi thực hiện các hoạt động giải trí là gì? (có thể chọn nhiều đáp án)

Giữ gìn, nâng cao sức khỏe	
Được giao lưu, gặp gỡ, tiếp xúc, giảm cô đơn, stress	
Được trao truyền lại kiến thức, kinh nghiệm cho thế hệ sau, đóng góp cho xã hội	
Được phát triển bản thân, nhận được sự tôn trọng của những người xung quanh	
Vừa kiếm thêm thu nhập trong thời gian rỗi, vừa tìm niềm vui trong cuộc sống	

17. Ông/bà có sẵn lòng chi tiền cho các hoạt động, sản phẩm, dịch vụ phục vụ nhu cầu giải trí của mình không?

Có	
Rất muốn chi nhưng điều kiện không cho phép	
Không chi, sử dụng các sản phẩm, dịch vụ giải trí được cung cấp miễn phí	

18. Nếu cần sự hỗ trợ (vật chất, tinh thần) để thực hiện các hoạt động giải trí, ông/ bà thường tìm đến ai? (Có thể chọn nhiều đáp án)

Vợ/ chồng	
-----------	--

Con cháu	
Họ hàng	
Bạn bè	
Hàng xóm	
Không nhờ ai	

19. Theo ông/bà, để nâng cao chất lượng hoạt động giải trí của người cao tuổi cần làm gì? (có thể chọn nhiều đáp án)

Xây dựng thêm các cơ sở vật chất; cung cấp trang, thiết bị phục vụ giải trí dành riêng cho người cao tuổi	
Giảm giá hoặc miễn phí các dịch vụ giải trí, văn hóa... cho người cao tuổi	
Gia đình, người thân, xã hội ủng hộ, khuyến khích người cao tuổi thực hiện các hoạt động giải trí	
Nhà nước tài trợ kinh phí; xây dựng các đề án, chương trình, kế hoạch, trung tâm... hỗ trợ, phát triển hoạt động giải trí cho người cao tuổi;	
Cần có thêm các chương trình, sản phẩm, dịch vụ giải trí dành riêng cho người cao tuổi; có mức giá hợp lý	
Hội Người cao tuổi các cấp cần tổ chức thêm nhiều chương trình, hoạt động thu hút sự tham gia của người cao tuổi tại các địa phương; xây dựng các câu lạc bộ cho người cao tuổi tại nơi sinh sống	
Bản thân người cao tuổi cần chủ động lựa chọn và tổ chức thực hiện các hình thức giải trí phù hợp.	

20. Ý kiến khác (Vui lòng ghi rõ)

.....

.....

.....

Xin chân thành cảm ơn ông/bà đã dành thời gian hoàn thành phiếu khảo sát này!

Kính chúc ông/bà luôn sống vui, sống khỏe, sống hạnh phúc!

Phụ lục 2: Phiếu khảo sát số 2 (dành cho người thân trong gia đình, người sống cùng người cao tuổi tại Hà Nội)

Kính gửi các anh/ chị,

Già hóa dân số là xu hướng đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu. Theo dự báo, đến năm 2050, Việt Nam sẽ trở thành quốc gia có dân số già. Phiếu khảo sát này được lập nhằm thu thập các thông tin về đời sống văn hóa của người cao tuổi (người từ 60 tuổi trở lên). Chúng tôi mong nhận được sự hỗ trợ của các anh/ chị trong việc cung cấp thông tin về người cao tuổi trong gia đình các anh/ chị để hoàn thiện nghiên cứu của mình.

Trân trọng cảm ơn các anh/ chị!

Phần 1. Anh/ chị vui lòng cho biết một số thông tin về anh/ chị?

1. Giới tính

- Nam ☐

- Nữ ☐

- Giới tính khác ☐

2. Độ tuổi của anh/ chị?

- Dưới 30 ☐

- Từ 30 đến 45 ☐

- Trên 45 ☐

3. Công việc của anh/ chị là gì?

.....

4. Mức thu nhập của anh/ chị?

- Dưới 10 triệu/ tháng ☐

- Từ 10 đến 15 triệu/ tháng ☐

- Từ 15 đến 20 triệu/ tháng ☐

- Trên 20 triệu/ tháng ☐

5. Số con chưa thành niên, còn sống phụ thuộc vào cha mẹ của anh/ chị?

- 1 ☐

- 2 ☐

- Trên 2 ☐

6. Anh/ chị có sống cùng người cao tuổi (từ 60 tuổi) trở lên hằng ngày không?

- Có ☐

- Không ☐

7. Mối quan hệ của anh/ chị với người cao tuổi hiện sống cùng hằng ngày?

- Cha, mẹ ruột ☐

- Cha, mẹ bên vợ/ chồng ☐

- Ông, bà ☐

- Họ hàng ☐

8. Nếu không sống cùng người cao tuổi hằng ngày, anh/ chị cho biết mức độ gặp gỡ người cao tuổi trong gia đình của mình?

- Gặp hằng ngày ☐

- Gặp hằng tuần ☐

- Gặp hằng tháng ☐

- Vài lần trong năm ☐

9. Nơi ở hiện tại của anh/ chị

- Nội thành Hà Nội ☐

- Ngoại thành Hà Nội ☐

- Địa phương khác ☐

Phần 2. Phần câu hỏi về người cao tuổi sống trong gia đình anh/ chị

1. Anh/ chị hãy cho biết độ tuổi của người cao tuổi trong gia đình của anh/ chị?

- Từ 60 đến 70 tuổi ☐

- Từ 70 đến 80 tuổi ☐

- Trên 80 tuổi ☐

2. Giới tính của người cao tuổi trong gia đình anh/ chị?

- Nam ☐

- Nữ ☐

3. Nguồn thu nhập của người cao tuổi trong gia đình anh/ chị đến từ:

- Không có thu nhập, sống nhờ vào trợ cấp của con cháu ☐
- Lương hưu ☐
- Công việc hiện tại ☐
- Trợ cấp xã hội ☐

4. Mức thu nhập của người cao tuổi trong gia đình anh/ chị?

- Dưới 5 triệu/ tháng ☐
- Từ 5 đến 10 triệu/ tháng ☐
- Từ 10 đến 15 triệu/ tháng ☐
- Trên 15 triệu/ tháng ☐

5. Tình trạng sức khỏe của người cao tuổi trong gia đình anh/ chị? (Theo đánh giá của anh/ chị)

- Tốt, có thể tự mình thực hiện các hoạt động trong cuộc sống, không cần đến sự hỗ trợ của người khác ☐
- Khá, có thể tự mình thực hiện phần lớn các hoạt động trong cuộc sống, đôi khi cần sự hỗ trợ từ người khác ☐
- Trung bình, có thể tự mình thực hiện một số hoạt động trong cuộc sống, cần nhiều sự hỗ trợ từ người khác ☐
- Yếu, không thể tự mình thực hiện các hoạt động trong cuộc sống, phụ thuộc vào sự hỗ trợ của người khác ☐

6. Trình độ học vấn của người cao tuổi trong gia đình anh/ chị?

- Trình độ phổ thông ☐
- Trình độ cao đẳng, đại học ☐
- Trình độ sau đại học ☐

7. Người cao tuổi trong gia đình anh/ chị có thực hiện các hoạt động giải trí hằng ngày không? (như tập thể dục, thể thao, xem ti vi, đọc sách, báo, nghe nhạc, đi tham quan, du lịch, thăm người thân, sinh hoạt câu lạc bộ...)

- Có ☐
- Không ☐

8. Mức độ thực hiện hoạt động giải trí của người cao tuổi trong gia đình anh/ chị như thế nào?

- Hằng ngày ☐
- Hằng tuần ☐
- Hằng tháng ☐

9. Người cao tuổi trong gia đình anh/ chị có những phương tiện hỗ trợ hoạt động giải trí nào sau đây? (Có thể chọn nhiều đáp án)

- Ti vi/ đài phát thanh thông thường (Không có kết nối Internet) ☐
- Ti vi, thiết bị điện tử có kết nối Internet ☐
- Sách, báo, tạp chí... ☐
- Điện thoại thông thường (Không có kết nối Internet) ☐
- Điện thoại có kết nối Internet ☐

10. Người cao tuổi trong gia đình anh/ chị thường tham gia vào loại hình giải trí nào sau đây? (Có thể chọn nhiều đáp án)

- Tập thể dục, thể thao ☐
- Xem ti vi, nghe nhạc ☐
- Đọc sách, báo, tạp chí... ☐
- Đi tham quan, du lịch ☐
- Học kỹ năng, môn học hoặc nghệ thuật mới (vẽ tranh, hát, khiêu vũ, sáng tác thơ văn...) ☐
- Gặp gỡ, giao lưu cùng bạn bè ☐
- Tham gia vào các hoạt động thiện nguyện, các hoạt động của cộng đồng địa phương (công tác của tổ dân phố, hội Phụ nữ, hội Cựu chiến binh, hội Cựu giáo chức...) ☐
- Sử dụng mạng xã hội (Facebook, TikTok, Zalo...) ☐

11. Mục đích của người cao tuổi trong gia đình/ chị khi thực hiện các hoạt động giải trí là gì?

- Giữ gìn, nâng cao sức khỏe ☐

- Được giao lưu, gặp gỡ, tiếp xúc với mọi người, giảm cô đơn, stress ☐
- Được tìm hiểu, học hỏi thêm các kiến thức, kỹ năng mới ☐
- Được trao truyền lại kiến thức, kinh nghiệm cho thế hệ sau, đóng góp cho xã hội ☐
- Được phát triển bản thân, nhận được sự tôn trọng của những người xung quanh ☐

12. Người cao tuổi trong gia đình anh/ chị lựa chọn các loại hình giải trí trên vì

- Phù hợp với điều kiện sức khỏe ☐
- Phù hợp với sở thích ☐
- Phù hợp với khả năng tài chính ☐
- Phù hợp với địa bàn sinh sống ☐
- Tham gia cùng bạn bè ☐
- Phù hợp với tôn giáo, tín ngưỡng ☐

13. Khoảng thời gian người cao tuổi trong gia đình anh/ chị thường thực hiện hoạt động giải trí?

- Buổi sáng ☐
- Buổi chiều ☐
- Buổi tối ☐
- Thời gian khác (Vui lòng ghi cụ thể) ☐

14. Người cao tuổi trong gia đình anh/ chị thường dành bao nhiêu thời gian trong ngày cho hoạt động giải trí?

- Dưới 1 giờ ☐
- Từ 1 đến 2 giờ ☐
- Từ 2 đến 3 giờ ☐
- Từ 3 đến 4 giờ ☐
- Trên 4 giờ ☐

15. Mức kinh phí mà người cao tuổi trong gia đình anh/ chị thường dành cho hoạt động giải trí hằng tháng?

- Dưới 1 triệu ☐
- Từ 1 đến 3 triệu ☐
- Từ 3 đến 5 triệu ☐
- Trên 5 triệu ☐

16. Người cao tuổi trong gia đình anh/ chị thường thực hiện hoạt động giải trí ở đâu?

- Tại nhà ☐
- Tại không gian công cộng nơi sinh sống (sân chơi, nhà văn hóa, công viên...) ☐
- Tại các địa điểm cung cấp dịch vụ giải trí (nhà hát, rạp chiếu phim, bảo tàng, câu lạc bộ...) ☐

17. Người cao tuổi trong gia đình anh/ chị thường thực hiện hoạt động giải trí cùng với ai?

- Vợ/ chồng ☐
- Con cháu ☐
- Bạn bè ☐
- Hàng xóm ☐
- Một mình ☐

18. Khu vực nơi người cao tuổi trong gia đình anh/ chị sinh sống có các thiết chế hoặc các trang, thiết bị phục vụ giải trí (máy tập hoặc phòng tập thể thao, nhà văn hóa, công viên, sân chơi, thư viện...) không?

- Có đầy đủ ☐
- Có một số thiết chế, trang, thiết bị ☐
- Không có ☐
- Không biết ☐

19. Theo anh/ chị, các các thiết chế hoặc các trang, thiết bị phục vụ giải trí tại khu vực nơi người cao tuổi trong gia đình anh/ chị sinh sống có đáp ứng được

nhu cầu giải trí của người cao tuổi không?

- Đáp ứng tốt

☐

- Đáp ứng được phần nào

☐

- Chưa đáp ứng

☐

20. Theo anh/ chị, yếu tố nào sau đây khiến người cao tuổi trong gia đình anh/ chị thấy hài lòng với hoạt động giải trí?

- Cơ sở vật chất, trang, thiết bị được trang bị tốt

☐

- Người cùng tham gia phối hợp tốt, tạo tâm lý thoải mái

☐

- Mức chi phí cho các hoạt động giải trí hợp lý

☐

- Bản thân người cao tuổi tự quản lý, tổ chức thực hiện tốt hoạt động giải trí của mình

☐

21. Người cao tuổi trong gia đình anh/ chị có sử dụng các thiết bị điện tử hiện đại (điện thoại thông minh, thiết bị kết nối Internet như máy tính bảng, máy tính xách tay...) để phục vụ hoạt động giải trí không?

- Có

☐

- Không

☐

22. Thời gian người cao tuổi trong gia đình anh/ chị thường sử dụng thiết bị điện tử để giải trí hàng ngày?

- Dưới 1 giờ

☐

- Từ 1 đến 2 giờ

☐

- Từ 2 đến 3 giờ

☐

- Trên 3 giờ

☐

23. Theo anh/ chị, các thiết bị điện tử có hữu ích với người cao tuổi trong việc thực hiện các hoạt động giải trí hay không?

- Rất hữu ích

☐

- Hữu ích

☐

- Giúp ích được phần nào

☐

- Không hữu ích

☐

24. Người cao tuổi trong gia đình anh/ chị có gặp khó khăn khi sử dụng thiết bị điện tử để giải trí không?

- Có

☐

- Không

☐

25. Khi gặp khó khăn trong hoạt động giải trí với các thiết bị điện tử, người cao tuổi trong gia đình anh/ chị thường nhờ tới sự giúp đỡ của ai?

- Vợ/ chồng

☐

- Con cháu

☐

- Bạn bè

☐

- Hàng xóm

☐

- Tự mình xử lý

☐

26. Người cao tuổi trong gia đình anh/ chị thường sử dụng thiết bị điện tử để thực hiện hoạt động giải trí nào sau đây? (Có thể chọn nhiều đáp án)

- Đọc sách, báo; nghe nhạc, xem phim...

☐

- Liên lạc, kết nối với người thân, bạn bè

☐

- Tìm kiếm các thông tin phục vụ hoạt động giải trí (giá cả, địa điểm, cách thức thực hiện...)

☐

- Thực hiện các cuộc livestream các hoạt động của bản thân (hát, đọc thơ, kể chuyện...)

☐

- Tham gia các lớp học, các chương trình giải trí, giao lưu trực tuyến

☐

27. Tại khu vực nơi người cao tuổi trong gia đình anh/ chị sinh sống có các nơi cung cấp dịch vụ giải trí cho người cao tuổi không? (Rạp chiếu phim, nhà hát, bảo tàng, nhà lưu niệm, thư viện...)

- Có

☐

- Không

☐

28. Anh/ chị có khuyến khích người cao tuổi trong gia đình mình thường xuyên tham gia các hoạt động giải trí không?

- Có

☐

- Không

☐

- Khác (vui lòng ghi rõ)

☐

29. Anh/ chị có sẵn lòng cung cấp hoặc hỗ trợ tài chính cho người cao tuổi

trong gia đình anh chị để họ thực hiện các hoạt động giải trí không?

- Có

☐

- Không

☐

30. Theo anh/ chị, cần làm gì để nâng cao chất lượng hoạt động giải trí của người cao tuổi hiện nay?

- Xây dựng thêm các cơ sở vật chất phục vụ giải trí dành riêng cho người cao tuổi ☐

- Giảm giá hoặc miễn vé cho người cao tuổi tại các dịch vụ giải trí, văn hóa ☐

- Gia đình, người thân, xã hội nên ủng hộ, khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động giải trí ☐

- Chính quyền nên có các chương trình, hoạt động giải trí dành riêng cho người cao tuổi ☐

- Người cao tuổi cần chủ động, lựa chọn các hình thức giải trí phù hợp ☐

- Ý kiến khác (vui lòng ghi rõ) ☐

Xin cảm ơn anh/ chị đã dành thời gian thực hiện khảo sát này!

Phụ lục 3: Một số hình ảnh về người cao tuổi thành phố Hà Nội

Ảnh 1: Người cao tuổi thành phố Hà Nội tham gia Chung kết Liên hoan Tiếng hát người cao tuổi toàn quốc, tháng 10/2023, Nhà hát Âu Cơ, Hà Nội, nghiên cứu sinh chụp



Ảnh 2: Người cao tuổi thành phố Hà Nội tham gia Chung kết Liên hoan Tiếng hát người cao tuổi toàn quốc, tháng 10/2023, Nhà hát Âu Cơ, Hà Nội, nghiên cứu sinh chụp



Ảnh 3: Hai cụ bà gặp gỡ, trò chuyện, tháng 10/2022, chụp tại thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, nghiên cứu sinh chụp



Ảnh 4: Các cụ bà đan mây, tre, tháng 1/2024, chụp tại làng Phú Vinh, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, nghiên cứu sinh chụp



Ảnh 5, 6: Người cao tuổi đan mây, tre, tháng 1/2024, chụp tại làng Phú Vinh, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, nghiên cứu sinh chụp



Ảnh 7: Người cao tuổi biểu diễn văn nghệ nhân kỷ niệm ngày Thế giới Người cao tuổi, tháng 10/2024, chụp tại trị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, nghiên cứu sinh chụp



Ảnh 8: Người cao tuổi chơi cầu lông, tháng 5/2023, chụp tại phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, nghiên cứu sinh chụp



Ảnh 9: Người cao tuổi tham gia thi đấu bóng chuyền hơn chào mừng kỷ niệm ngày quốc tế Người cao tuổi, tháng 10/2024, chụp tại phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, nghiên cứu sinh chụp



Ảnh 10: Người cao tuổi biểu diễn guitar Hawaii trong một đêm nhạc, tháng 9/2024, chụp tại phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, nghiên cứu sinh chụp



Ảnh 11: Người cao tuổi chơi thể thao tại sân chơi khu tập thể, tháng 9/2023, chụp tại phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, nghiên cứu sinh chụp



Ảnh 12: Người cao tuổi chơi trò chơi điện tử, tháng 4/2024, chụp tại phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, nghiên cứu sinh chụp



Ảnh 13: Người cao tuổi quận Cầu Giấy tham quan, lễ chùa Đồng, Yên Tử, tháng 3/2024, chụp tại Quảng Ninh, nghiên cứu sinh chụp



Ảnh 14: Người cao tuổi quận Cầu Giấy biểu diễn văn nghệ, tháng 10/2024, chụp tại quận Cầu Giấy, nghiên cứu sinh chụp



Ảnh 15: Người cao tuổi chơi trò cá ngựa, tháng 11/2023, chụp tại quận Hoàn Kiếm, nghiên cứu sinh chụp



Ảnh 16: Người cao tuổi bơi lội, tháng 6/2024, chụp tại phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, nghiên cứu sinh chụp



Ảnh 17: Người cao tuổi biểu diễn văn nghệ tại Hội nghị Ban công tác Mặt trận tổ dân phố, tháng 2/2023, chụp tại quận Hoàn Kiếm, nghiên cứu sinh chụp



Ảnh 17: Người cao tuổi nữ gặp mặt, giao lưu, tháng 10/2022, chụp tại quận Hoàn Kiếm, nghiên cứu sinh chụp



Ảnh 18: Người cao tuổi tham gia câu lạc bộ khiêu vũ, tháng 10/2020, chụp tại phường Hàng Bạc, quận Hoàn Kiếm, nghiên cứu sinh chụp



Ảnh 19: Người cao tuổi quận Hoàn Kiếm tham gia cuộc thi Tiếng hát Người cao tuổi, tháng 6/2023, nghiên cứu sinh chụp

Phụ lục 4**Danh sách người tham gia phỏng vấn sâu**

TT	Mã phỏng vấn sâu	Tên	Giới tính	Thông tin
1	A1	P.T.B.N	Nữ	66 tuổi, nghỉ hưu, trú tại phường Hàng Bạc, quận Hoàn Kiếm
2	A2	Đ.T.T.M	Nữ	84 tuổi, nghỉ hưu, trú tại phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm)
3	A3	N.B.H	Nam	67 tuổi, nghỉ hưu, trú tại phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
4	A4	N.T.B.T	Nữ	67 tuổi, cán bộ nhà nước nghỉ hưu, trú tại phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
5	A5	N.B.T	Nam	65 tuổi, nghỉ hưu, trú tại phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)
6	A5			
7	A6	N.V.T	Nam	80 tuổi, trú tại phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm
8	A7	P.L.H	Nữ	67 tuổi, nghỉ hưu, trú tại phường Phúc Tân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
9	A8	N.T.C	Nam	70 tuổi, trú tại quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
10	B1	T.Q.C	Nam	75 tuổi, trú tại phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội
11	B2	N.T.B.T	Nữ	65 tuổi, nghỉ hưu, trú tại phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội)
12	B3	P.T.T	Nữ	60 tuổi, bán cà phê, trú tại phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội
13	B4	V.T.C	Nam	70 tuổi, bộ đội nghỉ hưu, trú tại phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội
14	B5	Đ.T.T	Nữ	65 tuổi, cán bộ nghỉ hưu, trú tại phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội
15	B6	T.T.P.T	Nữ	66 tuổi, trú tại phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội
16	B7	H.H.L	Nam	67 tuổi, bộ đội nghỉ hưu, trú tại phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội
17	B8	P.T.L	Nữ	64 tuổi, cán bộ nghỉ hưu, trú tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy
18	B9	N.MB	Nam	81 tuổi, cán bộ nghỉ hưu, trú tại phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy
19	B10	N.T.P	Nữ	70 tuổi, giáo viên tiểu học nghỉ hưu, trú tại phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà

				Nội
20	B11	L.T.N	Nữ	74 tuổi, trú tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
21	B12	Đ.T.T	Nữ	67 tuổi, nghỉ hưu, trú tại phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội
22	B13	N.T.N	Nữ	68 tuổi, trú tại quận Cầu Giấy, Hà Nội
23	B14	N.C.T	Nam	81 tuổi, trú tại phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội
24	C1	N.T.H.S	Nữ	72 tuổi, trú tại xã Tốt Động, huyện Chương Mỹ, Hà Nội
25	C2	T.T.T	Nữ	68 tuổi, nông dân, trú tại thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Hà Nội
26	C3	L.T.T	Nữ	70 tuổi, trú tại thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, Hà Nội)
27	D1	N.Đ.T	Nam	44 tuổi, trú tại phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội)